

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)**

Địa điểm: Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I,
xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hà Nội, năm 2025

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)**

Địa điểm: Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại
Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
MITAC (VIỆT NAM)**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHEN, CHANHON**

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	v
CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1.1 Tên chủ Dự án đầu tư	1
1.2. Tên Dự án đầu tư	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án	5
1.3.1. Công suất hoạt động của Dự án đầu tư.....	5
1.3.2. Công nghệ sản xuất các sản phẩm của dự án	6
1.3.3. Sản phẩm của dự án.....	11
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Dự án	12
1.4.1. Nguyên liệu, vật liệu sử dụng phục vụ sản xuất các sản phẩm của Dự án.....	12
1.4.2. Hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất các sản phẩm của Dự án	13
1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện nước của Dự án.....	14
1.4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện	14
1.4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước	15
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	15
1.5.1 Quy mô các hạng mục công trình của dự án	15
1.5.2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất	18
1.5.3. Tình hình thực hiện Dự án.....	19
1.5.3.1. Các hạng mục đã thực hiện.	19
1.5.3.2. Các hạng mục tiếp tục thực hiện theo nội dung ĐMT đã được duyệt.....	20
1.5.4 Tổ chức quản lý thực hiện dự án	20
CHƯƠNG II	22
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,.....	22
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	22
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	22
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường	24
CHƯƠNG III.....	26
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,	26
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	26
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	26
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	26
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	28
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	44
3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất	44

3.2.2. Công trình giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải	50
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	51
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt	51
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	52
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại	53
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	54
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	55
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	60
3.8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có)	60
3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)	60
3.10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	60
CHƯƠNG IV	62
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG	62
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	62
4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	62
4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải	62
4.1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải	62
4.1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải	62
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	63
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải	63
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải	63
4.2.2.1. Vị trí xả thải	63
4.2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất	63
4.3 Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung	64
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	64
4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	64
4.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung	64
CHƯƠNG V	66
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	66
5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	66
5.1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm	66
5.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	66
5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	67
5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	67

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	67
5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	67
CHƯƠNG VI.....	68
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	68

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí dự án.....	1
Bảng 1. 2. Phạm vi đề nghị cấp phép	4
Bảng 1. 3. Quy mô công suất	6
Bảng 1. 4. Các sản phẩm của dự án.....	12
Bảng 1. 5. Danh mục nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm bo mạch PCBA.....	12
Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng hóa chất phục vụ sản xuất.....	13
Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải.....	14
Bảng 1. 8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án giai đoạn đề nghị cấp phép	15
Bảng 1. 9. Tổng hợp các hạng mục công trình của Dự án	16
Bảng 1. 10. Danh mục máy móc dự kiến phục vụ sản xuất đề nghị cấp phép.....	18
Bảng 2. 1. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội.....	24
Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng thoát nước mưa	26
Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT.....	33
Bảng 3. 3. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống XLNT.....	34
Bảng 3. 4. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống XLNT.....	39
Bảng 3. 5. Hướng dẫn vận hành chi tiết hệ thống XLNT	40
Bảng 3. 6. Quy trình cấp hóa chất	42
Bảng 3. 7. Danh mục máy móc thiết bị, khu vực phát sinh khí thải	45
Bảng 3. 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải.....	46
Bảng 3. 10. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi.....	51
Bảng 3. 11. Tổng hợp khối lượng CTR phát sinh	52
Bảng 3. 12. Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	53
Bảng 3. 13. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	54
Bảng 3. 14. Các sự cố thường gặp và biện pháp ứng phó	55
Bảng 3. 15. Các sự cố thường gặp của hệ thống XLKT và cách khắc phục	58
Bảng 3. 16. Các nội dung thay đổi của dự án so với ĐTM	60
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong khí thải.....	64
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	65
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với độ rung	65
Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNNMT	65
Bảng 4. 5. Giá trị giới hạn đối với độ rung theo QCVN 27:2025/BNNMT	65
Bảng 5. 1. Bảng kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý.....	66
Bảng 5. 2. Kế hoạch lấy mẫu, giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.....	66

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Vị trí dự án.....	3
Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình hàn, dán linh kiện tự động (SMT)	7
Hình 1. 3. Lò hàn hồi lưu (SMT).....	8
Hình 1. 4. Sơ đồ quy trình cắm linh kiện thủ công (PTH)	9
Hình 1. 5. Lò hàn sóng (PTH)	10
Hình 1. 6. Sơ đồ quy trình sửa chữa sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất.....	11
Hình 1. 7. Bo mạch chủ PCBA.....	12
Hình 1. 8. Sơ đồ cân bằng nước của dự án.....	15
Hình 1. 9. Mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của Dự án	17
Hình 1. 10. Sơ đồ tổ chức quản lý vận hành của dự án.....	20
Hình 1. 11. Sơ đồ thu gom, đấu nối thoát nước mưa.....	27
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước thải của dự án.....	28
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải	29
Hình 3. 3. Mặt cắt bề tự hoại 3 ngăn	30
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án	31
Hình 3. 5. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của dự án	44
Hình 3. 6. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý khí thải.....	44
Hình 3. 7. Cấu tạo buồng than và hướng dòng khí thải khi qua buồng than.....	45
Hình 3. 8. Hệ thống XLKT đã lắp đặt tại dự án	46
Hình 3. 9. Mặt bằng thu gom khí thải giai đoạn đề nghị cấp phép tại tầng 03 nhà xưởng F01	47
Hình 3. 10. Mặt bằng bố trí hệ thống XLKT tại tầng mái.....	48
Hình 3. 11. Sơ đồ thu gom, xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.....	51
Hình 3. 12. Kho chứa CTR sinh hoạt	52
Hình 3. 13. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường	53
Hình 3. 14. Kho chứa chất thải nguy hại (U2B).....	54

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1 Tên chủ Dự án đầu tư

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH công nghệ Mitac (Việt Nam)
- Địa chỉ trụ sở chính: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:
 - + Ông: CHEN, CHANHON Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.
- Điện thoại: 024.378.66777
- Mã số thuế: 0110588761
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0110588761 do Phòng đăng ký kinh doanh và tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/01/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11/8/2025.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 5468764105 do Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/12/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 07/7/2025.

1.2. Tên Dự án đầu tư

- Tên Dự án: Máy tính Mitac (Việt Nam)
- Địa điểm Dự án: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Dự án có các vị trí tiếp giáp các bên như sau:
 - Phía Bắc giáp phần còn lại của lô đất CN-02
 - Phía Đông, Đông Nam giáp đường nội khu của KCN và lô đất CN-03
 - Phía Nam, Tây Nam giáp đường nội khu của khu công nghiệp và khu B (khu đô thị, dịch vụ, nhà ở công nhân) của Khu công nghiệp
 - Phía Tây, Tây Bắc giáp đường giao thông và lô đất CN-04 của KCN

Bảng 1. 1. Tọa độ vị trí dự án

STT	Tên mốc	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	M1	2291315,44	594922,49
2	M2	2291315,44	595164,87
3	M2	2291256,79	595164,87
4	M4	2291224,79	595164,87
5	M5	2291204,49	595164,87
6	M6	2291183,88	595163,39
7	M7	2291163,69	595158,97

STT	Tên mốc	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
8	M8	2291144,34	595151,71
9	M9	2290996,68	595083,83
10	M10	2290989,36	595063,96
11	M11	2291094,40	594837,36
12	M12	2291114,34	594830,02
13	M13	2291284,19	594908,12
14	M14	2291313,26	594921,49



Hình 1. 1. Vị trí dự án

❖ **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần**

- Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Máy tính Mitac (Việt Nam)”.

❖ **Quy mô của Dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)**

- Tổng vốn đầu tư của Dự án là 1.599.844.000.000 VNĐ. Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Luật đầu tư công số 58/2024/QH1 ngày 29 tháng 11 năm 2024, Dự án thuộc dự án nhóm B.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Sản xuất linh kiện điện tử (chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công bo mạch chủ camera hành trình, bo mạch chủ camera hành trình wifi, bo mạch chủ máy tính bảng, bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, bo mạch PCBA); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại của máy vi tính (chi tiết: sản xuất, lắp ráp, gia công máy chủ, máy tính, máy tính công nghiệp); Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học (chi tiết: sản xuất, lắp ráp, gia công camera hành trình các loại); Sản xuất thiết bị truyền thông (chi tiết: sản xuất, lắp ráp, gia công máy tính bảng, thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, tủ máy chủ). Căn cứ phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, dự án ***không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường***.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có địa chỉ tại Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội ***không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường*** quy định tại khoản 6, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Căn cứ điểm b, khoản 5, Điều 28 Luật bảo vệ môi trường dự án thuộc nhóm III.

- Căn cứ điều 38, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Căn cứ theo Điều 26, Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định phân quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, dự án “Máy tính Mitac (Việt Nam)” thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTPVHCC ngày 16/4/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội, dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội

❖ **Phạm vi đề nghị cấp phép**

Chủ Dự án đề nghị cấp phép toàn bộ quy mô, công suất

Bảng 1. 2. Phạm vi đề nghị cấp phép

TT	Quyết định số 3781/QĐ-BTNMT ngày 07/12/2023	Quy mô/Phạm vi hạng mục công trình đề nghị cấp phép	Quy mô/Phạm vi hạng mục công trình tiếp tục thực hiện
I	Quy mô công suất		
1	Tổng công suất sản xuất	Công suất sản xuất giai	Công suất sản xuất

TT	Quyết định số 3781/QĐ-BTNMT ngày 07/12/2023	Quy mô/Phạm vi hạng mục công trình đề nghị cấp phép	Quy mô/Phạm vi hạng mục công trình tiếp tục thực hiện
	các sản phẩm của Dự án: 4.932.240 sản phẩm/năm	đoạn đề nghị cấp phép của dự án: 1.453.600 sản phẩm/năm	tiếp tục thực hiện của Dự án: 3.478.640 sản phẩm/năm
II	Dây chuyền sản xuất		
1	Quy trình hàn, dán linh kiện tự động (SMT)	02 dây chuyền hàn dán linh kiện (SMT)	06 dây chuyền hàn dán linh kiện (SMT)
2	Quy trình cắm linh kiện thủ công (PTH)	02 dây chuyền cắm kiện thủ công PTH	-
3	Quy trình lắp ráp (SI)	-	Máy móc, thiết bị phục vụ quy trình lắp ráp hoàn thiện sản phẩm (SI)
4	Quy trình sửa chữa sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất	Khu vực sửa chữa sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất	-
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường		
1	Kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 108,45 m ²	01 kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 108,45 m ²	-
2	Kho chứa chất thải nguy hại diện tích 52,74m ²	01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 52,74 m ²	-
3	01 Kho chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 313,44m ²	02 kho chứa CTR công nghiệp thông thường diện tích 313,44 m ²	-
4	02 Hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000 m ³ /giờ/hệ thống	01 Hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000 m ³ /giờ	-
5	Hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m ³ /ngày đêm (02 mô đun, mỗi mô đun công suất 250 m ³ /ngày đêm)	Mô đun số 01 công suất 250 m ³ /ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500 m ³ /ngày đêm	Mô đun số 02 công suất 250 m ³ /ngày đêm

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án

1.3.1. Công suất hoạt động của Dự án đầu tư

Dự án “Máy tính Mitac (Việt Nam)” đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024, theo đó Dự án

đã hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 và lắp đặt một phần máy móc thiết bị đảm bảo đi vào hoạt động. Công suất của Dự án tương ứng với quy mô thực hiện xin cấp phép cụ thể như sau:

Bảng 1. 3. Quy mô công suất

TT	Tên sản phẩm	Công suất tại QĐ ĐTM số 3293/QĐ- BTNMT (Sp/năm)	Công suất đề xuất cấp phép (Sp/năm)	Công suất tiếp tục thực hiện (Sp/năm)
I	Sản xuất linh kiện điện tử, chi tiết:	3.076.980	1.453.600	1.623.380
1	Bo mạch chủ camera hành trình	284.620	0	284.620
2	Bo mạch chủ camera hành trình wifi	527.070	0	527.070
3	Bo mạch chủ máy tính bảng	284.620	0	284.620
4	Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo	527.070	0	527.070
5	Bo mạch PCBA	1.453.600	1.453.600	0
II	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính, chi tiết	231.510	0	231.510
1	Máy chủ	110.400	0	110.400
2	Máy tính	21.900	0	21.900
3	Máy tính công nghiệp	99.210	0	99.210
III	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học, chi tiết	811.690	0	811.690
1	Camera hành trình	284.620	0	284.620
2	Camera hành trình wifi	527.070	0	527.070
IV	Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết	812.060	0	812.060
1	Máy tính bảng	284.620	0	284.620
2	Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo	527.070	0	527.070
3	Tủ máy chủ	370	0	370
	Tổng	4.932.240	1.453.600	3.478.640

1.3.2. Công nghệ sản xuất các sản phẩm của dự án

Theo nội dung được phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024. Toàn bộ sản phẩm của dự án đều sử dụng chung một quy trình sản xuất, cụ thể:

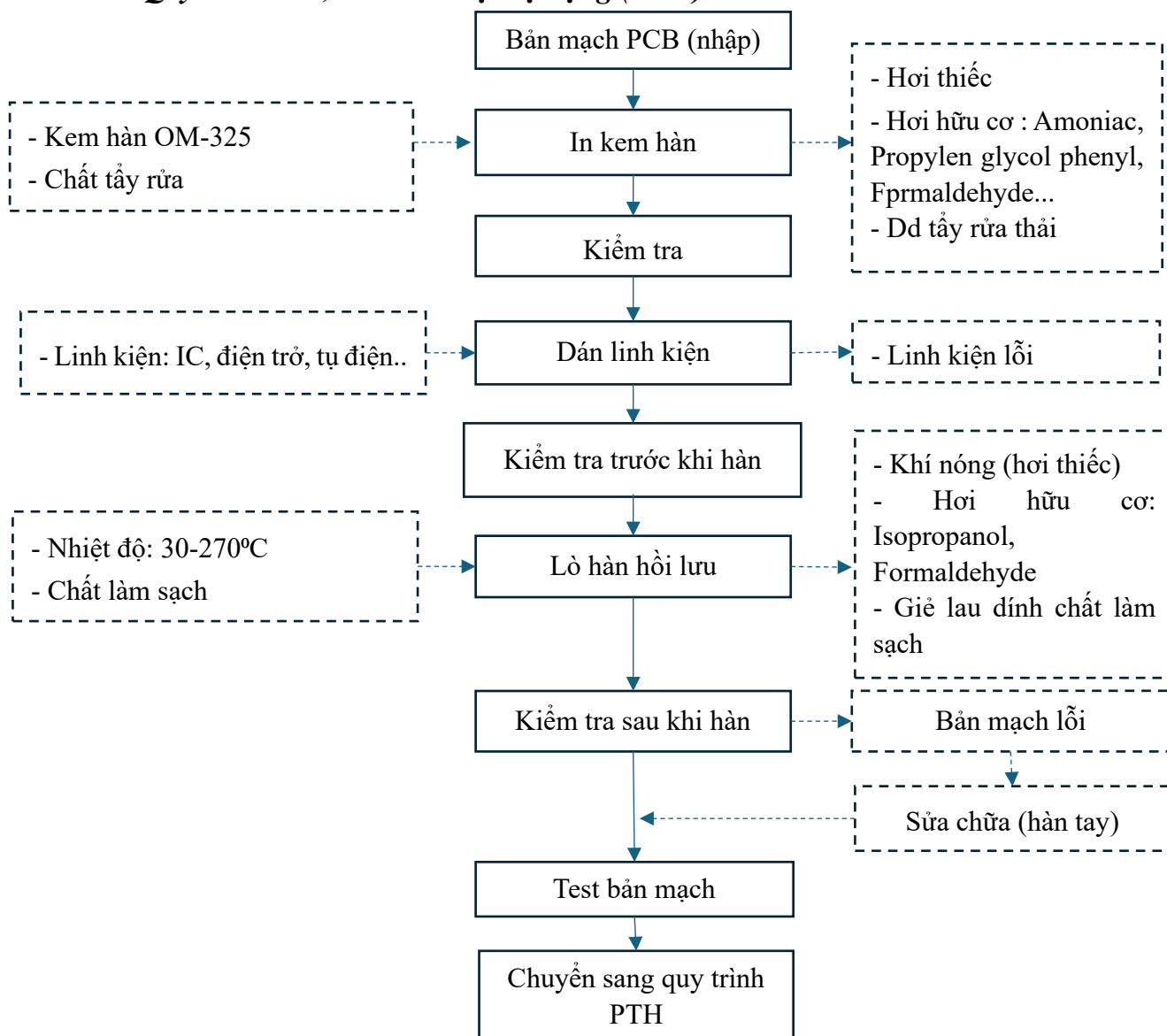
Linh kiện, bản mạch PCB (nhập) → Quy trình hàn dán linh kiện tự động (SMT) → Cắm linh kiện thủ công (PTH) → Tập hợp bản mạch hoàn thiện và các linh kiện

(nhập) và chuyển sang công đoạn lắp ráp hoàn thiện sản phẩm (SI) → Sản phẩm hoàn chỉnh. Đối với các sản phẩm lỗi sẽ được đưa qua khu vực sửa chữa để sửa lỗi

Trong giai đoạn đề xuất cấp phép lần này, dự án chỉ sản xuất sản phẩm bo mạch PCBA, quá trình sản xuất chỉ thực hiện các quy trình gồm: Quy trình hàn dán linh kiện tự động (SMT) → Cắm linh kiện thủ công (PTH) → Đóng gói/xuất hàng. Đối với các sản phẩm lỗi sẽ được đưa qua khu vực sửa chữa để sửa lỗi. Quy trình lắp ráp chỉ thực hiện đối với các sản phẩm, thiết bị điện tử hoàn chỉnh như máy chủ, tủ máy chủ, máy tính và camera.

Chi tiết các quy trình công nghệ sản xuất, gia công các sản phẩm của dự án trong giai đoạn đề nghị cấp phép như sau:

a. Quy trình hàn, dán linh kiện tự động (SMT)



Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình hàn, dán linh kiện tự động (SMT)

*** Thuyết minh quy trình**

(1) Chuẩn bị nguyên vật liệu

Các bản mạch sau khi nhập về được đưa vào máy đẩy bản để chuẩn bị cho quy trình SMT.

(2) In kem hàn

Thông qua máy đẩy bản, bản mạch được đưa vào máy in kem hàn để xác định các vị trí dán linh kiện bằng việc quét kem hàn lên bề mặt của mạch in. Trong giai đoạn đề nghị cấp phép, dự án sử dụng kem hàn là Alpha OM-325 thành phần của kem hàn chủ yếu là Sn 80-100%.

(3) Kiểm tra

Bản mạch sau khi được in kem hàn sẽ được kiểm tra quang học tự động trước khi gắn linh kiện. Các bản mạch chưa đủ lượng kem hàn sẽ được loại ra và in lại từ đầu.

(4) Dán linh kiện

Tại công đoạn này, các linh kiện điện tử như điện trở, điện dung, tụ điện...sẽ được dán trên bề mặt bản mạch. Sử dụng máy dán cao tốc và máy dán trung tốc (máy đa năng) để dán chính xác linh kiện lên bề mặt bảng mạch PCB.

(5) Kiểm tra trước khi hàn

Sau khi gắn xong sẽ tiến hành kiểm tra quang học trước khi hàn nhằm kiểm tra tình trạng gắn của linh kiện đã dán đúng và đủ linh kiện hay chưa. Tỷ lệ các linh kiện lỗi hỏng chiếm khoảng 0,01%

(6) Hàn hồi lưu

Bản mạch gắn linh kiện sau đó được đưa qua lò hàn hồi lưu. Dưới tác dụng của nhiệt, kem thiếc nóng chảy sẽ hàn gắn các linh kiện điện tử vào bản mạch. Trong lò hàn hồi lưu bản mạch sẽ có khoảng 12 dải nhiệt nóng (180-270 độ C) và chuyển sang 3-4 dải nhiệt lạnh (30-90 độ C). Quá trình này phát sinh chủ yếu là khí nóng (hơi thiếc) và hơi VOC, mỗi lò hàn bố trí 02 chụp hút thu gom khí thải về hệ thống XLKT để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường. Máy in kem hàn và khuôn in được vệ sinh định kỳ bằng chất tẩy rửa. Quá trình này phát sinh khí thải hữu cơ sẽ được thu gom về hệ thống XLKT để xử lý.



Hình 1. 3. Lò hàn hồi lưu (SMT)

(7) Kiểm tra sau khi hàn

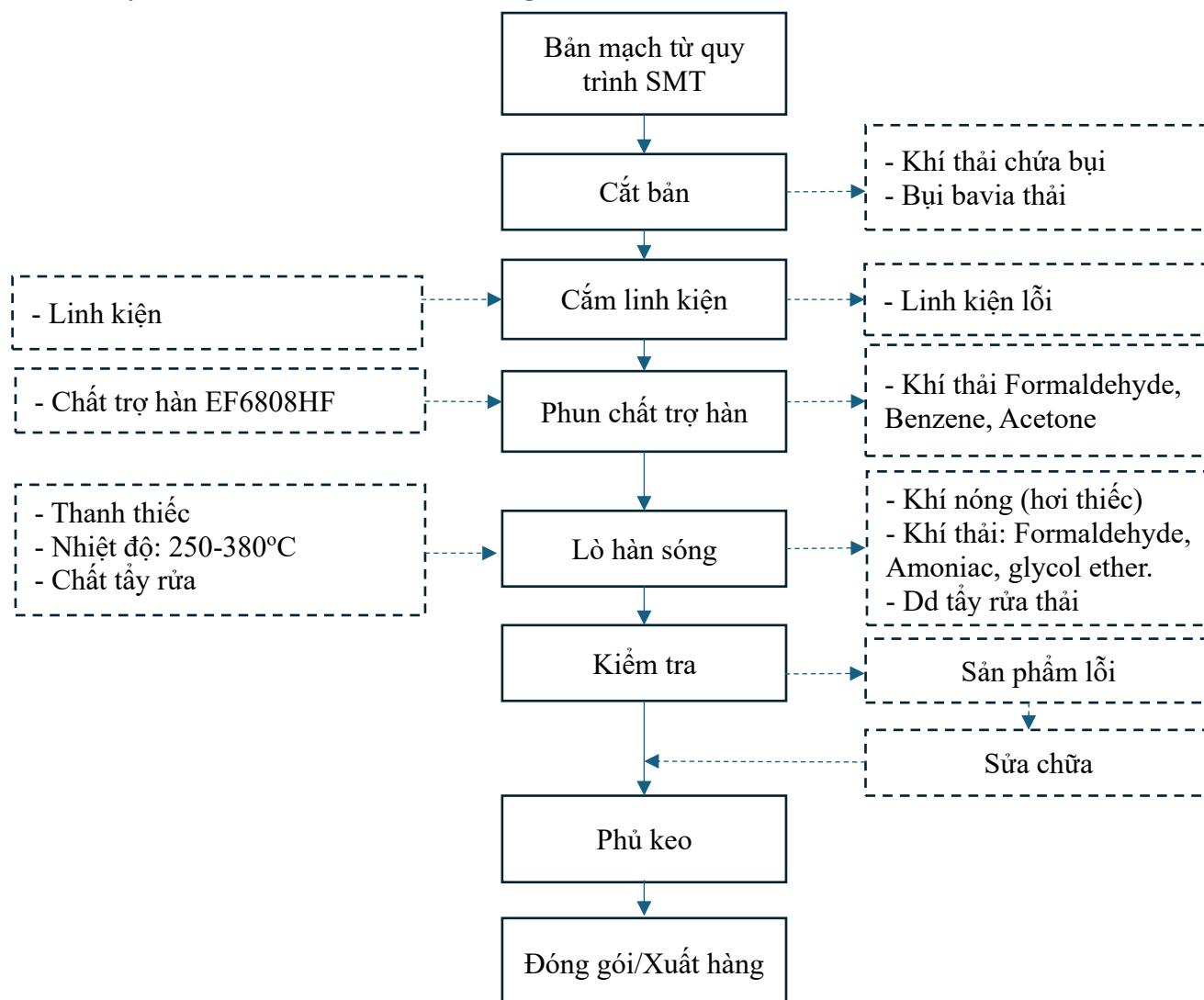
Sau khi hàn bản mạch tiếp tục được kiểm tra quang học sau khi hàn thông qua máy kiểm tra quang học tự động, kiểm tra chất lượng các mối hàn. Công đoạn kiểm tra sau khi hàn sẽ phát sinh khoảng 1% sản phẩm lỗi. Những sản phẩm lỗi sẽ cho qua bộ

phận sửa chữa, quá trình sửa lỗi được thực hiện hàn thủ công bằng tay hàn lại mỗi hàn chưa đạt yêu cầu

(8) Chuyển sang quy trình PTH

Các bản mạch đạt yêu cầu được chuyển sang quy trình PTH.

b. Quy trình cấm linh kiện thủ công PTH



Hình 1. 4. Sơ đồ quy trình cấm linh kiện thủ công (PTH)

* Thuyết minh quy trình sản xuất:

(1) Cắt bản

Bản mạch hoàn thiện từ quy trình SMT sẽ được cắt bản thành các bản mạch nhỏ, cắt phần thừa theo thiết kế sẵn. Đối với các bản mạch khổ lớn sẽ được cắt thủ công bằng tay, đối với các bản mạch khổ nhỏ sẽ được đưa vào máy cắt bản tự động. Tại máy cắt bản tự động phát sinh bụi sẽ được thu gom vào thiết bị lọc bụi bằng túi lọc được thiết kế đồng bộ với máy cắt bản và sẽ được thu gom và cuối ngày làm việc. Khối lượng bụi, bavaria bản mạch phát sinh khoảng 3kg/ngày sẽ được thu gom về kho chứa chất thải rắn công nghiệp. Khí thải sau khi được lọc bụi sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải tại nhà máy.

(2) Cấm linh kiện

Sau khi tách bản, các bản mạch nhỏ được chuyển qua công đoạn gắn các linh kiện thủ công bằng tay

(3) Phun chất trợ hàn

Bản mạch được kiểm tra ngoại quan, các bản mạch đủ điều kiện sẽ được đưa qua máy phun chất trợ hàn trước khi được đưa vào lò hàn sóng. Chất trợ hàn được sử dụng là EF-6808HF thành phần chủ yếu là Isopropyl alcohol 80-100%. Khi thải phát sinh được thu gom về hệ thống hấp phụ than hoạt tính để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường.

(4) Lò hàn sóng

Tại đây các bản mạch được cố định trên các khuôn, bản mạch được đưa vào lò hàn sóng sử dụng thiếc nóng chảy (thanh thiếc Solder alloy SAC305) trong bể chứa bên dưới và đợi bản mạch PCB đi qua nhằm mục đích gắn cố định các linh kiện được gắn lên bản mạch. Nhiệt độ trong lò hàn sóng giao động từ 250- 380 độ C. Sau đó bản mạch sẽ được đưa ra vị trí có quạt tản nhiệt để làm giảm nhiệt độ. Trong quá trình bảo trì lò hàn hồi lưu có sử dụng chất tẩy rửa để làm sạch lò và thiết bị của lò hàn. Sử dụng vải không dệt nhúng vào chất tẩy rửa để loại bỏ chất bẩn bám tại lò và các thiết bị của lò hàn, quá trình này phát sinh giẻ lau dính chất tẩy rửa là chất thải nguy hại. Khí thải phát sinh chủ yếu là hơi thiếc, hơi hữu cơ được thu gom xử lý bằng hệ thống hấp phụ than hoạt tính trước khi thoát ra ngoài môi trường.



Hình 1. 5. Lò hàn sóng (PTH)

(5) Kiểm tra

Bản mạch sau khi qua lò hàn sóng sẽ được kiểm tra chất lượng mối hàn, tình trạng linh kiện bằng mắt, kiểm tra chức năng thông qua máy test. Tỷ lệ phát sinh các sản phẩm lỗi khoảng 1%. Các bản mạch lỗi, chưa đạt sẽ được mang qua bộ phận sửa chữa, quá trình sửa lỗi được thực hiện hàn thủ công bằng tay hàn lại mối hàn chưa đạt yêu cầu

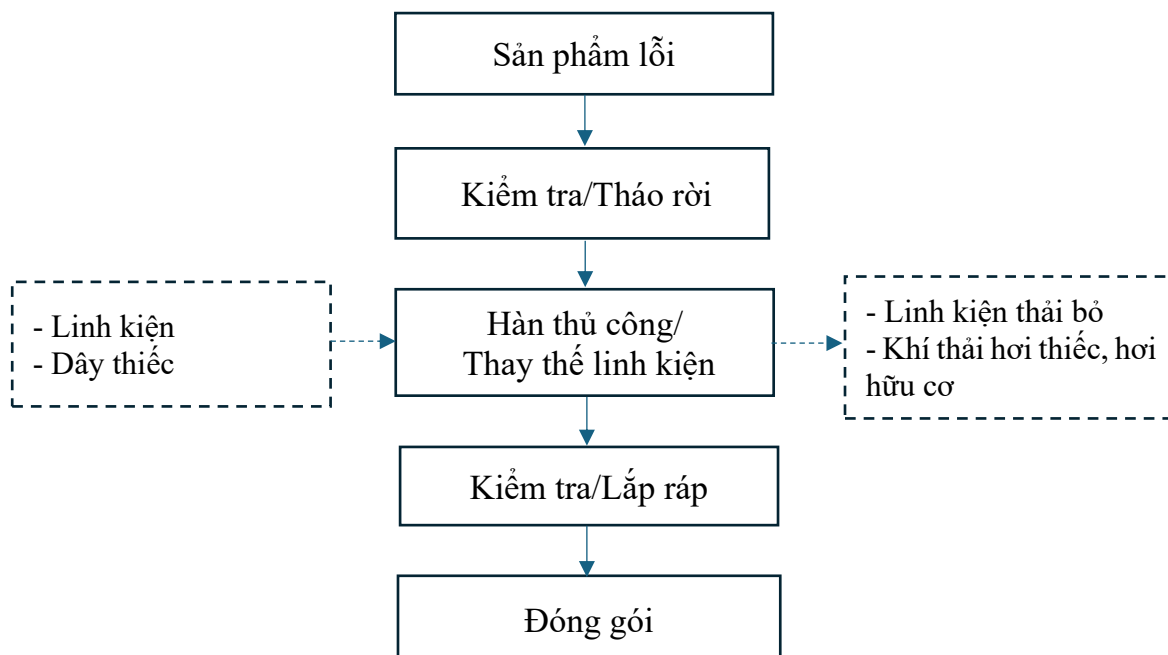
(6) Phủ keo

Công đoạn này chỉ sử dụng cho một số loại sản phẩm bản mạch nhất định tùy theo yêu cầu của khách hàng. Keo UV1799 được phủ trên bề mặt bản mạch để bảo vệ bo mạch điện tránh các hiện tượng như bám bẩn do độ ẩm, nấm mốc hoặc bụi, ăn mòn do điều kiện môi trường khắc nghiệt. Quá trình này sẽ phát sinh khí thải chủ yếu là hơi hữu cơ được thu gom về hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính để xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường

(7) Đóng gói

Bản mạch sau khi hoàn thiện được chuyển sang khu vực đóng gói, nhập kho và chờ xuất hàng

d. Quy trình sửa chữa sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất.



Hình 1. 6. Sơ đồ quy trình sửa chữa sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất

*** Thuyết minh quy trình**

(1) Kiểm tra/tháo rời

Sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất tại nhà máy được đưa về khu vực sửa chữa riêng của nhà máy. Các sản phẩm sẽ được kiểm tra lỗi và tháo rời trước khi sửa chữa.

(2) Hàn thủ công/thay thế linh kiện

Tùy thuộc vào lỗi của sản phẩm mà công nhân sẽ tiến hành hàn thủ công để sửa chữa hoặc thay thế linh kiện hỏng bằng các linh kiện mới. Quá trình này sẽ phát sinh khói hàn từ quá trình hàn tay.

(3) Kiểm tra lắp ráp

Sau khi sửa chữa, sản phẩm được kiểm tra lại chức năng trước khi lắp ráp.

(4) Đóng gói

Sản phẩm được đóng gói và hoàn trả lại các khu vực sản xuất tương ứng. Các sản phẩm lỗi, thải bỏ (không sửa chữa được) phát sinh khoảng 2% trên tổng số lượng sản phẩm lỗi của dự án.

1.3.3. Sản phẩm của dự án

Theo nội dung được phê duyệt tại báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024, dự án sản xuất 13 sản phẩm khác nhau với tổng công suất là 4.932.240 sản phẩm/năm. Tuy nhiên trong giai đoạn này, dự án mới chỉ đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và đề nghị cấp phép đối với **sản phẩm Bo mạch PCBA** với công suất 1.453.600 sản phẩm/năm. Cụ thể các sản phẩm của dự án như sau:

Bảng 1. 4. Các sản phẩm của dự án

TT	Các sản phẩm đã được phê duyệt tại ĐTM	Sản phẩm đề xuất cấp phép	Các sản phẩm tiếp tục thực hiện
1	Bo mạch chủ camera hành trình	Chưa thực hiện	Bo mạch chủ camera hành trình
2	Bo mạch chủ camera hành trình wifi	Chưa thực hiện	Bo mạch chủ camera hành trình wifi
3	Bo mạch chủ máy tính bảng	Chưa thực hiện	Bo mạch chủ máy tính bảng
4	Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo	Chưa thực hiện	Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo
5	Bo mạch PCBA	Bo mạch PCBA	-
6	Máy chủ	Chưa thực hiện	Máy chủ
7	Máy tính	Chưa thực hiện	Máy tính
8	Máy tính công nghiệp	Chưa thực hiện	Máy tính công nghiệp
9	Camera hành trình	Chưa thực hiện	Camera hành trình
10	Camera hành trình wifi	Chưa thực hiện	Camera hành trình wifi
11	Máy tính bảng	Chưa thực hiện	Máy tính bảng
12	Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo	Chưa thực hiện	Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo
13	Tủ máy chủ	Chưa thực hiện	Tủ máy chủ



Hình 1. 7. Bo mạch chủ PCBA

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Dự án

1.4.1. Nguyên liệu, vật liệu sử dụng phục vụ sản xuất các sản phẩm của Dự án

Bảng 1. 5. Danh mục nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm bo mạch PCBA

TT	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng giai đoạn xin cấp phép (Chiếc/năm)	Xuất Xứ
1	Điốt phát quang	2.907.200	Trung Quốc

TT	Tên nguyên vật liệu	Khối lượng giai đoạn xin cấp phép (Chiếc/năm)	Xuất Xứ
2	Mạch tích hợp (Led driver IC)	1.453.600	Thái Lan
3	Mạch tích hợp (Power switching IC)	1.453.600	Thái Lan -Philippin
4	Mạch tích hợp (Alogic buss switch IC)	1.453.600	Trung Quốc
5	Mạch tích hợp (IO expander IC)	1.453.600	Thái Lan
6	IC bộ nhớ	1.453.600	Philippin
7	Mạch tích hợp (TPM IC)	1.453.600	Thái Lan
8	Đai ốc	1.453.600	Đài Loan – Trung Quốc
9	Mạch in (4 lớp)	1.453.600	Đài Loan – Trung Quốc
10	Tụ điện (electrical capacitors)	17.443.200	Trung Quốc
11	Giấy lau	58.144	Đài Loan – Trung Quốc
12	Điện trở phụ thuộc điện áp	5.814.400	Trung Quốc - Philippin
13	Điện trở	42.154.400	Đài Loan – Trung Quốc
14	Tụ điện (electrical resistors)	42.154.400	Trung Quốc
15	Tụ điện (TAPE)	78.742	Trung Quốc
16	Dải ruy-băng	1.483	Đài Loan – Trung Quốc
17	Nhãn	9.012.320	Đài Loan – Trung Quốc
18	Màng nhựa	5.088	Đài Loan – Trung Quốc
19	Giá đỡ kim loại	1.453.600	Đài Loan – Trung Quốc
20	Túi nhựa	6.106	Trung Quốc
21	Túi hút ẩm	12.065	Trung Quốc
22	Mút xốp	60.616	Đài Loan – Trung Quốc
23	Dải ruy băng	1.454	Đài Loan – Trung Quốc
24	Thùng carton	6.106	Đài Loan – Trung Quốc

1.4.2. Hoa chất sử dụng phục vụ sản xuất các sản phẩm của Dự án

a. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hoạt động sản xuất

Bảng 1. 6. Nhu cầu sử dụng hóa chất phục vụ sản xuất

TT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng GD đề nghị cấp phép	Mục đích sử dụng
1	Kem hàn ALPHA® OM-325	Kg/ngày	20	Thiếc 80-100%, Bạc 1-10%, Nhựa thông 1-10%, Ether glycol 1-10%
2	Thanh hàn SAC305	Kg/ngày	1600	Thiếc 80-100%, Bạc 1-10%
3	Chất trợ hàn - 6808HF	Kg/ngày	1	Isopropanol 80-100%; Dầu mỡ chunh cất chuyên dụng 1-10%; Axit

TT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng GD đề nghị cấp phép	Mục đích sử dụng
				Succinic 1-10%; Nhựa thông 0,1-1%
4	Chất tẩy rửa	Kg/ngày	40	Amin 50-60%, Glycol 30-40%, Chất hoạt động bề mặt 1-10%
5	Dây hàn	Kg/ngày	20	Thiếc 80-100%, Bạc 1-10%, Nhựa thông 1-10%
6	Chất trợ hàn – OM325	Kg/ngày	232	Nhựa thông 10-20%, 2-butoxyetyl 10-20%, Polyolefin 10-20%, Glycol Ether 10-20%, Axit hữu cơ 1-10%
7	Keo UV 1799	Kg/ngày	20	Nhựa acrylic 40-60%; Isobornyl acrylat 40-60%; Chất kích thích quang học 1-5%; Các chất phụ gia khác 1-5% Nhựa acrylic 40-60%; Isobornyl acrylat 40-60%; Chất kích thích quang học 1-5%; Các chất phụ gia khác 1-5%

b. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải

Bảng 1. 7. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải, khí thải

TT	Hóa chất	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/năm)
I	Hệ thống XLNT		
1	Javen	7,5	2.737,5
2	Metanol	16	5.840
3	Soda	4	1.460
3	PAC	8	2.920
II	Hệ thống XLKT		
1	Than hoạt tính	-	3.030

1.4.3. Nhu cầu sử dụng điện nước của Dự án

1.4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện: Công ty Điện lực Thường Tín – Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội (EVNHANOI) theo hợp đồng mua bán điện ngoài mục đích sinh hoạt số 250910009/EVNHANOI/HĐMBĐNMĐSH ngày 19/08/2025

- Điểm đầu nối:

+ Điểm đầu: Tuyến xuất phát từ cột số 21 đường trục lộ 472 E1.58

+ Điểm cuối: Tủ RMU cấp cho máy M4:3000kVA-22/0,4kV-TBA T2 Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam)

- Nhu cầu sử dụng điện: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất của Công ty, dự kiến nhu

cầu sử dụng điện của Dự án trong giai đoạn đề nghị cấp phép khoảng 9.000 kVA

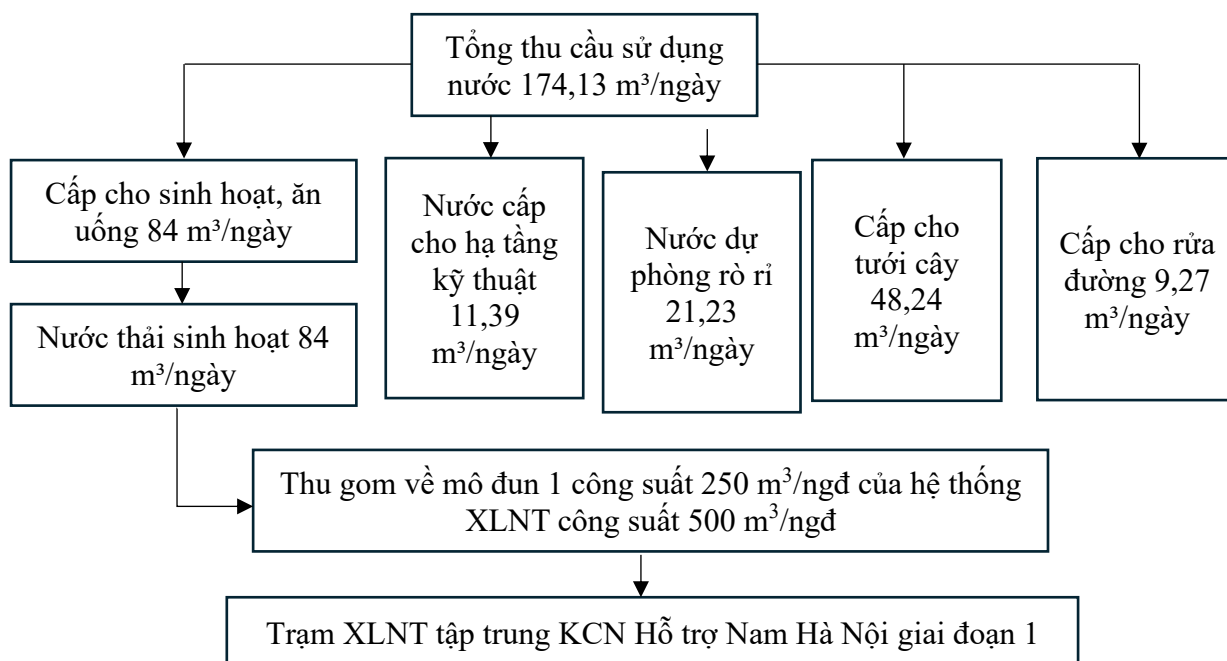
1.4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cấp nước: Do Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G cung cấp.
- Nhu cầu sử dụng nước của Dự án như sau:

Bảng 1. 8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án giai đoạn đề nghị cấp phép

TT	Nhu cầu dùng nước	Diện tích/số người	Tiêu chuẩn	Đơn vị	Nước cấp (m ³ /ngđ)
1	Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt (với hệ số không điều hòa k=1,2)	1000	70	l/ng/ca	84
2	Nước cấp cho nhu cầu tưới cây	16.078,45	3	l/m ²	48,24
3	Nước cấp rửa đường	18.552,83	0,5	l/m ²	9,27
4	Nước dự phòng rò rỉ	-	15%	ΣQ(1-6)	21,23
5	Nước cấp cho hạ tầng kỹ thuật	-	7%	ΣQ(1-7)	11,39
7	Tổng lưu lượng nước cấp nước cho dự án			ΣQ(1-8)	174,13

Sơ đồ cân bằng nước của dự án như sau:



Hình 1. 8. Sơ đồ cân bằng nước của dự án

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1 Quy mô các hạng mục công trình của dự án

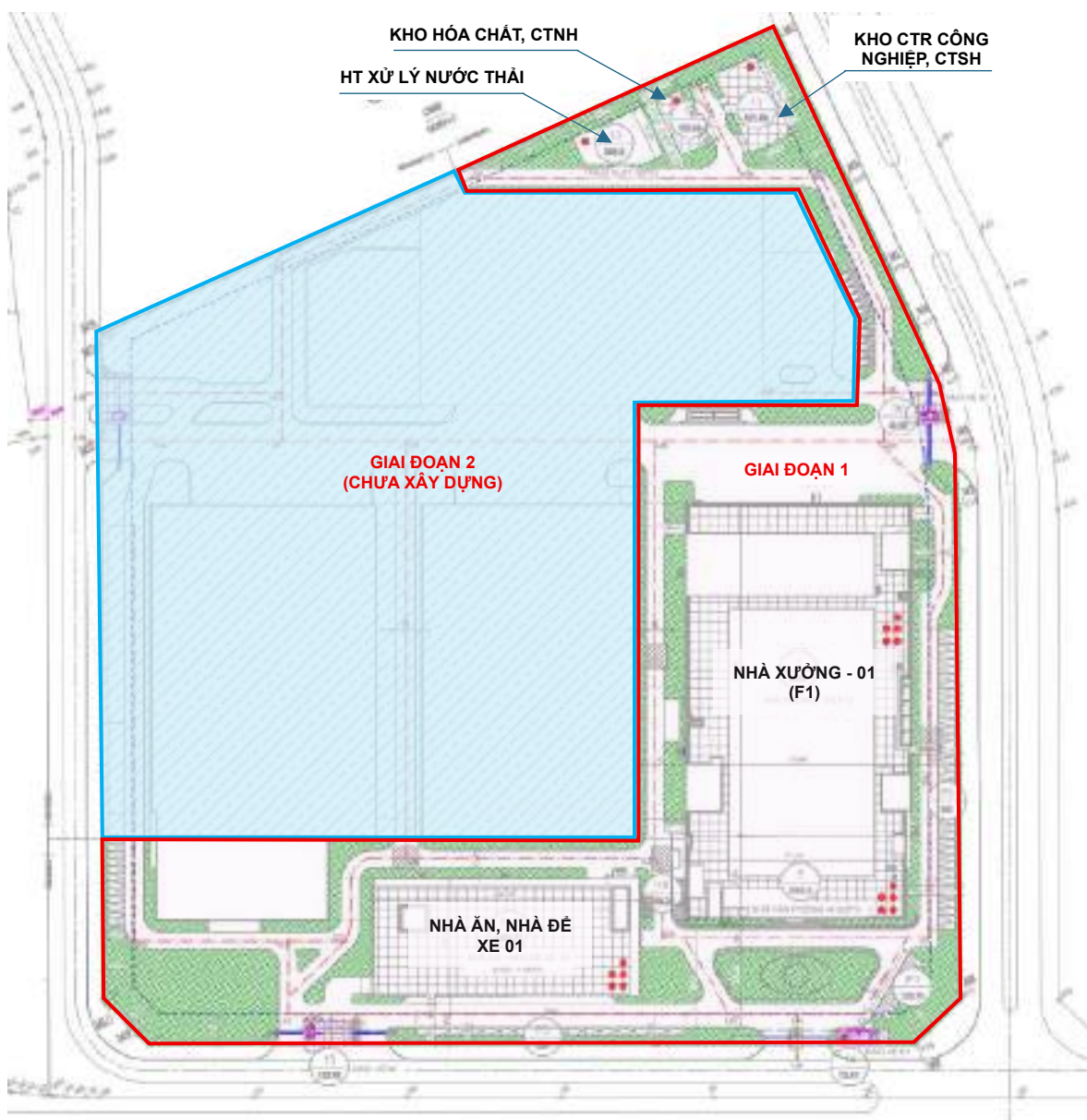
Dự án Máy tính Mitac (Việt Nam) đã được Bộ tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024, theo đó các hạng mục công trình của dự án được chia thành 02 giai đoạn xây dựng. Trong giai đoạn này,

chủ dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình trong giai đoạn 1 của dự án và đề xuất cấp phép. Chi tiết các hạng mục công trình của dự án và hiện trạng thi công xây dựng các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1. 9. Tổng hợp các hạng mục công trình của Dự án

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)		Tình trạng
			GD1	GD2	
I	Các hạng mục công trình chính				
1	Nhà xưởng – 01 (F1)	5	8.092,35	-	Đã thi công
2	Nhà xưởng – 02 (F2)	5	-	8.106,71	Chưa thi công
3	Nhà xưởng – 03 (F3)	5	-	7.836,83	Chưa thi công
4	Nhà văn phòng – 01 (OF1)	5	2.007,66	-	Đã thi công
5	Nhà văn phòng – 02 (OF2)	5	-	1.591,51	Chưa thi công
6	Nhà văn phòng – 03 (OF3)	5	-	744,00	Chưa thi công
II	Các hạng mục công trình phụ trợ				
7	Nhà kho (WF)	5	-	7.881,00	Chưa thi công
8	Kho hóa chất (U2A)	1	102,80	-	Đã thi công
9	Nhà ăn và nhà để xe 01 (KD1+GR1)	5	3.400,77	-	Đã thi công
10	Nhà để xe – 02 (GR2)	5	-	1.849,35	Chưa thi công
11	Cổng và nhà bảo vệ - 01 (S1)	1	73,91	-	Đã thi công
12	Cổng và nhà bảo vệ - 02 (S2)	1	152,76	-	Đã thi công
13	Cổng và nhà bảo vệ - 03 (S3)	1	42,56	-	Đã thi công
14	Cổng và nhà bảo vệ - 04 (S4)	1	123,88	-	Chưa thi công
15	Bãi đỗ xe - 01	-	123,75	-	Đã thi công
16	Bãi đỗ xe - 02	-	550,00	-	Đã thi công
17	Bãi đỗ xe - 03	-	220,00	-	Đã thi công
18	Bãi đỗ xe - 04	-	-	728,75	Chưa thi công
19	Bãi đỗ xe - 05	-	-	165,00	Chưa thi công
20	Hành lang cầu 1 (BR1)	-	-	204,30	Chưa thi công
21	Hành lang cầu 2 (BR2)	-	-	390,80	Chưa thi công
22	Hành lang cầu 3 (BR3)	-	-	390,80	Chưa thi công
23	Hành lang cầu 4 (BR4)	-	-	390,80	Chưa thi công
24	Hành lang cầu 5 (BR5)	-	-	204,30	Chưa thi công
25	Hành lang cầu 6 (BR6)	-	-	390,80	Chưa thi công
26	Hành lang cầu 7 (BR)	-	-	390,80	Chưa thi công
27	Hành lang cầu 8 (BR8)	-	-	390,80	Chưa thi công
28	Hành lang cầu 9 (BR9)	-	-	863,20	Chưa thi công

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)		Tình trạng
			GD1	GD2	
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
29	Kho chứa CTR sinh hoạt - U1A	1	108,45	-	Đã thi công
30	Kho chứa CTR công nghiệp – U1B	1	313,44	-	Đã thi công
31	Kho chứa CTNH – U2B	1	52,74	-	Đã thi công
32	Hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m³/ngày đêm gồm 02 mô đun, mỗi mô đun công suất 250 m³/ngày đêm	-	365,50	-	Đã thi công lắp đặt 01 mô đun công suất 250 m³/ngày đêm



Hình 1. 9. Mặt bằng bố trí các hạng mục công trình của Dự án

1.5.2. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng trong giai đoạn đề nghị cấp phép của Dự án cụ thể như sau:

Bảng 1. 10. Danh mục máy móc dự kiến phục vụ sản xuất đề nghị cấp phép

TT	Tên máy	số lượng	Công suất (kw)	Tình trạng	Xuất xứ	Quy trình
1	Máy kiểm tra AOI sau khi hàn	2	2,64	Mới 100%	Malaysia	SMT, PTH
2	Máy kiểm tra AXI	1	4,56	Mới 100%	Malaysia	
3	Máy tách bảng (Router)_	2	3,52	Mới 100%	Trung Quốc	
4	Máy thu bụi cho máy tách bảng	2	4,56	Mới 100%	Trung Quốc	
5	Máy kiểm tra chức năng FP	1	2,64	Mới 100%	Nhật Bản	
6	Máy kiểm tra ICT	2	3,52	Mới 100%	Đài Loan	
7	Máy ghi IC tự động ngoại tuyến	1	2,64	Mới 100%	Trung Quốc	
8	Thiết bị kiểm tra quang học X-Ray 2,5D	1	1,76	Mới 100%	Đức	
9	Máy kiểm tra AOI trước khi hàn	2	0,44	Mới 100%	Trung Quốc	
10	Máy khắc laser	1	3,0	Mới 100%	Trung Quốc	
11	Máy kiểm tra quan học tự động in kem hàn 3D	2	3,0	Mới 100%	Trung Quốc	
12	Hệ thống quản lý lưu trữ thông minh kem hàn	1	2,2	Mới 100%	Trung Quốc	
13	Máy rửa khuôn phụ tự động	1	27	Mới 100%	Trung Quốc	
14	Máy đo lưới thép tự động	1	1,0	Mới 100%	Trung Quốc	
15	Máy in kem hàn tự động	2	3,0	Mới 100%	Hàn Quốc	
16	Máy rửa bản thép siêu âm	1	5,8	Mới 100%	Đài Loan	
17	Lò hàn hồi lưu	2	138	Mới 100%	Trung Quốc	
18	Lò hàn sóng	2	79	Mới 100%	Trung Quốc	
19	Máy gắn linh kiện đa chức năng tốc độ cao	10	1,5	Mới 100%	Nhật Bản	
21	Máy bảo dưỡng feeder (bộ cấp linh kiện)	1	1,5	Mới 100%	Đài Loan	

TT	Tên máy	số lượng	Công suất (kw)	Tình trạng	Xuất xứ	Quy trình
22	Máy vệ sinh đầu gắn chip	1	1,5	Mới 100%	Đài Loan	
23	Máy vệ sinh đầu hút	1	1,5	Mới 100%	Đài Loan	
24	Máy hiệu chuẩn feeder	1	1,5	Mới 100%	Đài Loan	
25	Máy bơm keo tốc độ cao chính xác	1	5	Mới 100%	Trung Quốc	
26	Bàn tiếp nối lên liệu	1	1,0	Mới 100%	Trung Quốc	
27	Bàn tiếp nối liệu kín	1	1,0	Mới 100%	Trung Quốc	
28	Lò sấy khí nóng	1	32	Mới 100%	Trung Quốc	
29	Bàn tiếp nối xuống liệu	1	1,0	Mới 100%	Trung Quốc	
30	Băng tải 800mm	11	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
31	Băng tải 1000mm	4	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
32	Băng tải 1800mm	2	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
33	Máy đẩy bản	5	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
34	Máy lưu tạm đa chức năng	5	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
35	Máy thu băng	2	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
36	Máy lật băng	3	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
37	Máy chuyển tải đa chức năng	4	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
38	Băng tải cảm linh kiện 3M	8	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
39	Băng tải cảm linh kiện 1M	4	1,0	Mới 100%	Đài Loan	
40	Băng tải dây đai băng nhôm	2	5,0	Mới 100%	Đài Loan	
41	Bàn sửa chữa	1	12,2	Mới 100%	Mỹ	Sửa chữa
42	Bàn sửa chữa	1	5,2	Mới 100%	Đức	
43	Lò sấy	1	4,2	Mới 100%	Trung Quốc	

1.5.3. Tình hình thực hiện Dự án

1.5.3.1. Các hạng mục đã thực hiện.

Dự án đã đầu tư xây dựng các hạng mục công trình thuộc phạm vi giai đoạn 1 theo nội dung tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024. Đối với dây chuyền sản xuất chỉ mới đầu tư một phần dây chuyền máy móc thiết bị đáp ứng hoạt động đạt khoảng 30% công suất của Dự án, cụ thể như sau:

(1) Các hạng mục công trình đã hoàn thành

- 01 Nhà xưởng – 01 (F1); Nhà văn phòng - 01 (OF1); Kho hóa chất (U2A); Nhà ăn và nhà để xe 01 (KD1+GR1); Kho chứa CTR sinh hoạt (U1A); Kho chứa CTR công nghiệp (U1B); Kho chứa CTNH (U2B); Bãi đỗ xe (P1, P2, P3); Cổng và nhà bảo vệ

(S1, S2, S3).

- 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000 m³/giờ
- 01 mô đun xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống XLNT có công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm.

(2) Các dây chuyền sản xuất đã lắp đặt

- 02 dây chuyền hàn dán linh kiện tự động (SMT)
- 02 dây chuyền cắm linh kiện thủ công (PTH)
- Khu vực sửa chữa sản phẩm lỗi

1.5.3.2. Các hạng mục tiếp tục thực hiện theo nội dung ĐMT đã được duyệt.

a. Các hạng mục nhà xưởng và công trình phụ trợ

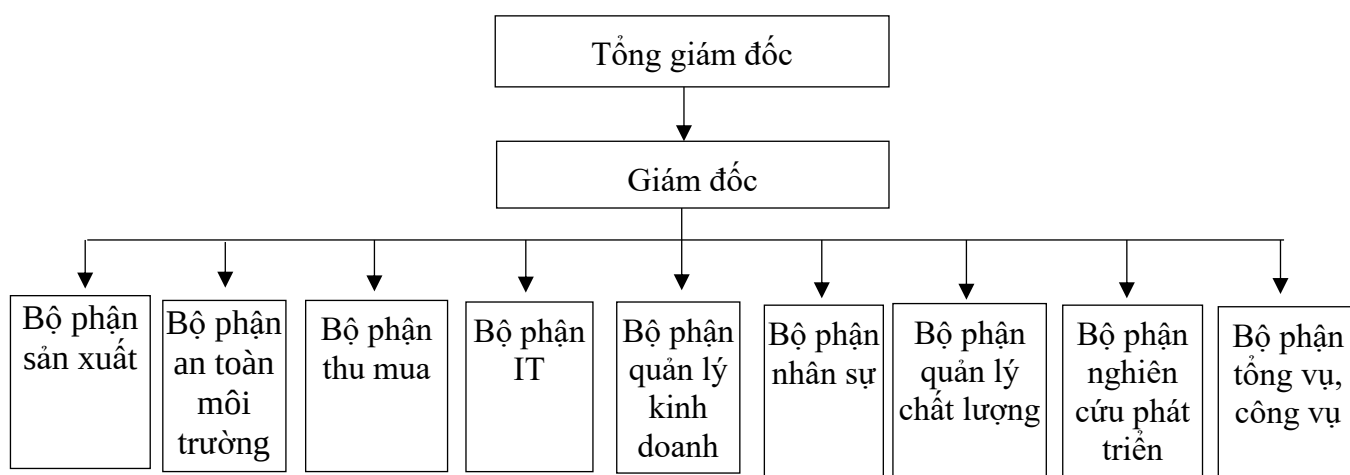
- Xây dựng, hoàn thiện 02 Nhà xưởng F2, F3; 02 Nhà văn phòng OF2, OF3; 01 nhà kho WF; 01 nhà để xe GR2; Bãi đỗ xe và hành lang cầu
- Lắp đặt hoàn thiện mô đun xử lý nước thải 250 m³/ngày đêm của hệ thống XLNT công suất thiết kế 500 m³/ngày đêm

b. Các dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

- 06 dây chuyền hàn dán linh kiện tự động (SMT)
- Máy móc thiết bị phục vụ quy trình lắp ráp sản phẩm (SI). Quy trình lắp ráp cụ thể như sau: Bán thành phẩm từ quy trình SMT, PTH và các linh kiện khác → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho chờ xuất hàng

1.5.4 Tổ chức quản lý thực hiện dự án

a. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý dự án



Hình 1. 10. Sơ đồ tổ chức quản lý vận hành của dự án

b. Tổ chức sản xuất

- Cán bộ văn phòng làm theo giờ hành chính, ngày làm việc 8h.
- Nhân viên sản xuất làm việc tối đa 2 ca/ngày

c. Bố trí nhân lực

- Nhu cầu về lao động của Dự án trong giai đoạn đề nghị cấp phép dự kiến khoảng 1000 người
- Người lao động được nghỉ làm việc ngày Chủ Nhật và các ngày lễ theo quy

định của Nhà nước. Công ty thoả thuận với người lao động về giờ làm thêm nếu có phát sinh nhu cầu và đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương làm thêm giờ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động được bảo đảm bằng hợp đồng lao động ký kết giữa từng người lao động với Giám đốc. Thoả ước lao động tập thể ký kết giữa đại diện tập thể lao động với người quản lý lao động và phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về lao động. Công ty tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho người lao theo quy định của Nhà nước

- Đối tượng tuyển dụng: Tất cả lao động được tuyển chọn, sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Những cán bộ, nhân viên có trình độ, hoặc qua đào tạo tại các trường chuyên nghiệp, trường dạy nghề hay các cơ sở dạy nghề sẽ được ưu tiên tuyển chọn vào làm tại các vị trí quản lý của Công ty, các lao động trực tiếp sản xuất từ địa phương được ưu tiên tuyển chọn đầu tiên sau đó đến các vùng lân cận

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

❖ *Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia*

Dự án phù hợp với Quyết định 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Nội dung quyết định có nêu một trong số các nhiệm vụ của chiến lược là: Chủ động kiểm soát chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa theo hướng thân thiện với môi trường. Thực hiện xanh hóa các ngành sản xuất công nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao, các khu công nghiệp sinh thái. Khuyến khích sử dụng các loại nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện với môi trường

❖ *Sự phù hợp của dự án với quy hoạch vùng Hà Nội*

Việc triển khai dự án là phù hợp với hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Hà Nội, cụ thể như sau:

Dự án phù hợp với chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn 2035 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 879/QĐ - TTg ngày 09/06/2014 trong đó nêu rõ nhóm các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển có ngành điện tử viễn thông, trong đó giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên phát triển sản phẩm thiết bị máy tính, điện thoại và linh kiện.

Dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 9028/QĐ - BTC ngày 08/10/2014. Trong đó nêu rõ mục tiêu tập trung phát triển lĩnh vực linh kiện phụ tùng điện - điện tử đáp ứng mục tiêu đến năm 2030, cung ứng được 80% nhu cầu trong nước, đẩy mạnh sản xuất các lĩnh vực sản phẩm phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao

❖ *Sự phù hợp của dự án với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường*

Dự án “Máy tính MITAC (Việt Nam)” là dự án đầu tư xây dựng mới, thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn thuộc danh mục đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu tới môi trường (quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và mục 17 Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Dự án sản xuất linh kiện điện tử công suất trên 1 triệu sản phẩm/năm), phải lập báo cáo ĐTM (theo quy định tại điểm a, điểm a Khoản 1 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường) trình Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường.

❖ *Mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác có liên quan*

- Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 25 tháng 05 năm 2012 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch phát triển Công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030

- Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 07/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đại Xuyên

- Văn bản số 1150/TTg-KTN ngày 06/7/2010 của Thủ Tướng chính phủ về việc bổ sung KCN hỗ trợ Nam Hà Nội vào Quy hoạch phát triển KCN cả nước, theo đó: Đồng Ý chủ trương đầu tư Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội trên cơ sở chuyển đổi từ Cụm công nghiệp Đại Xuyên và bổ sung khu công nghiệp này vào Danh mục các khu công nghiệp dự kiến ưu tiên thành lập mới đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 ban hành kèm theo quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng chính phủ.

- Giấy phép môi trường số 23/GPMT- BQL ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển N&G địa chỉ KCN Nam Hà Nội, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN hỗ trợ nam Hà Nội giai đoạn I – Khu công nghiệp” có địa chỉ tại xã Đại xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Quyết định số 64/QĐ-BQL ngày 22/4/2024 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn 1 tại khu A (khu công nghiệp)

❖ *Sự phù hợp của dự án với quy hoạch phân khu chức năng và quy hoạch ngành nghề của KCN*

* *Sự phù hợp của dự án với quy hoạch phân khu chức năng*

Tổng diện tích đất thực hiện KCN là 518.790m². Theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I thì không quy hoạch phân khu các ngành nghề; chỉ quy hoạch chung khu vực xây dựng nhà máy, xí nghiệp, nhà xưởng tại các lô CN01, CN02 (CN02A, CN02B, CN02C, CN02D), CN03 (CN03A, CN03B), CN04, CN05 (CN05A, CN05B, CN05C).

Hạ tầng kỹ thuật của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I bao gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung cơ bản đã được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho dự án trong quá trình xây dựng và hoạt động.

Vị trí Dự án thuộc khu công nghiệp có đường giao thông đối nội, đối ngoại đều thuận tiện. Vị trí KCN nằm sát đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, có mạng lưới kết nối giao thông thuận tiện, tạo điều kiện cho các phương tiện di chuyển dễ dàng cả bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không. Bên cạnh đó, hệ thống giao thông nội bộ trong KCN cũng được quy hoạch theo chuẩn, toàn hệ thống giao thông nội bộ này được nối liền với hệ thống giao thông bên ngoài KCN nên rất thuận lợi trong giai đoạn thi công xây dựng và chở nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm trong giai đoạn hoạt động của dự án.

Như vậy, Dự án có vị trí tại lô CN02 là phù hợp với quy hoạch của KCN để xây dựng nhà máy, nhà xưởng sản xuất.

* *Sự phù hợp của dự án với quy hoạch ngành nghề của KCN*

Ngành nghề sản xuất ưu tiên thu hút đầu tư của KCN chủ yếu là các loại hình sản xuất công nghiệp, có công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường, ít phát sinh các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường. Cụ thể như sau:

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo: Công nghiệp chế biến lương thực, chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng,

bể chứa và nồi hơi; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác; Sản xuất phương tiện vận tải khác; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác.

- Công nghiệp lắp ráp cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, các ngành sản phẩm từ công nghệ mới, kỹ thuật cao phục vụ các ngành điện tử, công nghệ thông tin: Công nghiệp lắp ráp cơ khí; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu.

- Công nghiệp khác: May mặc, gia công giày dép (không bao gồm nhuộm); Sản xuất sản phẩm từ giấy; Sản xuất thiết bị nội thất; Sản xuất các sản phẩm từ cao su và Plastic; Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu; Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít; Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vi sinh; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất sợi nhân tạo; Kho vận, trạm trung chuyển, dịch vụ logistics; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện.

Dự án Máy tính MITAC (Việt Nam)” thuộc loại hình sản xuất sản phẩm điện tử vì vậy hoàn toàn phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường

Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.500m³/ngày đêm theo nội dung báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh Hà Tây phê duyệt tại Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2008 và đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép môi trường số 23/GPMT-BQL ngày 14/12/2023. Công nghệ xử lý nước thải của KCN như sau: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các nguồn thải → Bể gom → Bể điều hòa kết hợp xử lý nano Fe⁰ → Bể phản ứng → Bể lắng sơ cấp → Bể xử lý hoàn thiện → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ sinh thái → Mương quan trắc tự động → Nước thải đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột A; K_f=1; K_q=0,9)

Khu công nghiệp hiện có khoảng 07 Công ty đang trong quá trình thực hiện xin các thủ tục đầu tư, xây dựng, hiện tại chưa có dự án nào đang hoạt động. Dự án Máy tính MITAC (Việt Nam) khi đi vào hoạt động với lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất là 500m³/ngày đêm, do đó trạm xử lý nước thải hiện hữu của KCN đảm bảo đáp ứng khả năng thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

Bảng 2. 1. Tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	⁰ C	40
2	pH	-	5,5-9
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Màu	Pt-Co	150
7	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
8	As	mg/l	0,1

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
9	Hg	mg/l	0,01
10	Pb	mg/l	0,5
11	Cd	mg/l	0,1
12	Cr (VI)	mg/l	0,1
13	Cr (III)	mg/l	1
14	Đồng	mg/l	2
15	Kẽm	mg/l	3
16	Niken	mg/l	0,5
17	Mangan	mg/l	1
18	Sắt	mg/l	5
19	Tổng xianua	mg/l	0,1
20	Tổng phenol	mg/l	0,5
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
22	Sunfua	mg/l	0,5
23	Florua	mg/l	10
24	Tổng Nito	mg/l	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000
27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	mg/l	5000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1,0
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	Bq/l	1
33	Tổng PCB	Bq/l	0,01

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom nước mưa tại của Dự án được xây dựng tách biệt với hệ thống thu gom nước thải. Hệ thống thu gom nước mưa đã hoàn thành của Dự án cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa mái: Dự án đã lắp đặt hệ thống đường ống nhựa PVC đường kính D110, D125 và D200 thoát nước mưa mái nhà xưởng

- Đối với nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa bằng cống BTCT D300, D400, D600, D800 trước khi xả ra cống thoát nước mưa của KCN. Tổng chiều dài tuyến thoát nước mưa trong giai đoạn 1 của Dự án là 1.460,2 m. Cụ thể như sau:

Bảng 3. 1. Tổng hợp khối lượng thoát nước mưa

TT	Loại cống	Đơn vị	Đã hoàn thiện trong giai đoạn 1
1	Rãnh BTCT D300	m	221,93
2	Rãnh BTCT D400	m	511,23
3	Ống cống BTCT D600	m	610,47
4	Ống cống BTCT D800	m	116,57
	Tổng		1.460,2

Toàn bộ sau đó dẫn thoát ra hệ thống thóa nước mưa của KCN tại 05 vị trí đầu nối theo biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật giữ Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G và Chủ dự án ngày 18/6/2024 (Biên bản được đính kèm phụ lục báo cáo). Giai đoạn xin cấp phép đã thực hiện đầu nối tại 04 điểm (là vị trí TNM1, TNM2, TNM3, TNM4), điểm đầu nối còn lại (TNM5) sẽ được thực hiện trong giai đoạn 2 của dự án. Vị trí các điểm đầu nối thoát nước mưa của dự án cụ thể như sau:

+ Vị trí TNM1: Phía Đông Bắc dự án, đường kính cống điểm đầu nối DN600. Tọa độ vị trí TNM 1: X=2291258,78, Y=595164,13.

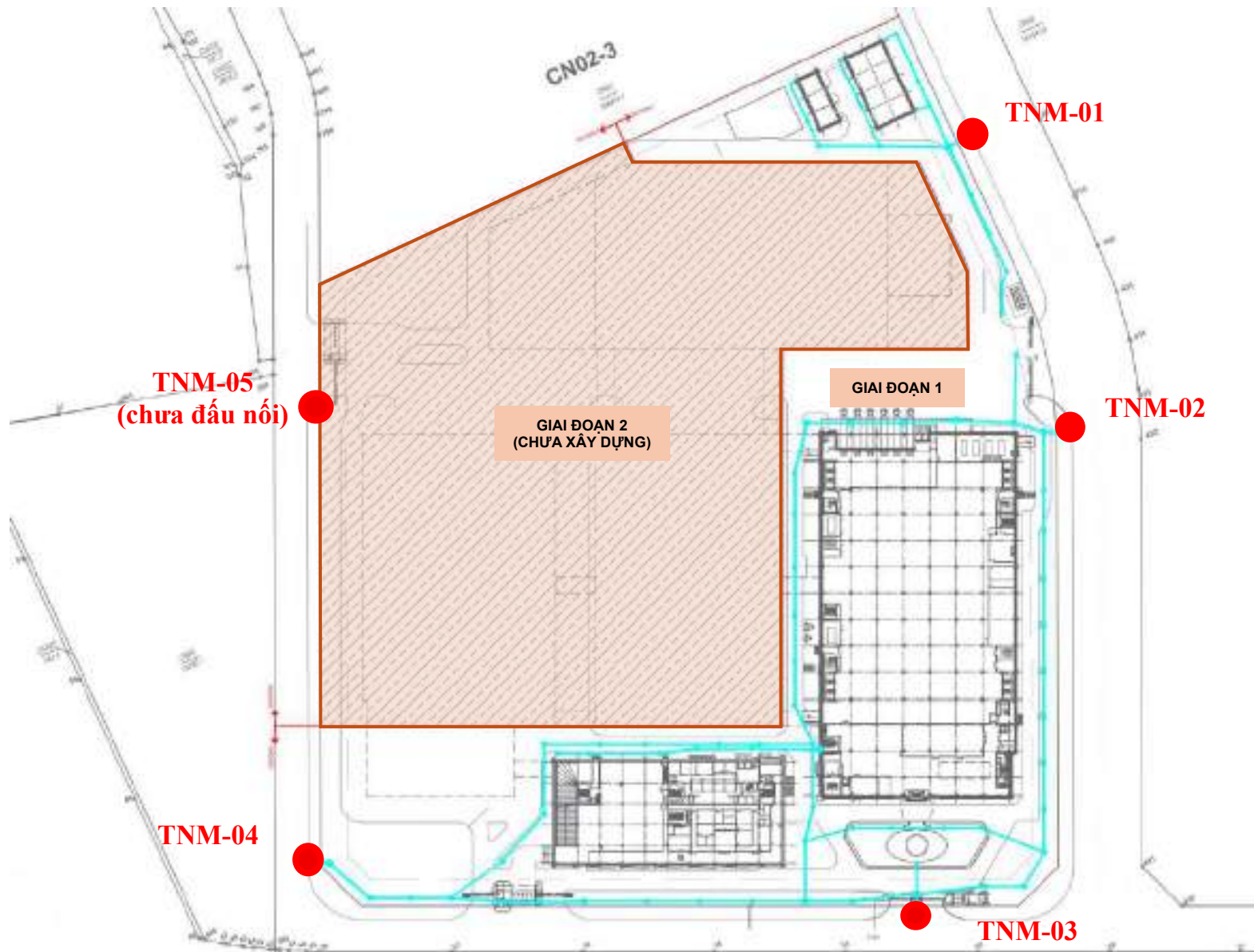
+ Vị trí TNM2: Phía Đông dự án, đường kính cống điểm đầu nối DN800. Tọa độ vị trí TNM2: X=2291145,94, Y=595151,55.

+ Vị trí TNM3: Phía Đông Nam dự án, đường kính cống điểm đầu nối DN600. Tọa độ vị trí TNM3: X=2291005,84, Y=595030,69.

+ Vị trí TNM4: Phía Tây Nam dự án, đường kính cống điểm đầu nối DN600. Tọa độ vị trí TNM4: X=2291114,31, Y=594829,93.

+ Vị trí TNM5: Phía Tây Bắc dự án, đường kính cống điểm đầu nối DN800. Tọa độ vị trí TNM5: X= 2291261,25, Y=594896,69. (chưa đầu nối)

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰⁰⁰, múi chiếu 3⁰)



Hình 1. 11. Sơ đồ thu gom, đầu nối thoát nước mưa

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Thu gom, thoát nước thải

❖ Nguồn phát sinh nước thải

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc tại nhà máy (bao gồm nước thải WC, thoát sàn, nhà bếp) trong giai đoạn đề nghị cấp phép, nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 84 m³/ngày đêm.

❖ Công trình thu gom nước thải

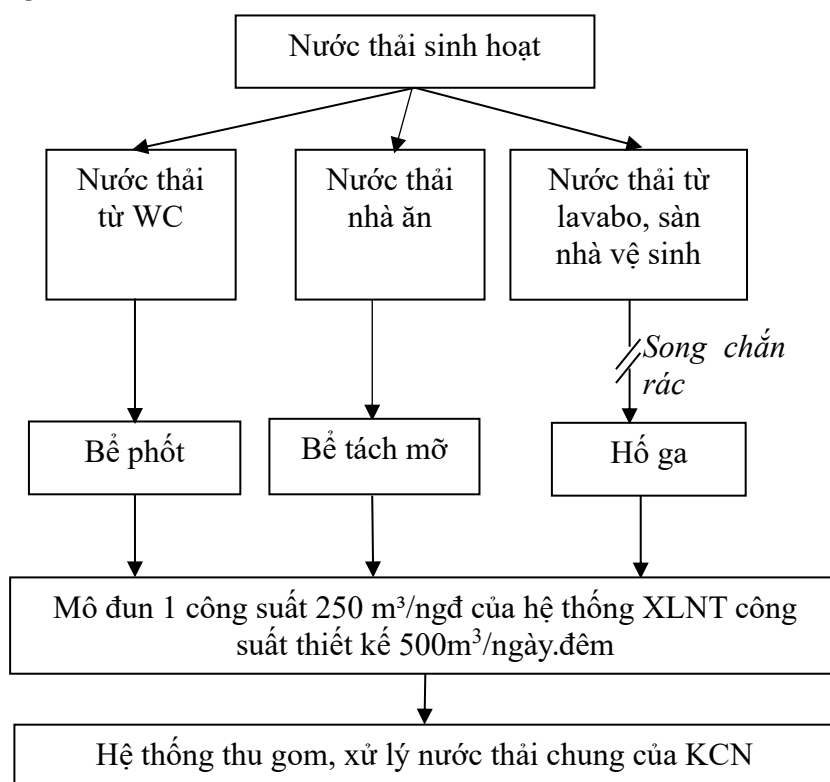
- Nước thải của Dự án được thu gom tách biệt với nước mưa.

- Nước thải xí tiểu được thu gom về 06 bể tự hoại (gồm 02 bể thể tích 40 m³/bể, 03 bể 12 m³/bể) tổng thể tích là 116m³. Sau khi xử lý qua bể tự hoại, nước thải tự chảy vào hệ thống đường ống thu gom HDPE D300 về mô đun xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m³/ngày đêm.

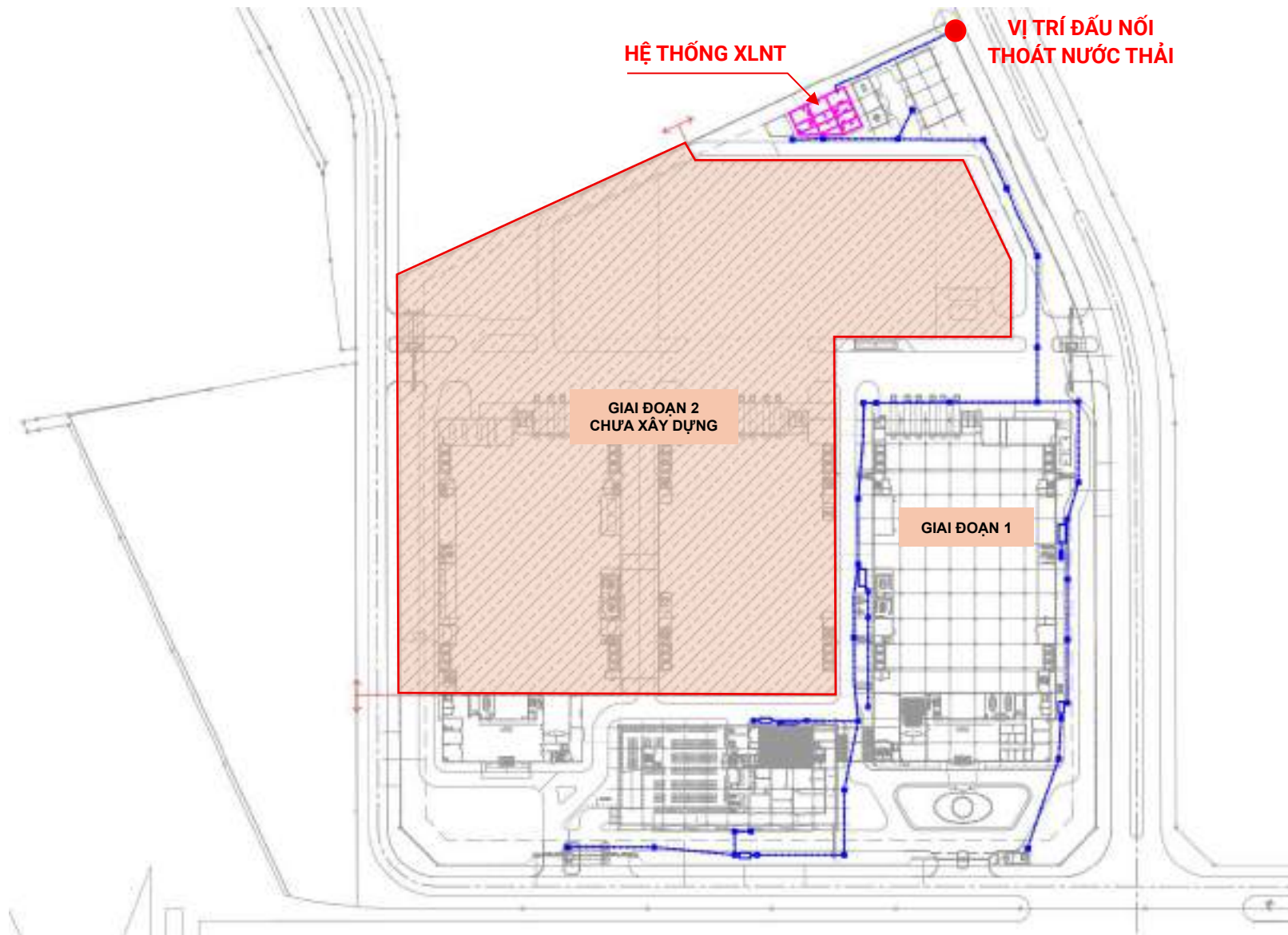
- Nước thải nhà bếp được thu gom về bể tách mỡ thể tích 5 m³. Sau khi xử lý qua bể tách mỡ, nước thải tự chảy vào hệ thống đường ống thu gom HDPE D300 về mô đun xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m³/ngày đêm.

- Hệ thống đường ống chính thu gom nước thải được thiết kế chạy dọc xung quanh nhà xưởng, dọc đường giao thông trong phạm vi giai đoạn 1 của dự án với tổng chiều dài là 852,5 m

Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của dự án như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom nước thải của dự án



Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải

❖ Công trình thoát nước thải

Nước thải tại hệ thống xử lý nước thải được xử lý đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I được đầu nổi vào hệ thống thu gom nước của KCN và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I thông qua 01 đê chắn nổi. Đường ống thoát nước thải sau xử lý là đường ống HDPE D200 chiều dài khoảng 50m.

❖ Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí đầu nổi xả nước thải: 01 đê chắn nổi phía Bắc dự án theo biên bản thỏa thuận đầu nổi hạ tầng kỹ thuật giữ Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G (chủ đầu tư hạ tầng KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I) và Chủ dự án ngày 18/6/2024

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải của dự án (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}00'$, múi chiều 3°): X=2291311,33; Y=595164,71

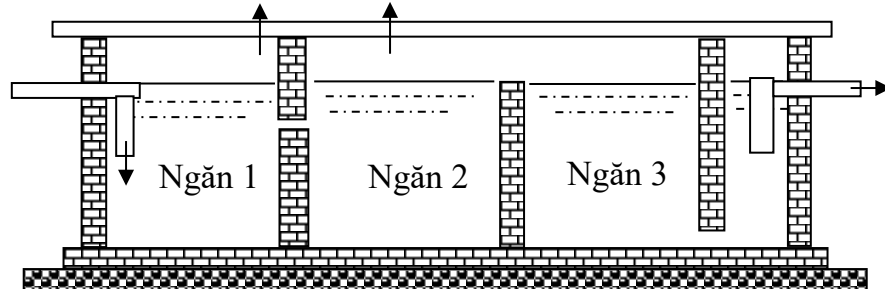
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải của KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

b. Xử lý nước thải

❖ Bể tự hoại

- Dự án đã bố trí 05 bể tự hoại với tổng thể tích 116m^3 (02 bể thể tích $40\text{m}^3/\text{bể}$ và 03 bể $12\text{m}^3/\text{bể}$) để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh các khu vực nhà xưởng, nhà điều hành trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Chức năng: xử lý nước thải xí tiểu của bể tự hoại



Hình 3. 3. Mặt cắt bể tự hoại 3 ngăn

Quy trình vận hành: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 ,... khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân huỷ thành các chất khoáng, khí hoà tan. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc nạo vét, hút bùn trong các ngăn lắng bể tự hoại.

❖ Bể tách mỡ

- Dự án bố trí 01 bể tách mỡ thể tích 5m^3 để xử lý nước thải nhà bếp phát sinh trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ: Nước thải từ nhà bếp của dự án chứa một lượng dầu, mỡ tương đối lớn sẽ được thu gom và đưa vào ngăn chứa của bể tách mỡ, tại đây cho phép giữ lại các chất bẩn như các loại thực phẩm, đồ ăn thừa, xương hay các loại tạp chất khác...có trong nước thải. Chức năng này giúp cho bể tách mỡ làm việc ổn định mà không bị nghẹt rác. Sau đó nước thải đi sang ngăn lắng thứ nhất, ở đây thời gian lưu dài đủ để mỡ, dầu nổi lên mặt nước. Còn phần nước trong sau khi mỡ và

dầu đã tách ra lại tiếp tục chảy sang ngăn lắng thứ 2 sau đó chảy ra ngoài. Lớp dầu mỡ sẽ tích tụ dần dần và tạo lớp váng trên bề mặt nước, định kỳ thông qua nắp thăm bể sẽ thu gom loại bỏ lớp dầu mỡ và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

❖ Hệ thống xử lý nước thải

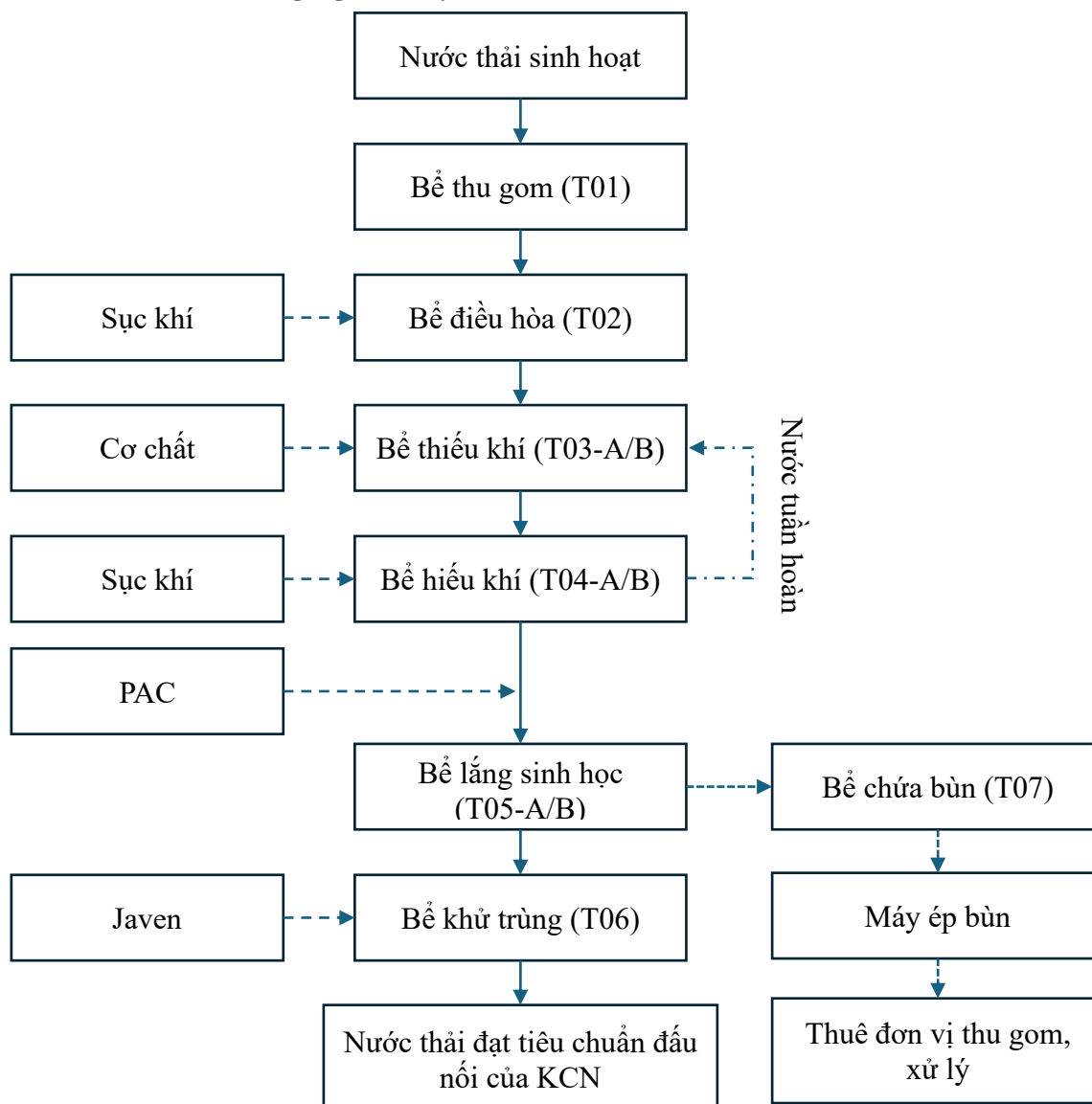
- Chủ dự án đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất thiết kế là 500 m³/ngày đêm bao gồm 02 mô đun, mỗi mô đun công suất 250 m³/ngày đêm. Hiện tại trong giai đoạn 1 đã lắp đặt máy móc thiết bị xử lý nước thải cho mô đun số 1, mô đun số 02 sẽ được thực hiện trong giai đoạn sau của dự án.

- Đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần LICOGI13FC. Địa chỉ: Tòa nhà LICOGI 12, đường Khuất Duy Tiên, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

- Đơn vị thi công lắp đặt máy móc thiết bị: Công ty Cổ phần môi trường ETC Việt Nam. Địa chỉ: Xã Đông Anh, thành phố Hà Nội

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý sinh học. Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hồ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I để tiếp tục xử lý

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án như sau:



Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của dự án

*** Thuyết minh công nghệ xử lý**

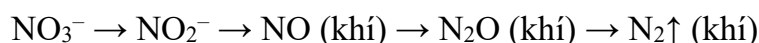
Đầu tiên, nước thải sẽ được dẫn vào Bể thu gom - T01. Sau đó, nước được bơm tới Bể điều hòa - T02

Bể điều hòa - T02: Có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải, quá trình điều hòa được thực hiện nhờ hệ thống sục khí dưới đáy bể thông qua máy thổi khí, quá trình này có tác dụng khuấy trộn nước thải và ngăn chặn quá trình kỵ khí phát sinh mùi hôi. Sau đó, nước thải được bơm tới bể thiếu khí.

Bể thiếu khí - T03-A/B: Quá trình diễn ra trong bể thiếu khí chủ yếu là quá trình khử nitrat dựa vào các vi sinh tổng hợp tế bào sinh trưởng và phát triển trong điều kiện thiếu oxy.

Quá trình khử nitrat là quá trình chuyển hoá các hợp chất nitơ thành nitơ phân tử (N₂). Các chủng vi sinh thực hiện quá trình khử Nitrat có tên chung là Denitrifier bao gồm một số loại vi sinh có thể khử nitrat như Bacillus, Pseudomonas, Paracoccus, Spirillum, Thiobacillus,.. phần lớn chúng thuộc loại tùy nghi, nghĩa là chúng sử dụng oxy, hoặc nitrat, nitrit làm chất oxy hóa (nhận điện tử) trong các phản ứng sinh hoá.

Quá trình khử nitrat xảy ra theo bốn bậc liên tiếp nhau với mức độ giảm dần hoá trị của nguyên tố nitơ từ +5 về +3; +2 ; +1 và cuối cùng về hoá trị 0

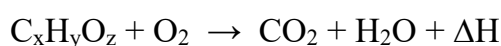


Trong hệ khử nitrat bởi vi sinh, mức độ tiêu hao chất điện tử phụ thuộc vào sự có mặt của các chất oxy hoá (chất nhận điện tử) trong hệ như: oxy hoà tan, nitrat, nitrit và sunfat. Trong các hợp chất trên thì oxy hòa tan có khả năng phản ứng tốt nhất với các chất khử vì trong hệ luôn tồn tại cả loại vi sinh dị dưỡng hiếu khí và vi sinh tùy nghi Denitrifier. Vì vậy trong điều kiện thiếu oxy các vi sinh tùy nghi Denitrifier sẽ sử dụng oxy trong nitrat (NO₃⁻), nitrit (NO₂⁻), từ đó giải phóng khí N₂.

Tuy nhiên để xảy ra quá trình nitrat hoá thì điều kiện tiên quyết là cần có nitrat (được tạo ra bởi quá trình Nitrat hoá tại bể hiếu khí).

Bể hiếu khí - T04-A/B: Nước thải sau khi qua bể thiếu khí được dẫn tới bể hiếu khí. Bể hiếu khí hoạt động dựa trên các chủng vi sinh vật có khả năng oxi hóa các chất hữu cơ có trong nước thải trong điều kiện được cấp oxi liên tục. Các chất hữu cơ dễ bị phân hủy sẽ được vi sinh vật hiếu khí sử dụng làm chất dinh dưỡng để sinh trưởng và phát triển. Quy trình phân hủy chất hữu cơ qua 3 giai đoạn được mô tả như sau:

+ Giai đoạn oxi hoá chất hữu cơ: Vi sinh từ từ hấp thụ và oxy hóa chất hữu cơ.



Lượng chất dinh dưỡng trong chất thải cao nên vi sinh phát triển ồ ạt. Bùn hoạt tính cũng được hình thành nhanh chóng số lượng lớn. Quá trình này tiêu thụ 40-80% với tổng mức tiêu thụ oxy hòa tan.

+ Giai đoạn tổng hợp tế bào mới: Giai đoạn này liên quan đến quá trình xử lý các chất oxy hóa chậm như chất rắn hữu cơ, cacbon mạch vòng...

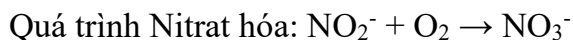
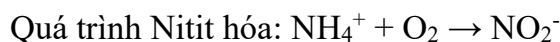


Các vi sinh tái tạo bùn hoạt tính bằng cách hấp phụ các chất ô nhiễm hữu cơ. Tốc độ tiêu thụ oxy trong giai đoạn này thấp hơn đáng kể so với giai đoạn đầu tiên.

+ Giai đoạn phân huỷ nội bào:



Lúc này vi sinh đòi hỏi nhiều năng lượng nên tỷ lệ tiêu thụ oxy tăng trở lại. Quá trình nitrat hoá cũng diễn ra bởi vi khuẩn Nitrosomonas và Nitrobacter:



Trong bể hiếu khí còn được bổ sung giá thể vi sinh di động. Tiếp đó, hệ thống thổi khí sẽ giúp khuấy trộn các giá thể trong bể nhằm đảm bảo các giá thể được xáo trộn liên tục trong trạng thái lơ lửng. Vi sinh vật trong nước thải bám trực tiếp vào các giá thể, tăng khả năng phân giải các chất hữu cơ trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn sang bể tách giá thể.

Bể lắng sinh học – T05-A/B: Trong giai đoạn đầu khi hệ thống hoạt động chưa ổn định, thực hiện châm hóa chất PAC để trợ lắng tại bể lắng. Sau khi hệ thống đã đi vào hoạt động ổn định sẽ ngưng sử dụng.

Nước thải được dẫn vào ống trung tâm tại bể lắng sinh học. Sau khi ra khỏi ống trung tâm, nước thải va vào thành bể và chuyển động đi lên, các bông bùn hoạt tính theo trọng lực rơi xuống đáy bể. Phần bùn lắng sẽ được bơm tuần hoàn về bể thiếu khí nhằm duy trì nồng độ vi sinh vật. Phần bùn dư sẽ được bơm về bể chứa bùn T07. Nước sau khi lắng tách cặn tràn qua máng thu nước và được dẫn tới bể trung gian.

Bể khử trùng – T06: Tại đây, hoá chất khử trùng Javen được cấp vào để tiêu diệt hết các vi sinh vật còn lại trong nước trước khi dẫn tới nguồn tiếp nhận.

Quá trình tiêu diệt vi sinh vật xảy ra qua hai giai đoạn. Đầu tiên hóa chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh.

Nước sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN

Xử lý bùn thải: Bùn từ bể lắng sinh học T05-A được đưa về bể chứa bùn T07, sau đó được nén bằng máy ép bùn và định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

* Thông số kỹ thuật của hệ thống thống XLNT

Bảng 3. 2. Thông số kỹ thuật của hệ thống XLNT

Danh sách các bể xử lý nước thải Giai đoạn 1- Q = 250 CMD									
TT	Ký hiệu	Tên gọi	Đơn vị	Số lượng	Quy cách			Dung tích hiệu dụng (m ³)	Ghi chú
					Tiết diện (m ²)	Cao hiệu dụng (m)	Cao an toàn (m)		
1	T01	Bể thu gom	Bể	1	2,38	3,25	2,00	7,74	Bể bê tông cốt thép
2	T02	Bể điều hoà nước thải	Bể	1	64,37	4,75	0,50	305,76	Bể bê tông cốt thép

3	T03-A	Bể thiếu khí	Bể	1	19,84	4,75	0,50	94,24	Bể bê tông cốt thép
4	T04-A	Bể hiếu khí	Bể	1	52,22	4,75	0,50	248,05	Bể bê tông cốt thép
5	T05-A	Bể lắng sinh học	Bể	1	29,76	4,75	0,50	141,36	Bể bê tông cốt thép
6	T06	Bể khử trùng	Bể	1	21,08	4,75	0,80	100,13	Bể bê tông cốt thép
7	T07	Bể chứa bùn	Bể	1	10,75	4,75	0,50	51,06	Bể bê tông cốt thép

* Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt của hệ thống XLNT

Bảng 3. 3. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống XLNT

TT	Nội dung công việc và thông số kỹ thuật		Model	Hãng	Xuất xứ	Đơn Vị	Khối lượng
A	Hạng mục thiết bị và công nghệ						
1	Bể thu gom (tách rác)						
1,1	Bơm nước thải bể thu gom	- Dạng bơm: Bơm chìm nước thải - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 0-1,1 m ³ /phút + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Cột áp: 13,8-3,2 mH ₂ O + Công suất: 2,2 kW	100C42.2	TSURUMI	Nhật Bản	Bộ	2
		Phao báo mức dài 5m					
1,2	Bơm thu cát	- Dạng bơm: Bơm chìm nước thải - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 0-0,32 m ³ /phút + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Cột áp: 11-2,2 mH ₂ O + Công suất: 0,75 kW	50C2.75	TSURUMI	Nhật Bản	Bộ	1
1,2	Rọ tách rác thô	+ Rọ tách rác thô: mắt lưới 10mm, vật liệu: SUS304 - Kích thước: DxRxC = 800 x 800 x 800 mm - Bao gồm khung giá đỡ, xích kéo rọ tách rác	Gia công	BKG	Việt Nam	Bộ	1
2	Bể điều hòa						

TT	Nội dung công việc và thông số kỹ thuật		Model	Hãng	Xuất xứ	Đơn Vị	Khối lượng
2,1	Bơm nước thải bể điều hòa	- Dạng bơm: Bơm chìm nước thải - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 0-0,35 m ³ /phút + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Cột áp: 12,3-2 mH ₂ O + Công suất: 0,75 kW	50PU2.75	TSURUMI	Nhật Bản	Bộ	4 (02 bộ giai đoạn 1; 02 bộ giai đoạn 2)
		Phao báo mức dài 5m					3
2,2	Hệ thống phân phối khí bể điều hòa	- Loại đĩa phân phối: Đĩa phân phối bọt mịn - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 1,5 -8 m ³ /h + Đường kính hoạt động: 268 mm + Vật liệu: Màng EPDM	HD270	JEAGER	Đức	Cái	111
3	Bể thiếu khí						
3,1	Máy khuấy chìm bể thiếu khí	- Dạng bơm: Máy khuấy chìm - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 3,6 m ³ /phút + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Công suất: 0,75 kW	MR21NF 750	TSURUMI	Nhật Bản	Bộ	4 (02 bộ giai đoạn 1; 02 bộ giai đoạn 2)
4	Bể hiếu khí						
4,1	Giá thể sinh học chuyển động	+ Kích thước: D25xH10 mm + Vật liệu chế tạo: Nhựa PP, trắng + Định lượng: 1m ³ = 95 kg + Diện tích bề mặt: >500 m ² /m ³			Việt Nam	m ³	30
4,2	Bơm tuần hoàn nước thải	- Dạng bơm: Bơm chìm nước thải - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 0-0,35 m ³ /phút + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Cột áp: 12,3-2 mH ₂ O + Công suất: 0,75 kW	50PU2.75	TSURUMI	Nhật Bản	Bộ	4 (02 bộ giai đoạn 1; 02 bộ giai đoạn 2)

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án “Máy tính Mitac (Việt Nam)”

TT	Nội dung công việc và thông số kỹ thuật		Model	Hãng	Xuất xứ	Đơn Vị	Khối lượng
4,3	Hệ thống phân phối khí mịn	- Loại đĩa phân phối: Đĩa phân phối bột mịn - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 1,5 -8 m3/h + Đường kính hoạt động: 268 mm + Vật liệu: Màng EPDM	HD270	JEAGER	Đức	Cái	85
5	Bể lắng sinh học						
5,1	Bơm tuần hoàn bùn	- Dạng bơm: Bơm chìm nước thải - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 0-0,26 m3/phút + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Cột áp: 8,8-2 mH2O + Công suất: 0,4 kW	50PU2.4	TSURUMI	Nhật Bản	Bộ	4 (02 bộ giai đoạn 1; 02 bộ giai đoạn 2)
5,2	Ống lắng trung tâm	- Kích thước: D800xH2000 mm - dày 2 mm - Vật liệu: SUS304 - Bao gồm khung giá đỡ	Gia công	BKG	Việt Nam	Bộ	2
5,3	Máng răng cưa thu nước, vách chắn bọt	- Bao gồm: Máng răng cưa, vách chắn bọt - Kích thước: B250xL4500 mm - dày 2 mm - Vật liệu: SUS304 - Số lượng: 4 cái - Bao gồm khung giá đỡ	Gia công	BKG	Việt Nam	Bộ	2
6	Bể khử trùng						
6,1	Đồng hồ đo lưu lượng nước	- Loại: Đồng hồ điện tử - Vật liệu: Gang - Kích thước: DN200			Malay sia	Cái	1
7	Bể chứa bùn						
8	Hệ thống hóa chất						
8,1	Bồn pha hóa chất	- Vật liệu: Nhựa PE - Thể tích: 1000L		TÂN Á	Việt Nam	Bồn	4

TT	Nội dung công việc và thông số kỹ thuật		Model	Hãng	Xuất xứ	Đơn Vị	Khối lượng
8,2	Bơm định lượng cơ chất	- Lưu lượng: 155 [L/h] - Áp lực: 10 [bars] + Điện năng: 380V/3phase/50hz - Công suất: 0.25 kW	1M155P1 155SV BSMV0 M3-004	OBL	Italia	Cái	2
8,3	Bơm định lượng PAC	- Lưu lượng: 155 [L/h] - Áp lực: 10 [bars] + Điện năng: 380V/3phase/50hz - Công suất: 0.25 kW	1M155P1 155SV BSMV0 M3-004	OBL	Italia	Cái	2
8,4	Bơm định lượng Soda	- Lưu lượng: 155 [L/h] - Áp lực: 10 [bars] + Điện năng: 380V/3phase/50hz - Công suất: 0.25 kW	1M155P1 155SV BSMV0 M3-004	OBL	Italia	Cái	2
8,5	Bơm định lượng Javen	- Lưu lượng: 155 [L/h] - Áp lực: 10 [bars] + Điện năng: 380V/3phase/50hz - Công suất: 0.25 kW	1M155P1 155SV BSMV0 M3-004	OBL	Italia	Cái	2
9	Khu vực điều khiển						
9,1	Máy thổi khí đặt cạn	- Đường kính ống đẩy : DN100 mm - Cột áp : 4 mH ₂ O. - Lưu lượng : 6,58 m ³ /phút. - Công suất: 10HP/7,5 kW/3phase/380V. - Phụ kiện đi kèm: Đầu thổi khí, ống giảm thanh đầu vào, van 1 chiều, van an toàn, đồng hồ áp lực, cạc te, khung đế, Pulley đầu thổi, Pulley đầu motor, dây đai, bulong.	TH-100	TRUNDEAN	Đài Loan	Cái	4 (02 bộ giai đoạn 1; 02 bộ giai đoạn 2)

TT	Nội dung công việc và thông số kỹ thuật		Model	Hãng	Xuất xứ	Đơn Vị	Khối lượng
9,2	Quạt hút khí	- Dạng: Quạt ly tâm truyền động trực tiếp - Vật liệu: Thép - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: 1000-1500 m³/giờ + Cột áp: 350 - 750 Pa + Điện năng: 380V/3phase/50hz + Công suất: 0,75 kW	SCD-D2,8	SYSTEM FAN	Việt Nam	Cái	1
9,3	Tháp xử lý khí	- Vật liệu: SS400 dày 2mm - Kích thước: D1200xH2000 mm - Vật liệu khử mùi: Than hoạt tính (150kg)	Gia công	BKG	Việt Nam	Bộ	1
9,4	Hệ thống tủ điện điều khiển trạm xử lý	- Linh kiện chính: Linh kiện chính sản xuất theo tiêu chuẩn Asia, Một số linh kiện sản xuất tại China, Taiwan. - Tủ điện điều khiển: Tủ điện, MCB, Khởi động từ, atomat bảo vệ từng thiết bị, Relay trung gian, Đèn chiếu sáng, công tắc hành trình, cầu đấu, công tắc khẩn cấp, bảo vệ pha, phao khổng chế mực nước, công tắc chuyển mạch...			Lắp ráp tại Việt Nam	Gói	1
B	Vật tư hệ thống đường ống, đường điện, phụ kiện lắp đặt						
1	Hệ thống đường ống công nghệ	- Đường ống dẫn nước thải, hóa chất, dẫn bùn - Vật liệu: uPVC Class2 - Phụ kiện: Cút, Tee, Van, giá đỡ ống - Phụ kiện ống đính kèm, mặt bích ống Bao gồm ống dẫn nước thải trong toàn bộ hệ thống xử lý, không bao gồm đường ống thu gom nước thải tại các điểm phát sinh.		TIỀN PHONG/ Tương đương	Việt Nam	Gói	1

TT	Nội dung công việc và thông số kỹ thuật		Model	Hãng	Xuất xứ	Đơn Vị	Khối lượng
2	Hệ thống đường ống cấp khí	Đường ống cấp khí dưới nước: - Vật liệu: uPVC Class2 - Phụ kiện: Cút, Tee, Van, giá đỡ ống - Phụ kiện ống đỉnh kèm, mặt bích ống Hệ thống đường ống cấp Khí trên mặt nước: - Vật liệu: Ống inox SUS304 dày 2mm - Phụ kiện ống đỉnh kèm, van, khóa,....		TIỀN PHONG/ Tương đương, HOÀNG VŨ/ Tương đương...	Việt Nam/T rung Quốc	Gói	1
3	Vật tư phụ	- Bao gồm: + Giá đỡ ống, bulong, nở dưới mặt nước: SUS304 + Giá đỡ, bulong, nở, ubol,... trên mặt bể: Thép, Kẽm + Keo dán ống, que hàn, lưỡi cắt, đá mài.....			Việt Nam	Gói	1
4	Lắp đặt	- Nhân công lắp đặt thiết bị, đường ống công nghệ hệ thống		BKG	Việt Nam	Gói	1
5	Hệ thống dây cáp điện động lực	- Bao gồm: Dây điện kết nối các thiết bị vào tủ điện điều khiển trung tâm, Máng chạy điện, ống luồn điện		CADISUN	Việt Nam	Gói	1

* Nhu cầu sử dụng hóa chất

Bảng 3. 4. Nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống XLNT

TT	Hóa chất	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/năm)
1	Javen	7,5	2.737,5
2	Metanol	16	5.840
3	Soda	4	1.460
3	PAC	8	2.920

❖ Quy trình, hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải

* Quy định vận hành hệ thống xử lý nước thải

Trước khi thực hiện các công tác vận hành hệ thống yêu cầu người vận hành phải chuẩn bị kỹ lưỡng các nội dung sau:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.
- Chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật tư cần thiết để triển khai công tác vận hành.
- Cán bộ vận hành phải nắm và hiểu rõ chế độ hoạt động và đặc tính của từng thiết bị.

- Cán bộ vận hành phải là người có chuyên môn và đã được đào tạo vận hành hệ thống.

** Quy định về an toàn*

Trước khi vận hành người vận hành cần được trang bị về an toàn trong sử dụng thiết bị, bảo hộ lao động. Công tác chuẩn bị hàng ngày được yêu cầu trước khi hệ thống đi vào vận hành như liệt kê ở dưới.

Những công việc kiểm tra toàn bộ hệ thống cần làm (1) Tủ điện điều khiển (bao gồm: đèn 3 pha, công tác chuyển mạch, đèn báo của từng thiết bị). (2) Hiện trạng của thiết bị động lực (máy thổi khí, bơm chìm, bơm định lượng) tất cả các công việc nên được kiểm tra cẩn thận. Các thông tin ghi chép nên được lưu chữ trong sổ tay vận hành hàng ngày.

Các công việc chi tiết để khởi động nguồn cho hệ thống: các mục đo (vôn kế, ampe kế, đèn báo trên tủ điện điều khiển) phải được kiểm tra đạt ở vôn kế yêu cầu, đủ 3 pha hay không. Sau đó, tất cả các thiết bị mới được cho khởi động theo cách như ở dưới.

Hiện trạng máy bơm, máy thổi khí nên kiểm tra lại cẩn thận trong suốt quá trình vận hành. Nếu có tiếng ồn bất thường từ thiết bị, đèn báo trên tủ điện, người vận hành cần kiểm tra ngay lỗi và tìm gia giải pháp giải quyết. Trường hợp lỗi ngoài tầm kiểm soát, người vận hành cho ngừng hoạt động toàn bộ hệ thống bằng cách nhấn nút tắt “emergency stop” trên tủ điện

** Hướng dẫn vận hành chi tiết*

Bảng 3. 5. Hướng dẫn vận hành chi tiết hệ thống XLNT

TT	Thiết Bị	Chức Năng	Quy Trình Vận Hành
BỂ THU GOM NƯỚC THẢI			
1	Rọ tách rác thô Số lượng: 1	Loại bỏ lượng rác có kích thước lớn giảm thiểu tác động của rác tới hoạt động của thiết bị động lực và quá trình xử lý của hệ thống.	- Kiểm tra, vớt loại bỏ rác trong ngăn 1 hố thu. Định kì hàng ngày
2	Bơm nước thải bể thu gom - Số lượng: 2	Bơm chuyển nước thải lên hệ thống XLNT.	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân bơm). Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 4: Kiểm tra hoạt động của các phao mức.
3	Bơm thu cát bể thu gom - Số lượng 01	Bơm cát về bể chứa bùn T07	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân

TT	Thiết Bị	Chức Năng	Quy Trình Vận Hành
			bom). Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto”
BỂ ĐIỀU HÒA			
1	Bơm Điều Hòa <i>Số lượng giai đoạn 1: 2</i>	Bơm chuyển nước thải lên hệ thống XLNT.	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân bơm). Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 4: Kiểm tra hoạt động của các phao mức.
2	Đĩa phân phối khí thô <i>Số lượng: 111 cái</i>	Đảo trộn nước thải, tăng hiệu quả xử lý nước	Bước 1: Kiểm tra mức độ đảo trộn của đĩa hiệu khí thô Bước 2: Điều chỉnh lượng khí cấp vào bể điều hòa nếu cần
BỂ THIẾU KHÍ			
1	Máy khuấy chìm <i>Số lượng giai đoạn 1: 2 bộ</i>	Khuấy trộn, tạo dòng vi sinh. Tăng hiệu quả xử lý	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 3: Kiểm tra hiệu quả đảo trộn tại bể
BỂ HIẾU KHÍ			
1	Đĩa phân phối khí tinh <i>Số lượng: 85 cái</i>	Cung cấp Oxy, duy trì hàm lượng DO 2 - 4 mg/L cho quá trình phân hủy Hiếu Khí. Đồng thời khuấy trộn, chống lắng bùn xuống đáy bể.	Bước 1: Kiểm tra nồng độ DO trong bể Hiếu Khí. Bước 2: Kiểm tra kích thước các bóng khí nổi lên mặt nước (Kích thước bóng khí < 5cm). Bước 3: Điều chỉnh lượng khí cấp vào bể Hiếu Khí.
3	Máy Thổi Khí <i>Số lượng giai đoạn 1: 02:</i>	Cung cấp Oxy cho quá trình xử lý Hiếu khí.	Bước 1: Kiểm tra các điểm kết nối đường ống và máy khí. Bước 2: Khởi động từng máy và kiểm tra các thông số : Điện áp, Dòng, Độ ồn (Điện áp: 380-400V) Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto”
4	Bơm Tuần Hoàn <i>Số lượng giai đoạn 1: 02 máy</i>	Tuần hoàn lại lượng bùn vi sinh trong quá trình xử lý Tăng hiệu quả xử lý, tăng thời gian	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân

TT	Thiết Bị	Chức Năng	Quy Trình Vận Hành
		lưu	bơm). Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 4. Kiểm tra hoạt động biến tần cài thời gian.
BỂ LẮNG SINH HỌC			
1	Máy Bơm Bùn hoàn - Số lượng giai đoạn 1: 02 máy	- Tuần hoàn bùn, cấp nước cho các hệ thống xịt rửa	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân bơm). Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 4. Kiểm tra hoạt động biến tần cài thời gian.
2	Máng răng cưa thu nước và vách chắn bọt Số lượng: 02 hệ	Tăng hiệu quả lắng của bể Tác phân bùn và nước sau chu trình	Kiểm tra tình trạng lắng của bể, cảm quan bề mặt bể và chất lượng nước phân phía trên
BỂ KHỬ TRÙNG			
1	Đồng hồ đo lưu lượng Số lượng: 01	- Kiểm soát lưu lượng sau xử lý	Kiểm tra tình trạng đồng hồ đo lưu lượng
HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI			
1	Quạt xử lý mùi	Xử lý mùi phát sinh tại bể điều hòa	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch bơm (Kiểm tra vệ sinh lồng, cánh bơm, thân bơm). Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 4. Kiểm tra hoạt động biến tần cài thời gian.

* Cấp hóa chất

Bảng 3. 6. Quy trình cấp hóa chất

TT	Thiết Bị	Chức Năng	Quy Trình Vận Hành
HỆ THỐNG HÓA CHẤT			
1	Bơm Định Lượng Hóa Chất	Cấp hóa chất vào hệ thống	Bước 1: Kiểm tra hiện trạng các bơm (Đo điện áp, dòng điện làm việc) Bước 2: Kiểm tra và làm sạch đầu hút của bơm

TT	Thiết Bị	Chức Năng	Quy Trình Vận Hành
			Bước 3: Bật máy ở chế độ “Auto” Bước 4. Kiểm tra hoạt động của tín hiệu theo bơm điều hòa
2	Tank chứa hóa chất	Chứa hóa chất pha loãng theo định mức cấp	Bước 1: Bơm nước vào tank Bước 2: Mở van khí trộn Bước 3: Pha hóa chất theo định mức hằng ngày

*** Quy trình pha hóa chất:**

✓ Hóa chất Cơ chất

- Nồng độ ban đầu 100%
- Thể tích bồn rửa: 1000L
- Quy chuẩn pha hóa chất: 30kg hóa chất Cơ chất cho 450L nước sạch
- Quy trình pha hóa chất:
- + Mở van cấp nước city vào bồn (khoảng 2/3 bồn)
- + Mở van khí vừa phải
- + Cho hóa chất vào bồn (tỷ lệ hóa chất và lượng nước đã cấp vào với quy chuẩn ở trên).

- + Đợi 30 phút cho Hóa chất tan hết, sau đó cấp 1/3 thể tích nước city còn lại vào bồn.
- + Vận nhỏ van khí để đảo trộn hóa chất trong quá trình xử dụng

✓ Hóa chất PAC

- Nồng độ ban đầu 100%
- Thể tích bồn rửa: 1000L
- Quy chuẩn pha hóa chất: 15kg hóa chất Soda cho 450L nước sạch
- Quy trình pha hóa chất:
- + Mở van cấp nước city vào bồn (khoảng 2/3 bồn)
- + Mở van khí vừa phải
- + Cho hóa chất vào bồn (tỷ lệ hóa chất và lượng nước đã cấp vào với quy chuẩn ở trên).

- + Đợi 30 phút cho Hóa chất tan hết, sau đó cấp 1/3 thể tích nước city còn lại vào bồn.
- + Vận nhỏ van khí để đảo trộn hóa chất trong quá trình xử dụng

✓ Hóa chất Soda

- Nồng độ ban đầu 100%
- Thể tích bồn rửa: 1000L
- Quy chuẩn pha hóa chất: 1.5kg hóa chất Soda cho 450L nước sạch
- Quy trình pha hóa chất:
- + Mở van cấp nước vào bồn (khoảng 2/3 bồn)
- + Mở van khí vừa phải
- + Cho hóa chất vào bồn (tỷ lệ hóa chất và lượng nước đã cấp vào với quy chuẩn ở trên).

- + Đợi 30 phút cho Hóa chất tan hết, sau đó cấp 1/3 thể tích nước city còn lại vào bồn.

- + Vặn nhỏ van khí để đảo trộn hóa chất trong quá trình sử dụng
- ✓ Hóa chất Javen NaOCL
- Nồng độ ban đầu 9%
- Thể tích bồn rộng: 1000L
- Quy chuẩn pha hóa chất: 1kg hóa chất Javen cho 450L nước sạch
- Quy trình pha hóa chất:
 - + Mở van cấp nước city vào bồn (khoảng 2/3 bồn)
 - + Mở van khí vừa phải
 - + Cho hóa chất vào bồn (tỷ lệ hóa chất và lượng nước đã cấp vào với quy chuẩn ở trên).
 - + Đợi 30 phút cho Hóa chất tan hết, sau đó cấp 1/3 thể tích nước city còn lại vào bồn.
 - + Vặn nhỏ van khí để đảo trộn hóa chất trong quá trình sử dụng



Hình 3. 5. Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải của dự án

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất

a. Thông tin đơn vị thi công lắp đặt các công trình xử lý

- Đơn vị thi công lắp đặt: Công ty Cổ phần môi trường ETC Việt Nam. Địa chỉ: Xã Đông Anh, thành phố Hà Nội

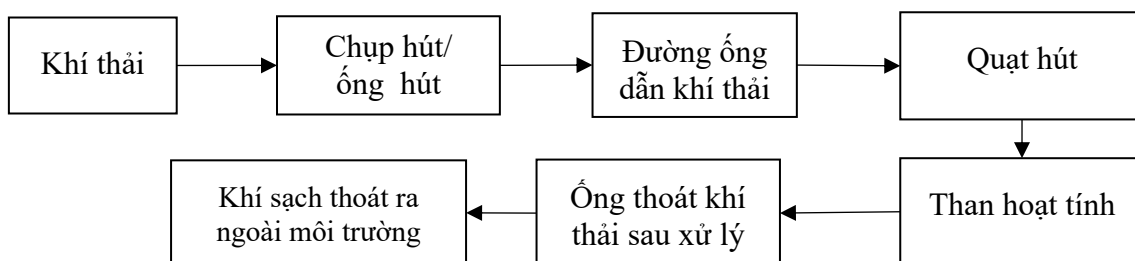
b. Công trình xử lý khí thải

- Hiện tại, Dự án đã lắp đặt hoàn thiện 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000 m³/giờ để xử lý khí thải cho quá trình sản xuất

- Công nghệ xử lý: Xử lý khí thải bằng than hoạt tính

- Vị trí lắp đặt: Tầng mái nhà xưởng 01 – (F01)

Sơ đồ hệ thống xử lý khí thải của dự án như sau:

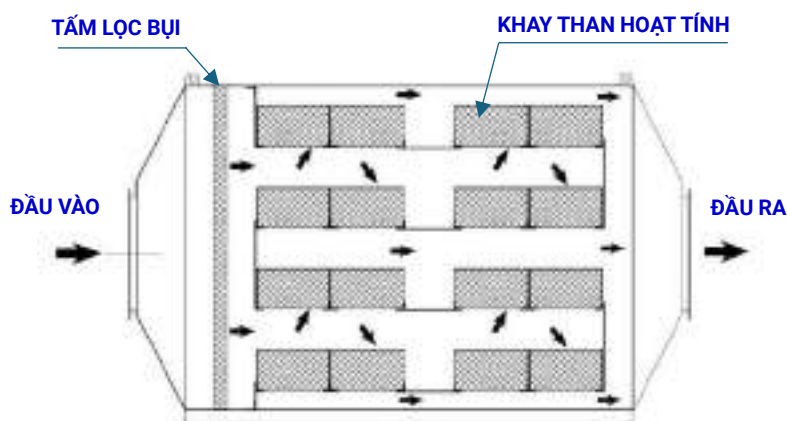


Hình 3. 6. Sơ đồ quy trình thu gom, xử lý khí thải

** Thuyết minh quy trình*

Tại mỗi điểm phát sinh khí thải của dây chuyền sản xuất sẽ lắp đặt các chụp hút. Dưới tác dụng của lực hút từ quạt hút, khí thải sẽ được hút vào các chụp hút và dẫn vào tháp hấp phụ. Tại tháp hấp phụ, khí thải được phân bố đi qua lớp vật liệu hấp phụ bằng than hoạt tính. Quá trình hấp phụ xảy ra ở đây là hấp phụ vật lý, than hoạt tính có cấu trúc xốp và có nhiều lỗ rỗng nhỏ, đồng thời chúng có ái lực mạnh với các hợp chất hữu cơ. Vì vậy, các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs) bị hút và giữ trong các lỗ rỗng của than hoạt tính. Đối với các chất hữu cơ dễ bay hơi, mức độ hấp phụ của than hoạt tính khá lớn. Trong ngưỡng hấp phụ cho phép, hiệu suất xử lý có thể đạt $\geq 90\%$.

Dự án sử dụng loại than hoạt tính dạng hạt rời được chứa bằng các khay than bên trong buồng hấp phụ. Hệ thống XLKT gồm có 02 buồng hấp phụ bằng than hoạt tính lắp đặt song song, mỗi buồng than bố trí 32 khay than. Các khay than hoạt tính được xếp thành 4 lớp đảm bảo sức cản đối với dòng không khí nằm trong phạm vi thích hợp để tổn thất áp suất của dòng khí đi qua thiết bị không quá lớn, đồng thời đảm bảo thời gian tiếp xúc cần thiết giữa khí và vật liệu hấp phụ, khối lượng than sử dụng cho mỗi buồng than khoảng 1.440 kg/buồng. Than hoạt tính của hệ thống xử lý khí thải sẽ được thay thế khi kết quả quan trắc định kỳ tiệm cận quy chuẩn xả khí thải, tần suất thay than dự kiến từ 6 tháng hoặc 1 năm/lần.



Hình 3. 7. Cấu tạo buồng than và hướng dòng khí thải khi qua buồng than

Khí thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Bảng 3. 7. Danh mục máy móc thiết bị, khu vực phát sinh khí thải

TT	Khu vực phát sinh khí thải	Nguồn thải	Số lượng	Số lượng ống hút	Kích thước (mm)	Hệ thống XLKT
1	Tầng 03 - Nhà xưởng -01 (F1)	Lò hàn SMT	02	04	D150	Thu gom về hệ thống XLKT công suất 40.000 m ³ /giờ
		Máy khắc laser	01	01	D65	
		Vị trí sửa chữa (hàn tay)	09	09	D65	
		Lò sấy	01	01	D65	
		Máy sửa chữa (BGA)	01	01	D150	
		Bàn gia nhiệt	02	02	D200	

TT	Khu vực phát sinh khí thải	Nguồn thải	Số lượng	Số lượng ống hút	Kích thước (mm)	Hệ thống XLKT
		Lò hàn PTH	02	12	D150	
		Vị trí bổ sung thiếc thủ công tại chuyên PTH	02	04	D65	
		Máy tách bản	02	02	D65	
		Phòng phủ keo (coating)	01	03	D150	
		Phòng rửa khuôn	01	02	D65	
				01	D150	
		Phòng sửa chữa chức năng	01	04	D65	

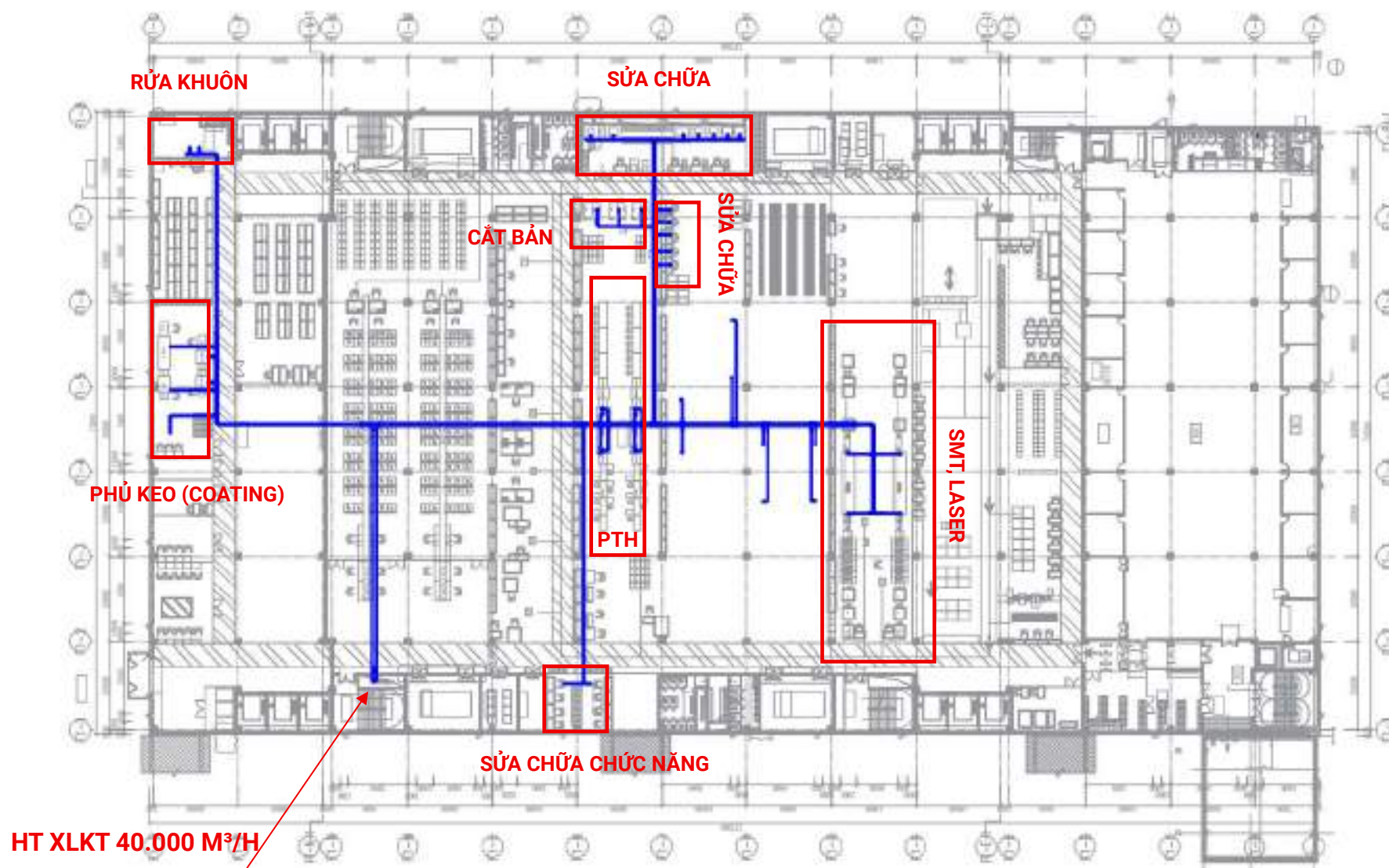
* Thông số lý thuật của hệ thống xử lý khí thải

Bảng 3. 8. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

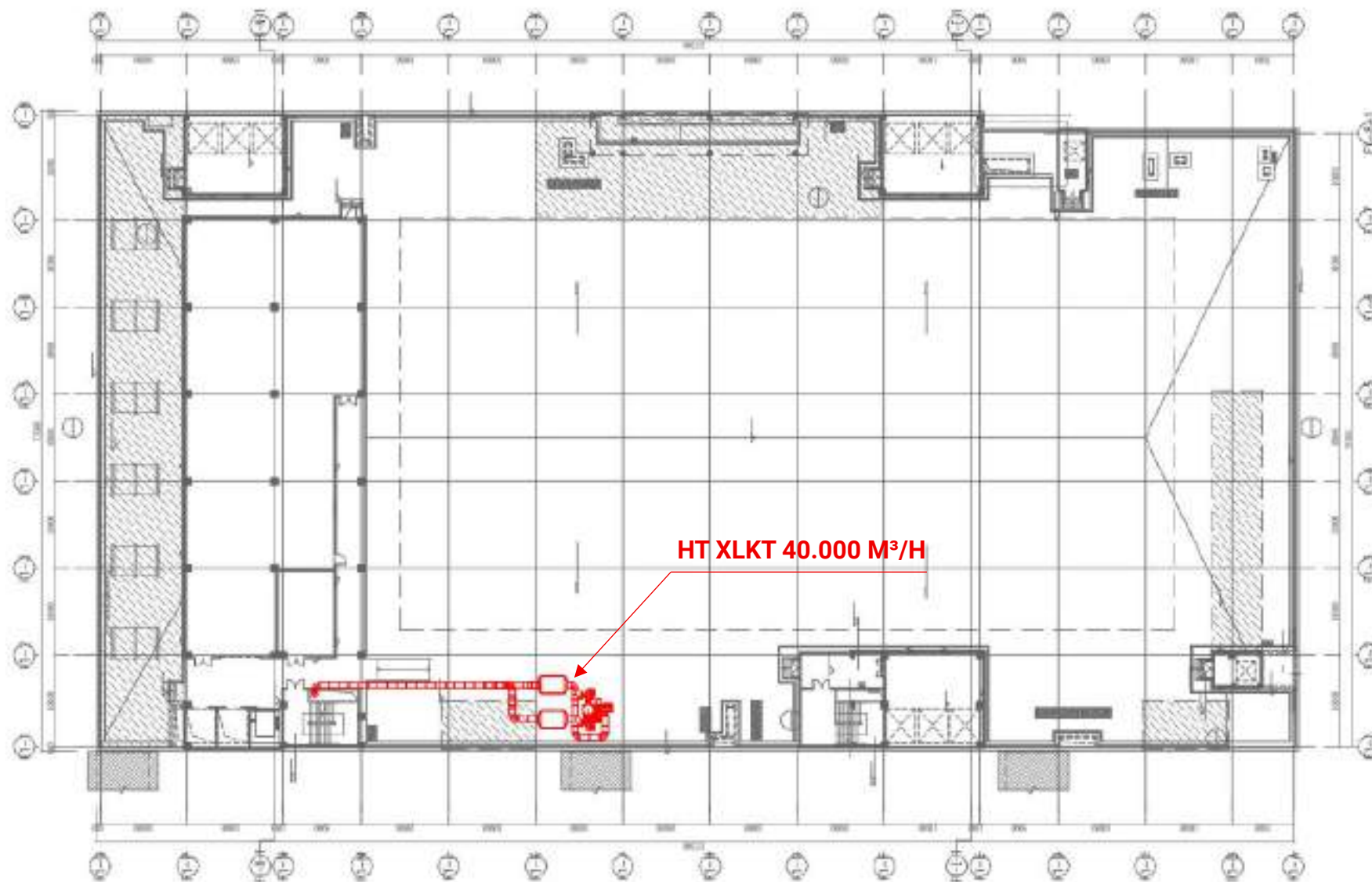
TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Quạt hút	Cái	02	- Loại quạt: Quạt ly tâm truyền động gián tiếp - Lưu lượng: 18.000-24.000 m³/h - Áp suất: 3.400-4.300Pa - Công suất: 22kw/380V/3passe - 02 quạt hoạt động đồng thời
2	Buồng than hoạt tính	Buồng	02	- Kích thước bồn than: 2750*2000*2000mm (L*W*H)) - Số lượng khay than: 32 khay/buồng - Kích thước khay than: 1000x450x200mm (L*W*H) - Khối lượng than hoạt tính: 1.440 kg/buồng - Thời gian lưu khí thải: 1,5-3s
4	Ống thoát khí	Cái	01	- Chiều cao: 6350mm - Đường kính: 80mm



Hình 3. 8. Hệ thống XLKT đã lắp đặt tại dự án



Hình 3. 9. Mặt bằng thu gom khí thải giai đoạn đề nghị cấp phép tại tầng 03 nhà xưởng F01



Hình 3. 10. Mặt bằng bố trí hệ thống XLKT tại tầng mái

❖ Quy trình, hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý khí thải

(1) Kiểm tra hệ thống

a. Kiểm tra thiết bị

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong hệ thống xử lý. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

TT	Máy móc thiết bị	Chi tiết cần kiểm tra
1	Quạt hút	- Nguồn điện cấp vào máy. - Tín hiệu truyền về HT ĐKTD - Hoạt động của máy theo chương trình điều khiển tự động. - Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. - Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van, ... - Dây coroa (mức độ giãn). - Bulông (mức siết chặt)
2	Thiết bị hấp phụ	- Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. - Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van.
3	Tủ điện điều khiển	- Hiện thị và hoạt động

b. Kiểm tra hệ thống điện

- Kiểm tra điện:

+ Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp, thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

+ Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, MCB, MCCB. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

- Các ký hiệu bên trong tủ điện

+ ON – Đóng, mở nguồn cung cấp cho tủ điện khi cần.

+ AU, ON – Chế độ điều khiển tự động và bằng tay.

+ Đèn của máy nào trên tủ điện sáng thì máy đó đang hoạt động.

Đèn báo màu xanh (green): Mở máy

Đèn báo màu vàng (yellow): Máy bị sự cố (Trip)

- Hệ thống xử lý khí thải được điều khiển ở 02 chế độ:

+ Chế độ tự động: Hoạt động theo chế độ điều khiển tự động theo tín hiệu chênh áp

+ Chế độ điều khiển bằng tay: Hoạt động theo sự điều khiển của công nhân vận hành tại tủ điện.

c. Vệ sinh hệ thống

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh các thiết bị tại hệ thống xử lý theo bảng dưới. Việc vệ sinh thiết bị sẽ giúp cho thiết bị kéo dài tuổi thọ hoạt động và tránh được những hư hỏng ngoài ý muốn.

- Vệ sinh các bể xử lý theo biểu mẫu ban hành nhằm tránh hiện tượng rỉ sét, hư hỏng .

- Ngoài ra, việc vệ sinh còn giúp tạo cảnh quan cho toàn bộ hệ thống, cũng như tạo thiện cảm đối với khách tham quan.

(2) Quy trình vận hành

a. Nguyên lý hoạt động hệ thống

- Quạt hút hoạt động với chế độ bật bằng tay hoặc tự động.
- Chế độ tự động được điều khiển dựa vào tín hiệu chênh áp.

b. Quạt hút

- Nguyên lý hoạt động của quạt hút:
 - + Hoạt động với chế độ bằng tay/ tự động
 - + Chế độ hoạt động bằng tay: Khi vận hành người vận hành chuyển nút công tắc sang vị trí ON để bật quạt. Người vận hành điều chỉnh tốc độ của quạt dựa vào chiết áp trên cánh tủ.
 - + Chế độ hoạt động tự động: Khi vận hành người vận hành chuyển nút công tắc sang vị trí Au để quạt chạy theo chế độ tự động. Trên màn hình HDMI người vận hành cài đặt áp suất áp suất và sai số áp suất.

Lưu ý: Khi chuyển chế độ từ tự động sang bằng tay hoặc bằng tay sang tự động người vận hành cần chuyển nút điều khiển về vị trí 0 để quạt tắt hoàn toàn mới chuyển sang chế độ mới.

- Quy trình nạp, tháo than hoạt tính:

+ Quy trình nạp than:

- ✓ Bước 1: Vận chuyển than lên vị trí thiết bị và đặt trên bạt để các hạt than nhỏ không rơi ra ngoài nên trong quá trình nạp than.
- ✓ Bước 2: Tháo cửa phía bên hông tháp.
- ✓ Bước 3: Kéo khay than ra.
- ✓ Bước 4: Đổ than vào khay.
- ✓ Bước 5: Cho khay than vào vị trí.
- ✓ Bước 6: Vệ sinh.

+ Quy trình tháo than hoạt tính: Than hoạt tính được thay ra khỏi thiết bị khi hiệu quả hấp phụ của than giảm làm các chỉ số ô nhiễm tiệm cận vượt quy chuẩn (Căn cứ vào kết quả quan trắc định kỳ) thì phải thay than ngay. Hoặc định kỳ 6-12 tháng thay than 1 lần:

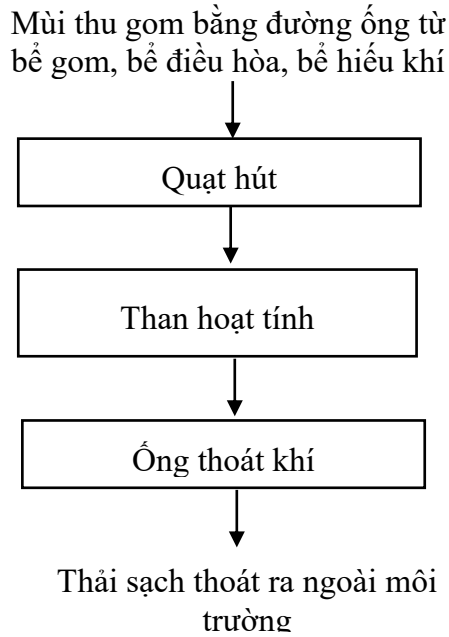
- ✓ Bước 1: Dùng bạt trải rộng ra khu vực cửa hông tháp than
- ✓ Bước 2: Mở cửa hông tháp than. Tháo từng khay than ra ngoài cho vào các bao hoặc khay chứa
- ✓ Bước 3: Đưa than về vị trí tập kết của nhà máy
- ✓ Bước 4: Vệ sinh.

3.2.2. Công trình giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

Khí thải, mùi hôi phát sinh tại hệ thống xử lý nước thải phát sinh chủ yếu là do H_2S , NH_3 , Metyl mercaptan...có trong nước thải gây ra, phát sinh chủ yếu tại bể điều hòa, bể thiếu khí sinh học. Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án đầu tư hệ thống xử lý mùi, khí thải.

Mùi, khí thải sẽ được thu gom qua đường ống đi vào tháp xử lý khí thải bằng than hoạt tính. Khí sạch sau khi hấp phụ được thải ra ngoài môi trường thông qua ống thoát khí tại đỉnh tháp.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 11. Sơ đồ thu gom, xử lý mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

* Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi

Bảng 3. 9. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý mùi

TT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Thông số/công suất
1	Tháp hấp phụ	1 Tháp	- Kích thước DxH=1200x2000mm - Vật liệu: SS400 dày 2mm - Vật liệu khử mùi: Than hoạt tính khối lượng 150 kg
2	Quạt hút	1 Cái	- Lưu lượng: 1.500m ³ /giờ - Cột áp: 2000-2.500pa - Công suất: 2,2kW/380V/2P

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

❖ Chủng loại và khối lượng phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rác thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà máy, hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ công nhân viên sử dụng hằng ngày (các loại thực phẩm thải loại, thực phẩm hỏng, bao bì thức ăn...). Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy.

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh dự kiến khoảng 1000 người x 1,3 kg/người/ngày = 1.300 kg/ngày.

❖ Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

Chủ dự án đã bố trí các thùng đựng rác ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,... rác được thu gom vào các thùng đựng rác có nắp đậy đặt tại khu vực chứa chất thải sinh hoạt bên trong và ngoài nhà xưởng.

Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom bằng xe đẩy rác có dung tích khoảng 0,5m³/xe về tập kết tại kho chứa chất thải sinh hoạt U1A có diện tích là 108,45m²

Chủ dự án đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng là Công ty TNHH Môi trường Ngân Anh để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Tần suất vận chuyển tối thiểu 01 lần/ngày.



Hình 3. 12. Kho chứa CTR sinh hoạt

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

❖ Chung loại và khối lượng

Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu là bao bì đóng gói, phế liệu là nhựa, giấy bìa, chân linh kiện, pallet thải... Các loại chất thải này sẽ được Công ty phân loại tại nguồn để có biện pháp xử lý thích hợp cho từng loại. Dự kiến khối lượng các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khi dự án đi vào hoạt động cụ thể như sau:

Bảng 3. 10. Tổng hợp khối lượng CTR phát sinh

TT	Thành phần chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Vật liệu kim loại thải (Chân linh kiện, khuôn thải)	1.000
2	Bao bì, bìa carton thải	25.000
3	Pallet thải	1.500
4	Bụi, bavia thừa từ quá trình cắt bản mạch	300
5	Vật liệu nhựa thải (khay nhựa, cuộn nhựa, hộp vật liệu PC thải)	75.000
6	Bùn sinh học từ quá trình xử lý nước thải	47.300
	Tổng	150.100

❖ Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý

- Chủ dự án bố trí các thùng đựng CTR sản xuất tại các nhà xưởng sản xuất để thu gom các chất thải phát sinh. Chất thải rắn sản xuất phát sinh được thu gom và đưa về phân loại tại kho chứa của nhà máy.

- Các loại chất thải khác nhau sẽ được sắp xếp ngăn nắp riêng biệt để thuận tiện cho công tác vận chuyển và xử lý.

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Dự án đã bố trí 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường U1B (tại nhà rác U1) có diện tích 313,44 m² để lưu chứa toàn bộ CTR công nghiệp thông thường phát sinh

- Chủ dự án đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng là Công ty TNHH Môi trường Ngân Anh để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp phát sinh. Tần suất vận chuyển khoảng 3 tháng/lần



Hình 3. 13. Kho chứa CTR công nghiệp thông thường

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại

❖ Thành phần, khối lượng phát sinh

Chất thải nguy hại của dự án bao gồm các loại chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, chi tiết, bộ phận linh kiện điện tử thải, bao bì đựng hoá chất, than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải,...Dự kiến khối lượng CTNH phát sinh khu dự án đi vào hoạt động cụ thể như sau:

Bảng 3. 11. Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
I	Chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên			
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	420	NH
2	Ắc quy chì thải	19 06 01	150	NH
3	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có thành phần nguy hại)	19 02 06	640	NH
4	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	70	NH
5	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	3.030	NH
	Tổng I		4.310	
II	Chất thải công nghiệp phải kiểm soát			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	180	KS
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất thải khi thải ra là CTNH) thải	18 01 02	300	KS

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	400	KS
4	Nước thải có các thành phần nguy hại	19 10 01	3.000	KS
	Tổng II		3.880	
	Tổng I+II		8.190	

❖ **Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý**

- Mỗi loại chất thải phát sinh được thu gom đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại bên ngoài thiết bị lưu chứa và ngoài cửa kho chứa, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng theo quy định.

- Kho chứa CTNH: Chủ dự án bố trí 01 kho chứa CTNH (U2B) diện tích 52,74m²

- Chủ dự án đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng là Công ty TNHH Môi trường Ngân Anh để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH phát sinh. Tần suất vận chuyển khoảng 3 tháng/lần



Hình 3. 14. Kho chứa chất thải nguy hại (U2B)

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế các nguồn gây ra tiếng ồn chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

Bảng 3. 12. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Biện pháp giảm thiểu
1	Tiếng ồn, độ rung từ máy móc, thiết bị sản xuất	- Phân chia các khâu sản xuất ra các khu nhà xưởng khác nhau - Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bệ máy cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp đặt,...

STT	Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	Biện pháp giảm thiểu
		- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý - Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt - Trang bị quần áo bảo hộ giảm âm chống tiếng ồn nhằm tránh các bệnh nghề nghiệp cho cán bộ công nhân
2	Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm	- Bố trí, quy định giờ xe ra vào vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm - Quy định tốc độ, không được bấm còi trong khu vực dự án - Sử dụng xe vận chuyển nguyên vật liệu, các sản phẩm của dự án đảm bảo, chở đúng tải trọng. - Trồng cây xanh xung quanh khu vực các nhà xưởng và khu vực dự án

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

Bảng 3. 13. Các sự cố thường gặp và biện pháp ứng phó

STT	Sự cố thường gặp	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1	Tủ điện – Điều khiển		
1.1	Đèn – còi báo sự cố hoạt động	Đèn trạng thái thiết bị báo đèn vàng.	- TH1: Thiết bị chạy quá dòng cài đặt Role nhiệt – Nhảy MCB. Bước 1: Chuyển đổi nút từ “ON” thành “OFF” và chờ 15 - 20 phút Bước 2: Kiểm tra và điều chỉnh giải nhiệt. Cài đặt lại role nhiệt Bước 3: Chuyển đổi aptomat sang vị trí “ON” và chuyển sang vị trí “AUTO” Bước 4: Kiểm tra thời gian vận hành thiết bị ít nhất 30 phút. - TH2: Thiết bị hỏng – Nhảy MCB. Bước 1: Tắt nút điều khiển Bước 2: Thay thế thiết bị mới Bước 3: Đặt lại công tắc trạng thái về vị trí “Auto” Bước 4: Kiểm tra thời gian vận hành thiết bị ít nhất 30 phút.

STT	Sự cố thường gặp	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
2	Bơm chìm nước thải		
2.1	Đèn trạng thái thiết bị báo đèn vàng.	Máy bơm bị tắc do có rác dính vào đầu hút, nguyên nhân khiến cánh quạt không quay.	Bước 1: Tắt nút điều khiển Bước 2: Vệ sinh thân máy bơm Bước 3: Chuyển đổi Aptomat từ “OFF” sang “ON” và đặt lại nút điều khiển ở vị trí “Auto” Bước 4: Kiểm tra thời gian vận hành thiết bị ít nhất 30 phút
		Bơm bị cháy hoặc kẹt vòng bi	Bước 1: Tắt nút điều khiển và tháo bơm ra Bước 2: Thay thế máy bơm mới Bước 3: Để chuyển đổi Aptomat từ “OFF” sang “ON” và đặt lại nút điều khiển ở vị trí “Auto” Bước 4: Kiểm tra thời gian vận hành thiết bị ít nhất 30 phút
2.2	Bơm chạy bình thường nhưng không lên nước.	Bơm đường ống bị hỏng	Kiểm tra và thay thế đường ống mới
		Kết nối giữa bơm và khớp nối tự động bị hở	Lắp đặt lại máy bơm
		Tắc ống bơm	Làm sạch đường ống bằng nước sạch
		Không mở van	Mở van
3	Máy thổi khí		
3.1	Đèn trạng thái hiện màu vàng	Động cơ của máy thổi khí bị cháy và kẹt vòng bi	Bước 1: Tắt nút điều khiển và bộ nén khí. Bước 2: Thay thế hoặc sửa chữa động cơ. Bước 3: Chuyển đổi Aptomat từ “OFF” sang “ON” và đặt lại nút điều khiển ở vị trí “Auto” Bước 4: Kiểm tra thời gian vận hành thiết bị ít nhất 30 phút
		Không mở van	Mở van
3.2	Máy chạy nhưng không lên khí	Dây cu-roa bị đứt	Tắt máy thổi khí và thay dây mới.
		Không mở van	Mở van
		Ống dẫn khí bị vỡ (rò khí)	Kiểm tra và thay thế đường ống mới
4	Bơm định lượng		
4.1	Đèn trạng thái hiện màu vàng	Do Motor của máy bị hỏng	Bước 1: Chuyển công tắc trạng thái về “Off” và tháo máy ra.

STT	Sự cố thường gặp	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
		dẫn đến nhảy MCB – Báo đèn vàng.	Bước 2: Thay thế máy mới. Bước 3: Chuyển đổi Aptomat từ “OFF” sang “ON” và đặt lại nút điều khiển ở vị trí “Auto” Bước 4: Kiểm tra thời gian vận hành thiết bị ít nhất 30 phút.
4.2	Máy chạy bình thường nhưng không lên nước	Bị tắc đường ống, lupper	Bước 1: Chuyển công tắc trạng thái về “Off”. Bước 2: Vệ sinh, thông tắc đường ống, lupper. Bước 3: Lắp lại đường ống và đặt lại nút điều khiển ở vị trí “Auto”
		Air buồng bơm	Mở van xả air buồng bơm.
5	Bể thiếu khí		
5.1	Vi sinh – nước có màu đen, mùi hôi	Do vi sinh già	Bổ sung thêm dưỡng chất như Đường để nuôi cấy lại vi sinh.
		Nhiều bùn, váng nổi do mật độ vi sinh cao, dư vi sinh.	Bơm bớt bùn dư về bể chứa bùn, hút bùn định kì như hướng dẫn ở bảng “tiến độ thực hiện các công tác bảo trì bảo dưỡng”
6	Bể hiếu khí		
6.1	Vi sinh – nước có màu đen, mùi hôi.	Lượng khí cấp ít.	Kiểm tra máy thổi khí, van cấp khí . Đảm bảo DO >3mg/l
		Do vi sinh già .	Bổ sung thêm dưỡng chất như Đường, đạm, men vi sinh để nuôi cấy lại vi sinh.
6.2	Bể hiếu khí xuất hiện bọt	Do phát sinh lượng lớn nước thải của quá trình tẩy rửa, lau sàn nhiều xà phòng.	Điều chỉnh lượng khí cấp ít lại để không tạo ra nhiều bọt tuy nhiên phải đảm bảo đủ nồng độ DO hoặc bổ sung các loại hóa chất chống tạo bọt vào bể.
		Vi sinh chết	Bổ sung thêm dưỡng chất như Đường, đạm, men vi sinh để nuôi cấy lại vi sinh hoặc mua bổ sung vi sinh tươi.
7	Bể lắng		
7.1	Bùn nổi nhiều ở bể lắng	Do quá trình phân hủy Yếm Khí ở Bể Lắng.	Tăng cường tần suất hút bùn nổi.

Khi xảy ra các sự cố chất lượng nước thải đầu ra của dự án không đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý như sau: Tạm dừng không xả nước thải vào hệ thống thoát nước thải của KCN, lưu giữ nước tạm thời tại

các bể của hệ thống XLNT để khắc phục. Đồng thời thông báo cho chủ đầu tư hạ tầng KCN biết khi có sự cố xảy ra và cam kết không xả nước thải vượt tiêu chuẩn đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và bồi thường nếu có sự cố gây ra tổn thất cho KCN.

Ngoài ra, để giảm thiểu các rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành chủ dự án sẽ tuân thủ các biện pháp như sau:

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa ngay khi có hỏng hóc.

- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,...để thay thế khi cần thiết.

- Quan trắc chất lượng nước thải đầu ra định kỳ của hệ thống xử lý

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

Bảng 3. 14. Các sự cố thường gặp của hệ thống XLKT và cách khắc phục

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách ứng phó
1	Sự cố đối với hệ thống quạt hút	- Quạt hút lỗi hỏng do không được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên	- Kiểm tra bảo dưỡng quạt hút thường xuyên - Thay thế quạt hút mới
2	Khí thải sau xử lý không đạt	- Than hoạt tính không còn khả năng hấp phụ	- Thay thế than hoạt tính mới - Định kỳ giám sát khí thải sau xử lý và chỉ số Iodine. Khi hiệu quả hấp phụ của than giảm làm các chỉ số ô nhiễm tiệm cận vượt quy chuẩn hoặc khi chỉ số Iodine nhỏ hơn 400 thì tiến hành thay thế than hoạt tính
3	Đường ống thu gom khí thải bị rò rỉ, hở các khớp nối	- Do bị tác động từ bên ngoài hoặc do quá trình lắp đặt không đạt yêu cầu	- Dùng keo chuyên dụng để bịt các lỗ hở hoặc các khớp nối - Thay thế đoạn đường ống mới
4	Tiếng ồn bất thường	- Lỗi vòng bi	- Kiểm tra và thay thế các bộ phận bị hư hỏng
5	Thiết bị có rò rỉ khí	- Cửa thiết bị không đóng chặt - Các kết nối mặt bích bị hở	- Kiểm tra, đóng chặt cửa trung cấp và khóa mặt bích tiếp giáp
6	Lỗi chênh lệch áp suất	- Cài đặt áp suất chênh lệch không đúng - Cảm biến bị hỏng	- Kiểm tra và cài đặt lại - Kiểm tra và thay thế cảm biến nếu cần thiết

Ngoài ra, để giảm thiểu các rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành chủ dự án sẽ tuân thủ các biện pháp như sau:

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp, lắp đặt thiết bị

- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống; Định kỳ 1 tháng/lần, tiến hành bảo trì bảo dưỡng hệ thống;

- Bố trí sẵn thiết bị dự phòng tại kho chứa. Trường hợp hệ thống xử lý khí thải xảy ra sự cố sẽ tạm ngừng công đoạn sản xuất tại nguồn phát sinh khí thải tương ứng để tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị ngay lập tức. Công ty cam kết chỉ hoạt động sản xuất tại các công đoạn phát sinh khí thải tương ứng sau khi khắc phục xong sự cố tại hệ thống xử lý

- Định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng khí thải sau hệ thống xử lý tần suất 3 tháng/lần để theo dõi. Than hoạt tính của hệ thống xử lý khí thải sẽ được thay thế khi kết quả quan trắc chất lượng khí thải tiệm cận quy chuẩn xả thải

c. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

- Biện pháp quản lý hóa chất: tại kho hóa chất, các can hóa chất được xếp riêng trên giá, lối đi giữa các giá đủ rộng cho việc xếp hàng. Kho hóa chất có quạt thông gió và điều hòa, trong kho có hệ thống chữa cháy tự động, cảm lửa, cảm hút thuốc; bên ngoài kho có chuông báo động dùng để thông báo khi xảy ra sự cố và dụng cụ bảo hộ lao động, ứng cứu sự cố hóa chất. Chỉ có công nhân trực tiếp làm việc với hóa chất và người phụ trách mới được ra vào, nghiêm cấm người không phận sự vào khu vực. Tại các vị trí lưu giữ hóa chất cũng bố trí bình cứu hỏa, bảo hộ lao động và dụng cụ trong trường hợp khẩn cấp

- Trường hợp xảy sự cố rò rỉ hóa chất, tràn hóa chất thực hiện các biện pháp sau:

(1): Ứng phó ban đầu: Báo động, sơ tán nhân viên khỏi vùng nguy hiểm. Thông báo cho đội ứng phó khẩn cấp trong nhà máy đồng thời ngắt nguồn hóa chất (van, bơm) nếu an toàn. Khi xảy ra sự cố, mọi hành động ứng cứu được thực hiện trên nguyên tắc hàng đầu là bảo vệ tính mạng con người và cộng đồng dân cư, tiếp theo là bảo vệ môi trường và tài sản.

(2): Kiểm soát tràn/rò rỉ: Khoanh vùng phạm vi xảy ra sự cố và các vùng có nguy cơ ảnh hưởng. Dùng vật liệu hấp thụ (Cát, bông hấp thụ) cho chất lỏng. Phun nước hoặc dung dịch trung hòa nếu là hóa chất ăn mòn

(3) Ngăn cháy nổ: Chuẩn bị bình chữa cháy, bột khô, CO₂. Tránh tia lửa, nguồn nhiệt, thiết bị điện không an toàn

(4) Xử lý hậu sự cố: Thu gom hóa chất tràn và vật liệu hấp thụ. Chuyển hóa chất thải vào thùng chứa an toàn và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Dọn rửa khu vực tràn, bỏ bằng dung dịch trung hòa và rửa sạch

d. Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để đảm bảo các công tác về phòng cháy chữa cháy, cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Công nhân trực tiếp quản lý nguồn nhiệt, thiết bị dễ sinh lửa, chập cháy
- Thường xuyên tập huấn an toàn PCCC cho công nhân
- Bố trí, vận hành máy móc thiết bị theo đúng quy trình
- Ngắt các thiết bị điện khi kết thúc ngày làm việc
- Lắp đặt hệ thống PCCC đúng quy định, hệ thống báo cháy tự động, họng chữa cháy bên ngoài nhà xưởng, nhà điều hành, khu vực các kho chứa hóa chất, kho sản phẩm- Bố trí hệ thống bình chữa cháy xách tay tại các vị trí dễ nhìn, dễ lấy
- Lắp đặt hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn, chiếu sáng sự cố, hệ thống thông gió, hút khói

- Bố trí khu vực hút thuốc riêng biệt, cách xa khu vực nhà xưởng, nhà kho

Trường hợp xảy ra sự cố, công ty sẽ triển khai tổ chức ứng phó sự cố như sau:

+ Tổ thông tin liên lạc, người phát hiện sự cố: Khi phát hiện hoặc nhận được tin báo sự cố cần nhanh chóng báo động cho toàn bộ CBCNV đang làm việc tại khu vực đó được biết. Thông báo cho lực lượng ứng phó sự cố, PCCC của công ty và lãnh đạo của nhà máy được biết

+ Tổ ứng phó sự cố: Sau khi nhận được thông tin cần lập tức di chuyển đến hiện trường và tổ chức ứng phó theo các kế hoạch, kịch bản đã được huấn luyện. Nếu sự cố vượt quá khả năng của công ty sẽ tiến hành báo cáo, gọi hỗ trợ từ lực lượng PCCC theo số 114, công an địa phương và cảnh sát 113 để bảo vệ an ninh trật tự, lực lượng y tế cấp cứu 115 để cứu người bị nạn (nếu có)

+ Tổ an ninh: Khi có sự cố cháy nổ, triển khai canh gác khu vực trọng điểm, hỗ trợ sơ tán cán bộ công nhân viên đến nơi an toàn

+ Tổ y tế: Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ y tế để sẵn sàng sơ cứu cho người bị nạn.

Ban chỉ huy ứng phó sự cố của công ty sau khi hoàn thành xử lý sự cố tổ chức tìm hiểu nguyên nhân gây ra sự cố và khắc phục hậu quả.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Không có

3.8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có)

Nước thải của cơ sở đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, không xả nước thải vào công trình thủy lợi.

3.9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có)

Không có

3.10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024. Dự án bố trí 02 hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000 m³/giờ/hệ thống thu gom xử lý khí thải cho toàn bộ dây chuyền sản xuất của dự án khi đi vào hoạt động đạt 100% công suất. Tuy nhiên, theo thực tế trong quá trình thi công lắp đặt, dự án có sự điều chỉnh về hệ thống đường ống thu gom khí thải do đó chủ dự án đã tiến hành đầu tư lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000 m³/giờ để thu gom xử lý khí thải của dự án. Cụ thể như sau:

Bảng 3. 15. Các nội dung thay đổi của dự án so với ĐTM

TT	Hạng mục	Theo ĐTM được duyệt tại QĐ số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024	Theo thực tế lắp đặt	Lý do điều chỉnh
2	Hệ thống xử lý khí thải	- Số lượng: 02 hệ thống XLKT - Công suất: 20.000 m ³ /giờ/hệ thống	- Số lượng: 01 hệ thống - Công suất: 40.000 m ³ /giờ	Trong quá trình thi công lắp đặt, dự án có sự điều chỉnh về hệ thống đường ống thu gom khí thải, cụ thể: Bố trí thu gom khí thải phát sinh theo

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án “Máy tính Mitac (Việt Nam)”

TT	Hạng mục	Theo ĐTM được duyệt tại QĐ số 3293/QĐ-BTNMT ngày 14/10/2024	Theo thực tế lắp đặt	Lý do điều chỉnh
		- Công nghệ xử lý: Than hoạt tính	- Công nghệ xử lý: Than hoạt tính	01 trục chính và dẫn lên mái nhằm tối ưu diện tích trần nhà để bố trí các đường ống khác như thông gió, điều hòa, phòng cháy chữa cháy đảm bảo quy định. Do đó, chủ dự án đã tiến hành lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải tương ứng với 01 đường ống thu gom khí thải. Tổng công suất xử lý và công nghệ xử lý được giữ nguyên không thay đổi.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nước thải của Dự án sau khi xử lý đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I để tiếp tục xử lý, không xả ra môi trường, thuộc đối tượng không phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà xưởng – 01 (F1)
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà văn phòng – 01 (OF1)
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn và nhà để xe 01 (KD1+GR1)
- Nguồn số 04: Nước thải chứa dầu mỡ phát sinh từ nhà ăn và nhà để xe 01 (KD1+GR1)
- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình rửa khuôn, gá đỡ bản mạch trong quá trình hàn, gắn linh kiện

b. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01 được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại thể tích 40 m³/bể tại nhà xưởng – 01 (F1) sau đó đưa về mô đun số 01 công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m³/ngày đêm để xử lý.
- Nguồn số 02 được thu gom, xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại thể tích 12 m³ nhà văn phòng – 01 (OF1) sau đó đưa về mô đun số 01 công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m³/ngày đêm để xử lý.
- Nguồn số 03 được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại thể tích 12 m³/bể tại nhà ăn và nhà để xe 01 (KD1+GR1) sau đó đưa về mô đun số 01 công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m³/ngày đêm để xử lý.
- Nguồn số 04 được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ thể tích 5 m³ tại nhà ăn và nhà để xe 01 (KD1+GR1) sau đó đưa về mô đun số 01 công suất 250 m³/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500m³/ngày đêm để xử lý.
- Nguồn số 05 được thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

4.1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Nước thải (từ nguồn số 01 đến số 04 sau khi xử lý sơ bộ) → Bể thu gom (T01) → Bể điều hòa (T02) → Bể thiếu khí (T03-A/B) → Bể hiếu khí (T04-A/B) → Bể lắng sinh học (T05-A/B) → Bể khử trùng (T06) → Nước thải sau xử lý được thu gom về hệ thống XLNT tập trung của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I để tiếp tục xử lý.

- Công suất thiết kế: 500 m³/ngày đêm bao gồm 02 mô đun, đã lắp đặt 01 mô đun công suất 250 m³/ngày đêm, mô đun còn lại chưa lắp đặt thiết bị

- Chế độ vận hành: Liên tục
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen, Metanol, Soda, PAC (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống XLNT tập trung của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: 02 lò hàn hồ lưu (SMT) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 02: 01 máy khắc laser tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 03: Vị trí sửa chữa (hàn tay) số 01 đến số 09 (09 vị trí) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 04: 01 lò sấy tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 05: 01 máy sửa chữa tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 06: Bàn gia nhiệt (02 bàn) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 07: Lò hàn sóng (PTH) (02 lò) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 08: Vị trí bổ sung thiếc thủ công (02 vị trí) tại dây chuyền hàn sóng (PTH) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 09: Máy tách bản (02 máy) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 10: Phòng phủ keo (coating) tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1)
- Nguồn số 11: Phòng rửa khuôn tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 12: Phòng sửa chữa chức năng tại tầng 03 nhà xưởng – 01 (F1).
- Nguồn số 13: Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

4.2.2.1. Vị trí xả thải

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng – 01 (F1) (xử lý khí thải từ nguồn số 01 đến số 12). Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2291146,74; Y=595061,25.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí của thiết bị xử lý mùi, khí thải tại hệ thống XLNT công suất thiết kế 500m³/ngày đêm (xử lý mùi, khí thải từ nguồn số 13). Tọa độ vị trí xả thải: X=2291308,94; Y=595100,44.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°)

4.2.2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- ❖ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất
- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả lớn nhất 40.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả lớn nhất 1.500 m³/giờ.
- ❖ Phương thức xả khí thải
- Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ
- ❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí

thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (đối với riêng các chất hữu cơ có trong khí thải áp dụng QCVN 20:2009/BTNMT đến ngày 31 tháng 12 năm 2031 và QCVN 19:2024/BTNMT từ ngày 01 tháng 01 năm 2032), cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn các thông số ô nhiễm trong khí thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCTĐHN 01:2014/BTNMT (cột B; K _p = 0,9; K _v = 1)	QCVN 20:2009/BTNMT	QCVN 19/2024/BTNMT, cột C		
I	Dòng khí thải số 01						
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	-	≤100		
3	Formaldehyt	mg/Nm ³	-	20	≤20		
4	n-propanol	mg/Nm ³	-	980	-		
5	Benzen	mg/Nm ³	-	5	≤5		
II	Dòng khí thải số 02						
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-		-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	6,75	-	≤8		
3	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	45	-	≤25		
4	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	-	15	≤15		

- Thời gian đề nghị cấp phép: 10 năm

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải tại nhà xưởng – 01 (F1)
- Nguồn số 02: Máy móc thiết bị của hệ thống XLNT và quạt hút của hệ thống xử lý mùi, khí thải.
- Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí phát sinh: Trong khuôn viên dự án tại một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội

4.3.3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng quy định tại QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung ban hành kèm theo Thông tư 01/2025/TT- BNNT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNNT

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
		Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 21h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
1	Khu vực E	70	65	60

* Khu vực E: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 4. 5. Giá trị giới hạn đối với độ rung theo QCVN 27:2025/BNNT

TT	Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
		Ngày (06h00 đến trước 22h00) (dBA)	Tối (22h00 đến trước 06h00) (dBA)
1	Khu vực D	75	70

* Khu vực D: Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và các công trình công nghiệp theo quy định pháp luật

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

5.1.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Bảng 5. 1. Bảng kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm
1	01 hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000m ³ /giờ	Trong vòng 06 tháng kể từ khi được cấp GPMT
2	Mô đun số 01 công suất 250 m ³ /ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 500 m ³ /ngày đêm	

5.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 5. 2. Kế hoạch lấy mẫu, giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

TT	Loại mẫu	Vị trí giám sát	Tần suất	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Công trình xử lý nước thải				
1	Nước thải đầu vào	Bể gom	Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, cụ thể: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).	Chỉ tiêu giám sát và nồng độ tiếp nhận thực hiện theo tiêu chuẩn đầu nổi của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội Giai đoạn I	
2	Nước thải đầu ra	Bể khử trùng			
II	Công trình xử lý khí thải				

TT	Loại mẫu	Vị trí giám sát	Tần suất	Chỉ tiêu giám sát	Quy chuẩn so sánh
2.1	<i>Hệ thống XLKT công suất 40.000 m³/giờ</i>				
-	Khí thải đầu ra	Ống thoát khí thải sau xử lý	Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra)	Lưu lượng, Bụi tổng, Fomaldehyt, n-propanol, Benzen	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT (Kp = 0,9; Kv = 1,0) và QCVN 20:2009/ BTNMT

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Công ty TNHH Tư vấn và Công nghệ môi trường xanh, số hiệu Vimcerts 276, vilas 1332.

5.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

5.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải

- Dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Thực hiện giám sát nước thải theo quy định tại thỏa thuận đầu nối và hợp đồng thu gom xử lý nước thải giữa chủ cơ sở và chủ đầu tư hạ tầng KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn 1

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Dự án thuộc đối tượng không phải thực hiện giám sát nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

5.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Không thuộc đối tượng thực hiện

5.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện giám sát nước thải, khí thải định kỳ theo quy định.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ Dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ Dự án chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, UBND thành phố Hà Nội, các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cam kết có trách nhiệm thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đảm bảo xử lý nước thải đạt Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

Cam kết thu gom xử lý toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất của nhà máy đảm bảo xử lý đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p = 0,9$; $K_v = 1$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ đến ngày 31 tháng 12 năm 2031 và QCVN 19:2024/BTNMT từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026 và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Thực hiện đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và các quy định khác.

PHỤ LỤC I
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0110588761

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 01 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 11 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyen, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.378.66777

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.039.878.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn không trăm ba mươi chín tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu đồng

Tương đương 42.000.000 USD

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: MITAC INTERNATIONAL CORPORATION

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 47255708

Ngày cấp: 08/05/2023

Nơi cấp: Ban quản lý khu công nghệ cao Tân Trú thuộc Ủy ban Khoa học và Công nghệ quốc gia, Đài Loan, Trung Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park, Hsinchu, Trung Quốc (Đài Loan)

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



* Họ, chữ đệm và tên: CHEN, CHANHON

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 11/12/1960

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Hộ chiếu nước ngoài: 363868942

Ngày cấp: 31/08/2023

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Trung Quốc (Đài Loan)

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Địa chỉ liên lạc: Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam





GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5468764105

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 12 năm 2023

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 12 tháng 01 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 21 tháng 06 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 07 tháng 7 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư 2020;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2023, cấp thay đổi thay đổi lần thứ 2 ngày 21/6/2024;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam) nộp ngày 30/6/2025.

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chứng nhận: Dự án đầu tư “MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)”, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày

21/6/2024; được điều chỉnh: thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án, tiến độ thực hiện dự án và địa điểm thực hiện dự án.

Thông tin về dự án sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

MITAC INTERNATIONAL CORPORATION

Số Giấy Chứng nhận
đăng ký kinh doanh : 47255708
Ngày cấp điều chỉnh : 08/05/2023
Ban quản lý khu công nghệ cao Tân Trú thuộc Ủy
Ban Khoa học và Công nghệ quốc gia, Đài Loan,
Cơ quan cấp : Trung Quốc.
Địa chỉ trụ sở : No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park, Hsinchu,
Đài Loan, Trung Quốc.
Điện thoại : +886-3-3289000
Fax : +886-3-3961000
Email : terry.chin@mic.com.tw

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký đầu tư:

Họ tên : Ông MATTHEW FENG CHIANG MIAU
Chức danh : Chủ tịch HĐQT
Ngày sinh : 14/09/1946
Quốc tịch : Mỹ
Hộ chiếu số : 642496414
Ngày cấp : 08/11/2018
Nơi cấp : Bộ Ngoại giao Mỹ
Địa chỉ thường trú : No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park, Hsinchu,
và chỗ ở hiện tại : Đài Loan, Trung Quốc.
Điện thoại : +886-3-5779088
Email : terry.chin@mic.com.tw

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110588761 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/01/2024, và Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 13/6/2025.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)**
2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
-----	--------------------	--	---

1	Sản xuất linh kiện điện tử <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công bo mạch chủ camera hành trình, bo mạch chủ camera hành trình wifi, bo mạch chủ máy tính bảng, bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, bo mạch PCBA</i>	2610	
2	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công máy chủ, máy tính, máy tính công nghiệp</i>	2620	
3	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công camera hành trình các loại</i>	2670	
4	Sản xuất thiết bị truyền thông <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công máy tính bảng, thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, tủ máy chủ</i>	2630	
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, ngoại trừ các hàng hóa thuộc danh mục cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam (không gắn với thành lập mạng lưới thu gom hàng hóa)</i>	8299	

100% sản phẩm doanh nghiệp để xuất khẩu (Doanh nghiệp chế xuất); tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư này được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

Doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động.

Công ty chỉ được phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các loại hàng hóa áp dụng cho doanh nghiệp/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ Việt Nam; đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành, Công ty chỉ được phép thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, văn bản chấp thuận hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

Đối với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác (nếu có), doanh nghiệp chỉ được phép thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Quy mô dự án:

- Máy chủ: 110.400 sản phẩm/năm

- Máy tính: 21.900 sản phẩm/năm
- Máy tính công nghiệp: 99.210 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ camera hành trình: 284.620 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ camera hành trình wifi: 527.070 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ máy tính bảng: 284.620 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo: 527.070 sản phẩm/năm
- Bo mạch PCBA: 1.453.600 sản phẩm/năm
- Camera hành trình: 284.620 sản phẩm/năm
- Camera hành trình wifi: 527.070 sản phẩm/năm
- Máy tính bảng: 284.620 sản phẩm/năm
- Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo: 527.070 sản phẩm/năm
- Tủ máy chủ: 370 sản phẩm/năm

Tổng công suất thiết kế cho năm sản xuất ổn định là: 4.932.240 sản phẩm/năm, tương đương 3.553 tấn sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam (*trước đây là Một phần lô đất CN02, khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, huyện Phú Xuyên, Hà Nội, Việt Nam*).

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 79.265 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **1.559.844.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm năm mươi chín tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng) tương đương **66.000.000 USD** (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đô la Mỹ).

- Vốn góp của chủ đầu tư: **998.091.613.584 VNĐ**, tương đương **42.231.176 USD**.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Ghi chú: Tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:						
T T	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
I	MITAC INTERNATIONAL CORPORATION	283.608.000.000	12.000.000	28,4%	Bằng tiền	90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
		472.680.000.000	20.000.000	47,4%	Bằng tiền	Đến tháng 6/2025
		241.803.613.584	10.231.176	24,2%	Bằng tiền	Đến tháng 12/2031
	Tổng cộng	998.091.613.584	42.231.176	100%		

- Vốn huy động: **561.752.386.416 VNĐ**, tương đương **23.768.824 USD**, vốn huy động từ công ty mẹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (Năm mươi) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu (phải phù hợp với thời hạn hoạt động của Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn:
- + Đối với khoản vốn góp 12.000.000 USD: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- + Đối với khoản vốn góp 20.000.000 USD: Đến tháng 06/2025.
- + Đối với khoản vốn góp 10.231.176 USD: Đến tháng 12/2031.
- Tiến độ huy động các nguồn vốn:
- + Đối với khoản vốn huy động 10.000.000 USD: Đến tháng 06/2025.
- + Đối với khoản vốn huy động 13.768.824 USD: Đến tháng 12/2031.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu và xây dựng cơ bản; tiến độ đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có) của dự án đầu tư:

- Hoàn thành các thủ tục hành chính: Tháng 09/2024
- Khởi công và hoàn thành xây dựng một phần nhà xưởng và các công trình phụ trợ; Nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị, tuyển dụng công nhân, vận hành thử: Từ tháng 10/2024 đến tháng 10/2025.
- Đưa một phần nhà xưởng vào hoạt động sản xuất: Từ tháng 11/2025.
- Hoàn thành xây dựng các nhà xưởng còn lại và các công trình phụ trợ; nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị, tuyển dụng công nhân, vận hành thử: Từ tháng 12/2025 đến tháng 11/2031.
- Hoàn thành đầu tư đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động: Từ tháng 12/2031.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Môi trường: Dự án chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có): Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiến độ góp vốn; Tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực quản lý ngoại hối trong quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (tham khảo để thực hiện tại đường link của Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội: sbv.hanoi.gov.vn).

5. Một số quy định khác:

- Chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11 Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa áp dụng đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư đầu tư và địa điểm đăng ký đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về các lĩnh vực liên quan: quản lý sử dụng đất đai, đầu tư, quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng lao động,...

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp thay đổi lần thứ hai ngày 21/6/2024.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư/.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Công Thương, Chi cục Thuế khu vực I, Chi cục Hải quan khu vực I, Công an TP Hà Nội, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam-Chi nhánh khu vực I;
- Trưởng Ban (để h/c);
- Các phòng: HTĐT, XDMT, QLDN, KHTC;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thanh Sơn



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5468764105

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 12 năm 2023

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai: Ngày 21 tháng 06 năm 2024

- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 12/01/2024;

- Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam) nộp ngày 20/06/2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư "MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)", Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 12/01/2024; được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nội dung thay đổi: Thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư.

Thông tin về dự án sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

MITAC INTERNATIONAL CORPORATION

Số Giấy Chứng nhận
đăng ký kinh doanh : 47255708

Ngày cấp điều chỉnh : 08/05/2023

Cơ quan cấp : Ban quản lý khu công nghệ cao Tân Trú thuộc
Ủy ban Khoa học và Công nghệ quốc gia, Đài
Loan, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở : No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park,
Hsinchu, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại : +886-3-3289000

Fax : +886-3-3961000

Email : terry.chin@mic.com.tw

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký đầu tư:

Họ tên : Ông MATTHEW FENG CHIANG MIAU

Chức danh : Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 14/09/1946

Quốc tịch : Mỹ

Hộ chiếu số : 642496414

Ngày cấp : 08/11/2018

Nơi cấp : Bộ Ngoại giao Mỹ

Địa chỉ thường trú và
chỗ ở hiện tại : No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park,
Hsinchu, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại : +886-3-5779088

Email : terry.chin@mic.com.tw

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam),
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110588/61 lần đầu ngày 03/01/2024,
thay đổi lần thứ 2 ngày 15/04/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và
Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)**
2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Sản xuất linh kiện điện tử <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công bo mạch chủ camera hành trình, bo mạch chủ camera hành trình wifi, bo mạch chủ máy tính bảng, bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, bo mạch PCBA</i>	2610	
2	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công máy chủ, máy tính, máy tính công nghiệp</i>	2620	
3	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công camera hành trình các loại</i>	2670	
4	Sản xuất thiết bị truyền thông <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công máy tính bảng, thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, tủ máy chủ</i>	2630	
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, ngoại trừ các hàng hóa thuộc danh mục cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam (không gắn với thành lập mạng lưới thu gom hàng hóa)</i>	8299	

100% sản phẩm doanh nghiệp để xuất khẩu (Doanh nghiệp chế xuất); tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư này được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

Doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động.

Công ty chỉ được phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các loại hàng hóa áp dụng cho doanh nghiệp/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ Việt Nam; đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành, Công ty chỉ được phép thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, văn bản chấp thuận hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

Đối với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác (nếu có), doanh nghiệp chỉ được phép thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Quy mô dự án:

- Máy chủ: 110.400 sản phẩm/năm
- Máy tính: 21.900 sản phẩm/năm
- Máy tính công nghiệp: 99.210 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ camera hành trình: 284.620 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ camera hành trình wifi: 527.070 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ máy tính bảng: 284.620 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo: 527.070 sản phẩm/năm
- Bo mạch PCBA: 1.453.600 sản phẩm/năm
- Camera hành trình: 284.620 sản phẩm/năm
- Camera hành trình wifi: 527.070 sản phẩm/năm
- Máy tính bảng: 284.620 sản phẩm/năm
- Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo: 527.070 sản phẩm/năm
- Tủ máy chủ: 370 sản phẩm/năm

Tổng công suất thiết kế cho năm sản xuất ổn định là: 4.932.240 sản phẩm/năm, tương đương 3.553 tấn sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, huyện Phú Xuyên, Hà Nội, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 79.265 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **1.559.844.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm năm mươi chín tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng) tương đương **66.000.000 USD** (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đô la Mỹ).

- Vốn góp của chủ đầu tư: **998.091.613.584 VNĐ** (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi tám tỷ không trăm chín mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng), tương đương **42.231.176 USD** (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ).

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	MITAC INTERNATIONAL CORPORATION	283.608.000.000	12.000.000	28,4 %	Bằng tiền	90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
		472.680.000.000	20.000.000	47,4 %	Bằng tiền	Đến tháng 6/2025
		241.803.613.584	10.231.176	24,2 %	Bằng tiền	Đến tháng 12/2031

Tổng cộng	998.091.613.584	42.231.176	100%		
- Vốn huy động: 561.752.386.416 VNĐ (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng) tương đương 23.768.824 USD (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đô la Mỹ), vốn huy động từ công ty mẹ. 7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (Năm mươi) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. 8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn: - Tiến độ góp vốn: + Đối với khoản vốn góp 12.000.000 USD: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Đối với khoản vốn góp 20.000.000 USD: Đến tháng 06/2025. + Đối với khoản vốn góp 10.231.176 USD: Đến tháng 12/2031. - Tiến độ huy động các nguồn vốn: + Đối với khoản vốn huy động 10.000.000 USD: Đến tháng 06/2025. + Đối với khoản vốn huy động 13.768.824 USD: Đến tháng 12/2031. b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu và xây dựng cơ bản; tiến độ đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có) của dự án đầu tư: - Hoàn thành các thủ tục hành chính: Tháng 09/2024 - Khởi công và hoàn thành xây dựng một phần nhà xưởng và các công trình phụ trợ; Nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị, tuyển dụng công nhân, vận hành thử: Từ tháng 10/2024 đến tháng 05/2025. - Đưa một phần nhà xưởng vào hoạt động sản xuất: Từ tháng 06/2025. - Hoàn thành xây dựng các nhà xưởng còn lại và các công trình phụ trợ; Nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị, tuyển dụng công nhân, vận hành thử: Từ tháng 07/2025 đến tháng 11/2031. - Hoàn thành đầu tư đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động: Từ tháng 12/2031. Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án: 1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật. 2. Môi trường: Dự án chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường. 3. Phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.					

4. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có): Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiền độ góp vốn; Tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực quản lý ngoại hối trong quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (tham khảo để thực hiện tại đường link của Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội: hanoi.sbv.gov.vn).

5. Một số quy định khác:

- Chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11 Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa áp dụng đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư đầu tư và địa điểm đăng ký đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về các lĩnh vực liên quan: quản lý sử dụng đất đai, đầu tư, quy hoạch xây dựng và quản lý sử dụng lao động.

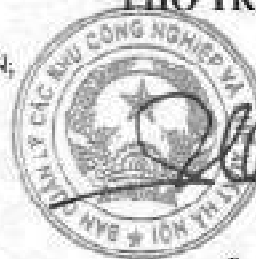
Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 12/01/2024.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. *J. p*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Sở, ngành: Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Cục Thuế Hà Nội, Công an TP Hà Nội, Cơ quan Hải quan TP Hà Nội, Cục Thống kê HN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội;
- UBND huyện Phú Xuyên;
- Đ/c Trưởng ban;
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển N&G;
- Các phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN, QL TNMT, VP Đại diện, KHTH;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN²
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hoài Nam

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 5468764105

Chứng nhận lần đầu: Ngày 19 tháng 12 năm 2023

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 12 tháng 01 năm 2024

- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

- Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2023;

- Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam) nộp ngày 10/01/2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư "MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)", Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2023; được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nội dung thay đổi: Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án.

Thông tin về dự án sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

MITAC INTERNATIONAL CORPORATION

Số Giấy Chứng nhận
đăng ký kinh doanh : 47255708

Ngày cấp điều chỉnh : 08/05/2023

Cơ quan cấp : Ban quản lý khu công nghệ cao Tân Trú thuộc
Ủy ban Khoa học và Công nghệ quốc gia, Đài
Loan, Trung Quốc.

Địa chỉ trụ sở : No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park,
Hsinchu, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại : +886-3-3289000

Fax : +886-3-3961000

Email : terry.chin@mic.com.tw

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký đầu tư:

Họ tên : Ông MATTHEW FENG CHIANG MIAU

Chức danh : Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh : 14/09/1946

Quốc tịch : Mỹ

Hộ chiếu số : 642496414

Ngày cấp : 08/11/2018

Nơi cấp : Bộ Ngoại giao Mỹ

Địa chỉ thường trú và
chỗ ở hiện tại : No.1, R&D Road 2, Hsinchu Science Park,
Hsinchu, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại : +886-3-5779088

Email : terry.chin@mic.com.tw

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH Công nghệ Mitac (Việt Nam),
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0110588761 lần đầu ngày 03/01/2024,
thay đổi lần thứ 1 ngày 09/01/2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và
Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)**
2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	Sản xuất linh kiện điện tử <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công bo mạch chủ camera hành trình, bo mạch chủ camera hành trình wifi, bo mạch chủ máy tính bảng, bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, bo mạch PCBA</i>	2610	
2	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công máy chủ, máy tính, máy tính công nghiệp</i>	2620	
3	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công camera hành trình các loại</i>	2670	
4	Sản xuất thiết bị truyền thông <i>Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, gia công máy tính bảng, thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo, tủ máy chủ</i>	2630	
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, ngoại trừ các hàng hóa thuộc danh mục cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam (không gắn với thành lập mạng lưới thu gom hàng hóa)</i>	8299	

100% sản phẩm doanh nghiệp để xuất khẩu (Doanh nghiệp chế xuất); tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện dự án đầu tư này được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

Doanh nghiệp chế xuất phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động.

Công ty chỉ được phép thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các loại hàng hóa áp dụng cho doanh nghiệp/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ Việt Nam; đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành, Công ty

chỉ được phép thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện quản lý chuyên ngành hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, văn bản chấp thuận hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật Việt Nam (nếu có).

Đối với lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có điều kiện khác (nếu có), doanh nghiệp chỉ được phép thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Quy mô dự án:

- Máy chủ: 110.400 sản phẩm/năm
- Máy tính: 21.900 sản phẩm/năm
- Máy tính công nghiệp: 99.210 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ camera hành trình: 284.620 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ camera hành trình wifi: 527.070 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ máy tính bảng: 284.620 sản phẩm/năm
- Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo: 527.070 sản phẩm/năm
- Bo mạch PCBA: 1.453.600 sản phẩm/năm
- Camera hành trình: 284.620 sản phẩm/năm
- Camera hành trình wifi: 527.070 sản phẩm/năm
- Máy tính bảng: 284.620 sản phẩm/năm
- Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo: 527.070 sản phẩm/năm
- Tủ máy chủ: 370 sản phẩm/năm

Tổng công suất thiết kế cho năm sản xuất ổn định là: 4.932.240 sản phẩm/năm, tương đương 3.553 tấn sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, huyện Phú Xuyên, Hà Nội, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 79.265 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: **1.559.844.000.000 VND** (Bằng chữ: Một nghìn năm trăm năm mươi chín tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu đồng) tương đương **66.000.000 USD** (Bằng chữ: Sáu mươi sáu triệu đô la Mỹ).

- Vốn góp của chủ đầu tư: **998.091.613.584 VND** (Bằng chữ: Chín trăm chín mươi tám tỷ không trăm chín mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng), tương đương **42.231.176 USD** (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu hai trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ).

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	MITAC INTERNATIONAL CORPORATION	283.608.000.000	12.000.000	28,4%	Bằng tiền	90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
		472.680.000.000	20.000.000	47,4%	Bằng tiền	Đến tháng 6/2025
		241.803.613.584	10.231.176	24,2%	Bằng tiền	Đến tháng 12/2031
	Tổng cộng	998.091.613.584	42.231.176	100%		

- Vốn huy động: **561.752.386.416 VNĐ** (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi một tỷ bảy trăm năm mươi hai triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng) tương đương **23.768.824 USD** (Bằng chữ: Hai mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm hai mươi bốn đô la Mỹ), vốn huy động từ công ty mẹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (Năm mươi) năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn:

+ Đối với khoản vốn góp 12.000.000 USD: 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Đối với khoản vốn góp 20.000.000 USD: Đến tháng 06/2025.

+ Đối với khoản vốn góp 10.231.176 USD: Đến tháng 12/2031.

- Tiến độ huy động các nguồn vốn:

+ Đối với khoản vốn huy động 10.000.000 USD: Đến tháng 06/2025.

+ Đối với khoản vốn huy động 13.768.824 USD: Đến tháng 12/2031.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu và xây dựng cơ bản; tiến độ đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có) của dự án đầu tư:

- Hoàn thành các thủ tục hành chính: Tháng 09/2024

- Khởi công và hoàn thành xây dựng một phần nhà xưởng và các công trình phụ trợ; Nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị, tuyển dụng công nhân, vận hành thử: Từ tháng 10/2024 đến tháng 05/2025.

- Đưa một phần nhà xưởng vào hoạt động sản xuất: Từ tháng 06/2025.

- Hoàn thành xây dựng các nhà xưởng còn lại và các công trình phụ trợ; Nhập khẩu, lắp đặt máy móc thiết bị, tuyển dụng công nhân, vận hành thử: Từ tháng 07/2025 đến tháng 11/2031.

- Hoàn thành đầu tư đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động: Từ tháng 12/2031.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và thực hiện báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Môi trường: Dự án chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có): Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiến độ góp vốn; Tuân thủ và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam về lĩnh vực quản lý ngoại hối trong quá trình hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (tham khảo để thực hiện tại đường link của Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hà Nội: hanoi.sbv.gov.vn).

5. Một số quy định khác:

- Chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11 Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Tuân thủ và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa áp dụng đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư và địa điểm đăng ký đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về các lĩnh vực liên quan: quản lý sử dụng đất đai, đầu tư, quy hoạch xây dựng và quản lý sử dụng lao động.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 5468764105 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 19/12/2023.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. *pp*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Các Sở, ngành: Sở KH&ĐT, Sở TN&MT, Cục Thuế Hà Nội, Công an TP Hà Nội, Cục Hải quan TP Hà Nội, Cục Thống kê HN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội;
- UBND huyện Phú Xuyên;
- Đ/c Trưởng ban;
- Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển N&G;
- Các phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN, QLTNMT, VP Đại diện, KHTH;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hoài Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立 - 自由 - 幸福



Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

河內, 2024 年 05 月 07 日

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ HẠ TẦNG VÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

基礎設施及土地使用權租賃合同

Số 編碼: 02/2024/HBTĐ/N&G-MITAC

Căn cứ Bộ luật Dân sự của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

根據越南社會主義共和國國會 2015 年 11 月 24 日第 91/2015/QH13 號民法典；

Căn cứ Luật Đất đai của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

根據越南社會主義共和國國會 2013 年 11 月 29 日第 45/2013/QH13 號土地法；

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

根據 2014 年 11 月 25 日的房地產營業法；

Căn cứ Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản;

根據政府於 2022 年 1 月 6 日頒布的第 02/2022/NĐ-CP 號法令，詳細規定了《房地產營業法》的多項條款的實施；

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

根據政府於 2014 年 05 月 15 日頒布的第 43/2014/NĐ-CP 號法令詳細規定和指導實施《土地法》的條款；

Căn cứ pháp luật hiện hành của Việt Nam;

根據最新的政府法令和通告；

✓

✓
th2 B

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 24/7/2008 của UBND Tỉnh Hà Tây về việc thu hồi 680.148,9 m² đất thuộc địa giới hành chính Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, chuyển mục đích sử dụng thành đất chuyên dùng, giao Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N&G để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, GPMB xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đại Xuyên;

根據河西省人民委員會於2008年7月24日第2812/QĐ-UBND號決定，收回屬於富川縣大川社行政邊界的680,148.9 m²土地，改變土地用途為專用地，交給N&G投資發展股份公司進行補償、扶持、場地清理，建設大川工業集群技術基礎設施。

Căn cứ Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội - giai đoạn 1;

根據河內市人民委員會2012年3月30日第1337/QĐ-UBND號決定批准南河內輔助工業區第一期詳細規劃；

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-BQL ngày 22/04/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội - giai đoạn 1 tại khu A (khu công nghiệp)

根據河內工業區及加工出口區管理局於2024年04月22日關於批准局部調整南河內配套工業區A區（工業區）第一期詳細規劃的第64/QĐ-BQL號決定書；

Căn cứ Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 16/01/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội;

根據2013年1月16日第422/QĐ-UBND號決定關於建立南河內輔助工業區；

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội ngày 29/3/2013 về việc điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND Thành phố Hà Nội;

根據河內市人民委員會2013年3月29日第2325/QĐ-UB號決定關於調整河內市人民委員會2013年01月07日第104/QĐ-UBND號決定中記載的部分內容；

Căn cứ Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 03/6/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất ghi tại các Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 24/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây); Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 và số 2325/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND Thành phố Hà Nội;

根據河內市人民委員會2016年6月03日第2867/QĐ-UBND號決定關於調整土地利用結構規定在河西省人民委員會（原）2008年7月24日第2812/QĐ-UBND號決定；河內市人民委員會2013年01月07日第104/QĐ-UBND號決定和2013年03月29日第2325/QĐ-UBND。

Căn cứ Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 28/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại Điều 1 Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 03/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội;

根據河內市人民委員會 2016 年 6 月 28 日第 3504/QĐ-UBND 號決定關於調整河內市人民委員會 2016 年 6 月 3 日第 2867/QĐ-UBND 號決議第一條中規定的土地使用形式；

Căn cứ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư số 03121000156 do UBND Tỉnh Hà Tây chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 16/11/2007; Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư điều chỉnh số 03121000370 do UBND Tỉnh Hà Tây chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 25/7/2008; Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư số 01221000340 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 06/10/2010; Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư điều chỉnh lần thứ ba số 01121001128 do UBND Thành phố Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 12/12/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G;

根據河西省人民委員會於 2007 年 11 月 16 日首次認證的第 03121000156 號投資證書；2008 年 7 月 25 日經河西省人民委員會首次修正的第 03121000370 號調整投資證書；2010 年 10 月 6 日河內工業園區和出口加工管理委員會第二次認證修正的第 01221000340 號投資證書；2012 年 12 月 12 日河內市人民委員會第三次認證修正的第 01121001128 號調整投資證書；

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ298664, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 08857 do UBND Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G ngày 28 tháng 12 năm 2018;

根據河內市人民委員會於 2018 年 12 月 28 日頒發給 N&G 投資-發展股份公司的 CQ298664 號、證書簿上的編號 CT 08857 土地使用權、房屋和其他土地附屬資產所有權證；

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101142265 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G;

根據河內市計劃投資所向給 N&G 投資-發展股份公司頒發的營業執照第 0101142265 號；

Căn cứ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư số 5468764105 của nhà đầu tư Mitac International Corporation ;

根據 MiTAC International Corporation 之投資登記證書(IRC)第 5468764105 號。

Căn cứ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp (ERC) số 0110588761 của Công ty TNHH Công nghệ MiTAC (Việt Nam);

根據 MiTAC Technology (Vietnam) Company Limited 之的商業登記證(ERC)第 0110588761 號。

Căn cứ Hợp đồng đặt cọc số 06/2023/HĐ/N&G ký ngày 06/7/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N&G và Mitac International Corporation;

根據 N&G 投資-發展股份公司與神達電腦股份有限公司 (Mitac International Corporation) 2023 年 7 月 06 日簽署第 06/HĐ/N&G 號碼的訂金合同。

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của Hai bên.

根據雙方的能力和需求

Hai Bên chúng tôi gồm:

我們雙方由：

L BÊN CHO THUÊ HẠ TẦNG VÀ CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (sau đây gọi tắt là Bên Cho Thuê)

一、基礎設施出租和土地使用權轉租方（以下簡稱出租方）：

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G
- 單位名稱：N&G 投資-發展股份公司
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101142265
- 營業執照編碼：0101142265
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang Khải
- 法人代表：范光凱先生
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- 位置：總經理
- Địa chỉ: Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- 地址：越南河內市富川縣大川社南河內輔助工業區。
- Điện thoại liên hệ: (84) 24 3784 6045
- 聯繫電話：(84) 24 3784 6045

- Số tài khoản: 1022.4100.000.0042 Tại Ngân hàng: Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I

- 銀行帳號: 1022.4100.000.0042 - 越南發展銀行 – I 號交易所。

- Mã số thuế: 0101142265

- 稅務編碼: 0101142265

II. BÊN THUÊ HẠ TẦNG VÀ THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT (sau đây gọi tắt là Bên Thuê)

二、基礎設施租賃和土地使用權轉承租方（以下簡稱承租方）

- Tên tổ chức: Công ty TNHH Công nghệ MiTAC (Việt Nam)

- 單位名稱: MiTAC Technology (Vietnam) Company Limited

- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số: 0110588761

- 商業登記證編碼: 0110588761

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Chen, Chanhon

- 法人代表: 陳建宏

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

- 位置: 董事會主席

- Địa chỉ: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- 地址: 越南, 河內市, 富川縣, 大川社, 南河內輔助工業區第一期 CN02 地塊

- Điện thoại liên hệ: (+84) 24.378.66777

- 聯繫電話: (+84) 24.378.66777

- Mã số thuế: 0110588761

- 稅務編碼: 0110588761

Hai Bên đồng ý thực hiện việc cho thuê hạ tầng và quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

雙方同意按以下條款進行基礎設施及土地使用權租賃:

Điều 1. Thông tin về diện tích đất cho thuê lại

第一條 轉租土地面積的資料

1. Đặc điểm cụ thể của Thửa Đất như sau:

一、該地塊的具體特徵如下:

- Diện tích: 79.265m² (Bằng chữ: Bảy mươi chín nghìn, hai trăm sáu mươi lăm mét vuông). Số liệu diện tích chính xác của lô đất sẽ được thể hiện cụ thể trên Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê. Tiền Thuê Lại Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ và các loại tiền phí khác (nếu có) liên quan đến việc thay đổi diện tích Thửa Đất quy định trong Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp dựa trên số liệu diện tích đất ghi trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê.

- 面積：79,265m²（大寫：柒萬玖仟貳佰陸拾伍平方米）。地塊的正確面積數據將具體顯示於河內市主管機關給承租方頒發之土地使用權證書。本合同規定的土地及基礎設施租金、公用服務費將根據河內市主管機關頒發給承租方的土地使用權證書中所記載的土地面積數據進行相當調整。

- Địa chỉ: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn 1, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

地址：越南，河內市，富川縣，大川社，南河內輔助工業區第一期 CN02 地塊之一部分。

- Hình thức sử dụng:

使用形式:

+ Sử dụng riêng: 79.265m²;

私人使用: 79,265m²;

- Vị trí cụ thể của Khu Đất Thuê Lại theo bản vẽ kèm theo Phụ lục 1 Hợp Đồng này.

土地具體位置見本合同附件一附圖。

Mục Đích Sử Dụng: Khu Đất Thuê Lại được sử dụng cho việc xây dựng nhà máy, nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình phụ trợ cần thiết khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Thuê đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam cấp cho Bên Thuê theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

使用目的：租賃土地用於建設按照國家主管機關向承租方頒發的投資登記證或根據越南法律規定具有同等法律價值的文件的廠房、工廠、辦公室及支持工廠營運所需的其他必要建築；

- Thời hạn thuê hạ tầng: Đến hết ngày 01/07/2082.

- 使用期限：至 2082 年 7 月 1 日止；

- Thời hạn thuê đất: Theo thời gian thực hiện dự án được ghi trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê. Trường hợp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư của Bên Thuê hết hạn (ngày 19/12/2073) và Bên Thuê muốn tiếp tục gia hạn thời hạn đầu tư thì Bên Cho Thuê sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết để Bên Thuê làm các thủ tục gia hạn Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư. Bên Cho Thuê cam kết sẽ

không cho bên thứ ba khác không phải là Bên Thuê thuê lại phần đất thuê trước ngày 01/07/2082 nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Thuê. Nếu Bên Thuê hết thời hạn đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và Bên Thuê thành công gia hạn thời hạn trên thì các bên hiểu rằng thời hạn thuê đất của Hợp đồng này sẽ được gia hạn tương ứng (nhưng không vượt quá ngày 01/07/2082) và Bên Cho Thuê sẽ phối hợp điều chỉnh Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Thuê mà không thu thêm bất kì chi phí nào, ngoại trừ các chi phí theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên Cho Thuê có được quyền sử dụng đất hợp pháp sau ngày 01/07/2082 theo quy định của pháp luật thì các bên thống nhất Bên Thuê sẽ có quyền ưu tiên thuê tiếp (nếu có nhu cầu) trên cơ sở hai bên thoả thuận lại đơn giá thuê, thời hạn thanh toán và các điều khoản khác của Hợp Đồng thuê mới.

- 土地租賃期限：以主管機關向承租方頒發之投資登記證書所載期限為準。如承租方投資登記證書到期(即 2073 年 12 月 19 日)而承租方欲申請展延時，出租方應配合提供協助，並使承租方完成投資登記證書之展延。出租方保證未經承租方事前書面同意，於 2082 年 7 月 1 日前，出租方不得將租賃土地出租予承租方以外之第三人，且如承租方之投資登記證書到期且展延完成時，出租方同意本合同之土地租賃期限應相應自動展延（但不超過 2082 年 7 月 1 日），且出租方同意配合辦理承租方土地使用權證之展延而不另行收取額外費用。又如出租方取得 2082 年 7 月 1 日後之合法土地使用權根據法律規定，而承租方有意承租時，出租方同意給予承租方優先承租權，但雙方得另行協商新租賃合同中之租賃單價、付款期限等其他條款。

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm và do Bên Thuê nộp tiền thuê đất hàng năm cho nhà nước

- 使用來源：國家以年付方式出租土地並由承租方每年向國家繳納年度土地租金；

2. Các chỉ tiêu về xây dựng của Thửa Đất như sau:

二、土地的建築條件標準資訊

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản về xây dựng của Thửa Đất được quy định tại Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 của UBND Thành phố Hà Nội và Văn bản số 2305/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn 1) - tỉ lệ 1/500 cùng quy định của pháp luật Việt Nam, cụ thể:

2.1 土地的建築基本標準根據河內市人民委員會 2012 年 3 月 30 日第 1337/QĐ-UBND 號決定和 2016 年 5 月 12 日第 2305/QĐ-UBND 號檔批准對南河內支持性產業工業園區（第一期）詳細規劃進行局部調整之 1/500 比例以及越南法律之相關規定，具體為：

- Mật độ xây dựng: 60%.

✓

✓
th2 02

- 建築密度: 60%
- Hệ số sử dụng đất: 1.8 lần
- 容積率: 1.8 倍
- Số tầng cao của công trình xây dựng: 03 tầng.
- 建築工程之層數: 03 層

2.2 Các chỉ tiêu cơ bản về xây dựng của Thửa Đất được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng, cụ thể:

2.2 土地的建築基本標準根據建設部 2021 年 5 月 19 日第 01/2021/TT-BXD 號通知規定，具體為：

- Mật độ xây dựng thuần của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng tối đa là 70%. Đối với các lô đất xây dựng nhà máy có trên 05 sàn sử dụng để sản xuất, mật độ xây dựng thuần tối đa là 60%.
- 建設工廠、倉庫地塊的最大淨建設密度為 70%。用於生產的 5 層以上工廠建築地塊，最大淨建築密度為 60%。

Các chỉ tiêu cơ bản về xây dựng của Thửa Đất được quy định tại Quyết định số 64/QĐ-BQL ngày 22/04/2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn 1 tại khu A (khu công nghiệp), cụ thể:

土地的建築基本標準根據河內工業區及加工出口區管理局於 2024 年 04 月 22 日關於批准局部調整南河內配套工業區 A 區（工業區）第一期詳細規劃的第 64/QĐ-BQL 號決定書，具體為：

- Mật độ xây dựng: 70%
- 建設密度：70%
- Số tầng cao của công trình xây dựng: 05 tầng
- 建築工程之層數：05 層
- Hệ số sử dụng đất: 3,5 lần
- 容積率 3.5 倍

2.3 Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (Giai đoạn 1) của Bên Cho Thuê có tổng diện tích nhỏ hơn 200 ha, theo quy định tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 về việc lập quy hoạch chi tiết: đối với Khu công nghiệp có diện tích lớn hơn 200ha thì quy hoạch chi tiết xây dựng được lập trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000. Đối với Khu công nghiệp có diện tích nhỏ hơn 200ha thì quy hoạch chi tiết xây dựng được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/500. Theo đó, Bên Cho Thuê đảm bảo Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (Giai đoạn 1) của Bên Cho Thuê có diện tích nhỏ hơn 200 ha, sẽ được sử dụng quy hoạch chi

tiết xây dựng trên bản đồ tỷ lệ 1/500, được phép không lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000.

2.3.出租方之南河內支持性產業工業園區(第一期)總面積小於 200 公頃,根據 2008 年 11 月 20 日第 19/2008/TT-BXD 號通知規定,關於製作詳細規劃:面積大於 200 公頃的工業園區,製作建設詳細規劃 1/2000 地形圖。面積小於 200 公頃的工業園區,製作建設詳細規劃 1/500 地形圖。據此,出租方保證出租方的南河內支持性產業工業園區(第一期)面積小於 200 公頃,將可適用製作建設詳細規劃 1/500 地形圖,可不製作建設詳細規劃 1/2000 地形圖。

2.4. Sau khi Bên Cho Thuê chính thức bàn giao đất cho Bên Thuê theo quy định của Hợp Đồng này, Bên Thuê chịu toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí, chi phí phát sinh về việc xin phê duyệt trên theo quy định của Cơ quan nhà nước. Trước thời điểm bàn giao đất chính thức thì mọi loại thuế, phí, lệ phí, chi phí phát sinh về việc xin phê duyệt về vấn đề quy hoạch chung liên quan đến Khu Đất sẽ do Bên Cho Thuê chịu.

2.4. 出租方依本合同規定將土地正式交付給承租方後,承租方應依照國家機構的規定承擔因上述批准而產生的所有稅金、費用、收費和開支;土地正式交付給承租方前,前述所有有關土地及其相關批准之稅金、費用、收費和開支均由出租方承擔。

Điều 2. Giá thuê đất

第二條 土地租金

1. Giá cho thuê quyền sử dụng đất:

Tiền Thuê Quyền Sử Dụng Đất (dưới đây gọi tắt là Giá Cho Thuê hoặc Tiền Thuê hoặc Tiền Thuê Lại Đất hoặc Tiền Thuê Đất) mà Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê được tính bằng diện tích Thửa Đất quy định tại Khoản 1 Điều 1 Hợp Đồng này x (nhân với) đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thông báo cho Bên Cho Thuê để Bên Cho Thuê nộp tiền thuê đất cho Nhà nước (sau đây gọi tắt là "Đơn Giá Thuê Đất"). Diện tích Thửa Đất sẽ được xác định theo diện tích đất ghi trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê.

一、土地使用權租賃費

承租方要向出租方支付的土地使用權的租金(以下簡稱租金價格或租金或土地轉租金或土地租金)的計算,為本合同第一條第一項規定的地塊面積x(乘以)具有越南國家主管機構通知出租方以便出租方向國家支付土地租金的年度土地租金單價(以下簡稱"土地租金單價")。地塊面積將根據國家主管機關頒發給承租方的土地使用權證書中記載的土地面積為準。

- Từ ngày 28/06/2021 đến hết ngày 27/06/2026, Đơn Giá Thuê Đất là 9.375 đồng/m²/năm (Bằng chữ: Chín nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng một mét vuông một năm), thống nhất theo Thông báo số 44275/TB-CTHN-QLĐ ngày 05/11/2021 của Cục Thuế Thành phố

Hà Nội gửi Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G hoặc theo Đơn Giá Thuê Đất điều chỉnh của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

自從 2021 年 6 月 28 日至 2026 年 6 月 27 日止土地租金單價為 9.375 越南盾/平方米/年（大寫：玖仟叁佰柒拾伍越南盾一平方米一年），係按照河內稅務局於 2021 年 11 月 5 日發送給 N&G 投資發展股份公司的第 44275/TB-CTHN-QLD 號通知或按照越南國家主管機構調整後的土地租賃單價。

- Sau ngày 27/06/2026, Đơn Giá Thuê Đất được xác định, điều chỉnh theo quyết định hoặc thông báo bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Bên Cho Thuê thông báo cho Bên Thuê Đơn Giá Thuê Đất theo quyết định hoặc thông báo của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

2026 年 6 月 27 日之後，土地租金單價應根據越南國家主管機構的決定或通知確定和調整。出租方應根據越南國家主管機關的決定或通知，將土地租金單價通知承租方。

Giá Cho Thuê Đất này đã bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và Thuế VAT (nếu có) theo thông báo và quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

該租賃土地租金已經包括根據越南國家主管機關規定及通知之土地使用權價值和增值稅（如有）。

Bên Thuê được Bên Cho Thuê miễn Tiền Thuê Lại Đất trong vòng 24 tháng kể từ thời điểm Bên Cho Thuê chính thức bàn giao đất cho Bên Thuê (sau đây gọi tắt là “**Thời Hạn Miễn Tiền Thuê Lại Đất**”).

自從出租方將轉租土地正式移交給承租方之日起，出租方免徵承租方土地租金 24 個月（以下簡稱“**土地轉租豁免期**”）。

2. Giá Cho Thuê quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các khoản sau:

二、本條第一項規定的租金價格不包括以下內容：

Tiền Thuê Quyền Sử Dụng Đất quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Quản Lý Hạ Tầng, tiền chi trả cho sử dụng nước sạch, xử lý nước thải, điện, điện thoại, internet, dịch vụ viễn thông khác và các dịch vụ có thu phí, các khoản thuế khác (nếu có) do Bên Thuê sử dụng.

本條第一項規定的土地使用權的租金不包括基礎設施租金、基礎設施管理費、清潔水費、廢水處理費、電費、電話費、互聯網費、其他電信服務的使用費以及承租方使用的其他收費服務、稅費（如有）。

a) Tiền Thuê Hạ Tầng

基礎設施租金

- Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê Hạ Tầng cho Bên Cho Thuê tính theo công thức: Đơn Giá Thuê Hạ Tầng x Diện tích của Thửa Đất quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Hợp Đồng.

承租方有義務向出租方支付基礎設施租金，按該公式計算：基礎設施租金單價 x 合同第一條第一項規定的地塊面積。

+ Đơn Giá Thuê Hạ Tầng là 3.131.505 đồng/m² (toàn bộ thời gian thuê hạ tầng);

基礎設施租賃單價為 3,131,505 越南盾/平方米(整個基礎設施租賃期間)。

+ Tiền Thuê Hạ Tầng (chưa gồm Thuế VAT): 3.131.505 đồng/m² x 79.265 m² = 248.218.743.825 đồng;

基礎設施租金（不含增值稅）：3,131,505 越南盾/m² x 79,265 m² = 248,218,743,825 越南盾。

+ Thuế VAT (0%): 248.218.743.825 đồng x 0% = 0 đồng;

增值稅（0%）：248,218,743,825 越南盾 x 0% = 0 越南盾。

+ Tiền Thuê Hạ Tầng gồm Thuế VAT (sau đây gọi tắt là “Tổng Tiền Thuê Hạ Tầng”): 248.218.743.825 đồng + 0 đồng = 248.218.743.825 đồng.

基礎設施含增值稅租金（以下簡稱“基礎設施租金總額”）：248,218,743,825 越南盾 + 0 越南盾 = 248,218,743,825 越南盾。

Trong trường hợp tổng diện tích của Thửa Đất nói trên (79.265 m²) khác biệt so với diện tích ghi trong Giấy chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất, Tổng Tiền Thuê Hạ Tầng nêu trên sẽ được tính toán và điều chỉnh dựa trên diện tích đất theo thông tin ghi trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất.

前述租賃土地總面積（79,265 m²）如與土地使用權證書所記載之面積有差異時，上述基礎設施租金總額應依據土地使用權證書記載之土地面積計算並調整之。

Tổng Tiền Thuê Hạ Tầng trên đã bao gồm toàn bộ tiền thuê cơ sở hạ tầng nhưng chưa bao gồm tiền thuế giá trị gia tăng theo quy định tại thời điểm Hai Bên ký Hợp Đồng này.

Trường hợp Cơ quan hải quan có thẩm quyền hoặc/và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định rằng Bên Thuê không phải là doanh nghiệp chế xuất và được hưởng thuế VAT là 0% trong Thời Hạn Thuê của Hợp Đồng này, Bên Thuê sẽ phải thanh toán cho Bên Cho Thuê số tiền Thuế VAT bổ sung theo quy định của pháp luật. Hai Bên sẽ làm Phụ lục Hợp đồng để điều chỉnh tăng Tổng Tiền Thuê Hạ Tầng trên và Bên Thuê thanh toán tiền Thuế VAT bổ sung trên cho Bên Cho Thuê trong vòng 15 Ngày Làm Việc hoặc theo thông báo của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tùy điều kiện nào đến trước. Tuy nhiên, tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh toán tiền Thuế VAT bổ sung trên (nếu có) sẽ do Bên Thuê chi trả theo quy định của pháp luật.

前述基礎設施租金已經包括全部基礎設施租金，但未包括根據雙方簽署本合同時之規定的增值稅。

如果海關主管部門或/和國家主管部門規定在本合同租賃期內承租方不是出口加工企業且享受 0%增值稅，則承租方須根據法律規定向出租方支付額外的增值稅金額。雙方將在合同中簽訂附件，調整上述基礎設施租金總額上漲，承租方應在 15 個工作日內或根據國家主管機構的通知中記載的期限內向出租方支付上述額外增值稅金額，以先到者為準。但與支付上述額外增值稅（如有）相關的所有費用將由承租方依法支付。

b) Phí Quản Lý Hạ Tầng, tiền chi trả cho sử dụng nước sạch, xử lý nước thải, điện, điện thoại, internet, dịch vụ viễn thông và các dịch vụ có thu phí khác ("Phí Dịch Vụ"). Phí Dịch Vụ sẽ được quy định chi tiết tại Phụ lục 2 của Hợp Đồng này.

基礎設施管理費、清潔水使用費、廢水處理費、電費、電話費、互聯網費、電信服務費以及其他收費服務費用（“公用服務費”）。服務費用詳見本合同 2 號附件。

Phí dịch vụ viễn thông và các dịch vụ có thu phí khác do Bên Thuê sử dụng theo thỏa thuận giữa Bên Thuê và tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tại Khu Công Nghiệp.

電信服務及其他收費服務的費用按承租方與工業區內提供服務的組織或個人簽訂協議。

Bên Thuê có nghĩa vụ trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với Bên Cho Thuê hoặc các công ty được Bên Cho Thuê chỉ định đối với các loại hình phí dịch vụ tại mục 1, 2, 3 và 4 được quy định tại Phụ lục 2 của Hợp Đồng này (riêng mục 4: Tiền điện, đơn giá điện được tính theo đúng quy định của Nhà nước).

Đối với dịch vụ xử lý rác thải và chất thải rắn hoặc các loại hình dịch vụ khác, Bên Thuê sẽ ưu tiên xem xét ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp do Bên Cho Thuê giới thiệu hoặc được Bên Thuê đồng ý, nhằm hỗ trợ Bên Cho Thuê đảm bảo việc quản lý thống nhất, tập trung mà không ảnh hưởng đến việc quản lý, vận hành chung của khu công nghiệp. Tuy nhiên, nếu bên thuê căn cứ vào các nhu cầu thực tế như giá thành, chất lượng dịch vụ, mức độ hợp tác thì sau khi thông báo cho bên cho thuê, không sử dụng nhà cung cấp dịch vụ do bên cho thuê giới thiệu, chỉ định hoặc đồng ý mà lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ khác để cung cấp dịch vụ thì không bị hạn chế hoặc bỏ buộc bởi các quy định nêu trên. Nhà cung cấp dịch vụ được Bên Cho Thuê hoặc Bên Thuê hợp tác phải đáp ứng đầy đủ các quy định của cơ quan Nhà nước.

對於本合同附件 2 中之 1、2、3、4 項服務，承租方將直接與出租方或出租方指定公司簽訂服務合同（其中第 4 項服務之電費及單價按照國家規定計算）。

對於垃圾處理服務、固體廢物處理服務或其他類型的服務，承租方將優先考量採用與由出租方介紹或承租方同意在工業園區經營之服務供應商簽訂服務合同，以

協助出租方方便統一集中管理，不影響工業園區的總體管理和運營；但承租方如基於成本費用、服務品質及配合度等實際需求，得於通知出租方後，不採用出租方介紹、指定或同意的服務供應商，而另行選定其他服務供應商提供服務，不受前述規定限制或拘束。出租方或承租方合作的服務供應商均必須完全符合國家機構的規定。

Điều 3. Phương thức thanh toán

第三條 付款方式

1. Phương thức thanh toán:

一、付款方式：

Thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng (VND) thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng theo quy định pháp luật.

根據越南法律規定以越南盾通過銀行轉帳方式付款。

Bên Thuê chuyển tiền thuê vào tài khoản ngân hàng của Bên Cho Thuê bằng hình thức chuyển khoản.

承租方通過轉帳方式將租金匯款到出租方銀行帳戶。

2. Thời hạn thanh toán:

二、付款期限：

a) Thanh toán Tiền Thuê Lại Đất:

- 土地租金付款：

Sau Thời Hạn Miễn Tiền Thuê Lại Đất (quy định tại Điều 2 mục 1), hàng năm, Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên Cho Thuê khoản Tiền Thuê Lại Đất theo Đơn Giá Thuê Đất trả tiền thuê đất hàng năm do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam quy định.

在土地租賃豁免期屆滿之後（依第二條第一項規定），每年，承租方將根據越南國家主管機構規定的年度土地租賃單價支付給出租方土地租金。

Tiền thuê đất hàng năm sẽ được Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê một lần cho chu kỳ thuê của năm đó, chậm nhất vào ngày 30/06 hàng năm, đồng thời Bên Cho Thuê có nghĩa vụ gửi thông báo nộp tiền cho Bên Thuê tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn thanh toán ghi trong thông báo. Bên Cho Thuê có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên Thuê theo quy định của pháp luật.

每年的土地租金由承租方就當年的租賃期向出租方一次支付，最遲不遲於每年的6月30日。同時，出租方有義務在通知中規定的付款期限前至少十五天向承租方發出付款通知。出租方並應按照法律規定開具發票給承租方。

b) Thanh toán Tiền Thuê Hạ Tầng:

- 基礎設施租金付款：

- Lần 1: Bên Cho Thuê đã nhận từ cho Bên Thuê số Tiền Thuê Hạ Tầng là: 95.564.216.373 VND (Bằng chữ: Chín mươi lăm tỷ năm trăm sáu mươi tư triệu hai trăm mười sáu nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng) vào ngày ký của Hợp Đồng này. Bên Cho Thuê có trách nhiệm cung cấp chứng từ nhận, chuyển tiền qua ngân hàng của Bên Thuê để chứng minh số Tiền Thuê Hạ Tầng này. Bên Cho Thuê có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên Thuê theo quy định của pháp luật. Thuế VAT (0%).

第一期：出租方已從承租方收到基礎設施租金為：95.564.216.373 越南盾（大寫：玖佰伍拾伍億陸仟肆佰貳拾壹萬陸仟叁佰柒拾叁越南盾）於本合同簽署日。

出租方應提供承租方給付上述基礎設施租金之銀行收款匯兌證明文件。出租方並應按照法律規定開具發票(增值稅 0%) 給承租方。

- Lần 2: Bên Cho Thuê sẽ thông báo trước 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày ký Hợp Đồng này cho Bên Thuê về việc Bên Cho Thuê nhận được Văn bản phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500 cho Khu Công Nghiệp của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ Bên Cho Thuê với các chỉ tiêu quy hoạch được quy định tại Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 1 nêu trên và Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê số tiền 127.832.653.070 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn không trăm bảy mươi đồng) trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Hai Bên ký Hợp Đồng. Bên Cho Thuê có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên Thuê theo quy định của pháp luật. Thuế VAT (0%).

第二期：出租方應於本合同簽訂之日前的 3(三)個工作日向承租方通知其取得國家主管機關批准工業園區局部調整詳細規劃 1/500 比例之檔，並符合上述第一條第二項第 2.3 款規定的規劃標準。承租方自雙方簽署本合同之日起 5（五）個工作日內向出租方支付 127,832,653,070 越南盾（大寫：壹仟貳佰柒拾捌億叁仟貳佰陸拾伍萬叁仟零柒拾越南盾）。出租方並應按照法律規定開具發票(增值稅 0%)給承租方。

- Lần 3: Bên Cho Thuê gửi thông báo bằng văn bản (bao gồm cả hình thức thư điện tử) cho Bên Thuê về việc bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất kèm bản scan màu Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất thuộc quyền sử dụng của Bên Thuê (với các thông tin đúng và đầy đủ) trước thời điểm bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc. Trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Thuê bàn giao cho Bên Thuê bản chính của Giấy chứng nhận Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Khu Đất Thuê Lại, Bên Thuê thanh toán cho Bên Cho Thuê 10% tổng số tiền thuê hạ tầng, tương ứng với số tiền là 24.821.874.383 VND (Bằng chữ: Hai mươi tư tỷ tám trăm hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng). Bên Cho Thuê có trách nhiệm xuất hóa đơn cho Bên Thuê theo quy định của pháp luật. Thuế VAT (0%).

第三期：出租方應在出租方將土地使用權證正本交付承租方前 15 個工作日以書面方式（包括電子郵件方式在內）發送之土地使用權證移交通知且附上所屬承租方使用權的土地使用權證彩色掃描件（資訊正確、完整）給承租方。承租方在出租方將租賃土地之土地使用權證正本交付承租方之日起 15 個工作日內將向出租方支付基礎設施租金總額之 10%，相當於 24.821.874.383 越南盾（大寫：貳佰肆拾捌億貳仟壹佰捌拾柒萬肆仟叁佰捌拾叁越南盾）。出租方並應按照法律規定開具發票（增值稅 0%）給承租方。

c) Thanh toán Phí Dịch Vụ Công Cộng

公用服務費支付

Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán Phí Dịch Vụ theo quy định của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ (là Bên Cho Thuê hoặc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ khác) và các hợp đồng cung cấp dịch vụ được ký kết giữa các bên có liên quan.

承租方有義務按照提供服務的組織和個人（即出租方或提供其他服務的組織或個人）以及關聯方簽訂的服務合同的規定繳納公用服務費。

3. Các nội dung thỏa thuận khác:

三、其他協商內容：

a) Bên Thuê chịu trách nhiệm thanh toán các khoản phí phát sinh từ việc chuyển tiền qua ngân hàng, phát sinh từ việc chuyển tiền cho Bên Cho Thuê phát sinh từ việc thanh toán Tiền Thuê Lại Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ và các nghĩa vụ tài chính khác mà Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê.

承租方負責支付銀行轉帳產生的費用，因土地租金、基礎設施租金、公用服務費和其他付款義務而承租方必須向出租方轉帳而產生的轉帳費用。

b) Bên Thuê chịu trách nhiệm thanh toán thuế, phí, lệ phí và chi phí mà bên thuê phải thanh toán theo quy định của pháp luật theo thông báo của Bên Cho Thuê để Bên Cho Thuê thực hiện thủ tục cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất để chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích Khu Đất Thuê Lại theo Hợp Đồng hoặc để Bên Cho Thuê hỗ trợ Bên Thuê thực hiện một số thủ tục theo thỏa thuận của Các Bên.

承租方負責按照出租方的通知繳納屬承租方依法應需繳納之稅款、費用、收費和開支，便於出租方應辦理土地使用權證簽發手續，證明合同項下轉租土地面積的土地使用權或便於出租方協助承租方履行雙方協商的多項手續。

c) Đối với các khoản thanh toán có phát sinh Thuế VAT theo quy định của pháp luật Việt Nam, Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Cho Thuê tiền Thuế VAT. Trừ khi pháp luật quy định khác, Bên Cho Thuê sẽ phát hành hoá đơn Thuế VAT tương ứng với khoản tiền được thanh toán và tiền Thuế VAT.

對於根據越南法律產生增值稅的款額，承租方有義務向出租方支付增值稅。除法律另有規定外，出租方將開具與支付的金額和增值稅金額相對應的增值稅發票。

d) Nếu thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản theo thỏa thuận của Bên Thuê và Bên Cho Thuê thì thời điểm xác định Bên Thuê đã thanh toán là thời điểm số tiền chuyển khoản đã được ghi có vào tài khoản ngân hàng của Bên Cho Thuê.

如果承租方與出租方約定以轉帳方式支付的，以轉帳款項記入出租方銀行帳戶時間為確定承租方已支付的時間。

đ) Trừ khi có thông báo khác của Bên Cho Thuê, Bên Thuê sẽ thanh toán Tiền Thuê, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ được cung cấp bởi Bên Cho Thuê bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Cho Thuê theo thông tin sau:

除非出租方另行通知，承租方將根據以下資訊通過銀行轉帳的方式將土地租金、基礎設施租金、出租方提供的公用服務的公用服務費支付至出租方的銀行帳戶：

Tên tài khoản: Công ty cổ phần Đầu tư - Phát triển N&G

帳戶名稱：N&G 投資-發展股份公司

Số tài khoản tiền VND: 1022.4100.000.0042 Tại Ngân hàng: Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch I

越南盾銀行帳號：1022.4100.000.0042 - 越南發展銀行 - I 號交易所

Nội dung chuyển khoản: Bên Thuê thanh toán Tiền Thuê Đất / Tiền Thuê Hạ Tầng / Tiền nước sạch / Tiền xử lý nước thải.....lần...../ tháng.....theo Hợp đồng số.....ngày...../.../...

轉帳內容：承租方依.....年.....月.....日第.....號合同支付第.....次/.....月之土地租金/基礎設施租金/清水費/污水處理費等

Điều 4. Mục đích thuê đất

第四條 土地租賃用途

Thuê đất để xây dựng nhà máy, xí nghiệp, nhà xưởng, nhà văn phòng và các công trình cần thiết để hỗ trợ hoạt động của nhà máy phù hợp với Dự Án Của Bên Thuê đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho Bên Thuê theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, tùy từng thời điểm và pháp luật có liên quan.

土地租賃為按照已由越南主管機關向承租方頒發的投資登記證或根據越南法律不時規定具有同等法律效力的文件授予承租方的項目來建設廠房、工廠、車間、辦公室及支持工廠營運所需的必要建築。

Điều 5. Thời hạn thuê đất, thời điểm bàn giao

第五條 土地租賃期限、交接時間

1. Thời hạn thuê đất:

一、土地租賃期限：

- Thời hạn thuê đất: Theo thời gian thực hiện dự án được ghi trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do cơ quan có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê. Trường hợp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư của Bên Thuê hết hạn (ngày 19/12/2073) và Bên Thuê muốn tiếp tục gia hạn thời hạn đầu tư thì Bên Cho Thuê sẽ cung cấp hỗ trợ cần thiết để Bên Thuê làm các thủ tục gia hạn Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư. Bên Cho Thuê cam kết sẽ không cho bên thứ ba khác không phải là Bên Thuê thuê lại phần đất thuê trước ngày 01/07/2082 nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Thuê. Nếu Bên Thuê hết thời hạn đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và Bên Thuê thành công gia hạn thời hạn trên thì các bên hiểu rằng thời hạn thuê đất của Hợp đồng này sẽ được gia hạn tương ứng (nhưng không vượt quá ngày 01/07/2082) và Bên Cho Thuê sẽ phối hợp điều chỉnh Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Thuê mà không thu thêm bất kỳ chi phí nào, ngoại trừ các chi phí theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên Cho Thuê có được quyền sử dụng đất hợp pháp sau ngày 01/07/2082 theo quy định của pháp luật thì các bên thống nhất Bên Thuê sẽ có quyền ưu tiên thuê tiếp (nếu có nhu cầu) trên cơ sở hai bên thỏa thuận lại đơn giá thuê, thời hạn thanh toán và các điều khoản khác của Hợp Đồng thuê mới.

- 土地租賃期限：以主管機關向承租方頒發之投資登記證書所載期限為準。如承租方投資登記證書到期(即 2073 年 12 月 19 日)而承租方欲申請展延時，出租方應配合提供協助，並使承租方完成投資登記證書之展延。出租方保證未經承租方事前書面同意，於 2082 年 7 月 1 日前，出租方不得將租賃土地出租給承租方以外之第三人。且如承租方之投資登記證書到期且展延完成時，出租方同意本合同之土地租賃期限應相應自動展延（但不超過 2082 年 7 月 1 日），且出租方同意配合辦理承租方土地使用權證之展延而不另行收取額外費用，法律規定的費用除外。又如出租方根據法律規定取得 2082 年 7 月 1 日後之合法土地使用權，而承租方有意承租時，出租方同意給予承租方優先承租權，但雙方得另行協商新租賃合同中之租賃單價、付款期限等其他條款。

2. Thời Hạn Thuê bắt đầu từ ngày:

二、租期開始的日期

Thời Hạn Thuê Đất (thời hạn thuê lại đất) chính thức bắt đầu từ ngày Bên Cho Thuê và Bên Thuê ký kết Hợp đồng này.

土地租賃期（土地轉租期）自出租方和承租方簽訂本合同之日起正式開始。

Biên bản bàn giao mặt bằng của Khu Đất Thuê Lại ghi nhận việc bàn giao và nhận bàn giao giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê về vị trí, mốc giới, diện tích và một số thông tin khác liên quan đến Khu Đất Thuê Lại.

轉租土地平面移交記錄應記錄出租方與承租方之間所交接之轉租土地相關的位置、地標、界樁、面積和其他相關信息。

3. Gia hạn Thời Hạn Thuê:

三、租期延長：

Sau khi kết thúc Thời Hạn Thuê Đất, nếu Bên Cho Thuê vẫn tiếp tục được sử dụng Khu Đất Thuê Lại để cho thuê hoặc cho thuê lại thì Bên Cho Thuê sẽ ưu tiên Bên Thuê được tiếp tục thuê/thuê lại với các điều kiện ưu đãi nhất phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng mới, do Bên Cho Thuê và Bên Thuê thỏa thuận thời điểm đàm phán thích hợp và với điều kiện Bên Thuê đáp ứng điều kiện được thuê/thuê lại quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng tại Khu Đất Thuê Lại đó theo quy định của pháp luật tại thời điểm đàm phán gia hạn Thời Hạn Thuê.

土地租賃期滿後，如出租方還能繼續將轉租土地用於出租或轉租的，出租方將優先讓承租方按照出租方與承租方約定談判的合理時間內以符合新合同約定時的法律規定最優惠的條件繼續出租/轉租給承租方，前提是承租方在協商延長租賃期時符合法律規定的與該轉租具備基礎設施土地的租賃/轉租使用權的相關條件。

4. Giải quyết khi Hợp Đồng Thuê Đất hết hạn:

四、土地租賃合同到期結算：

Không ảnh hưởng đến thỏa thuận khác tại Hợp Đồng, trừ trường hợp nhà nước thu hồi Khu Đất Thuê Lại thì Các Bên phải thực hiện theo quy định của Nhà nước tại thời điểm thu hồi, nếu kết thúc Thời Hạn Thuê mà Các Bên không thỏa thuận gia hạn Thời Hạn Thuê hoặc Hợp Đồng này chấm dứt trước khi kết thúc Thời Hạn Thuê, thì Các Bên thống nhất phương thức giải quyết như sau:

在不影響本合同其他約定的情況下，除國家收回租賃土地的情況下，各方必須遵守收回租賃土地時之國家規定外，如果在租賃期屆滿時，雙方不同意延長租賃期或本合同在租賃期屆滿前終止，雙方同意按如下方式解決：

a) Trừ trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác, trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày hết thời hạn thuê, Bên Thuê có nghĩa vụ trả lại Khu Đất Thuê Lại cho Bên Cho Thuê, trả lại bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Cho Thuê hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam. Hai Bên hiểu và thống nhất rằng Bên Thuê không có nghĩa vụ phá dỡ công trình trên khu đất thuê (bao gồm nhưng không giới hạn bởi nhà máy, nhà xưởng, công trình phụ trợ, công trình ngầm...), không có nghĩa vụ khôi phục khu đất thuê về trạng thái ban đầu, nhưng Bên Thuê vẫn phải chịu trách nhiệm xử lý mọi vấn đề ô nhiễm môi trường do Bên Thuê gây nên trên Khu Đất Thuê Lại trong thời gian thuê theo yêu cầu bởi pháp luật có thẩm quyền (nếu có).

除雙方另有約定外，於租賃期限屆滿之日起 30（三十）個工作日內，承租方有義務將租賃土地返還出租方，將土地使用權證正本退還給出租方或越南國家主管機

關・雙方了解並同意承租方並無義務將租賃土地上之建築物（包含但不限於廠房、車間、輔助建築、地下工程等）拆除且無須將租賃土地恢復原狀，但承租方仍應依法律規定對於其在租賃期限內於租賃土地上製造之環境汙染問題(如有)負責處理。

Bên Cho Thuê không chịu trách nhiệm bảo quản các thiết bị, vật dụng, nguyên liệu... mà Bên Thuê không di dời trong thời hạn đã thỏa thuận sau khi kết thúc thời hạn thuê trong Hợp Đồng này và có toàn quyền xử lý các thiết bị, vật dụng, nguyên liệu, trong Khu Đất Thuê Lại sau thời hạn quy định.

出租方對於承租方未於本合同租賃期屆滿後之約定期間內清空而遺留於租賃土地之設備、物料及物品不負保管責任，並在約定期間後完全擁有處置之權利。

Ngoài quy định tại Khoản 4 Điều này, quyền và nghĩa vụ khác giữa Các Bên khi kết thúc Thời Hạn Thuê hoặc khi Hợp Đồng chấm dứt còn được giải quyết theo quy định khác tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

除本條第四項規定外，雙方在租賃期屆滿或合同終止時的其他權利和義務，也應按照本合同其他規定和法律規定解決。

5. Thời điểm bàn giao đất:

五、土地交接時間：

Trong vòng 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này, Bên Cho Thuê phải chính thức bàn giao Khu Đất Thuê Lại cho Bên Thuê.

自本合同簽署之日起 14（十四）日內，出租方應正式將轉租土地移交給承租方。

Trường hợp Bên Thuê không có mặt để tiếp nhận bàn giao được trong thời gian 14 (mười bốn) ngày, Hai Bên sẽ đàm phán và chọn ra ngày bàn giao chính thức sau khi Bên Cho Thuê nhận được đề nghị bằng văn bản của Bên Thuê, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, thời hạn bàn giao sẽ không quá 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày ký hợp đồng này. Nếu Bên Thuê nhận bàn giao Khu Đất Thuê Lại sau 14 (mười bốn) ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng này thì Thời Hạn Thuê (bao gồm thời hạn thuê lại đất, thời hạn thuê hạ tầng) được tính từ ngày đầu tiên ngay sau ngày kết thúc 14 (mười bốn) ngày đó.

Bên Cho Thuê khi giao Khu Đất Thuê Lại có trách nhiệm:

(a) Cung cấp các giấy tờ pháp lý quy định tại Khoản 6 Điều này cho Bên Thuê và các giấy tờ và hình minh họa liệt kê trong Phụ lục 3;

(b) Hoàn thiện các nội dung quy định tại điểm (f)-(l) Điều 6 Khoản 2; và

(c) Hoàn thành, bàn giao và được Bên Thuê kiểm tra và chấp thuận các hạng mục quy định tại Phụ lục 3 của Hợp Đồng này trên cơ sở các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật;

Nếu Bên Cho Thuê không hoàn thành các hạng mục nói trên gây ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc kế hoạch đầu tư của Bên Thuê, Bên Cho Thuê sẽ phải bồi thường mọi tổn thất phát sinh cho Bên Thuê.

如果承租方未能在 14 (十四) 日內到場接收轉租土地交接, 出租方將收到承租方的書面請求後, 與承租方另行協商并選出正式交接日期進行交接, 除雙方另有約定外, 交接期限自本合同簽署之日起不超過 20 (二十) 個工作日。如果承租方自本合同簽署之日起 14 (十四) 日後收到轉租土地的交接, 租賃期 (包括土地轉租期、基礎設施租賃期) 自該 14 (十四) 日結束後的第一天起計算。

出租方應在轉租土地移交之日:

- (a) 交付給承租方本條第六項之法律文件及附件 3 所列之文件及圖說;
- (b) 完成第六條第二項第(f)-(l)款規定之事項; 及
- (c) 在文件符合法律規定的基礎上, 依本合同附件 3 所載明之項目經承租方確認並完成點交;

若出租方未能完成上述項目, 因此對承租方的生產經營活動或投資計劃造成影響, 出租方須賠償承租方所遭受的全部損失。

6. Giấy tờ pháp lý về đất:

Bên Cho Thuê phải bàn giao cho Bên Thuê những giấy tờ pháp lý sau:

六、土地的法律檔:

出租方應交付承租方以下法律檔:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 298664 với tên của Bên Cho Thuê do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 28/12/2018.

河內市自然資源和環境所於 2018 年 12 月 28 日頒發的 CQ298664 之出租方名義之土地使用權、房屋和其他土地附屬資產所有權證;

- Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 30/03/2012 của UBND Thành phố Hà Nội và Văn bản số 2305/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn 1) - tỉ lệ 1/500 cùng quy định của pháp luật Việt Nam.

河內市人民委員會 2012 年 3 月 30 日第 1337/QĐ-UBND 號決定和 2016 年 5 月 12 日 2305/QĐ-UBND 號文件, 包括批准對南河內支持性產業工業園區 (第一期) 詳細規劃進行局部調整之 1/500 比例以及越南法律之相關規定;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng
- 建設部 2021 年 5 月 19 日第 01/2021/TT-BXD 號通知規定;
- Các bản vẽ hồ sơ kỹ thuật hạ tầng tại Thừa Đất.

地塊技術基礎設施檔案圖紙；

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và Kinh doanh Khu công nghiệp

工業區基礎設施建設投資與經營的政府總理決定書；

- Quyết định bàn giao đất cho phép bên thuê chính thức triển khai đầu tư.

允許承租方正式落實投資案的土地交付決定書。

7. Thời hạn thuê hạ tầng:

Thời hạn thuê hạ tầng là tới hết ngày 01/07/2082 hoặc hết thời hạn thực hiện Dự Án Của Bên Thuê ghi trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư của Bên Thuê, tùy điều kiện nào đến trước.

七、基礎設施租賃期限：

基礎設施租賃期限至 2082 年 7 月 1 日止或承租方投資登記證載明的承租方項目實施期滿，以先到者為準。

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên Cho Thuê

第六條 出租方的權利和義務

1. Quyền của Bên Cho Thuê

一、出租方的權利

a) Yêu cầu Bên Thuê khai thác, sử dụng đất theo đúng mục đích, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dự án đầu tư và thỏa thuận trong Hợp Đồng;

a) 要求承租方按照合同中的投資項目和土地使用計劃、總體規劃、使用目的來開發利用土地；

b) Yêu cầu Bên Thuê thanh toán Tiền Thuê theo thời hạn và phương thức thỏa thuận trong Hợp Đồng; Bên Cho Thuê được quyền phạt vi phạm lãi chậm trả là 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán trong trường hợp Bên Thuê vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Quản Lý Hạ Tầng hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định tại Phụ lục 2 và các điều khoản khác của Hợp Đồng và không khắc phục trong thời gian hợp lý (không quá 45 Ngày Làm Việc) mà Bên Cho Thuê đưa ra trong văn bản thông báo. Tuy nhiên, nếu việc chậm trả là do Bên Cho Thuê gây ra thì quy định này không được áp dụng;

b) 要求承租方按合同約定的期限和方式支付租金；如果承租方違反支付土地租金、基礎設施租金、基礎設施管理費之義務或本合同附件 2 規定的其他支付義務而未在出租方書面通知中給予的合理時間(最多 45 個工作日)內改善，出租方有權向承租方計收逾期付款利息，該逾期付款利息具體為依照發生逾期付款時越南國家銀

行 12 個月定期貸款利率的 1.5 倍，但若係因出租方之原因造成逾期付款，則不適用該規定；

c) Yêu cầu Bên Thuê chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, hủy hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị sử dụng của đất; nếu Bên Thuê không chấm dứt ngay hành vi vi phạm thì Bên Cho Thuê có quyền thông báo bằng văn bản cho Bên Thuê chấm dứt thực hiện Hợp Đồng, yêu cầu Bên Thuê trả lại đất đang thuê;

c) 要求承租方立即停止將土地用於不正當用途、破壞土地或降低土地使用價值；如果承租方不立即解除違約的行為，出租方有權以書面通知承租方終止合同的履行並要求承租方返還租賃土地；

d) Yêu cầu Bên Thuê giao lại khu đất thuê và Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất của khu đất thuê khi hết Thời Hạn Thuê theo Hợp Đồng hoặc khi Hợp Đồng chấm dứt trước thời hạn;

d) 要求承租方在合同約定的租賃期屆滿或提前終止合同時交出租賃土地和租賃土地的土地使用權證；

e) Yêu cầu Bên Thuê bồi thường thiệt hại thực tế cho Bên Cho Thuê do lỗi của Bên Thuê mà nguyên nhân do chính mình thực hiện dẫn đến vi phạm các quy định của hợp đồng này gây ra;

e) 要求承租方賠償因承租方可歸責於其本身的事由以致違反本合同規定所產生的過錯造成出租方的實際損失；

f) Yêu cầu Bên Thuê thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong bản hợp đồng này;

f) 要求承租方按本合同約定的時間和方式支付到期的付款義務；

g) Quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

g) 合同及法律規定的其他權利。

2. Nghĩa vụ của Bên Cho Thuê

二、出租方的義務

a) Cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về quyền sử dụng đất và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp;

a) 提供完整、真實的土地使用權信息並對所提供的信息負責任；

b) Chuyển giao quyền sử dụng đất cho Bên Thuê đủ diện tích, đúng vị trí và tình trạng đất theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;

b) 按照合同約定的具有足夠面積、正確位置和土地條件將土地使用權轉讓給承租方；

c) Đăng ký việc cho thuê quyền sử dụng đất;

c) 登記土地使用權出讓;

d) Kiểm tra, nhắc nhở Bên Thuê bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;

d) 檢查並提醒承租方保護和保存土地，將土地用於正確的目的;

d-1) Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

d-1) 依法向國家履行付款義務;

e) Thông báo cho Bên Thuê về quyền của người thứ ba đối với Khu Đất Thuê Lại;

e) 通知承租方對於轉租土地的第三方權利;

f) Có trách nhiệm đảm bảo thực hiện, duy trì hoạt động bình thường, cung cấp ổn định của Khu Công Nghiệp, cung cấp ổn định và duy tu bảo dưỡng hạ tầng, dịch vụ bảo vệ và các tiện ích khác thuộc trách nhiệm cung cấp của Khu Công Nghiệp trong suốt Thời Hạn Thuê của Bên Thuê với điều kiện Bên Thuê đã tuân thủ đúng thoả thuận với Bên Cho Thuê;

f) 負責確保工業區正常運營的實施、穩定供應和維護，提供並維護基礎設施、安全服務和工業區租賃期間負責提供工業區的其他公用事業的穩定供應與維護，前提是承租方已遵守與出租方的協議;

g) Bên Cho Thuê có trách nhiệm hỗ trợ và thay mặt Bên Thuê trong việc xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất, và phải thông báo kịp thời cho Bên Thuê những văn bản cần phải cung cấp theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong vòng từ 90 ngày kể từ ngày Bên Thuê đã thanh toán đến 90% Tiền Thuê Hạ Tầng cho Bên Cho Thuê (tức trước ngày 31 tháng 07 năm 2024), Bên Cho Thuê sẽ hoàn thiện thủ tục xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất do cơ quan nhà nước cấp cho Bên Thuê và bàn giao bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Thuê đã được thay đổi thông tin chủ sử dụng phù hợp theo quy định của nhà nước trước ngày đã nêu ở trên (tức trước ngày 31 tháng 07 năm 2024)(trừ các trường hợp bất khả kháng hoặc thay đổi của chính sách nhà nước (có văn bản chứng minh)). Đồng thời Bên Cho Thuê tích cực hỗ trợ Bên Thuê làm các thủ tục xin Giấy phép môi trường, Giấy phép xây dựng, Giấy phép Phòng cháy chữa cháy...(nếu có) trước và trong quá trình sử dụng đất. Nếu Bên Cho Thuê không giao bản gốc Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đã được thay đổi thông tin chủ sử dụng thành tên Bên Thuê trong thời hạn 90 ngày quy định (tức trước ngày 31 tháng 07 năm 2024), Bên Cho Thuê phải thanh toán cho Bên Thuê khoản tiền phạt tương đương 8% Tiền Thuê Hạ Tầng trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên Thuê. Ngoài ra, Bên Thuê cũng có quyền chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 8, và Bên Cho Thuê vẫn phải hoàn trả lại cho Bên Thuê toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên Cho Thuê và bồi thường cho Bên Thuê về mọi tổn thất phát sinh.

g) 出租方負責支持和代表承租方申請土地使用權證，並必須按照國家主管機關的規定及時通知承租方需要提供的文件。出租方應自承租方支付基礎設施租金總額達 90%之日起 90 個日曆天內(即 2024 年 07 月 31 日前)為承租方向國家機關申請並取得國家機關頒發承租方之土地使用權證並且將按照國家規定變更業主信息為承租方的土地使用權證正本上述期限內(即 2024 年 07 月 31 日前)交給承租方(不可

抗力或國家政策變更的情況除外（需提供書面證明））。同時，出租方積極支持承租方在土地使用前和使用過程中辦理環境評估許可證、施工許可證、消防許可證等...（如有）的申請手續。如果出租方未於上述 90 個日曆天之期限內（即 2024 年 07 月 31 日前）將變更完成業主信息為承租方名義之土地使用權證正本交付給承租方時，出租方應在承租方書面通知後 15 日內向承租方支付相當於基礎設施租金總額之 8% 的懲罰性違約金；此外，承租方亦有權依照第八條第一項規定終止本合同，且出租方仍應將承租方已支付給出租方的全部金額退還給承租方及賠償承租方因此發生之一切損失。

h) Nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

h) 合同及法律規定的其他義務。

i) Bên Cho Thuê phải bảo đảm quy hoạch Khu Công Nghiệp phù hợp với mục tiêu, nhu cầu sử dụng và quy hoạch của dự án đầu tư của Bên Cho Thuê, không ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư dự án của nhà đầu tư và không tồn tại bất kỳ hạn chế pháp lý nào gây cản trở hoặc chậm trễ việc phê duyệt cần thiết cho việc đầu tư, sử dụng hoặc xây dựng của nhà đầu tư. Tuy nhiên, nếu việc quy hoạch thay đổi do chính sách của nhà nước thay đổi thì quy định này không được áp dụng.

i) 出租方應確保工業區規劃符合承租方投資項目的目標、使用需求和規劃，不影響投資方的項目投資進度，且不存在任何會妨礙或延誤投資方進行投資、使用或建設所需的各項批准的法律限制。但因國家政策改變而改變規劃的，則不適用該規定。

j) Bên Cho Thuê phải bảo đảm thửa đất giao cho Bên Thuê đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Hoàn thành công tác phá dỡ và đền bù khu đất, đảm bảo không xảy ra tranh chấp, kiện tụng với bên thứ ba.
- Đảm bảo không có nhà cửa, đền chùa, lăng mộ hay bất kỳ công trình kiến trúc nào khác trên đất và mọi thứ trên mặt đất hoặc dưới lòng đất đều thông thoáng và không có bất kỳ công trình hoặc vật thể dưới lòng đất nào.
- Theo quy hoạch được chủ đầu tư Khu Công Nghiệp phê duyệt, Khu Đất đã được san lấp mặt bằng, cao độ phải căn cứ và phù hợp với cao độ san lấp đã được đơn vị chính quyền trực thuộc Khu Công Nghiệp phê duyệt, đồng thời hoàn thiện cơ sở hạ tầng liên quan (bao gồm đường giao thông nội bộ, cấp điện, hệ thống cấp nước, thông tin liên lạc, hệ thống thoát nước mưa và thu gom, xả nước thải, hệ thống chiếu sáng, v.v. cũng như phủ xanh cảnh quan).
- Hoàn thành việc kiểm tra, xử lý và loại bỏ mọi loại bom, mìn nổ trên cả Khu Đất theo quy định của pháp luật hiện hành để đảm bảo không có nguy cơ nổ, bom, đạn được hoặc mìn dưới, trong và trên đất, đồng thời đảm bảo rằng đất không bị chôn lấp hoặc đổ rác, chất độc hại hoặc chất thải, chất thải công nghiệp và đất không tiếp xúc với bất kỳ nước thải hóa học hoặc công nghiệp nào có

chứa kim loại nặng hoặc chất độc hại, hoặc bãi chứa hóa chất, v.v. để bảo vệ quyền sử dụng an toàn của Bên Thuê.

j)出租方應擔保交付承租方的地塊滿足下列條件：

- 已完成地塊的拆遷和補償工作，並確保無與任何第三方存在糾紛或訴訟。
- 地塊上確保沒有房屋、廟宇、墳墓等任何建築物，地上或地下一切清空，無任何建物或地下物。
- 按工業區開發商批准的規劃，地塊已完成平整，高度應依據並符合工業區所屬政府單位批准的平整高度，及完成施工相關的基礎設施（包括內部道路交通、供電、供水系統、通訊、雨水排放及廢水收集及排放系統、照明系統等，以及環境綠化）；
- 按照適用法律完成檢查、處置及清除一切土地內任何爆炸性炸彈和地雷，確保該土地下、內及地上，均無任何具爆裂性之危險物、炸彈、彈藥或地雷等，並應確保土地未有掩埋或傾倒垃圾、有毒物質或廢棄物、工業廢棄物，且土壤未受到任何含有重金屬或有毒物質之化學或工業汙廢水、或化學品傾倒等，以維護承租方使用上的安全性。

k) Bên Cho Thuê có trách nhiệm cung cấp và bảo đảm khu đất được kết nối điện, nước, xử lý rác thải, xả nước thải, thoát nước mưa, thông tin liên lạc, đường giao thông và các công trình công cộng khác của khu công nghiệp. Bên Cho Thuê có trách nhiệm thanh toán chi phí kết nối các công trình công cộng này đến rìa khu đất, Bên Thuê có trách nhiệm thanh toán chi phí kết nối nội bộ trong khu đất căn cứ vào nhu cầu và mục đích sử dụng thực tế sau khi thuê.

k) 出租方應提供並確保土地與工業區的電、水、垃圾處理、汙廢水排放、雨水排放、通訊、道路和其他公用設施相連。出租方應負責支付這些公用設施與土地邊緣的連接費用，承租方承租後則根據需要及實際使用情形，支付其在土地內的內部連接費用。

l) Bên Cho Thuê có trách nhiệm tích cực hợp tác với Bên Thuê cung cấp các tài liệu pháp lý, các báo cáo mà Bên Cho Thuê có trong quá trình Bên Thuê thành lập công ty, xây dựng nhà xưởng và hoạt động bình thường trong Khu Công Nghiệp theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, bao gồm:

- Quyết định thành lập Khu Công Nghiệp
- Quyết định phê duyệt quy hoạch sử dụng đất.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất / Hợp đồng thuê đất
- Bản đồ mốc giới
- Báo cáo khảo sát địa chất công trình

- Hồ sơ nghiệm thu công tác rà phá bom mìn
- Báo cáo hồ sơ xin cấp giấy phép đánh giá tác động môi trường Khu Công Nghiệp
- Giấy phép đánh giá tác động môi trường Khu Công Nghiệp

l) Trong承租方在工業區設立公司、工廠建置及正常營運期間，出租方應積極配合承租方，為承租方提供國家主管機關規定而承租方有的各法律文件及報告，包括：

- 工業區設立決定
- 土地使用規劃批准決定
- 土地使用權證 / 土地使用權租賃合同
- 地界樁地圖
- 地質探勘報告
- 掃雷工作驗收文件
- 工業區環評執照申請文件的報告
- 工業區的環評執照

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên Thuê

第七條 承租方的權利和義務

1. Quyền của Bên Thuê

一、承租方的權利

- a) Yêu cầu Bên Cho Thuê cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực về quyền sử dụng đất cho thuê;
- a) 要求出租方提供完整、真實的出租土地使用權信息;
- b) Yêu cầu Bên Cho Thuê chuyển giao quyền sử dụng đất đúng diện tích, đúng vị trí và tình trạng đất theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- b) 要求出租方按照合同約定的具有足夠面積、正確位置 and 土地條件將土地使用權轉讓;
- c) Được sử dụng đất thuê theo thời hạn trong Hợp Đồng;
- c) 按合同約定使用租賃土地;
- d) Khai thác, sử dụng đất thuê và hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất thuê;
- d) 開發使用租賃土地，享受租賃土地上的勞動成果和投資成果;
- e) Yêu cầu Bên Cho Thuê bồi thường thiệt hại do các hành vi trái pháp luật, sai trái, cố ý hoặc lỗi của Bên Cho Thuê gây ra;

- e) 要求出租方賠償因出租方的不法、不當或故意行為或過錯造成的損失;
- f) Quyền cho thuê lại (nếu có theo quy định của Pháp luật Việt Nam);
- f) 轉租權 (如果根據越南法律規定有的話);
- g) Kể từ ngày ký Hợp Đồng này, Bên Thuê được quyền khảo sát, đo đạc, khoan địa chất công trình, san lấp mặt bằng phục vụ cho việc xây dựng trên Thửa Đất;
- g) 自土本合同簽訂之日起, 承租方有權在租賃地塊上進行勘測、測量、地質鑽探、平整施工等工作以便在租賃土地上建設準備的工作;
- h) Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng hay kiến trúc được xây cất hay tạo ra trên Thửa Đất là tài sản của Bên Thuê, trừ trường hợp Bên Thuê chuyển giao quyền sở hữu cho Bên Cho Thuê theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Hợp Đồng. Bên thuê có quyền thế chấp quyền sử dụng đất thuê và/hoặc giá trị tài sản gắn liền với đất thuê (bao gồm nhưng không giới hạn ở nhà máy, nhà kho, văn phòng hoặc tòa nhà được xây dựng trên đất thuê) với ngân hàng Việt Nam) để vay vốn sản xuất theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Ngân hàng cấp tín dụng. Bên Cho Thuê có trách nhiệm hợp tác với Bên Thuê để hỗ trợ các thủ tục cần thiết (nếu có).
- h) 在租賃土地上建造或創建的工廠、倉庫、辦公室或建築物均為承租方的財產, 除非承租方按照合同第五條第四項的規定同意由出租方處置。承租方有權根據越南法律及授予貸款的銀行規定在越南銀行抵押其租賃土地之使用權以及/或在租賃土地上的財產價值(包括但不限於, 在租賃土地上建造或創建的工廠、倉庫、辦公室或建築物), 借入生產資金。出租方應配合承租方之要求提供必要協助(如有);
- i) Bên Thuê được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đối với Khu Đất Thuê Lại nêu tại Điều 1 Hợp Đồng theo quy định của Nhà nước Việt Nam;
- i) 承租方對於合同第一條所述的轉租土地根據越南國家現行規定獲得土地使用權證書;
- j) Quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.
- j) 合同及法律規定的其他權利。

2. Nghĩa vụ của Bên Thuê

二、承租方的義務

- a) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới, đúng thời hạn cho thuê;
- a) 將土地用於正確的目的, 在正確的邊界, 在租賃期限內;
- b) Không được hủy hoại đất;
- b) 不要破壞土地;

c) Thanh toán đủ Tiền Thuê Quyền Sử Dụng Đất theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong Hợp Đồng và các loại thuế, phí khi sử dụng đất theo quy định của Pháp luật Việt Nam;

c) 按合同約定的期限和方式足額支付租賃土地租金以及根據越南法律規定使用土地時的稅費;

d) Tuân theo quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất xung quanh;

d) 遵守環境保護法規：不得損害周邊土地使用者的合法權益;

e) Trả lại đất đúng thời hạn theo thỏa thuận trong Hợp Đồng;

e) 按合同約定按時返還土地;

f) Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Nhà nước Việt Nam.

f) 完全遵守越南國家法律的規定。

Tuân thủ các quy định, chính sách của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam, Quy chế của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội, Quy chế quản lý của Khu Công Nghiệp liên quan đến sản xuất kinh doanh, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, tiếng ồn, khí thải, nước thải và quy định khác liên quan đến hoạt động trong Khu Công Nghiệp;

遵守越南國家主管部門的法規和政策，河內工業區和出口加工區管理委員會的規定，工業園區有關在工業園區生產經營、安保、安全、消防、環保、噪聲、廢氣、廢水等方面的管理規定。

g) Đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất, tổ chức sản xuất kinh doanh trên Khu Đất Thuê Lại theo đúng nội dung của Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên Thuê (hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, tùy từng thời điểm) và quy định của pháp luật Việt Nam;

g) 根據承租方投資登記證、商業登記證（或根據越南法律規定具有同等法律效力的文件）的內容和越南隨時法律規定，在轉租土地上投入使用、使用土地、組織生產經營。

h) Bên Thuê có nghĩa vụ mua và duy trì những loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật Việt Nam và các bảo hiểm thích hợp bằng chi phí của mình đối với Khu Đất Thuê Lại, công trình trên đất và các hoạt động của Bên Thuê trong Khu Công Nghiệp phù hợp theo quy định của pháp luật;

h) 承租方有義務根據越南法律購買和維持必要的保險，並為地塊、土地上的工程以及承租方在工園區內的活動自費購買和維持適當的保險。

i) Bên Thuê phải thực hiện ký các hợp đồng dịch vụ với Bên Cho Thuê hoặc công ty được Bên Cho Thuê chỉ định để sử dụng và trả các loại Phí Quản Lý Hạ Tầng, sử dụng nước sạch, xử lý nước thải, tiền điện (riêng đơn giá điện được tính theo đúng quy định của Nhà nước).

Bên Thuê có nghĩa vụ trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với Bên Cho Thuê hoặc các công ty được Bên Cho Thuê chỉ định đối với các loại hình phí dịch vụ tại mục 1, 2, 3 và 4 được quy định tại Phụ lục 2 của Hợp Đồng này (riêng mục 4: Tiền điện, đơn giá điện được tính theo đúng quy định của Nhà nước).

Đối với dịch vụ xử lý rác thải và chất thải rắn hoặc các loại hình dịch vụ khác, Bên Thuê sẽ ưu tiên xem xét ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp do Bên Cho Thuê giới thiệu hoặc được Bên Thuê đồng ý, nhằm hỗ trợ Bên Cho Thuê đảm bảo việc quản lý thống nhất, tập trung mà không ảnh hưởng đến việc quản lý, vận hành chung của khu công nghiệp. Tuy nhiên, nếu bên thuê căn cứ vào các nhu cầu thực tế như giá thành, chất lượng dịch vụ, mức độ hợp tác thì sau khi thông báo cho bên cho thuê, không sử dụng nhà cung cấp dịch vụ do bên cho thuê giới thiệu, chỉ định hoặc đồng ý mà lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ khác để cung cấp dịch vụ thì không bị hạn chế hoặc bỏ buộc bởi các quy định nêu trên. Nhà cung cấp dịch vụ được Bên Cho Thuê hoặc Bên Thuê hợp tác phải đáp ứng đầy đủ các quy định của cơ quan Nhà nước.

i) 承租方將與出租方或出租方指定公司簽訂服務合同，使用基礎設施管理、淨水、廢水處理、電力服務並支付費用（其中電費及單價按照國家規定計算）。

對於本合同附件 2 中之 1、2、3、4 項服務，承租方將直接與出租方或出租方指定公司簽訂服務合同（其中第 4 項服務之電費及單價按照國家規定計算）。

對於垃圾處理服務、固體廢物處理服務或其他類型的服務，承租方將優先考量採用與由出租方介紹或承租方同意在工業園區經營之服務供應商簽訂服務合同，以協助出租方方便統一集中管理，不影響工業園區的總體管理和運營；但承租方如基於成本費用、服務品質及配合度等實際需求，得於通知出租方後，不採用出租方介紹、指定或同意的服務供應商，而另行選定其他服務供應商提供服務，不受前述規定限制或拘束。出租方或承租方合作的服務供應商均必須完全符合國家機構的規定。

j) Bằng chi phí của mình, Bên Thuê có trách nhiệm thiết kế và thi công hai đường thoát nước mưa và thoát nước thải riêng biệt trong Khu Đất Thuê Lại để đầu nối vào hệ thống chung tương ứng của Khu Công Nghiệp. Bên Thuê phải gửi thiết kế cấp thoát nước tại Khu Đất Thuê Lại cho Bên Cho Thuê phê duyệt trước khi thi công và đảm bảo chỉ thi công sau khi đã có giấy phép cần thiết theo quy định của pháp luật. Đối với việc thiết kế và thi công sửa đổi đường ống thoát nước nói trên, nếu Bên Thuê yêu cầu, Bên Cho Thuê phải cung cấp hỗ trợ cần thiết và phối hợp với Bên Thuê trong việc xử lý các thủ tục và phê duyệt liên quan đến thiết kế và thi công.

j) 承租方自費負責在轉租土地上設計和建造兩條獨立的雨水和污水排放管線，以連接到工業區各自的公用系統。承租方必須在施工前將轉租土地的給排水設計報

出租方批准，並確保依法取得必要的許可後方可施工。前述改排水管線之設計及建造等事宜，如經承租方要求出租方應給予必要之協助並配合承租方辦理設計及建設相關的手續及批准等事項。

k) Bên Thuê có nghĩa vụ xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Bên Thuê trước khi xả ra hệ thống đường nước thải chung của Khu Công Nghiệp. Bên Thuê phải thực hiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc, xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn nước thải công nghiệp loại B theo pháp luật Việt Nam tùy từng thời điểm được áp dụng, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu Công Nghiệp.

k) 承租方有義務在將承租方活動產生的所有廢水排放到工業區的公共廢水系統之前對其進行處理。承租方必須按照法律規定的工業廢水標準安裝符合越南法律隨時適用 B 類工業廢水標準的內部廢水監測和處理系統，再接入工業區綜合污水處理系統前。

Chi tiết về việc xử lý nước thải được quy định trong một hợp đồng riêng, được thỏa thuận và ký kết giữa Bên Thuê và Bên Cho Thuê hoặc công ty dịch vụ do Bên Cho Thuê chỉ định.

廢水處理的細節在承租方與出租方或出租方指定的服務公司之間同意並簽署的單獨合同中規定。

Việc xử lý nước thải của Bên Thuê sẽ chịu sự quản lý, kiểm tra của Bên Cho Thuê và các Cơ quan quản lý môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam;

承租方的廢水處理由出租方和越南法律規定的環境管理機構進行管理和檢查。

l) Nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

l) 合同及法律規定的其他義務。

Điều 8. Trách nhiệm do vi phạm Hợp Đồng

第八條 合同違反的責任

1. Trách nhiệm của Bên Cho Thuê khi vi phạm Hợp Đồng:

一、出租方的合同違反責任

- Nếu quá 60 Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Thuê phải bàn giao đất cho Bên Thuê mà Bên Cho Thuê chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình như đã cam kết mà không phải lý do bất khả kháng thì Bên Thuê có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này, đồng thời Bên Cho Thuê có nghĩa vụ phải trả lại cho Bên Thuê toàn bộ Tiền Thuê Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng đã nhận, kèm số tiền phạt bằng 8% (tám phần trăm) tổng Tiền Thuê Đất và Tiền Thuê Hạ Tầng.

如果自出租方必須將土地移交給承租方之日起已超過 60 個工作日，但非因不可抗力原因出租方未履行其承諾的義務的，承租方有權單方終止本合同，同時，出

租方有義務向承租方退還所有已收到的土地租金和基礎設施租金，以及相當於土地租金和基礎設施租金總額的 8%（百分之八）的罰款。

- Vi phạm thời hạn bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất: Trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do thay đổi của chính sách nhà nước (có văn bản chứng minh) hoặc trường hợp các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản, trong trường hợp Bên Cho Thuê chậm bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất 15 Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn bàn giao theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 6 nêu trên thì Bên Thuê có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này và Bên Cho Thuê phải hoàn trả cho Bên Thuê toàn bộ số tiền mà Bên Thuê đã thanh toán cho Bên Cho Thuê. Đồng thời, Bên Cho Thuê có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Thuê mọi thiệt hại mà Bên Thuê phải chịu trong vòng 15 Ngày Làm Việc kể từ nhận được thông báo bằng văn bản từ Bên Thuê.

違反遲延交付土地使用權證：除因不可抗力或國家政策有變更（需提供書面證明）或雙方另有書面約定外，若出租方未按上述第六條第二項第 g 款規定的提交到期日起 15 個工作天遲延交付提交土地使用權證，承租方有權單方面終止本合同而出租方必須將承租方已支付給出租方的全部金額退還給承租方。同時自收到承租方書面通知之日起 15（十五）個工作日內，出租方有義務向承租方支付承租方因此發生的一切損失。

- Khi Hợp Đồng chấm dứt, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi Bên còn được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 và quy định khác tại Hợp Đồng.

本合同終止時，各方的權利、責任和義務還應按照本合同第五條第四項規定執行。

2. Trách nhiệm của Bên Thuê khi vi phạm Hợp Đồng:

二、承租方的合同違反責任

a) Chậm thanh toán Tiền Thuê Lại Đất

a) 延遲支付土地轉租金

- Nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán Tiền Thuê Lại Đất quá 45 Ngày Làm Việc, Bên Thuê chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên Cho Thuê số tiền phạt chậm trả do chậm trả tiền thuê đất bằng 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán, lãi chậm trả sẽ được tính theo số ngày chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả. Ngoài ra, Bên Thuê cũng có nghĩa vụ nộp các khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính và tiền phát sinh từ việc khắc phục hậu quả vi phạm chậm nộp tiền thuê đất theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

如果承租方因可歸責於其本身之事由逾期支付土地租金達 45 個工作天後仍未支付，承租方有責任向出租方支付因逾期繳納土地租金而產生的滯納金。該滯納金依照發生逾期付款時越南國家銀行 12 個月定期貸款利率的 1.5 倍計算，逾期付款

利息依照逾期金額對應的逾期付款天數計算。另外，承租方亦有責任承擔國家主管機關規定的行政違法罰款（如有）。

- Nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán bất kỳ khoản Tiền Thuê Lại Đất nào quá 60 (sáu mươi) ngày thì Bên Cho Thuê có quyền thông báo bằng văn bản yêu cầu Bên Thuê thời hạn khắc phục (tối đa 30 ngày), nếu Bên Thuê quá thời hạn vẫn không khắc phục, Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản chấm dứt Hợp Đồng này. Trường hợp Bên Cho Thuê chấm dứt Hợp Đồng này, Bên Cho Thuê sẽ được sở hữu toàn bộ các khoản tiền mà Bên Thuê đã thanh toán (chuyển) cho Bên Cho Thuê mà không phải bồi hoàn. Khi Hợp Đồng chấm dứt, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi Bên còn được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 và quy định khác tại Hợp Đồng.

如果承租方因可歸責於其本身之事由而逾期支付任何土地租金超過 60（六十）天後，出租方有權以書面通知要求承租方限期（最多 30 天）改善，如果承租方逾期仍未改善時，出租方得以書面通知終止本合同。如出租方終止本合同，出租方將佔有承租方已支付（轉帳）給出租方的所有款項而無須償還。本合同終止時，各方的權利、責任和義務還應按照本合同第五條第四項及其他規定執行。

b) Chậm thanh toán Tiền Thuê Hạ Tầng

b) 延遲支付基礎設施租金

- Nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán Tiền Thuê Hạ Tầng quá 45 Ngày Làm Việc, Bên Thuê chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên Cho Thuê số tiền phạt chậm trả do chậm trả tiền thuê đất bằng 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán, lãi chậm trả sẽ được tính theo số ngày chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả.

如果承租方因可歸責於其本身之事由逾期支付基礎設施租金達 45 個工作天後仍未支付，承租方有責任向出租方支付因逾期繳納土地租金而產生的滯納金。該滯納金依照發生逾期付款時越南國家銀行 12 個月定期貸款利率的 1.5 倍計算，逾期付款利息依照逾期金額對應的逾期付款天數計算。

- Nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán cho Bên Cho Thuê bất kỳ khoản Tiền Thuê Hạ Tầng đến hạn nào quá 60 (sáu mươi) ngày, Bên Cho Thuê có quyền thông báo bằng văn bản yêu cầu Bên Thuê khắc phục (30 ngày), nếu Bên Thuê quá thời hạn vẫn không khắc phục, Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản chấm dứt Hợp Đồng này. Trường hợp Bên Cho Thuê chấm dứt Hợp Đồng này, Bên Cho Thuê sẽ được sở hữu toàn bộ các khoản tiền mà Bên Thuê đã thanh toán (chuyển) cho Bên Cho Thuê mà không phải bồi hoàn. Khi Hợp Đồng chấm dứt, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi Bên còn được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 và quy định khác tại Hợp Đồng.

如果承租方因可歸責於其本身之事由而逾期向出租方支付任何到期基礎設施租金超過 60（六十）天後，出租方有權以書面通知要求承租方限期（30 天）改善，

如果承租方逾期仍未改善時，出租方得以書面通知終止本合同。如出租方終止本合同，則出租方將佔有承租方已支付（轉帳）給出租方的所有款項而無須償還。本合同終止時，各方的權利、責任和義務還應按照本合同第五條第四項規定執行。

c) Chậm thanh toán tiền Phí Quản Lý Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ

c) 延遲支付基礎設施管理費、服務費

Nếu Các Bên không có thoả thuận khác đi tại hợp đồng dịch vụ khác giữa Bên Cho Thuê và Bên Thuê hoặc trong thời gian Các Bên chưa ký kết hợp đồng dịch vụ liên quan đến dịch vụ quản lý hạ tầng hoặc cung cấp dịch vụ khác thì Các Bên thống nhất như sau:

如果雙方在出租方和承租方之間的其他服務合同中沒有另外的約定或在雙方尚未簽署與基礎設施管理服務或其他服務提供相關的服務合同，則雙方同意如下：

- Trường hợp Bên Thuê chậm thanh toán Phí Quản Lý Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ thì Bên Thuê sẽ bị áp dụng quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 8 của Hợp Đồng.

如果承租方逾期支付基礎設施管理費、服務費，承租方要按本合同第八條第三項的規定執行。

- Nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán cho Bên Cho Thuê bất kỳ khoản Phí Quản Lý Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ đến hạn nào quá 60 (sáu mươi) ngày, Bên Cho Thuê có quyền thông báo bằng văn bản yêu cầu Bên Thuê khắc phục (hạn khắc phục tối đa 30 ngày), nếu Bên Thuê quá thời hạn vẫn không khắc phục, Bên Cho Thuê sẽ thông báo bằng văn bản chấm dứt việc cung cấp dịch vụ cho Bên Thuê và Bên Thuê chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên Cho Thuê số tiền phạt chậm trả bằng 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán, lãi chậm trả sẽ được tính theo số ngày chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả nhưng tổng số ngày chậm trả không được quá 60 (sáu mươi) ngày.

Trường hợp Bên Cho Thuê chấm dứt cung cấp dịch vụ, Bên Cho Thuê được miễn trừ mọi trách nhiệm, thiệt hại phát sinh của Bên Thuê và không phải hoàn trả cho Bên Thuê bất kỳ khoản tiền phí dịch vụ nào đã thanh toán.

Nếu Bên Cho Thuê không cung cấp các dịch vụ cơ sở hạ tầng, dịch vụ công cộng cho Bên Thuê theo quy định trong Hợp Đồng thì Bên Cho Thuê phải ngừng thu phí dịch vụ hoặc tiền thuê, nếu Bên Cho Thuê ngừng cung cấp dịch vụ quá 60 (sáu mươi) ngày thì Bên Cho Thuê phải bồi thường cho bên thuê đối với bất kỳ tổn thất nào phải gánh chịu do đó. Trường hợp không phải do lỗi của Bên Cho Thuê thì Bên Cho Thuê được miễn trừ trách nhiệm này.

如果承租方因可歸責於其本身之事由而逾期向出租方支付任何到期基礎設施管理費、服務費超過 60（六十）天後，出租方有權以書面通知要求承租方限期（最多 30 天）改善，如果承租方逾期仍未改善時，出租方得以書面通知終止向承租方提供服務以及承租方必須向出租方支付逾期付款利息，該利息依照發生逾期付款時越

南國家銀行 12 個月定期貸款利率的 1.5 倍計算。逾期付款利息依照逾期金額對應的逾期付款天數計算，但累計延付期不得超過 60（六十）天。

如出租方終止提供服務，出租方免除負擔承租方因此所發生的一切責任和損失，且無須退還承租方已支付的任何服務費用。如出租方未依合同規定提供承租方基礎設施服務或公用服務時，出租方則應停止收取服務費或租金，如停止提供服務逾 60(六十)天，出租方應賠償承租方因此所受到之損失。出租方未提供基礎設施服務或公用服務並非出租方過失所造成者，出租方免除此賠償責任但仍應停止向承租方收取服務費或租金。

d) Vi phạm cam kết, quy định về thời hạn đưa đất vào sử dụng, thời hạn sử dụng đất, tiến độ thực hiện Dự Án Của Bên Thuê tại các văn bản do cơ quan Nhà nước quy định hoặc vi phạm quy định khác của pháp luật Việt Nam

d) 無正當理由違反土地使用期限、承租方項目實施進度的承諾或違反越南法律的其他規定且逾合理期限仍未改善。

- Nếu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành quyết định chấm dứt hoạt động Dự Án Của Bên Thuê do Bên Thuê vi phạm thời hạn đưa đất vào sử dụng hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc tiến độ thực hiện Dự Án Của Bên Thuê tại các văn bản do cơ quan Nhà nước quy định hoặc vi phạm quy định khác của pháp luật Việt Nam mà không được khắc phục trong một khoảng thời gian hợp lý (tối đa 120 ngày), thì Bên Cho Thuê có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này. Trường hợp Bên Cho Thuê chấm dứt Hợp Đồng, Bên Cho Thuê sẽ được sở hữu toàn bộ các khoản tiền mà Bên Thuê đã thanh toán (chuyển) cho Bên Cho Thuê mà không phải bồi hoàn. Khi Hợp Đồng chấm dứt, quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi Bên còn được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 và quy định khác tại Hợp Đồng.

如果越南國家主管部門因承租方無正當理由違反土地使用期限或承租方的項目實施進度或違反越南法律的其他規定且逾合理期間(最多 120 日)仍未改善而作出終止承租方項目運營的決定，出租方有權單方終止本合同。如出租方終止合同，出租方將佔有承租方已支付（轉帳）給出租方的所有款項而無須償還。本合同終止時，雙方的權利、責任和義務還應按照本合同第五條第四項規定執行。

- Nếu Bên Thuê vi phạm thời hạn đưa đất vào sử dụng hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc tiến độ thực hiện Dự Án Của Bên Thuê tại các văn bản do cơ quan Nhà nước quy định hoặc vi phạm quy định khác của pháp luật Việt Nam mà không được khắc phục trong một khoảng thời gian hợp lý (tối đa 120 ngày) hoặc theo thời hạn ghi trong thông báo của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tùy điều kiện nào đến trước thì Bên Thuê phải chịu trách nhiệm nộp các khoản thuế, phí, lệ phí, chi phí và các khoản phạt phát sinh từ hoặc liên quan đến hành vi vi phạm của Bên Thuê.

如果承租方無正當理由違反土地使用期限或承租方的項目實施進度或違反越南法律的其他規定且逾合理期間(不少於 120 日)或根據國家主管機關通知中規定的期

限，以先到者為準，仍未改善，承租方應負責支付因承租方的違約行為而產生依法應繳納的稅款、費用、收費，以及罰款。

- Ngoài thoả thuận khác tại Hợp Đồng, Bên Cho Thuê có quyền ngừng cung cấp các dịch vụ cung cấp cho Bên Thuê cho đến khi Bên Thuê khắc phục xong vi phạm.

此外，除合同中的其他約定外，出租方有權停止向承租方提供服務，直至承租方改善其違約行為。

e) Chậm cung cấp hồ sơ hoặc cung cấp không đầy đủ, làm cho Bên Cho Thuê không thể hoàn thiện thủ tục đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Thuê, tuy nhiên, nếu nguyên nhân là do Bên Cho Thuê gây ra thì quy định này không được áp dụng. Bên Cho Thuê phải thông báo trước cho Bên Thuê bằng văn bản về các tài liệu cần cung cấp và dành một khoảng thời gian cần thiết hợp lý để chuẩn bị các tài liệu đó; nếu có tài liệu nào mà Bên Thuê không thể cung cấp kịp thời vì bất kỳ lý do gì thì Bên Cho Thuê có trách nhiệm làm việc với Bên Thuê để thảo luận giải pháp.

e) 承租方延遲提供文件或文件不完整以致出租方無法完成要求越南國家主管機關辦理頒發給予承租方土地使用權證書的手續，但若係因出租方之原因所致者，則不適用本項規定。出租方應事先以書面通知承租方需要提供之文件並給予充足且合理之期間備齊該等文件；如有任何文件承租方因故無法及時提供，出租方應偕同承租方共同商議解決方案。

- Nếu Bên Thuê chậm cung cấp hồ sơ hoặc cung cấp không đầy đủ, đúng hạn trong 45 (bốn mươi lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên Cho Thuê gửi thông báo hướng dẫn cung cấp hồ sơ xin Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên Thuê (trên cơ sở thoả thuận về thời gian nộp hồ sơ giữa Hai Bên để đảm bảo cho Bên Cho Thuê hoàn thành thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 6 trên) thì Bên Thuê phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản phạt, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật phát sinh từ vi phạm của Bên Thuê theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam như phạt do chậm nộp hồ sơ đăng ký biến động đất đai (nếu có), tuy nhiên, nếu nguyên nhân là do Bên Cho Thuê gây ra thì quy định này không được áp dụng, các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền phạt phát sinh sẽ phải do Bên Cho Thuê phụ trách nộp và thanh toán.

如果承租方延遲提供文件或未能按照出租方向承租方發送土地使用權申請的文件提供指引通知之日起 45（四十五）個工作日內提供完整且準時的文件（雙方約定提交文件時間，確保出租方履行第六條第二項第 g 款規定的義務），承租方應按照越南國家主管機構決定書負責繳納及支付因承租方違規行為而依法產生或與之相關的所有罰款、稅費、規費及費用，例如對延遲提交土地變更登記文件的罰款（如有），但若係因出租方之原因所致者，則因此產生的稅款、費用、收費及罰款應由出租方負責繳納及支付。

f) Vi phạm nghĩa vụ hoàn trả Khu Đất Thuê Lại

Handwritten signatures and initials.

đ) 違反歸還轉租土地的義務

Ngoài các quy định khác tại Hợp Đồng, nếu Bên Thuê chậm hoàn trả Khu Đất Thuê Lại trong vòng 30 ngày kể từ khi kết thúc thời gian thuê mà không có lý do chính đáng thì Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê một khoản tiền được tính bằng 8% (tám phần trăm) Tiền Thuê Hạ Tầng và bồi thường cho Bên Cho Thuê khoản tiền bằng với khoản tiền mà Bên Cho Thuê có thể thu được nếu cho Bên Thứ Ba thuê lại Khu Đất Thuê Lại gần với cho thuê hạ tầng tương ứng với diện tích Khu Đất Thuê Lại trong thời gian Bên Thuê chậm bàn giao/chậm hoàn trả Khu Đất Thuê Lại (nếu có).

除合同中的其他規定外，如果承租方於租賃期間期滿後 30 日內無正當理由而延遲歸還轉租土地，承租方必須向出租方支付在遲延交還期間內的基礎設施租金之 08%（百分之八）以及補償出租方相當於如果在承租方遲交/延遲歸還轉租土地期間出租方將轉租土地與轉租土地面積相應基礎設施轉租給第三方時出租方可以收取的金額（如有）。

g) Vi phạm nghĩa vụ ký kết hợp đồng dịch vụ quản lý hạ tầng, cấp nước sạch và xử lý nước thải và không được khắc phục trong thời hạn Hai Bên đã thỏa thuận (không quá 60 ngày) kể từ khi Bên Cho Thuê có thông báo bằng văn bản.

g) 違反簽署基礎設施管理、清潔供水和污水處理服務合同的義務且經出租方之書面通知後在雙方同意的期限內（不超過 60 天）仍未改善。

- Nếu Bên Thuê không ký kết hợp đồng dịch vụ quản lý hạ tầng, cấp nước sạch và xử lý nước thải trong thời hạn Bên Cho Thuê thông báo mà đã được Hai Bên chấp thuận thì Bên Cho Thuê có quyền tạm dừng tạm dừng cung cấp dịch vụ khác cho Bên Thuê cho đến khi Bên Thuê thực hiện ký kết các hợp đồng dịch vụ mà không bị coi là vi phạm Hợp Đồng. Tuy nhiên, nếu nguyên nhân là do Bên Cho Thuê gây ra thì quy định này không được áp dụng.

如果承租方未在出租方通知且經雙方同意的期限內簽訂基礎設施管理、清潔供水和污水處理服務合同，出租方有權中止或暫停向承租方提供其他服務，直至承租方簽署各服務合同而不被視為合同違約。但若係因出租方之原因所致者或是承租方已與其選定之供應商簽訂合同者，則不適用本項規定。

- Nếu Bên Thuê không ký kết hợp đồng dịch vụ quản lý hạ tầng, cấp nước sạch và xử lý nước thải trong thời hạn đã được Hai Bên thống nhất kể từ ngày Bên Cho Thuê yêu cầu thì Bên Cho Thuê có quyền không cung cấp các dịch vụ liên quan cho đến ngày hợp đồng được ký kết, sau đó mới bắt đầu cung cấp các dịch vụ liên quan. Tuy nhiên, quy định này không áp dụng nếu nguyên nhân là do Bên Cho Thuê gây ra hoặc nếu Bên Thuê đã ký hợp đồng với nhà cung cấp do Bên Thuê lựa chọn.

承租方未能在出租方要求之日起在經雙方同意的期限內簽訂基礎設施管理、清潔供水和污水處理服務合同，出租方有權不提供相關服務直到合同簽訂之日為止，

始開始提供相關服務。但若係因出租方之原因所致者或是承租方已與其選定之供應商簽訂合同者，則不適用本項規定。

3. Các thỏa thuận khác do Các Bên thỏa thuận:

三、各方同意的其他約定：

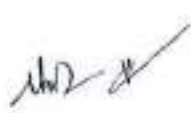
a) Không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy định khác tại Hợp Đồng, nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Hợp Đồng (vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê Lại Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Quản Lý Hạ Tầng hoặc các nghĩa vụ thanh toán khác) và không khắc phục trong thời gian hợp lý mà Bên Cho Thuê đã đưa ra trong thông báo bằng văn bản (tối đa 45 Ngày Làm Việc), Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng 1,5 lần lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tính trên số tiền chậm thanh toán và được tính từ ngày chậm thanh toán đến ngày Bên Cho Thuê nhận đầy đủ các khoản tiền Bên Thuê phải thanh toán. Tuy nhiên, nếu nguyên nhân là do Bên Cho Thuê gây ra thì quy định này không được áp dụng.

a) 在不影響本合同其他條款履行的情況下，如果承租方因可歸責於其本身之事由而違反本合同規定的支付義務（違反土地租金、基礎設施租金、基礎設施管理費或其他支付義務）而未在出租方書面通知中給予的合理時間（最多 45 個工作日）內改善，承租方還必須向出租方支付遲延付款利息，按逾期付款金額之越南國家銀行 12 個月定期貸款利率的 1.5 倍計算，自逾期付款之日起至出租方收到承租方應支付的全部款項之日止計算。但若係因出租方之原因所致者，則不適用本項規定。

b) Không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy định khác tại Hợp Đồng, nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán cho Bên Cho Thuê bất kỳ khoản tiền phải thanh toán đến hạn nào quá 60 (sáu mươi) ngày và không khắc phục trong thời gian hợp lý (tối đa 30 ngày) kể từ ngày Bên Cho Thuê thông báo bằng văn bản thì Bên Cho Thuê có quyền ngừng cung cấp hoặc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ cho Bên Thuê ngừng cung cấp dịch vụ cho đến khi Bên Cho Thuê nhận được đầy đủ khoản tiền đó. Tuy nhiên, nếu nguyên nhân là do Bên Cho Thuê gây ra thì quy định này không được áp dụng.

b) 在不影響本合同其他條款履行的情況下，如果承租方因可歸責於其本身之事由而逾期向出租方支付任何到期應付款項超過 60（六十）天後，在出租方以書面通知中給予的合理時間（最多 30 天）內仍未改善，出租方有權停止向承租方提供或要求組織或個人向承租方提供服務停止提供服務直到出租方收到全款。但若係因出租方之原因所致者，則不適用本項規定。

c) Nếu Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà vi phạm cam kết, nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, Bên Cho Thuê đã thông báo bằng văn bản và yêu cầu Bên Thuê khắc phục trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc mà Bên Thuê không khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc mà Bên Cho Thuê yêu cầu thì ngoài các quy định khác tại Hợp Đồng, Bên Cho Thuê sẽ được quyền (theo lựa chọn của Bên Cho Thuê):

- Tự khắc phục vi phạm bằng chi phí do Bên Thuê chịu trách nhiệm chi trả; và/hoặc
- Đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xử lý vi phạm của Bên Thuê; và/hoặc
- Thực hiện các biện pháp hợp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Bên Cho Thuê.

c) 如果承租方因可歸責於其本身之事由而有重大違反合同規定的承諾和義務之情形，且經出租方以書面通知並要求於三十個工作日內改善但仍未在出租方要求的三十個工作日期限內予以改善，則除合同其他規定外，出租方有權（由出租方選擇）：

- 以承租方的責任為代價自行補救違規行為；和/或
- 請求越南主管機構處理承租方的違規行為；和/或
- 採取合理措施保護出租方權利和利益。

d) Không ảnh hưởng đến việc thực hiện các quy định khác tại Hợp Đồng, Bên nào vi phạm cam kết, nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, mà bên còn lại đã thông báo bằng văn bản và yêu cầu khắc phục trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc nhưng không khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ đó gây thiệt hại cho Bên còn lại thì ngoài bị xử lý theo quy định khác của Hợp Đồng còn phải bồi thường cho bên còn lại toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh.

d) 在不影響本合同其他條款履行的情況下，任何一方違反本合同規定的承諾和義務，且經另一方以書面通知並要求於三十個工作日內改善但仍未在要求的三十個工作日期限內予以改善時，如因此給另一方造成損害的，除按本合同其他規定處理外，還須賠償另一方因此所受到的一切實際損失。

Điều 9. Cam kết của Các Bên

第九條 雙方承諾：

1. Bên Cho Thuê cam kết:

一、出租方的承諾：

- a) Quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng này không thuộc diện bị cấm cho thuê lại theo quy định của pháp luật;
- a) 本合同第一條所述的土地使用權依法不禁止轉租；
- b) Quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng này được tạo lập theo đúng quy hoạch, đúng thiết kế và các bản vẽ được duyệt đã cung cấp cho Bên Thuê;
- b) 本合同第一條所述的土地使用權是根據向承租方提供的規劃、設計和批准的圖紙而建造的；
- c) Bên Cho Thuê cam kết xây dựng, vận hành ổn định hệ thống hạ tầng giao thông, dịch vụ nước sạch, thu gom xử lý nước thải;

c) 出租方承諾建設並穩定運營交通基礎設施系統、淨水服務、污水收集和處理等；

d) Hợp Đồng này đã được cấp có thẩm quyền của Bên Cho Thuê xem xét và phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ của Bên Cho Thuê và pháp luật. Đại diện thay mặt Bên Cho Thuê ký kết Hợp Đồng là người đại diện có đầy đủ thẩm quyền theo quy định của Điều lệ của Bên Cho Thuê và pháp luật.

d) 本合同已根據出租方章程和法律的規定，經出租方主管機關書面審查批准，代表出租方簽署合同的代表是根據出租方章程和法律規定的全權代表。

2. Bên Thuê cam kết:

二、承租方的承諾：

a) Đã tìm hiểu, xem xét kỹ thông tin về quyền sử dụng đất cho thuê;

a) 已經認真研究、審閱出租土地使用權信息；

b) Đã được Bên Cho Thuê cung cấp bản sao các giấy tờ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan đến quyền sử dụng đất, Bên Thuê đã đọc cẩn thận và hiểu các quy định của Hợp Đồng này cũng như các Phụ lục đính kèm. Bên Thuê đã tìm hiểu mọi vấn đề mà Bên Thuê cho là cần thiết để kiểm tra mức độ chính xác của các giấy tờ, tài liệu và thông tin đó;

b) 已被出租方提供與土地使用權有關的必要文件、資料和信息的副本，承租方已仔細閱讀並理解本合同的條款及所附附件。承租方已調查所有承租方認為必要的事項，以檢查此類文件、資料和信息的準確性；

c) Số tiền thuê quyền sử dụng đất theo Hợp Đồng này là hợp pháp, không có tranh chấp với Bên Thứ Ba.

c) 本合同的土地使用權租金數額合法，與第三人無爭議；

d) Bên Thuê chỉ được phép xây dựng nhà xưởng và triển khai hoạt động sản xuất trên Thửa Đất sau khi nhận được đủ các văn bản cấp phép của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

d) 承租方在獲得越南國家主管部門的所有許可後，才可在租賃土地上建廠和開展生產活動；

e) Bên Thuê không được phép đào, khoan giếng khai thác nước ngầm trong phạm vi Khu Đất Thuê Lại hay tại bất kỳ vị trí nào trong Khu Công Nghiệp khi chưa được sự chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

d) 未經越南國家主管部門批准，承租方不得在租賃土地內或工業園區內任何地點挖掘、鑽井開採地下水。

Bên Thuê cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng phí tổn của mình để dự trữ nước và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng cho phù hợp với đặc thù nhu cầu sản xuất của Bên Thuê;



承租方需要自費準備單獨的水箱或水塔來儲存水並在使用過程中保持穩定的水壓，以適應公司的具體生產需要；

e) Bên Thuê cần phải nộp cho Bên Cho Thuê các bản vẽ dưới đây (bao gồm các sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có trong Thời Hạn Thuê) về thiết kế xây dựng nhà máy, công trình trong Khu Đất Thuê Lại theo Hợp Đồng để Hai Bên thỏa thuận đầu nối hạ tầng và Bên Cho Thuê kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật xây dựng trong Khu Công Nghiệp trước khi Bên Thuê nộp hồ sơ thẩm định thiết kế lên các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

Bên Cho Thuê có nghĩa vụ bảo mật nghiêm ngặt đối với tất cả các bản vẽ, bản vẽ, thiết kế, sơ đồ và các tài liệu, thông tin liên quan khác do Bên Thuê cung cấp. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên Thuê, Bên Cho Thuê không được tự mình tiết lộ hoặc tiết lộ bất kỳ thông tin nào hoặc thông qua bất kỳ phương tiện nào. Bất kỳ bên thứ ba nào trực tiếp hoặc gián tiếp tiết lộ, cung cấp hoặc phổ biến cho bất kỳ bên thứ ba nào hoặc công khai, nếu có yêu cầu của Bên Thuê, Bên Cho Thuê phải ký hợp đồng bảo mật bằng văn bản với Bên Thuê. Bên Thuê và cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật:

e) 承租方需向出租方提交下列租賃土地中廠房、工程設計施工圖紙，包括租賃期間內之修改、新增、更換（如有）供雙方就基礎設施對接達成一致，並出租方在承租方向越南國家主管機關提交設計評審文之前先核對工業園區建設技術要求。

出租方對於承租方所提供之所有圖紙、圖面、設計、規劃等相關文件及資訊均負擔嚴格之保密義務，未經承租方事前書面同意，不得以任何方式、理由或目的，自行或透過任何第三人，直接或間接揭露、提供或散布予任何第三人或對外公開；如應承租方要求，出租方並應與承租方簽定書面之保密合同，承諾確實遵守保密義務：

- Bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể công trình;
- 工程總體平面圖紙；
- Bản vẽ kiến trúc mặt chính của công trình;
- 廠房正面建築圖；
- Thiết kế san nền toàn khu;
- 全區填土平整設計；
- Hệ thống thoát nước mưa toàn khu;
- 全區雨水排水系統；
- Hệ thống thoát nước thải toàn khu;
- 全區的污水排放系統；
- Mặt bằng cấp điện toàn khu;

- 全區供電平面圖；

- Mặt bằng cấp nước toàn khu;

- 全區供水平面圖；

- Các hồ sơ, giấy tờ khác theo quy định của Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội và theo quy định của pháp luật (nếu có).

根据河内工業和出口加工區管理委員會規定並根據法律規定的其他文件和資料（如有）。

f) Hợp Đồng này đã được cấp có thẩm quyền của Bên Thuê xem xét và phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ của Bên Thuê và pháp luật có liên quan. Đại diện thay mặt Bên Thuê ký kết Hợp Đồng là người đại diện có đầy đủ thẩm quyền theo quy định của Điều lệ của Bên Thuê và pháp luật có liên quan;

f) 本合同已根據承租方章程和法律的規定，經承租方主管機關書面審查批准。代表承租方簽署合同的代表是根據承租方章程和法律規定的全權代表；

g) Bên Thuê phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định của Khu Công Nghiệp, quy định của Bên Cho Thuê và các quy định của địa phương về an ninh trật tự, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy và không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động tại Khu Công Nghiệp;

g) 承租方必須嚴格遵守法律、工業區、出租方和地方有關治安、建設、環境、消防等方面的規定，不得損害在工業區經營的組織和個人的合法權益；

h) Bên Thuê chịu trách nhiệm mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, đảm bảo hoạt động, kinh doanh, thực hiện Dự Án Của Bên Thuê đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, thỏa thuận với Bên Cho Thuê. Bên Thuê chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự tại Khu Đất Thuê Lại;

h) 承租方負責購買強制性火災和爆炸保險，確保承租方的經營、業務和項目實施符合法律規定並與出租方約定的條件；承租方負責在轉租土地範圍內的治安和安全；

i) Bên Thuê phải chịu toàn bộ trách nhiệm và phải khắc phục mọi hậu quả phát sinh đối với bất cứ sự cố nào về cháy, nổ, hủy hoại môi trường, an ninh trật tự có lỗi của Bên Thuê, người lao động, đối tác, khách hàng của Bên Thuê tại Khu Đất Thuê Lại hoặc tại Khu Công Nghiệp;

i) 承租方必須承擔全部責任和克服因承租方、承租方的僱員、合作夥伴、客戶在轉租土地或工業區內的過錯而引起的火災、爆炸、環境破壞、安全事件的所有後果；

k) Cung cấp cho Bên Cho Thuê đầy đủ hồ sơ mà thuộc nghĩa vụ Bên Thuê cần cung cấp dựa theo quy định của pháp luật và bản hợp đồng này và nộp các khoản thuế, phí, lệ phí

và chi phí theo quy định của pháp luật theo thông báo của Bên Cho Thuê để Bên Cho Thuê thực hiện thủ tục cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất để chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích Khu Đất Thuê Lại theo Hợp Đồng hoặc để Bên Cho Thuê hỗ trợ Bên Thuê thực hiện một số thủ tục theo thoả thuận của Các Bên;

k) 向出租方提供出租方通知的依本合同及法律規定屬於由承租方應提供的所有文件以及承擔依法應繳納的稅費、收費和開支，以便出租方辦理授予土地使用權證書的手續以證明合同項下轉租土地面積的土地使用權或讓出租方協助承租方執行雙方約定的一些手續。

l) Trường hợp Bên Thuê cho Bên Thứ Ba thuê lại hoặc sử dụng bất kỳ diện tích đất của Khu Đất Thuê Lại thì Bên Thuê phải thông báo cho Bên Cho Thuê và chỉ được thực hiện giao dịch sau khi được Bên Cho Thuê đồng ý bằng văn bản và phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Bên cho thuê đồng ý cố gắng hỗ trợ và cho phép tối đa. Trường hợp Bên Thuê cho thuê hoặc cho Bên Thứ Ba sử dụng tài sản gắn liền với đất dưới bất kỳ hình thức nào có liên quan đến việc sử dụng, khai thác, ra vào Khu Đất Thuê Lại theo Hợp Đồng một cách thường xuyên thì Bên Thuê phải thông báo bằng văn bản cho Bên Cho Thuê trước khi thực hiện và khi kết thúc việc cho thuê hoặc cho sử dụng đó;

l) 如果承租方將轉租土地轉租或提供第三人使用任何土地區域，承租方必須通知出租方，只有在出租方書面同意後才能進行交易並必須遵守越南法律的規定；出租方同意將盡力協助並給予同意。如果承租方出租或允許第三方在任何形式以與合同項下轉租土地附屬資產使用有關於經常使用、開發和進入，則承租方必須在履行合同前以及在此類租賃或使用結束時書面通知出租方。

m) Thanh toán đầy đủ tiền sử dụng dịch vụ do Bên Cho Thuê, tổ chức, cá nhân cung cấp tại Khu Công Nghiệp;

m) 向出租方、組織和個人在工業區內提供的服務支付使用費的全額。

n) Sử dụng cơ sở hạ tầng đúng mục đích, tuân thủ đúng các quy định của Bên Cho Thuê, Ban quản lý Khu Công Nghiệp, quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và pháp luật Việt Nam. Bằng chi phí của mình, Bên Thuê có nghĩa vụ sửa chữa, khắc phục hư hỏng của công trình hạ tầng do lỗi của Bên Thuê, người lao động, khách hàng, đối tác, nhà thầu của Bên Thuê gây ra, đồng thời phải bồi thường thiệt hại do đó phát sinh cho Bên Cho Thuê, Bên Thứ Ba khác (nếu bị thiệt hại hoặc tổn thất).

n) 將基礎設施用於正確的目的，嚴格遵守出租方、工業區管理委員會的規定、越南國家主管機構的決定和越南法律。承租方有義務自費修復和補救因承租方、承租方的員工、客戶、合作夥伴和承包商的過錯而造成的基礎設施工程損壞，同時必須賠償出租方及其他第三方因此所受的損失(如有損壞或損失的話)。

3. Việc ký kết Hợp Đồng này giữa Các Bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối.

三、雙方簽訂本合同純屬自願，沒有被強迫或欺騙。

4. Trong trường hợp một hoặc nhiều điều, khoản, điểm trong Hợp Đồng này bị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các điều, khoản, điểm khác của Hợp Đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với Hai Bên. Hai Bên sẽ thống nhất sửa đổi các điều, khoản, điểm bị tuyên vô hiệu hoặc không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với ý chí của Hai Bên.

四、如果本合同中的一個或多個條、項、款和點被越南國家主管機構根據現行法律宣布無效、沒有法律價值或不可執行，本合同的其他條款、項、款和要點仍然有效。雙方將同意根據法律規定並按照雙方的意願修改被宣布無效或沒有法律價值或不可執行的條款、項、款和要點。

5. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận đã quy định trong Hợp Đồng này.

五、雙方承諾嚴格執行本合同的約定。

6. Bên Cho Thuê trong phạm vi khả năng của mình sẽ hỗ trợ cho Bên Thuê một số thủ tục pháp lý trong quá trình Bên Thuê xin cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, giấy phép xây dựng, giấy phép lao động cho chuyên gia nước ngoài và một số Giấy phép khác (nếu có) khi Bên Thuê có yêu cầu với chi phí do Bên Thuê thanh toán. Phù hợp với kế hoạch, kết quả đầu tư, kinh doanh của Bên Cho Thuê và pháp luật Việt Nam hiện hành, Bên Cho Thuê sẽ ưu tiên xây dựng, hợp tác xây dựng, chuyển nhượng hoặc cho thuê nhà ở cho công nhân, khách sạn căn hộ cho chuyên gia theo nhu cầu của Bên Thuê; hỗ trợ địa điểm tuyển dụng và đào tạo lao động tại học viện hướng nghiệp đã được xây dựng và hoàn thiện trong Khu Công Nghiệp.

六、出租方在承租方申請投資登記證、施工許可證、外國專家工作許可證和其他一些許可證（如有）的過程中，根據承租方的要求將在其能力範圍內協助承租方辦理多項法律手續，費用由承租方承擔。

根據出租方的計劃、投資和經營成果以及越南現行的法律，出租方根據承租方的需要將優先向建設、合作建設、轉讓或出租工人宿舍、專家酒店和公寓；在工業區內已建成的職業學院支持給予勞動招工及培訓地點。

Điều 10. Các trường hợp chấm dứt Hợp Đồng

第十條 合同終止情況

1. Các trường hợp chấm dứt Hợp Đồng:

一、合同終止的情況：

a) Hai Bên đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Hai Bên lập văn bản thỏa thuận cụ thể các điều kiện và thời hạn chấm dứt Hợp Đồng;

a) 雙方同意提前終止合同。在這種情況下，雙方應就合同終止的具體條件和期限達成書面協議；

b) Bên Thuê vì những lý do của bản thân mà chậm thanh toán Tiền Thuê Lại Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Quản lý Hạ Tầng, Phí Dịch Vụ và các loại phí khác theo thỏa thuận tại Điều 3 và Điểm a, Khoản 3, Điều 8 của Hợp Đồng này mà Bên Cho Thuê đã thông báo bằng văn bản và yêu cầu khắc phục trong khoảng thời gian hợp lý (tối đa 45 Ngày Làm Việc) mà vẫn không khắc phục;

b) 承租方因可歸責於其本身之事由而逾期支付本合同第三條和第八條第三項第 a 款約定的土地租金且未在出租方以書面通知要求承租方改善之限期(最多 45 個工作天)內改善者；

c) Bên Cho Thuê chậm bàn giao quyền sử dụng đất theo thỏa thuận tại Điểm g, Khoản 2, Điều 6 của Hợp Đồng này;

c) 出租方遲交本合同第六條第二項第 g 款約定的土地使用權；

d) Trong trường hợp Bên bị tác động bởi sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục được để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời hạn 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng và Hai Bên cũng không có thỏa thuận khác thì một trong Hai Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này và việc chấm dứt Hợp Đồng này không được coi là vi phạm Hợp Đồng.

d) 如果受到不可抗力事件影響的一方無法在不可抗力事件發生之日起 365 (三百六十五) 天內繼續履行其義務，除非雙方另有約定，任何一方均有權單方面終止本合同的權利，本合同的終止不應視為違約。

2. Việc xử lý hậu quả do chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều này như:

二、因本條第一項規定終止合同的後果處理如下：

a) Khi Hợp Đồng chấm dứt việc xử lý hậu quả chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Hợp Đồng, các quy định khác tại Hợp Đồng có liên quan, pháp luật Việt Nam và thỏa thuận của Các Bên;

a) 合同終止時，合同終止後果的處理應遵守合同第五條第四項、相關合同的其他規定，越南法律和雙方的約定；

b) Khi Hợp Đồng chấm dứt trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này, Các Bên sẽ nhanh chóng phối hợp để hoàn thành thủ tục khôi phục tình trạng pháp lý của mỗi Bên như khi chưa ký kết Hợp Đồng này. Bất kỳ Bên nào cố tình không phối hợp để giải quyết hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng do sự kiện bất khả kháng phải bồi thường cho Bên còn lại thiệt hại phát sinh.

b) 當合同因本條第一項第 d 款規定的不可抗力事件而終止時，雙方將及時協調，完成恢復雙方在簽署本合同之前的法律地位的程序。任一方故意不配合處理因不可抗力事件導致本合同終止的後果時，應向另一他方賠償因此受到之損失。

Bên cạnh việc áp dụng các quy định khác để xử lý chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Hợp Đồng, nếu Hợp Đồng bị chấm dứt khi xảy ra sự kiện bất khả kháng theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì Bên Thuê chỉ phải thanh toán cho Bên Cho Thuê phần Tiền Thuê Đất, Tiền Thuê Hạ Tầng, Phí Quản Lý Hạ Tầng và Phí Dịch Vụ khác do Bên Cho Thuê cung cấp tính đến thời điểm phát sinh sự kiện bất khả; nếu có khoản tiền cho thuê ứng trước hoặc phí quản lý ứng trước v.v. thì Bên Cho Thuê phải hoàn trả toàn bộ khoản ứng trước cho Bên Thuê .. Đối với nghĩa vụ tài chính khác đã phát sinh trước khi sự kiện bất khả kháng xảy ra thuộc về nghĩa vụ của Bên Thuê thì Bên Thuê vẫn phải thực hiện, thanh toán theo đúng thỏa thuận của Các Bên, thỏa thuận giữa Bên Thuê và Bên Thứ Ba.

除適用合同其他規定處理合同終止外，因本條第一項第 d 款規定的不可抗力事件而終止合同的，承租方只需向出租方支付截至不可抗力事件發生之日為止之土地租金、基礎設施租金、基礎設施管理費及出租方提供的其他服務費；如有已預付之租金及管理費等出租方應將預付款全部退還承租方。對於不可抗力事件發生前已產生的屬於承租方義務的其他付款義務，承租方仍須按照承租方與第三方的約定履行和支付。

c) Không bị giới hạn bởi thỏa thuận tại Điểm b Khoản 2 Điều này, các vi phạm của Bên nào trong quá trình thực hiện Hợp Đồng không liên quan đến sự kiện bất khả kháng thì Bên đó vẫn bị xử lý theo quy định tại Hợp Đồng.

不限於本條第二項第 b 款的約定，任一方在合同履行過程中的違規行為與不可抗力事件無關的，該方仍將按照合同的規定進行處理。

3. Các thỏa thuận khác do Các Bên thỏa thuận:

三、各方同意的其他約定：

a) Ngoài trường hợp chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hợp Đồng còn có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a) 除本條第一項規定的合同終止情況外，合同還可因下列情況而終止：

- Hết Thời Hạn Thuê theo quy định của Hợp Đồng này; hoặc

-本合同的土地租賃期屆滿或；

- Bất kỳ Bên Cho Thuê hoặc Bên Thuê theo các trường hợp mà Bên đó được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định cụ thể tại Hợp Đồng này; hoặc

- 出租方或承租方任一方根據本合同的具體規定有權單方終止合同的；或

- Bên Thuê hoặc Bên Cho Thuê bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc bị thu hồi đất hoặc chấm dứt hoạt động Dự Án Của Bên Thuê; hoặc

- 承租方或出租方解散、破產或根據越南法律終止經營或收回其土地或終止承租方項目的經營；或

- Hợp Đồng chấm dứt theo các trường hợp khác được quy định tại Hợp Đồng và quy định của pháp luật.

-根據本合同約定的其他情況及法律規定合同應予以終止。

b) Để không nhầm lẫn, Các Bên thống nhất rằng Bên Cho Thuê chỉ được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này nếu Bên Thuê vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê Quyền Sử Dụng Đất (Tiền Thuê Lại Đất) với thời hạn vi phạm mà Bên Cho Thuê được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 8 Hợp Đồng.

b) 為避免混淆，雙方同意只有承租方在違反合同第八條第二項第 a 款規定且出租方有權依據該條規定單方終止合同之情形下，出租方才擁有權根據本條第一項第 b 款的規定單方終止合同。

c) Để không nhầm lẫn, Các Bên thống nhất rằng Bên Thuê chỉ được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này nếu Bên Cho Thuê vi phạm thời hạn bàn giao đất quá 60 (sáu mươi) ngày với điều kiện Bên Thuê đã tuân thủ đúng các thoả thuận tại Hợp Đồng.

c) 為避免混淆，雙方同意如果在承租方嚴格遵守合同約定的情況下，出租方違反土地移交期限超過 60（六十）天，承租方才擁有權根據本條第一項第 c 款的規定單方終止合同。

d) Trong trường hợp không do lỗi của Bên Thuê mà Bên Cho Thuê đơn phương vô cớ chấm dứt hợp đồng không có lý do chính đáng, Bên Cho Thuê phải hoàn trả toàn bộ số tiền mà Bên Thuê đã thanh toán trong thời gian chưa sử dụng đến và Bên Cho Thuê cũng phải bồi thường cho Bên Thuê các tổn thất theo quy định của pháp luật.

d) 雙方同意如果出租方在承租方並無違反合同之情形下，單方終止合同時，應全額返還承租方已支付之基礎設施租金及土地租金，但得扣除承租方已使用之租賃期間之部分，並且出租方應依法給承租方賠償損失。

Điều 11. Sự kiện bất khả kháng

第十一條 不可抗力事件

1. Các Bên nhất trí thỏa thuận một trong các trường hợp sau đây được coi là sự kiện bất khả kháng:

一、雙方同意下列情況之一視為不可抗力事件：

a) Do chiến tranh hoặc do thiên tai hoặc do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước;

a) 由於戰爭或自然災難或國家法律和政策的變化。

b) Do phải thực hiện quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác do pháp luật quy định;

b) 因執行國家主管機關的決定或法律規定的其他情形。

c) Sự kiện bất khả kháng khác theo quy định của Hợp Đồng, pháp luật.

c) 本合同、法律規定的其他不可抗力事件。

Sự kiện bất khả kháng còn bao gồm những sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được, nằm ngoài tầm kiểm soát của Hai Bên mặc dù Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện đó đã cố gắng hết sức trong khả năng có thể nhưng không thể ngăn cản, hạn chế sự ảnh hưởng của sự kiện đó và sự kiện đó là nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng tới việc không thể tiếp tục thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ của Bên bị ảnh hưởng theo Hợp Đồng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, dịch bệnh, phong tỏa hoặc cấm vận theo quyết định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam,...

不可抗力事件還包括客觀上發生的、不可預見的、雙方無法控制的事件，即使受此類事件影響的一方已盡力而為，也不能阻止、限制該事件的影響，並且該事件是受影響的一方無法繼續履行或延遲履行合同項下義務的直接原因，包括但不限於：地震、風暴、洪水、海嘯、疫病、越南國家主管機構決定的封鎖或禁運等...

2. Mọi trường hợp khó khăn về tài chính đơn thuần sẽ không được coi là trường hợp bất khả kháng.

二、任何經濟困難的情況都不會被視為不可抗力。

3. Khi xuất hiện một trong các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận tại Khoản 1 Điều này thì Bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản hoặc thông báo trực tiếp cho Bên còn lại biết trong thời hạn thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ ngày xảy ra trường hợp bất khả kháng (nếu có giấy tờ chứng minh về lý do bất khả kháng thì Bên bị tác động phải xuất trình giấy tờ này). Việc Bên bị tác động bởi trường hợp bất khả kháng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ theo Hợp Đồng và cũng không phải là cơ sở để Bên còn lại có quyền chấm dứt Hợp Đồng này.

三、當發生本條第一項約定的不可抗力事件之一時，受不可抗力事件影響的一方必須在自不可抗力事件發生之日起 48（四十八）小時內書面通知或直接通知另一方（如果有證明不可抗力原因的文件，受影響方必須出示該文件）。受不可抗力影響的一方不履行其義務，不視為其違反本合同項下的義務，也不構成另一方有權終止本合同的依據。

4. Việc thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của Các Bên sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng. Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sau

khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 10 của Hợp Đồng này.

四、雙方合同項下的義務將在不可抗力事件期間暫停履行。不可抗力事件結束後，雙方將繼續履行義務，但本合同第十條第一項第 d 點規定的情形除外。

Điều 12. Thông báo

第十二條 通知

1. Địa chỉ để Các Bên nhận thông báo của Bên kia:

一、雙方接收通知的地址：

a) Đối với Bên Cho Thuê:

a) 對於出租方：

Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N&G

N&G 投資-發展股份公司

Địa chỉ: Ban Quản lý Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

地址: 越南 - 河內市 - 富川縣 - 大川社南河內輔助工業區第一期管理辦

Điện thoại liên hệ: (84) 24 3784 6045 – Hotline: (84) 985 122 233

聯繫電話: (84) 24 3784 6045 – 熱線: (84) 985 122 233

Email: sales@nggroup.vn

郵件: sales@nggroup.vn

b) Đối với Bên Thuê:

b) 對於承租方

Công ty TNHH Công nghệ MiTAC (Việt Nam) / MiTAC Technology (Vietnam) Company Limited

Địa chỉ liên hệ: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

聯繫地址: 越南, 河內市, 富川縣, 大川社, 南河內輔助工業區第一期 CN02 地塊

Điện thoại liên hệ: +886-3-5779088

聯繫電話: +886-3-5779088

2. Hình thức thông báo giữa Các Bên: thông qua hoặc thư điện tử hoặc giao trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính bằng thư bảo đảm hoặc thư chuyển phát nhanh.

二、雙方用書面方式（電子郵件、專人遞交、掛號或快遞郵件服務）為通知的形式

3. Bên nhận thông báo: theo thông tin Bên nhận thông báo quy định tại Khoản 1 Điều này.

三、受通知方：根據本條第一項規定的受通知方資訊

4. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, khiếu nại được coi là đã nhận nếu gửi đến đúng địa chỉ, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này và trong thời gian như sau:

四、與本合同有關發生的任何通知、請求、信息或投訴必須採用書面形式。雙方同意如果通知、請求和投訴以本條第一項、第二項和第三項約定的正確地址和正確的通知形式並在如下列時間內發送，則視為已收到通知：

a) Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay và có chữ ký của người nhận thông báo;

a) 如果是專人送達的信件，則為送達日期並由收通知人的收件簽字；

b) Vào ngày Bên gửi nhận được thông báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi thông báo bằng fax;

b) 如果以傳真方式發送通知的，發件人收到傳真發送成功通知之日；

c) Vào Ngày Làm Việc thứ ba, kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi thông báo bằng thư bảo đảm, chuyển phát nhanh.

c) 以掛號信、快遞方式寄送通知的，自郵戳之日起第三個工作日。

4. Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi về (địa chỉ, số điện thoại, email, hoặc tên người nhận v.v...) mà Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

四、如果提議更改通知收件人的地址、形式和姓名，雙方必須以書面形式相互通知；如果地址、電話號碼、電子郵件或收件人姓名等已經發生變更，但變更方未通知另一方，則發送通知方不承擔對於變更方未收到書面通知的事實負責的任何責任。

Điều 13. Các thỏa thuận khác

第十三條 其他約定

1. Bảo mật thông tin

一、信息保密

a) Mỗi Bên tham gia Hợp Đồng này có nghĩa vụ giữ bí mật mọi thông tin về nội dung của Hợp Đồng này và bất kỳ thông tin nào khác mà mình được Bên kia cung cấp, ngoại trừ trong các trường hợp sau:

a)本合同各方有義務對本合同內容的所有信息以及另一方提供的任何其他信息保密，但下列情況除外：

- Việc tiết lộ thông tin đó là theo yêu cầu hợp pháp của bất kỳ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào;

- 應任何國家主管當局的合法要求披露此類信息；

- Việc tiết lộ thông tin đó là cho bên tư vấn hợp pháp của Bên đó hoặc cho nhân viên hoặc công ty con của Bên đó, với điều kiện việc tiết lộ này được thực hiện thông qua việc ký kết một thỏa thuận bảo mật, theo đó những người được tiết lộ cam kết sẽ tuân theo các quy định về bảo mật như được quy định tại Hợp Đồng này.

- 此類信息的披露對像是該方的法律顧問或該方的僱員或子公司，前提是此類披露是通過簽訂保密協議進行的，據此披露人員承諾遵守本合同中規定的保密條款。

b) Nghĩa vụ này phải được Các Bên thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng này, sau khi Hợp Đồng này đã hoàn thành và cả trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt hoặc hủy bỏ.

b)該義務必須由雙方在履行本合同期間、本合同完成後以及本合同終止或取消的情況下履行。

c) Khi phải công bố, cung cấp, tiết lộ toàn bộ hoặc một phần nội dung Hợp đồng này theo yêu cầu của pháp luật, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên công bố, cung cấp, tiết lộ nội dung Hợp Đồng sẽ thông báo cho Bên còn lại biết trước khi công bố, cung cấp, tiết lộ nếu có thể.

c)當國家主管機關依法必須披露、提供或發布本合同全部或部分內容時，發布、提供和披露合同內容的一方將盡可能在發布、提供或披露之前通知另一方。

2. Chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng hoặc quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng (sau đây gọi tắt là “Chuyển Nhượng Hợp Đồng”); cho thuê lại, bán tài sản đầu tư của Bên Thuê

二、轉讓部分或全部合同或合同產生的權利和義務（以下簡稱“合同轉讓”）；轉租、出售承租方的投資財產

a) Nếu có bất kỳ thay đổi nào của mỗi Bên được pháp luật Việt Nam cho phép, bao gồm, nhưng không giới hạn ở các sự kiện như: sáp nhập, thôn tính, chia tách, hợp nhất hoặc chuyển nhượng tài sản của bất kỳ Bên nào, thì bên thừa kế hoặc nhận Chuyển Nhượng Hợp Đồng sẽ tiếp nhận tất cả các quyền và nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp Đồng này và sẽ tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp Bên Thuê Chuyển Nhượng Hợp Đồng cho Bên Liên Kết của Bên Thuê theo quy định của pháp luật Việt Nam để tiếp tục sử

dụng Khu Đất Thuê Lại thì Bên Liên Kết đó phải ký lại Hợp Đồng Cho Thuê Hạ Tầng và Quyền Sử Dụng Đất với Bên Cho Thuê (quy định và điều kiện trong hợp đồng phải giống với Hợp Đồng này), và Bên Thuê, Bên Liên Kết của Bên Thuê không phải thanh toán bất kỳ chi phí chuyển nhượng nào thêm cho Bên Cho Thuê, trừ các khoản lệ phí, thuế phát sinh do việc chuyển đổi chủ thể của Hợp Đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nếu Bên Thuê Chuyển Nhượng Hợp Đồng (một phần hoặc toàn bộ) cho tổ chức, cá nhân khác mà pháp luật Việt Nam cho phép nhưng không liên quan tới Bên Thuê thì Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê một khoản phí hỗ trợ thủ tục Chuyển Nhượng Hợp Đồng có giá trị bằng 02% (hai phần trăm) giá trị Tổng Tiền Thuê Hạ Tầng tương ứng với phần diện tích của Khu Đất Thuê Lại được chuyển giao cho bên thuê lại và Bên Thuê sẽ chịu các thuế phát sinh do việc chuyển nhượng này theo quy định của pháp luật (nếu có).

a) 如果任一方在越南法律允許的情況下發生任何變化，包括但不限於以下事件：任何一方的合併、收購、分立、或資產轉讓，則繼承方或受讓人承擔該方在本合同項下的所有權利和義務，並繼續履行本協議。如果承租方根據越南法律規定將合同轉讓給承租方的關係企業，以便能夠繼續使用轉租地塊，該關係企業應與出租方重新簽約土地（附著基礎設施）轉租合同（合同條件及規定須與本合同相同），承租方或承租方之關係企業均無需向出租方支付額外的轉讓費用，除越南法律規定的因合同主體變更而產生的稅費和規費之外。根據越南法律規定因合同主體轉換而產生的所有費用及稅金均由承租方承擔。如果承租方將合同（全部或部分）轉讓給越南法律允許且與承租方無關的新法人或其他組織或個人，承租方必須向出租方支付等於對應於轉讓給新法人的轉租土地面積的基礎設施租金總額的 02 %（百分之二），該款項應作為合同轉讓手續協助費用，承租人將依法（如有）承擔因本次轉讓而產生的稅金。

b) Trong suốt Thời Hạn Thuê, Bên Thuê có quyền chuyển nhượng hoặc cho thuê lại một phần hoặc toàn bộ các công trình, hạng mục do Bên Thuê xây dựng và phát triển trên Thửa Đất cho (các) nhà đầu tư khác nếu việc cho thuê lại đó phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm thực hiện giao dịch và được các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận và Bên Thuê phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Bên Cho Thuê. Bên Thuê phải thông báo với Bên Cho Thuê trước khi thực hiện việc cho thuê này.

b) 租賃期內，承租方有權將承租方在該地塊上建設、開發的部分工程和項目（全部或部分）轉租或轉讓給（各）其他投資者。如果此類轉租或轉讓符合交易時越南法律的規定以及得到越南國家主管機構的批准並且承租方必須完成對出租方的財務義務。承租方必須在進行此類轉租或轉讓之前通知出租方。

c) Trường hợp Bên Thuê được các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cho phép bán toàn bộ hay một phần tài sản mà Bên Thuê đầu tư, xây dựng trên Thửa Đất, Bên Thuê có trách nhiệm thông báo trước cho Bên Cho Thuê, ký các văn bản Phụ lục điều chỉnh cần thiết với Bên Cho Thuê liên quan tới việc thuê lại Khu Đất Thuê Lại và thuê

hạ tầng của Bên Cho Thuê theo quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Bên Cho Thuê tại thời điểm thực hiện giao dịch. Đồng thời Bên Thuê sẽ phải chịu các khoản thuế, phí phát sinh theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 13 này.

c) 如果承租方被越南國家主管部門允許出售其全部或部分承租方在地上投資、建設的資產，則承租方負責提前通知出租方，根據越南法律，出租方應依交易時的規定與承租方簽訂有關轉租出租方轉租土地及基礎設施租賃的必要修改文件。同時承租方要承擔根據第十三條第二項第 b 款規定的當時有關發生之各種稅、費用。

3. Luật áp dụng để giải thích và điều chỉnh Hợp đồng là Pháp luật của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (Việt Nam).

三、解釋和管轄本合同的適用法律是越南社會主義共和國（越南）的法律。

4. Hợp đồng này được lập bằng tiếng Việt và tiếng Trung, tiếng Việt và tiếng Trung có giá trị pháp lý như nhau.

四、本合約以越南文和中文書寫，越南文和中文具有同等法律效力。

5. Các tiêu đề của Điều, Khoản của Hợp Đồng chỉ mang mục đích tham chiếu và sẽ không ảnh hưởng hoặc được xem xét khi giải thích Hợp Đồng này.

五、合同的條、項、款標題僅供參考，不應影響或被視為本合同的解釋。

6. Trừ khi ngữ cảnh trong Hợp Đồng này quy định khác đi, trong Hợp Đồng này các thuật ngữ và từ ngữ sau đây sẽ được hiểu như sau:

六、除非本合同上下文另有規定，在本合同中，下列術語和表述具有如下含義：

- “Bên” được hiểu là Bên Cho Thuê hoặc Bên Thuê tùy theo ngữ cảnh;

- “Một”是指出租方或承租方，隨著語境而定；

- “Bên Thứ Ba” được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không phải là một Bên của Hợp Đồng;

- “Đ pihak”指非本合同一方的任何組織或個人；

- “Các Bên” hoặc “Hai Bên” được hiểu là Bên Cho Thuê và Bên Thuê;

- “各方”或“雙方”是指出租方或/及承租方；

- “Dự Án Của Bên Thuê” được hiểu là Dự án đầu tư do Bên Thuê đầu tư, thực hiện tại Khu Đất Thuê Lại theo Hợp Đồng;

- “承租方項目”理解為承租方在本合同項下的轉租土地面積實施的投資項目。

- “Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất” hoặc “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” được hiểu là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để chứng nhận quyền sử dụng đất của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- “土地使用權證”或“土地使用權、房屋及其他土地附屬資產所有權證書”是指根據越南法律證明土地使用者的土地使用權及房屋及其他土地附屬資產所有權的證書；

- “Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư” được hiểu là Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do Ban quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc bất kỳ cơ quan chính quyền nào khác có thẩm quyền cấp cho Bên Thuê và cho phép Bên Thuê triển khai các hoạt động của Bên Thuê trên Khu Đất;

“投資登記證”是指河內工業和出口加工區管理委員會、計劃和投資部或任何其他主管政府機構向承租方頒發的投資證書，並允許承租方在地塊開展承租方的活動。

- “Hợp Đồng” hoặc “Hợp Đồng Thuê Đất” được hiểu là Hợp đồng cho thuê Hạ tầng và quyền sử dụng đất này và toàn bộ các Phụ lục cũng như sửa đổi, bổ sung bằng văn bản đính kèm do Hai Bên ký kết chính thức trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê Hạ tầng và quyền sử dụng đất này;

- “合同”或“土地租賃合同”應理解為本基礎設施和土地使用權轉租合同以及雙方在執行本基礎設施和土地使用權轉租合同過程中經雙方正式簽署的所有附件及修改、補充文件；

- “Khu Công Nghiệp” được hiểu là “Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội Giai đoạn 1” do Bên Cho Thuê đầu tư;

- “工業區”理解為出租方投資的“南河內輔助工業區第一期”；

- “Khu Đất Thuê Lại” hoặc “Thửa Đất” được hiểu là khu đất mà Bên Cho Thuê cho Bên Thuê thuê lại quyền sử dụng đất với đặc điểm quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Hợp Đồng;

- “轉租土地”或“地塊”是指出租方將具有本合同第一條第一項規定特徵的土地向承租方轉租土地使用權；

- “Ngày Làm Việc”: được hiểu là bất kỳ ngày nào trừ thứ bảy, chủ nhật, các ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- “工作日”：根據越南法律規定，指除週六、週日、假期和節日以外的任何一天；

- “Phí Quản Lý Hạ Tầng” được hiểu là khoản tiền mà Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê theo thời hạn do Bên Cho Thuê thông báo và theo mức giá quy định tại Phụ lục 2 Hợp Đồng này, để vận hành, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật được Bên Cho Thuê lắp đặt, xây dựng bên ngoài ranh giới Khu Đất Thuê Lại tại Khu Công Nghiệp;

- “基礎設施管理費”理解為承租方根據出租方通知的期限和本合同附件二規定的價格必須向出租方支付的金額，為運行、維修、保養和維護技術基礎工程系統而出租方在工業區轉租土地界外安裝建造；

- “**Thời Hạn Thuê**” là thuật ngữ viết tắt để gọi chung thời hạn thuê lại đất như được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Hợp Đồng, thời hạn thuê hạ tầng như được quy định tại Khoản 7 Điều 5 Hợp Đồng;

- “**租賃期**” 是本合同第五條第一項規定的土地轉租期和合同第五條第七項規定的基礎設施租賃期的簡稱；

- “**Thuế VAT**” được hiểu là thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- “**增值稅**” 被理解為根據越南法律規定的增值稅；

- “**Tiền Thuê**” hoặc “**Tiền Thuê Đất**” hoặc “**Tiền Thuê Lại Đất**” hoặc “**Giá Cho Thuê**” hoặc “**Tiền Thuê Quyền Sử Dụng Đất**” là khoản tiền mà Bên Thuê phải thanh toán cho Bên Cho Thuê để được sử dụng Thửa Đất và được tính bằng diện tích của Thửa Đất quy định tại Khoản 1 Điều 1 Hợp Đồng này x (nhân) đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm mà Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thông báo cho Bên Cho Thuê để Bên Cho Thuê nộp tiền thuê đất cho Nhà nước như quy định tại Khoản 1 Điều 2 Hợp Đồng;

- “**租金**”或“**土地租金**”或“**土地轉租金**”或“**租賃價格**”或“**土地使用權租金**”指承租方為使用土地而必須支付給出租方的金額，計算為本合同第一條第一項規定的地塊面積 x 具有越南國家主管機構通知出租方以便出租方向國家支付土地租金的年度土地租金單價，如合同第二條第一項規定；

- “**Tiền Thuê Hạ Tầng**” được hiểu là khoản tiền mà Bên Thuê có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Cho Thuê để Bên Thuê được sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật bên ngoài ranh giới của Khu Đất Thuê Lại theo Hợp Đồng này và bên ngoài ranh giới các khu đất khác mà Bên Cho Thuê được quyền cho thuê lại quyền sử dụng đất tại Khu Công Nghiệp trong thời hạn thuê hạ tầng quy định tại Khoản 7 Điều 5 Hợp Đồng, được xác định theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 2 Hợp Đồng;

- “**基礎設施租金**”被理解為承租方有義務向出租方支付的金額，以便承租方在合同第五條第七項規定的基礎設施租賃期內可以在工業區內的本合同項下轉租土地的邊界之外以及出租方所有土地使用權轉租的其他土地區域邊界之外使用相同的技術基礎設施；

- “**Việt Nam**” được hiểu là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- “**越南**”是指越南社會主義共和國。

“**Bên Liên Kết**” là các bên có mối quan hệ sau: (a) một bên trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia quản lý, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của bên kia; hoặc (b) Cả hai bên đều được các bên khác trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý, kiểm soát, tài trợ hoặc đầu tư.

Các Bên Liên Kết nêu trên bao gồm các trường hợp sau:

a) Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia;

b) Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;

c) Một doanh nghiệp là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu và nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của doanh nghiệp kia;

d) Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của Bên Liên Kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;

e) Một doanh nghiệp chỉ định thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một doanh nghiệp khác với điều kiện số lượng các thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên ban lãnh đạo điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của doanh nghiệp thứ hai; hoặc một thành viên được doanh nghiệp thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thứ hai;

f) Hai doanh nghiệp cùng có trên 50% thành viên ban lãnh đạo hoặc cùng có một thành viên ban lãnh đạo có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc hoạt động kinh doanh được chỉ định bởi một bên thứ ba;

g) Hai doanh nghiệp được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và hoạt động kinh doanh bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

h) Hai cơ sở kinh doanh có mối quan hệ trụ sở chính và cơ sở thường trú hoặc cùng là cơ sở thường trú của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

i) Các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp;

j) Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;

k) Trong kỳ tính thuế, doanh nghiệp chuyển nhượng hoặc nhận giao dịch trong đó mức góp vốn không thấp hơn 25% vốn góp của chủ doanh nghiệp; vay vốn trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát doanh nghiệp hoặc cá nhân, với một trong các mối quan hệ quy định tại điểm g) Hoặc cho vay tối thiểu 10% vốn chủ sở hữu tại thời điểm giao dịch.

-“**關係企業**”係指具有下列關係的各方：(a)一方直接或間接參與另一方的管理、

2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa Các Bên, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) để giải quyết theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC. Địa điểm trọng tài tại Thành phố Hà Nội (Việt Nam), ngôn ngữ trọng tài bằng tiếng Việt, luật áp dụng giải quyết tranh chấp là pháp luật Việt Nam.

二、如果雙方無法達成協議，爭議將提交越南國際仲裁中心（VIAC）根據 VIAC 的仲裁規則進行解決。仲裁地點在河內（越南），仲裁語言為越南語，爭議解決適用法律為越南法律。

Điều 15. Thời điểm có hiệu lực của Hợp Đồng

第十五條 合同有效日期

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký tới thời điểm chấm dứt Hợp Đồng như quy định tại Điều 10 của Hợp Đồng này.

一、本合同自簽訂之日起至本合同第十條規定的合同終止時有效。

2. Hợp Đồng này có 15 Điều và 03 Phụ lục, với 66 trang được lập thành 08 (tám) bản, Bên Thuê giữ 04 (bốn) bản, Bên Cho Thuê giữ 04 (bốn) bản để lưu trữ, làm thủ tục nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

二、本合同共 15 條及 03 個附件，66 頁，每頁做 08（八）份，承租方自備 04（四）份，出租方自備 04（四）份，用於保管和根據法律規定辦理繳納稅款、費用、收費。

3. Kèm theo Hợp Đồng này là bản sao giấy tờ liên quan về đất như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác (nếu có) gắn liền với đất số CQ 298664 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 28/12/2018.

Các Phụ lục đính kèm Hợp Đồng này và các sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận của Hai Bên là nội dung không tách rời Hợp Đồng này và có hiệu lực thi hành đối với Hai Bên.

三、本合同附有相關土地文件的副本如河內市自然資源和環境所於 2018 年 12 月 28 日頒發的 CQ298664 號土地使用權、房屋和其他土地附屬資產所有權證書。

本合同的附件及雙方同意的修改和補充文件是本合同不可分割的內容，對雙方均有效執行。

4. Trong trường hợp Các Bên thỏa thuận thay đổi nội dung của Hợp Đồng này thì phải lập bằng văn bản có chữ ký của cả Hai Bên.

四、如果雙方同意變更本合同內容，必須以書面形式作出，並經雙方簽字。

Handwritten signatures and initials at the bottom right of the page.

ĐỂ LÂM BẢNG, Đại diện có thẩm quyền của Bên Cho Thuê và Bên Thuê đã ký tên và đóng dấu dưới đây để cùng thực hiện Hợp Đồng.

茲證明，出租方與承租方授權代表已在下方簽字蓋章，共同履行合同。

BÊN THUÊ/承租方

(Ký và ghi rõ họ tên)

(簽名)



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHEN, CHANHON

BÊN CHO THUÊ/出租方

(Ký, ghi rõ họ tên)

(簽名)



TỔNG GIÁM ĐỐC

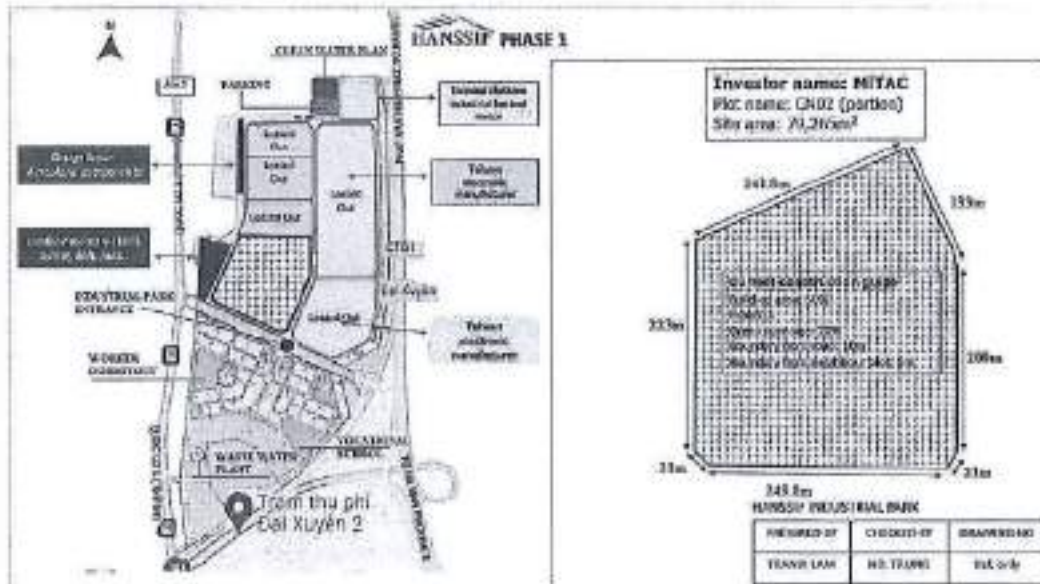
Phạm Quang Khải

PHỤ LỤC 1. SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THỬ ĐẤT CN02

(Diện tích 79.265m²)

附件 1. CN02 地塊位置圖

(面積: 79,265 平方米)



Handwritten signatures and marks.

PHỤ LỤC 2

ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP TRONG KHU CÔNG NGHIỆP HANSSIP

附件 2

HANSSIP 工業區之工業服務單價

DỊCH VỤ	ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ
1. Phí Quản Lý Hạ Tầng 基礎設施管理費	14.180 VND/m²/tháng <i>14,180 VND /m²/月</i> <i>Bên Thuê được miễn 36 tháng phí quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng.</i> <i>自從交接土地之日起承租方獲得 36 個月免收基礎設施管理與維護費。</i>
2. Nước sạch 淨水	14.180 VND/m³ <i>14,180 VND/m³</i>
3. Nước thải 廢水處理	11.817 VND/m³ tính theo 80% (<i>tám mươi phần trăm</i>) lượng nước sạch cung cấp. 單價為 11,817VND/m³，按淨水供水量的 80%（百分之八十）計算。 Nước thải của nhà máy phải được Bên Thuê xử lý đạt tiêu chuẩn B theo tiêu chuẩn mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, trước khi thải ra hệ thống nước thải chung của KCN hoặc tiêu chuẩn theo quy định của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam, pháp luật Việt Nam áp dụng tùy từng thời điểm trong Thời Hạn Thuê. 工廠廢水在排入工業區公共污水系統之前必須處理到 B 標準根據越南自然資源及環境部之最新標準或越南國家主管機構和適用的越南法律隨時規定的標準在租賃期內。 Để rõ ràng, hai bên thống nhất sẽ lắp đồng hồ đo hợp quy tại điểm đầu nối xử lý nước thải, khối lượng nước thải tính phí

	từng kỳ được tính số liệu đo thực tế từ đồng hồ đo lượng nước thải 為清楚起見，收費的廢水量將於雙方約定的污水處理接口處，設置合規的流量計，定期依流量計實際的廢水量，進行計算。
4. Tiền điện 電費	Bên Thuê ký hợp đồng trực tiếp với công ty điện lực Thành phố Hà Nội hoặc Đơn vị điện lực khác. 承租方直接與河內市電力公司或其他電力單位簽訂合同。
5. Điện thoại / internet 互聯網/電話	Bên Thuê ký hợp đồng trực tiếp với các nhà cung cấp viễn thông. 承租方直接與電信供應商簽訂合同。

Bên Thuê có nghĩa vụ trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với Bên Cho Thuê hoặc các công ty được Bên Cho Thuê chỉ định đối với các loại hình phí dịch vụ tại mục 1, 2, 3 và 4 được quy định tại Phụ lục 2 của Hợp Đồng này (riêng mục 4: Tiền điện, đơn giá điện được tính theo đúng quy định của Nhà nước).

Đối với dịch vụ xử lý rác thải và chất thải rắn hoặc các loại hình dịch vụ khác, Bên Thuê sẽ ưu tiên xem xét ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ hoạt động trong khu công nghiệp do Bên Cho Thuê giới thiệu hoặc được Bên Thuê đồng ý, nhằm hỗ trợ Bên Cho Thuê đảm bảo việc quản lý thống nhất, tập trung mà không ảnh hưởng đến việc quản lý, vận hành chung của khu công nghiệp. Tuy nhiên, nếu bên thuê căn cứ vào các nhu cầu thực tế như giá thành, chất lượng dịch vụ, mức độ hợp tác thì sau khi thông báo cho bên cho thuê, không sử dụng nhà cung cấp dịch vụ do bên cho thuê giới thiệu, chỉ định hoặc đồng ý mà lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ khác để cung cấp dịch vụ thì không bị hạn chế hoặc bó buộc bởi các quy định nêu trên. Nhà cung cấp dịch vụ được Bên Cho Thuê hoặc Bên Thuê hợp tác phải đáp ứng đầy đủ các quy định của cơ quan Nhà nước.

對於上述 1、2、3、4 項服務，承租方將直接與出租方或出租方指定公司簽訂服務合同（其中第 4 項服務之電費及單價按照國家規定計算）。

對於垃圾處理服務、固體廢物處理服務或其他類型的服務，承租方將優先考量採用與由出租方介紹或承租方同意在工業園區經營之服務供應商簽訂服務合同，以協助出租方方便統一集中管理，不影響工業園區的總體管理和運營；但承租方如基於成本費用、服務品質及配合度等實際需求，得於通知出租方後，不採用出租方介紹、指定或同意的服務供應商，而另行選定其他服務供應商提

供服務，不受前述規定限制或拘束，出租方或承租方合作的服務供應商均必須完全符合國家機構的規定。

- Phí dịch vụ/Đơn giá dịch vụ tại Phụ lục này chưa gồm Thuế VAT theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu phí.

- 本附件中的服務費/服務單價不包括收費時法律規定的增值稅。

Căn cứ mức tăng của Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) giữa 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm điều chỉnh Phí dịch vụ/Đơn giá dịch vụ được Tổng cục Thống kê của Việt Nam công bố hằng năm hoặc giá thị trường hoặc chi phí thực tế để vận hành, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tại Khu Công Nghiệp, các loại Phí dịch vụ/Đơn giá dịch vụ quy định tại Phụ lục 2 này có thể được Đơn vị cung cấp dịch vụ (Bên Cho Thuê hoặc tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ) xem xét và điều chỉnh tăng vào tháng 01 (một) Dương lịch hằng năm và thông báo cho Bên Thuê trước khi áp dụng mức phí dịch vụ điều chỉnh tối thiểu 30 (ba mươi) ngày. Mỗi lần tăng, mức tăng không quá 10% (mười phần trăm) của Phí dịch vụ/Đơn giá dịch vụ của năm liền kề trước đó.

根據在服務費/服務單價調整前越南綜合統計局每年公佈的連續 02 (兩年) 年消費者物價指數 (CPI) 的增長或市場價格或運營、維修、保養和維護工業園區技術基礎設施工程系統，本附件 2 中規定的服務收費/服務單價可由服務供應商 (出租方或提供服務的組織或個人) 在每年公曆 1 月份進行審查和調整以及在應用調整服務費前至少 30 (三十) 天通知承租方。每次調整，增加幅度不得超過上一年度服務費/服務單價的 10% (百分之十)。

PHỤ LỤC 3

DANH MỤC TÀI LIỆU BÀN GIAO KHI BÀN GIAO KHU ĐẤT THUÊ LẠI

附件 3 租賃土地移交時之點交項目

Bên Cho Thuê phải bàn giao cho Bên Thuê các tài liệu, thông tin, hồ sơ sau đây, việc bàn giao Khu Đất Thuê Lại được xem là hoàn thành sau khi được Bên Thuê xác nhận.

出租方應交付以下文件、資料及檔案予承租方並經承租方確認後，始為轉租土地之點交完成。

I. Bản sao các văn bản pháp luật, giấy chứng nhận cấp phép và văn bản phê duyệt

一、法令規章、執照證書及核准文件影本

Thời gian phát hành / 頒發日期	Tên Văn bản / 文件之名	Nội dung Văn bản / 文件內容
16/01/2013 / 2013 年 1 月 16 日	Quyết định số 422/QĐ-UBND / 第 422/QĐ-UBND 號決定	v/v thành lập KCN Hỗ trợ Nam Hà Nội / 關於建立南河內輔助工業區
29/03/2013 / 2013 年 3 月 29 日	Quyết định số 2325/QĐ-UBND / 第 2325/QĐ-UBND 號決定	v/v điều chỉnh một số nội dung ghi tại Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 của UBND Thành phố Hà Nội / 關於調整河內市人民委員會 2013 年 01 月 07 日第 104/QĐ-UBND 號決定中記載的部分內容
07/01/2013 / 2013 年 3 月 29 日	Quyết định số 104/QĐ-UBND / 第 104/QĐ-UBND 號決定	
03/06/2016 / 2016 年 6 月 03 日	Quyết định số 2867/QĐ-UBND / 第 2867/QĐ-UBND 號決定	v/v điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất ghi tại các Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 24/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (trước đây); Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/01/2013 và số 2325/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND Thành phố Hà Nội / 關於調整土地利用結構規定在河西省人民委員會 (原) 2008 年 7 月 24 日第 2812/QĐ-UBND 號決定; 河內市人民委員會 2013 年 01 月 07 日第 104/QĐ-UBND 號決定和 2013 年 03 月 29 日第 2325/QĐ-UBND

28/06/2016 / 2016 年 6 月 28 日	Quyết định số 3504/QĐ-UBND / 第 3504/QĐ-UBND 號決定	v/v điều chỉnh hình thức sử dụng đất ghi tại Điều 1 Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 03/06/2016 của UBND Thành phố Hà Nội / 關於調整河內市人民委員會 2016 年 6 月 3 日第 2867/QĐ- UBND 號決議第一條中規定的土地 使用形式
16/11/2007 / 2007 年 11 月 16 日		Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư số 03121000156 chứng nhận đầu tư lần đầu / 首次認證的第 03121000156 號投資證書
25/7/2008 / 2008 年 7 月 25 日		Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư điều chỉnh số 03121000370 chứng nhận thay đổi lần thứ nhất / 首次修正的第 03121000370 號調 整投資證書
06/10/2010 / 2010 年 10 月 6 日		Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư số 01221000340 chứng nhận thay đổi lần thứ hai / 第二次認證修正的第 0122100034 0 號投資證書
12/12/2012 / 2012 年 12 月 12 日		Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư điều chỉnh lần thứ ba số 01121001128 chứng nhận thay đổi lần thứ ba / 第三次認證修正的第 0112100112 8 號調整投資證書
28/12/2018 / 2018 年 12 月 28 日		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ298664, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT 08857 cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G / 頒發給 N&G 投資- 發展股份公司的 CQ298664 號、 證書簿上的編號 CT 08857 土地使用權、房屋和其他 土地附屬資產所有權證
12/12/2012 / 2012 年 12 月 12 日		Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101142265 cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G / 向 N&G 投資-

		發展股份公司頒發的營業執照第 0101142265 號
19/05/2021 / 2021 年 5 月 19 日	Thông tư số 01/2021/TT-BXD / 第 01/2021/TT-BXD 號通知	Chỉ tiêu cơ bản về xây dựng của Thửa Đất: mật độ xây dựng thuần tối đa, số tầng, hệ số sử dụng đất / 地塊之基本建設條件標準: 最大 淨建築密度、層數、容積率
30/03/2012 / 2012 年 3 月 30 日	Quyết định số 1337/QĐ-UBND / 第 1337/QĐ-UBND 號決定	Phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu Công Nghiệp hỗ trợ giai đoạn 1 / 批准支持性產業工業園區第一期 詳細規劃
12/05/2016 / 2016 年 5 月 12 日	Quyết định số 2305/QĐ-UBND / 第 2305/QĐ-UBND 號決定	w/v phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội (giai đoạn 1) - tỉ lệ 1/500 / 批准對南河內支持性產業工業園 區第一期詳細規劃 (比例 1/500) 進行局部調整
20/11/2008 / 2008 年 11 月 20 日	Thông tư số 19/2008/TT-BXD / 第 19/2008/TT-BXD 號通知	Văn bản chỉ thị chính thức về việc Hanssip không cần thiết phải làm QH 1/2000 / Hanssip 不必做 1/2000 規劃的官方只是文件
22/4/2024 2024 年 4 月 22 日	Căn cứ Quyết định số 64/QĐ- BQL ngày 22/04/2024 第 64/QĐ-BQL 號通知	Chế xuất Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội – giai đoạn 1 tại khu A (khu công nghiệp) 河內工業區及加工出口區管理局 批准局部調整南河內配套工業區 A 區 (工業區) 第一期詳細規劃

II. Tọa độ đất, cọc mốc và bản vẽ minh họa hoàn chỉnh

二、土地座標、界樁及其完整圖說 III. Hồ sơ bản vẽ hạ tầng kỹ thuật Khu Đất (nộp dưới dạng file CAD điện tử), bao gồm:

三、地塊技術基礎設施圖紙檔案(應以電子 CAD 檔案形式交付), 包含下列:

- 1:500 Hanssip 工業區詳細規劃圖紙(需包含: CN02 地塊之最大建築密度 70%、最多 5 層、容積率 3.5)/ Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết KCN Hanssip tỷ lệ 1:500 (bao gồm mật độ xây dựng tối đa 70%, tối đa 5 tầng, hệ số sử dụng đất 3.5 lần của Thửa đất CN02)
2. 工業區現況圖/ Bản vẽ hiện trạng khu công nghiệp

✓ 
H.X

3. 用地規劃圖（應註明：建築密度、限高、樓層、容積率）/ Bản đồ quy hoạch sử dụng đất (ghi rõ mật độ xây dựng, giới hạn chiều cao, số tầng của công trình, hệ số sử dụng đất...)
4. 工業區場地整平規劃圖/ Bản vẽ san lấp mặt bằng Khu Công Nghiệp
5. 工業區交通規劃、退縮線及建築紅線規劃圖/ Bản vẽ quy hoạch hệ thống công trình giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khoáng lùi của công trình
6. 工業區供電規劃、通訊規劃圖（應加註功率）/ Bản vẽ quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc Khu Công Nghiệp (có thông số công suất)
7. 工業供水規劃圖（應加註功率）/ Bản vẽ quy hoạch cấp nước Khu Công Nghiệp (có thông số công suất)
8. 工業區污水排水規劃圖（應加註功率）/ Bản vẽ thoát nước thải Khu Công Nghiệp (có thông số công suất)
9. 工業區雨水排水規劃圖/ Bản vẽ chuẩn bị kỹ thuật Khu Công Nghiệp (bản vẽ thoát nước mưa)

IV. Các báo cáo và giấy phép khác

四、其他報告及執照

1. 工程地質探勘報告/ Báo cáo khảo sát địa chất công trình
2. 掃雷工作驗收文件/ Hồ sơ nghiệm thu công tác rà phá bom mìn
3. HANSSIP 工業區的環評報告/ Báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp HANSSIP
4. HANSSIP 工業區的環評批復決定/ Quyết định Phê duyệt ĐTM Khu công nghiệp HANSSIP
5. HANSSIP 工業區的環評執照/ Giấy phép môi trường Khu công nghiệp HANSSIP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

越南社会主义共和国

獨立 – 自由 – 幸福

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

合同附錄

Số: 26.08/PLHD/N&G-MITAC

編碼: 26.08/PLHD/N&G-MITAC

Về việc điều chỉnh Hợp Đồng Cho Thuê Hạ Tầng và Quyền Sử Dụng Đất

Số 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC

關於修訂第 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC 基礎設施及土地使用權租賃
合同

- Căn cứ Hợp Đồng Cho Thuê Hạ Tầng và Quyền Sử Dụng Đất Số 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC ký ngày 07/05/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G và Công ty TNHH Công nghệ MiTAC (Việt Nam) (sau đây được gọi tắt là "Hợp Đồng Thuê Đất");

根據 N&G 投資-發展股份有限公司與 MiTAC Technology (Vietnam) Company Limited 於 2024 年 05 月 07 日簽署之第 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC 號基礎設施及土地使用權租賃合同（以下簡稱“土地租賃合同”）

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.
根據各方的能力和需求

Hôm nay, ngày 26 tháng 08 năm 2024, Hai Bên chúng tôi gồm:

今日，2024 年 08 月 26 日，我們雙方由：

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN N&G

N&G 投資-發展股份有限公司

- Địa chỉ ĐKKD: Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
營業註冊地址：越南河內市富川縣大川社南河內輔助工業區
- Điện thoại: 024.37846045
聯絡電話：024.37846045
- Mã số thuế: 0101142265
稅碼：0101142265
- Người đại diện: Ông Phạm Quang Khải Chức vụ: Tổng Giám đốc
法人代表：范光凱先生 職務：總經理
(Sau đây gọi tắt là "Bên Cho Thuê" hoặc "N&G Corp")

(以下簡稱“出租方”或“N&G Corp”)

Và 以及

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

MITAC Technology (Vietnam) Company Limited

- Địa chỉ: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
地址：越南河內市富川縣大川社南河內輔助工業區第一期 CN02 地塊一部分
- Điện thoại: (+84) 24.378.66777
電話：+84 024 378 66777
- Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0110588761
營業執照號：0110588761
- Đại diện: Ông Chen, Chanhon Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
法人代表：Chen, Chanhon 先生 職務：董事會主席
(Sau đây gọi tắt là “Bên Thuê” hoặc “MITAC Việt Nam”)
(以下簡稱“承租方”或“越南神達”)

Bên Cho Thuê và Bên Thuê sau đây gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

出租方和承租方以下單獨稱為“一方”，統稱為“雙方”。

Các Bên thống nhất thay đổi, điều chỉnh Hợp Đồng Cho Thuê Hạ Tầng và Quyền Sử Dụng Đất Số 02/2024/HĐTĐ/N&G-MITAC ký ngày 07/05/2024 với nội dung sửa đổi như sau:

雙方同意對 2024 年 5 月 7 日簽署的第 02/2024/HĐTĐ/N&G-MITAC 號基礎設施及土地使用權租賃合同進行變更和修訂，內容為如下：

1. Thay thế toàn bộ nội dung tại Điểm k, Khoản 2, Điều 7 của Hợp Đồng Thuê Đất bằng nội dung dưới đây:

將土地租賃合同第七條第二款 k 點全部內容替換為以下內容：

- Bên Thuê có nghĩa vụ xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Bên Thuê trước khi xả ra hệ thống đường nước thải chung của Khu Công Nghiệp. Bên Thuê phải thực hiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc, xử lý nước thải cục bộ đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung ghi tại Điểm 1.5, Mục B, Phụ lục 01 của Giấy phép môi trường số 23/GPMT-BQL do Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 14/12/2023. Trường hợp, Bên Cho Thuê phải điều chỉnh, thay đổi tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công Nghiệp theo quy định mới của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, Bên Cho Thuê và Bên Thuê sẽ ký Phụ Lục Hợp Đồng điều chỉnh, thay đổi theo quy định mới để có cơ sở thực hiện.

承租方有義務對承租方活動產生的所有廢水進行處理，再排入工業園區的公共廢水系統。承租方必須安裝符合河內工業和出口加工區管理委員會于

2023 年 12 月 14 日頒發的第 23/GPMT-BQL 號環境許可證 01 號附錄 B 節 1.5 點規定的公共廢水處理系統輸入廢水的標準的當地廢水處理和監測系統。如果出租方必須根據越南國家主管機構的新規定調整或改變工業園區公共廢水處理系統的輸入廢水標準，出租方和承租方將簽署合同附錄，並按照新規定進行調整和改變便於有實施依據。

2. Thay thế toàn bộ nội dung tại Mục 3, Phụ lục 2 của Hợp Đồng Thuê Đất bằng nội dung dưới đây:

將土地租賃合同 02 號附錄第三節全部內容替換為以下內容：

- 11.817 VND/m³ tính theo 80% (tám mươi phần trăm) lượng nước sạch cung cấp. Đơn giá là 11,817 VND/m³, 按淨水供水量的 80%（百分之八十）計算。
- Nước thải của nhà máy phải được Bên Thuê xử lý đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung ghi tại Điểm 1.5, Mục B, Phụ lục 01 của Giấy phép môi trường số 23/GPMT-BQL do Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp ngày 14/12/2023. Trường hợp, Bên Cho Thuê phải điều chỉnh, thay đổi tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công Nghiệp theo quy định mới của cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, Bên Cho Thuê và Bên Thuê sẽ ký Phụ Lục Hợp Đồng điều chỉnh, thay đổi theo quy định mới để có cơ sở thực hiện.

工廠廢水必須經承租方處理滿足河內工業和出口加工區管理委員會於 2023 年 12 月 14 日頒發的第 23/GPMT-BQL 環境許可證 01 號附錄 B 節 1.5 點規定的公共廢水處理系統輸入廢水的標準。如果出租方必須根據越南國家主管機構的新規定調整或改變工業園區公共廢水處理系統的輸入廢水標準，出租方和承租方將簽署合同附錄，按照新規定進行調整和改變便於有實施依據。

Để rõ ràng, hai bên thống nhất sẽ lắp đồng hồ đo hợp quy tại điểm đầu nối xử lý nước thải, khối lượng nước thải tính phí từng kỳ được tính số liệu đo thực tế từ đồng hồ đo lượng nước thải

為清楚起見，收費的廢水量將於雙方約定的污水處理接口處，設置合規的流量計，定期依流量計實際的廢水量，進行計算。

3. Các Điều khoản chung

一般條款：

- Các điều khoản khác của Hợp Đồng Thuê Đất số 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC ký ngày 07/05/2024 giữ nguyên, không thay đổi.

2024 年 5 月 7 日簽署的第 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC 號土地租賃合同其他條款保持不變。

- Phụ lục Hợp đồng này gồm 04 trang, được lập thành tám (08) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên Cho Thuê giữ 04 (bốn) bản, Bên Thuê giữ 04 (bốn) bản.本合同附錄由 04 頁組成，共一式八 (08) 份，具有同等法律效力。出租方保留 04 (四) 份，承租方保留 04 (四) 份。
- Phụ lục Hợp đồng này được có hiệu lực thi hành từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Thuê Đất số 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC ký ngày 07/05/2024.

本合同附錄自簽訂之日起生效，是 2024 年 5 月 7 日簽訂的第 02/2024/HĐTD/N&G-MITAC 號土地租賃合同不可分割的一部分。

- Trường hợp có nhu cầu sửa đổi, bổ sung, hai bên thống nhất sẽ cùng trao đổi và ký các Phụ lục tiếp theo để thực hiện.

如有修訂或補充的需要，雙方同意協商簽署下壹份附錄實施。

- Phụ lục Hợp đồng này được viết bằng tiếng Việt và tiếng Trung Quốc có giá trị pháp lý như nhau.

本合同附錄以越南文和中文書寫，越南文和中文具有同等法律效力。

ĐỂ LÀM BẰNG, đại diện hợp pháp của Các Bên đã ký và đóng dấu dưới đây để cùng thực hiện.

雙方法定代表人簽署並蓋章如下，以資證明：

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN N&G
N&G 投資-發展股份公司**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Phạm Quang Khải**

**CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)
MiTAC Technology (Vietnam)
Company Limited**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHEN, CHANHON**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2024

河內, 2024年06月18日

Biên bản Thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật 技術基礎設施連接協議

Bên A/甲方: Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G / N&G 投資-開發股份公司

Người đại diện/代表人: Ông /先生: NGUYỄN HỒNG TÂN / 阮紅新

Chức vụ/職稱: Phó Tổng giám đốc N&G Corp / N&G Corp 副總經理

Địa chỉ / 地址: Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam / 越南河內市富川縣大川公社南河內輔助工業區

Điện Thoại/電話: (+84) 24 3784 6045

Mã số thuế/稅務編碼: 0101142265

Bên B/乙方: Công ty TNHH Công nghệ MITAC (Việt Nam) / MITAC Technology
(Việt Nam) Company Limited

Người đại diện/代表人: Ông /先生: CHEN, CHANHON / 陳建宏

Chức vụ/職稱: Chủ tịch Hội đồng thành viên / 董事會主席

Địa chỉ / 地址: Một phần lô đất CN02 (CN-02D), Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai
đoạn I, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
越南河內市富川縣大川公社南河內輔助工業區一期 CN02 (CN-02D) 地塊部

分Mã số thuế/稅務編碼: 0110588761

Xét rằng, Bên B đã thuê một phần lô đất CN02 (CN-02D) của Bên A nằm trong Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội ("Khu công nghiệp") tại xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và có kế hoạch xây dựng nhà máy cũng như các công trình liên quan khác trên đất ("Khu vực nhà máy của Bên B"). Để đáp ứng khu vực nhà máy tương lai của Bên B và để đáp ứng nhu cầu vận hành, khu vực nhà máy của Bên B cần được kết nối với cơ sở hạ tầng hiện có của Khu công nghiệp của Bên A. Hai bên thỏa thuận và thống nhất về phương thức và nội dung kết nối hạ tầng kỹ thuật việc xây dựng

của Bên B như sau ("Biên bản Thỏa thuận này"); / 鉴于, 乙方已向甲方租赁了位于越南河内市富川县大川公社河内南配套工业园区 ("工业园区") 的部分地块 CN02 (CN-02D), 并计划在该土地 ("乙方厂区") 上建设工厂及其他相关工程。为容纳乙方未来厂区并满足经营需要, 乙方厂区需与甲方工业园现有基础设施进行连接, 双方同意并约定乙方技术基础设施连接的方式和内容。约定如下 ("本协议")

1. Biên bản Thỏa thuận này bao gồm mô tả bản vẽ tại Phụ lục 1 - Hồ sơ xin thỏa thuận đấu nối đính kèm. Chi tiết về việc kết nối hạ tầng kỹ thuật được quy định tại các Điều từ 2 đến 9 dưới đây / 本協議包含附件一的圖面說明就有關技術基礎設施連接的細節, 約定於以下第 2 至 9 條規定:
2. Khu vực nhà xưởng của Bên B được kết nối với hệ thống nước sạch của Khu công nghiệp / 乙方廠區連接工業園區潔淨水系統:
 - a) Số điểm kết nối: 02 điểm / 連接點數: 02 點
 - b) Vị trí các điểm đấu nối: Theo Phụ lục 1 - Hồ sơ thỏa thuận đấu nối đính kèm, trang 9 mặt bằng đấu nối cấp nước / 接駁點位置: 參照供水接駁計劃第 9 頁附錄 1-所附接駁協議資料供水接駁區
 - c) Trước khi đấu nối, Bên B cung cấp cho Bên A sơ đồ bố trí tổng thể và toàn bộ chi tiết đấu nối cấp nước sạch (bao gồm cả hệ thống phòng cháy chữa cháy). Bên A cung cấp thiết kế đấu nối tương ứng theo thiết kế của Bên B / 連接前, 乙方向甲方提供总体布置图和所有清水供应连接细节 (包括消防系统)。甲方根据乙方设计提供相应的连接设计。
 - d) Bên B không được khoan hoặc xây dựng bất kỳ công trình khai thác nước ngầm nào trong khu vực nhà máy của Bên B. / 乙方不得在乙方厂区内钻探、建设任何地下水开采工程。
 - e) Chất lượng nước sạch do Bên A cung cấp trong Khu công nghiệp phải đạt theo các quy chuẩn theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền / 甲方在工業園區內提供的潔淨水水質必須符合國家主管部門規定的標準。
 - f) Bên A có trách nhiệm lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước được kiểm định và được cơ quan có liên quan của Việt Nam xác nhận. Bên A có trách nhiệm kiểm tra thiết bị hàng năm (chu kỳ đầu tiên bắt đầu từ khi thiết bị được nghiệm thu và đưa vào sử dụng). Nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu chất lượng thì Bên A phải thay thế trong thời gian sớm nhất. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước được lắp đặt bên ngoài vị trí nhà máy để thuận tiện cho công việc bảo trì của cả hai bên. / 甲方负责安装经越南相关机构测试确认水流量计。甲方负责每年对设备进行检验 (第一个周期从设备验收并投入使用时开始)。若检验结果不符合质量要求, 甲方必须尽快更换。水流量计的安装位置安装在厂址外, 以方便双方的维护工作。
 - g) Bên B có trách nhiệm đăng ký nhu cầu sử dụng nước sạch dự kiến tổng thể cho toàn bộ giai đoạn sản xuất và vận hành nhà máy theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư

với Bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký Biên bản Thỏa thuận này để Bên A phối hợp cung cấp đầy đủ lượng nước phục vụ cho vận hành nhà máy và sử dụng nước của Bên B. Nếu Bên B có nhu cầu tăng lượng nước sạch, Bên B phải đăng ký nhu cầu tăng thêm với Bên A trước 3 tháng kể từ ngày có nhu cầu tăng lượng nước, Bên A có trách nhiệm phối hợp với nhu cầu của Bên B. Bên A cam kết hoàn thành việc xây dựng hệ thống cấp nước sạch đáp ứng đủ nhu cầu nước sạch của Bên B trước khi nhà máy của Bên B đi vào hoạt động. / 乙方负责在本协议签署之日起 15 天内, 向甲方登记工厂整个生产经营阶段的总体预计清水使用需求, 甲方协调提供乙方运营和使用用水。乙方如需增加清水容量, 乙方必须自增加需求之日起 3 个月前向甲方登记所需增加之需求量, 甲方应配合乙方之需求。甲方承诺愿於乙方廠區開始營運前興建完成足以滿足供給乙方的清水需求的清水供應系統。

- h) Bên A và Bên B có quyền thỏa thuận, xác nhận trước với Bên A về lượng nước tiêu thụ, đường ống cấp nước, lịch trình đấu nối, vị trí đấu nối... gần tường khu đất thuê thuộc khu vực nhà xưởng của Bên B. Bên A hợp tác và đáp ứng tối đa nhu cầu của Bên B. / 甲乙雙方應事先就乙方廠區地塊圍牆附近的用水量、供水管路、接駁時間表、接駁位置等進行協商並完成確認, 甲方並應儘可能配合及滿足乙方需求。
- i) Trong trường hợp khẩn cấp hoặc trường hợp đặc biệt, sự cố có thể xảy ra tại nhà máy cấp nước và hệ thống đường ống cấp nước có thể bị sự cố. Bên A có trách nhiệm cung cấp nước ổn định, liên tục và giải quyết kịp thời mọi sự cố về cấp nước trong phạm vi trách nhiệm của mình trong vòng 24 giờ, trừ trường hợp bất khả kháng / 在緊急情況或特殊情況下, 供水廠可能會出現問題, 供水管路系統可能會破裂。甲方建議乙方建造水箱, 水箱的容量必須足以滿足乙方的用水需求至少 24 小時。甲方有責任提供穩定、持續的供水, 並在 24 小時內及時解決其職責範圍內的所有供水問題, 但發生不可抗力的突發事件除外。

3. Khu vực nhà xưởng của Bên B được đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp / 乙方廠區連接工業區雨水排放系統:

- a) Số lượng điểm kết nối: 05 điểm / 連接點數: 05 點
- b) Vị trí các điểm đấu nối: Theo Phụ lục 1 - Hồ sơ xin thỏa thuận đấu nối, trang 10 bản vẽ đấu nối thoát nước mưa / 連接點位置: 根據附件 1-連接協議申請表, 第 10 頁為雨水排放連接圖

Tên điểm kết nối/ 連接點名稱	Đường kính cống khu công nghiệp/工業區涵洞直徑	Cao độ đỉnh hố ga/cao độ đáy cống/沙井頂部標高/下水道底部標高	Đường kính cống điểm đấu nối/連接點涵洞直徑	Cao độ đáy cống điểm đấu nối Bên B /B 側連接點涵底標高
-------------------------	---	--	--------------------------------------	--

Điểm Đông Nam 東南點	DN600	3.32/4.8 M	DN600	3.32/4.8 M
Trung Điểm Phía Đông 東中點	DN800	3.09/4.73M	DN800	2.92/4.73 M
Điểm Đông Bắc 東北點	DN600	3.38/4.68 M	DN600	2.88/4.68 M
Điểm Tây Bắc 西北點	DN800	3.11/4.73 M	DN800	3.11/4.73 M
Điểm Tây Nam 西南點	DN600	3.24/4.8 M	DN600	3.24/4.8 M

- c) Bên A chịu trách nhiệm thi công hệ thống thoát nước mưa dọc các tuyến đường trong Khu công nghiệp để thoát nước cho khu vực nhà máy của Bên B./ 甲方負責建設工業園區內道路沿線雨水排水系統，為乙方廠區排水。
- d) Bên B được cấp kỹ đấu nối tại vị trí có hố ga công cộng trong khu công nghiệp và không đấu nối trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa./ 乙方注册连接地点为工業園區公共沙井，不直接連接雨水排放系統。
- e) Bên B có trách nhiệm tách nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt, không xả, rò rỉ hoặc đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp./ 乙方負責工業廢水、生活廢水分離，不得排放或連接工業園區雨水排水系統。
4. Khu vực nhà xưởng của Bên B được đấu nối vào hệ thống xả nước thải của Khu công nghiệp / 乙方廠區連接工業區廢水排放系統：
- a) Số điểm kết nối: 01 điểm/ 連接點數：01 點
- b) Vị trí các điểm đấu nối: Theo Phụ lục 1 – Hồ sơ thỏa thuận đấu nối đính kèm, trang 11 bản vẽ đấu nối thoát nước thải / 連接點位置：根據附錄 1 - 所附連接協議檔案。廢水連接圖第 11 頁

Tên điểm kết nối/ 連接點名稱	Quy mô xả nước thải khu công nghiệp/ 工 業區污水排 放規模	Đường kính ống thoát nước khu công nghiệp /工業區污水 排放管直徑	Cao độ đỉnh hố ga/cao độ đáy ống/ 沙井頂部標高/ 下水道底部標 高	Đường kính ống điểm đấu nối/ 連接 點管洞直 徑	Cao độ đáy ống điểm đấu nối bên B / B 側連接 點管底標高
Điểm Đông Bắc 東北點	598.0 M3	DN300	3.71/4.63 M	DN200	2.73/4.63M

- c) Bên A có trách nhiệm xây dựng hệ thống xả nước thải dọc các tuyến đường trong Khu công nghiệp và thu gom nước thải về nhà máy xử lý nước thải tập trung trong Khu công nghiệp/ 甲方負責興建工業園區內道路沿線污水排放系統，將污水收集至工業園區污水集中處理廠。
- d) Trước khi đấu nối, Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A sơ đồ bố trí tổng thể, sơ đồ nguyên lý và các chi tiết liên quan của hệ thống tổng thể đấu nối nước thải vào Khu công nghiệp. Bên A sẽ cung cấp thiết kế đấu nối tương ứng theo thiết kế của Bên B. /在連接前，乙方應向甲方提供污水連接工業園區總系統的整體佈局圖、示意圖及相關細節。甲方應依乙方之設計，提供相應的接駁設計。
- e) Nước thải công nghiệp, sinh hoạt từ nhà máy của Bên B phải được thu gom về điểm tập trung (hồ thu gom trong khu đất). Bên B lắp đặt hệ thống bơm xả và chỉ được phép xả bơm xả đến điểm chờ trong hệ thống xả nước thải công cộng của Khu công nghiệp. / 乙方廠區的工業和生活廢水必須收集至一個集中點（地塊內的收集池）。乙方安裝排放幫浦系統，且僅允許將排放幫浦排放至園區公用廢水排放系統中的等待點。
- f) Bên B có trách nhiệm lắp đặt thiết bị đo quan trắc môi trường về chất lượng nước thải được cơ quan có liên quan của Việt Nam xác nhận. Bên B có trách nhiệm kiểm tra thiết bị đo quan trắc môi trường về chất lượng nước thải hàng năm (chu kỳ đầu tiên bắt đầu từ khi thiết bị được nghiệm thu và đưa vào sử dụng). Nếu kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu chất lượng thì Bên B phải thay thế trong thời gian 15 ngày. Nếu Bên B không thực hiện thay thế thiết bị quan trắc thì phải dừng việc xả thải vào hệ thống chung của Khu công nghiệp. Vị trí lắp đặt thiết bị đo quan trắc môi trường bên trong nhà máy của Bên B ở vị trí thuận tiện cho công việc bảo trì của Bên B và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. / 乙方負責安裝經越南相關機構認證的廢水水質環境監測設備。乙方負責每年對廢水水質環境監測設備進行檢查（第一個周期從設備驗收並投入使用时開始）。若檢驗結果不符合質量要求，乙方必須在 15 天內更換。如果乙方不更換監控設備，則必須停止向工業園區總系統排放廢物。乙方工廠內環境監測設備的安裝位置，應便於乙方和國家主管機構的維護工作。
- g) Để hỗ trợ cho việc kiểm soát nước thải từ khu vực nhà máy của Bên B vào Khu công nghiệp, Bên B sẽ bố trí hố ga ở vị trí thuận tiện cho Bên A thực hiện công tác bảo trì. / 為了協助乙方廠區到工業園區的廢水的監控，乙方應將涉井設置於考量方便雙方進行維護工作的位置。
- h) Bên A có quyền lấy mẫu nước thải thường xuyên từ bể thu gom nước thải của Bên B và/hoặc các điểm lấy mẫu bên ngoài địa điểm của Bên B để kiểm tra chéo. Nếu Bên B không đồng ý với kết quả kiểm tra do Bên A thực hiện, Bên B có quyền mời cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền/phòng thí nghiệm độc lập kiểm tra được cấp phép theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước (gọi tắt là "Nhà cung cấp bên thứ ba") tiến hành kiểm tra bổ sung. Nếu hai bên có nghi ngờ thì nên thương lượng dựa trên kết quả kiểm tra bổ sung của bên thứ ba khách quan. / 甲

方有权定期从乙方废水收集池和/或乙方所在地以外的采样点抽取废水样本进行交叉核对。如果乙方不同意甲方进行的检测结果,乙方有权邀请有管辖权的国家管理机构/国家管理机构许可的独立检测实验室(“第三方提供商”)进行。额外的测试。双方如有疑问,应根据客观第三方提供商的补充检验结果进行协商。

- i) Bên B có trách nhiệm đăng ký nhu cầu xử lý nước thải với Bên A ít nhất 15 ngày kể từ ngày ký Biên bản Thỏa thuận này và Bên A có trách nhiệm hợp tác cung cấp dịch vụ xử lý. Trong thời gian vận hành, nếu cần thiết phải tăng công suất phát thải, Bên B phải đăng ký mức tăng phát thải yêu cầu với Bên A trước ít nhất 6 tháng kể từ ngày tăng công suất. Bên A sẽ hợp tác với nhu cầu của Bên B. Bên A cam kết đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải (hệ thống cống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải) đủ đáp ứng nhu cầu công suất xử lý của Bên B và các khách thuê khác trước khi nhà máy của Bên B đi vào hoạt động. / 乙方负责在本协议签订之日起至少 15 天内向甲方登记废水处理需求,甲方负责配合提供处理服务。运营期间,如需增加排放能力,乙方必须自增加能力之日起至少提前 6 个月向甲方登记所需增加的排放量。甲方将配合乙方的需求,承诺在乙方工厂投入运营前投资建设足以满足乙方及其他租户处理能力需求的废水处理系统(污水收集系统和废水处理站)。
- j) Hệ thống nhà vệ sinh trong khu vực nhà xưởng bên B thuê đất phải có bể tự hoại để lọc chất thải trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải. / 乙方廠區內的廁所系統必須建有化粪池,用於過濾廢棄物後再排入廢水處理系統。

5. Hệ thống điện đấu nối khu nhà xưởng của Bên B và Khu công nghiệp / 乙方廠區與工業園區連接電氣系統:

- a) Số lượng điểm kết nối: 01 điểm/ 連接點數: 01 點
- b) Vị trí các điểm đấu nối: Để đảm bảo phù hợp các yêu cầu về quản lý đồng bộ vận hành dịch vụ trong Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội, Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển N&G yêu cầu Công ty TNHH Công nghệ MITAC (Việt Nam) di chuyển điểm đấu nối cấp điện về vị trí tại tuyến cáp ngầm 35KV đã được Chủ đầu tư N&G Corp đầu tư xây dựng trên trục đường D5 trong phạm vi từ mốc M1 đến mốc M3 trong hồ sơ bản vẽ bàn giao mặt bằng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển N&G đã cung cấp / 連接點的位置: 確保符合南河內輔助工業園服務同步管理和運營的要求 N&G 投資開發股份有限公司要求 MITAC Technology (Vietnam) Company Limited 將供電連接點移至 N&G 開發投資股份有限公司提供的現場交接圖紙文件中由 N&G Corp 業主投資建設的 D5 路軸線範圍內地標 M1 至地標 M3 的 35KV 地下電纜線路位置。
- Cấp điện áp: 35KV/ 電壓等級: 35KV
 - Công suất: 12000KVA+12000KVA/ 容量: 12000KVA+12000KVA
- c) Bên B sẽ ký hợp đồng điện trực tiếp với Bên A hoặc các công ty được Bên A chỉ định đáp ứng đầy đủ các quy định của cơ quan Nhà nước được phép cung cấp điện tại Khu Công Nghiệp để đăng ký công suất điện / 乙方將直接與甲方或甲方指

定的完全符合国家有权在工业园区提供电力的机构规定的公司签订电力合同，登记电力容量。

6. Kết nối viễn thông và kết nối Internet giữa khu vực nhà máy của Bên B và Khu công nghiệp / 乙方廠區與工業園區電信和互聯網連接：

- a) Số điểm kết nối: 03 điểm/ 連接點數：03 點
- b) Vị trí các điểm đầu nối: Theo Phụ lục 1 - Hồ sơ xin thỏa thuận đầu nối, trang 8 mặt bằng đầu nối hệ thống thông tin liên lạc / 根據通訊系統連接器的附錄 1-連接協定申請書第 8 頁。
 - Đường kính ống PC DN80*4 chiếc / PC 管直徑 DN80*4 根。
- c) Bên B ký hợp đồng trực tiếp với nhà cung cấp dịch vụ viễn thông / 乙方直接與電信供應商簽訂合同。

7. Cổng vào khu nhà xưởng của Bên B được nối với cổng vào Khu công nghiệp của khu đất. / 乙方廠區入口大門連接工業園區：

- a) Số lượng điểm kết nối: 04 điểm/ 連接點數：04 點
- b) Vị trí điểm đầu nối: Theo Phụ lục 1 – Hồ sơ xin thỏa thuận đầu nối, trang 3~4 mặt b ảnh định vị, vị trí cổng / 參考附件 1-連結協議申請書第 3~4 頁位置圖、公共場所
- c) Bên B có quyền kết nối cổng nhà máy của Bên B với hệ thống đường Khu công nghiệp của Bên A / 乙方有權將乙方廠區大門連接至甲方之工業園區道路系統。
- d) Để tránh làm hư hỏng cơ sở hạ tầng của Khu công nghiệp, công việc đào đất phải được thực hiện khi có sự đồng ý của hai bên. / 為避免破壞工業園區的基礎設施，開挖工作須經雙方同意後方可實施。
- e) Nếu vị trí cổng nhà xưởng của Bên B do Bên B thiết kế ảnh hưởng đến hạ tầng đã được xây dựng và lắp đặt sẵn của Bên A như cột điện thoại, đèn đường, hòng cứu hỏa, hồ ga, đường ngang thì Bên B tự chịu trách nhiệm thanh toán chi phí sửa chữa và hoàn trả lại mặt bằng hạ tầng như ban đầu được nghiệm thu bởi Bên A. Bên B cần lập phương án di dời, khắc phục trước khi thi công để tránh ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Khu công nghiệp. / 如乙方设计的乙方厂门位置影响甲方已建成并安装的电话杆、路灯、消防栓、沙井、人行横道等基础设施，则乙方自行负责支付修正费用；按甲方原接受的基础设施进行返还。乙方需在施工前制定搬迁恢复方案，以免影响工业园的正常运营。

8. Quy định về kết nối giữa khu nhà xưởng của Bên B và hệ thống công cộng của Khu công nghiệp / 乙方廠區與工業園區公共系統連接：

- a) Bên B có thể đề xuất và thông qua phương án thiết kế đấu nối vào hệ thống công cộng của Khu công nghiệp nếu được Bên A phê duyệt trước khi thực hiện. / 乙方可提出并批准工业园区公共系统的连接设计方案，并在实施前经甲方批准。
- b) Trước khi Bên B chuẩn bị hồ sơ đề xuất thiết kế – biện pháp thi công kết nối hạ tầng, Bên B phải gửi thông báo chính thức cho Bên A về yêu cầu đấu nối hệ thống công cộng. / 乙方準備设计方案文件-基礎設施連接施工措施前，應向甲方發出公共系統連接需求的正式通知。
 - Sau khi nhận được thông báo chính thức và đầy đủ hồ sơ đề xuất đấu nối từ Bên B, Bên A có trách nhiệm trả lời sớm nhất, cụ thể như sau: / 甲方收到乙方正式通知并完成对接方案文件后，负责尽快回复，具体如下。
 - Nếu đạt yêu cầu thì Bên A phê duyệt/ 若符合，甲方應予以批准。
 - Nếu chưa đạt, Bên A sẽ hướng dẫn Bên B hoàn thiện / 若不符合，甲方將指導乙方完成。
- c) Sau khi hai bên thống nhất được phương án và công nghệ đấu nối, Bên B phải thông báo cho Bên A lịch trình chi tiết trước khi bắt đầu công việc để phối hợp, giám sát quá trình đấu nối theo đúng kế hoạch mà hai bên đã thống nhất. / 雙方就連接方案 and 技術達成協議後，乙方必須在開始動工前將詳細時間表告知甲方，以便按照雙方同意的方案，協調和監控連接過程。

9. Điều khoản chung / 般條款

Bên A thống nhất nguyên tắc về Thỏa thuận đấu nối trên đây với Bên B. Nếu các điểm đấu nối trong Hồ sơ xin thỏa thuận đấu nối đính kèm Biên bản Thỏa Thuận này đúng với các điểm đấu nối trong Hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công của Bên B được cơ quan quản lý phê duyệt thì Bên B sẽ thực hiện theo Biên bản Thỏa thuận này được phê duyệt bởi Bên A. Trường hợp, các điểm đấu nối theo Biên bản Thỏa thuận này không đúng với Hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công của Bên B đã được cơ quan quản lý nhà nước phê duyệt thì Bên B có trách nhiệm điều chỉnh và đấu nối lại các điểm đấu nối theo hướng dẫn và phê duyệt của Bên A. / 甲方与乙方就上述连接协议約定达成一致，如果本协议所附连接协议申请档案中的连接点与技术设计图纸档案中的联系点相同，且乙方的施工中请经国家管理机构批准，乙方得执行经批准的本协议。如果本协议中的连接点与原始文件不一致，乙方的施工技术设计已经国家管理机构批准，乙方负责根据甲方的指示和批准对连接点进行调整和重新连接。

10. Giải thích, luật điều chỉnh và thẩm quyền của hợp đồng / 合約的解釋、準據法與管轄

Các bên cam kết tuân thủ các điều khoản và điều kiện đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Các vấn đề không được quy định trong Biên bản ghi nhớ này sẽ được điều chỉnh theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh từ

hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng chung giữa hai bên dựa trên nguyên tắc hợp tác và tôn trọng lợi ích của nhau. Nếu tranh chấp không thể giải quyết thông qua thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VAIC) theo quy tắc trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài là Hà Nội. Ngôn ngữ trọng tài là tiếng Việt. Luật áp dụng để giải quyết tranh chấp là pháp luật Việt Nam. / 雙方承諾遵守本協議中商定的條款和條件。本協議未規定的任何事項均適用越南現行法律。因本協議而發生或與之有關之任何糾紛，雙方應本着合作及尊重彼此利益的原則，共同協商解決。如未能協商解決，該糾紛案將在越南國際仲裁中心(VAIC)依該中心仲裁規則解決。仲裁地點在河內。仲裁語言為越文與中文。糾紛案解決適用法律為越南法律。

11. Bảo Mật / 保密

Trừ khi việc tiết lộ được yêu cầu theo lệnh của cơ quan tư pháp hoặc cơ quan chính phủ khác, không bên nào được sử dụng, phổ biến hoặc tiết lộ nội dung của Biên bản Thỏa thuận này cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia.除依司法或其他政府機關命令要求揭露者，就本協議內容，未經他方書面同意，任一方不得將其作任何使用、散播或公開。

12. Ngôn ngữ, số bản và ngày có hiệu lực / 語言、份數與生效日

Biên bản Thỏa thuận này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Trung và tiếng Việt. Bản tiếng Trung và bản tiếng Việt đều có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ hai bản. Biên bản Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký / 本協議以中文和越南文制作成四（四）份。中文版和越南文版同等有效。每一方保留两份。本協議自簽署之日起生效。



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Lân



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHEN, CHANHON

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2025



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 291 /GPXD

I. Cấp cho: Công ty TNHH công nghệ Mitac (Việt Nam); Mã số doanh nghiệp: 0110588761

Địa chỉ: Một phần lô đất CN02, khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội - giai đoạn 1, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

II. Được phép xây dựng các công trình thuộc Dự án máy tính Mitac (Việt Nam) - giai đoạn 1.

1. Theo thiết kế: Bản vẽ thiết kế thi công.

2. Do Văn phòng Tư vấn và chuyển giao công nghệ Xây dựng lập, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003543 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/11/2022. Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Ông Nguyễn Trung Kiên, chứng chỉ hành nghề kiến trúc số BXD-00093915 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 26/6/2020; Ông Lê Hoàng Tâm, chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình số BXD-00010686 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 03/4/2023; Ông Nguyễn Quốc Toàn, chứng chỉ hành nghề thiết kế điện công trình xây dựng số BXD-00018606 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 08/7/2022; Ông Lê Văn Tú Anh, chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp - thoát nước công trình số BXD-00025883 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 08/5/2023.

3. Đơn vị thẩm tra thiết kế: Viện chuyên ngành địa kỹ thuật - Viện Khoa học công nghệ xây dựng, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00070420 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 13/8/2024. Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Bà Đỗ Như Đức, chứng chỉ hành nghề kiến trúc số HAD-04 do Sở Xây dựng Hải Dương cấp ngày 24/6/2022; Ông Bùi Đăng Lương, chứng chỉ hành nghề thiết kế kết cấu công trình số BXD-00010669 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 21/10/2020; Ông Nguyễn Huy Hà, chứng chỉ hành nghề thiết kế cơ - điện công trình xây dựng số BXD-00010653 do Cục quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28/10/2022; Ông Lê Quang Huy, chứng chỉ hành nghề thiết kế cấp - thoát nước công trình số BXD-00009115 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 30/11/2022.

4. Loại cấp công trình: Công trình công nghiệp nhẹ, cấp I.



5. Gồm các nội dung sau:

- Vị trí xây dựng lô đất: Một phần lô đất CN02, khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội - giai đoạn 1, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

- Mật độ xây dựng: 18,52%, Hệ số sử dụng đất: 0,92 lần;

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng định vị công trình giai đoạn 1 ký hiệu TT-03, được Chủ đầu tư xác nhận và phù hợp với hồ sơ thiết kế cơ sở được thẩm định tại văn bản số 05/HĐXD-QLTK ngày 07/01/2025 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng.

- Khoảng lùi: Theo mặt bằng định vị công trình giai đoạn 1 ký hiệu TT-03, được Chủ đầu tư xác nhận và phù hợp với hồ sơ thiết kế cơ sở được thẩm định tại văn bản số 05/HĐXD-QLTK ngày 07/01/2025 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng.

- Màu sắc công trình: Phải hài hòa và phù hợp với cảnh quan kiến trúc chung của khu công nghiệp.

5.1. Hạng mục Nhà xưởng-01 (F1) (Ký hiệu số 01):

- Diện tích xây dựng tầng 1 là: 8.063,0m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng là: 42.183,59m².

- Chiều cao công trình là 43,10m. - Quy mô: 05 tầng.

- Cốt nền cao từ 0,8 đến 1,40m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.2. Hạng mục Nhà Văn phòng-01 và Hành lang cầu (OF1+BR1) (Ký hiệu 05+18):

- Diện tích xây dựng tầng 1 là: 2.003,50m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng là: 10.171,15m² (bao gồm cả hành lang cầu)

- Chiều cao công trình là 36,65m. - Quy mô: 05 tầng.

- Cốt nền cao từ 0,7 đến 1,0m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.3. Hạng mục Nhà ăn và Nhà để xe 01 (KD1+GR1), phòng bơm và bể nước sinh hoạt SH+PCCC ngầm (Ký hiệu 8+9):

- Diện tích xây dựng tầng 1 là: 3.400,77m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng là: 19.092,53m² (Bao gồm 3.386m² bể nước ngầm sâu -3,7m);

- Chiều cao công trình là 21,30m. - Quy mô: 05 tầng.

- Cốt nền cao từ 0,5 đến 0,8m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.4. Hạng mục Nhà bảo vệ 01, 02 và 03 (S1+S2+S3) (Ký hiệu 14, 15 và 16):

- Diện tích xây dựng Nhà bảo vệ 01, 02 và 03 lần lượt là: 73,91m²; 152,76m² và 42,56m². Chiều cao công trình là 3,95m.

- Quy mô: 01 tầng. - Cốt nền cao +0.3m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.5. Hạng mục Nhà xử lý rác (U1) (Ký hiệu 11):

- Diện tích xây dựng tầng 1 là: 421,89m².
- Diện tích sàn xây dựng là: 421,89m²;
- Chiều cao công trình là 6,75m. - Quy mô: 01 tầng.
- Cốt nền cao 0,15m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.6. Hạng mục Kho hóa chất (U2) (Ký hiệu 12):

- Diện tích xây dựng tầng 1 là: 155,54m².
- Diện tích sàn xây dựng là: 155,54m²;
- Chiều cao công trình là 8,95m. - Quy mô: 01 tầng.
- Cốt nền cao 0,15m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.7. Hạng mục Trạm xử lý nước thải (SPT) (Ký hiệu 13):

- Diện tích xây dựng tầng 1 là: 365,50m².
- Diện tích sàn xây dựng là: 424,00m² (Bao gồm 365,50m² diện tích bể nước ngầm sâu -4,0m);
- Chiều cao công trình là 6,30m. - Quy mô: 01 tầng.
- Cốt nền cao 1,60m so với cốt sân đường hoàn thiện.

5.8. Các hạng mục khác như sân, đường, công, tường rào và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác của lô đất tại giai đoạn này.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DO 837306 ngày 20/8/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội;

IV. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phú Xuyên;
- Công ty TNHH công nghệ Mitac (Việt Nam);
- Công ty CP đầu tư phát triển N&G;
- Đ/c Trưởng Ban; (để báo cáo)
- Lưu: VT, QLQH XD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoài Nam

376/
3 TY
TH
NGH
'AC
NAM
TP.V

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.
6. Trong quá trình thi công xây dựng và trước khi đưa công trình vào sử dụng phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định hiện hành về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**





HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Số: 250910009/ EVN HANOI /HĐMBĐNMĐSH

Giữa

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVN HANOI)

ỦY QUYỀN THỰC HIỆN: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Và

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)



MÃ KHÁCH HÀNG: HN11000000564

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2025

HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN NGOÀI MỤC ĐÍCH SINH HOẠT

Mã tỉnh(TP) **01** Mã xã(phường) **10342** Mã loại HĐ **2** Số hợp đồng **25/0910009**

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 18/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực liên quan đến hoạt động mua bán điện và tình huống đảm bảo cung cấp điện.

Căn cứ nhu cầu mua điện của Bên mua điện,

Chúng tôi gồm có:

A. BÊN BÁN ĐIỆN: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI (EVNHANOI)

Mã số thuế: 0100101114

Địa chỉ trụ sở chính: số 69, phố Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Ủy quyền thực hiện: CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN

Tài khoản ngân hàng số: 0491000346008 tại ngân hàng NHTMCP An Bình CN Hà Nội

Email: tiepkhachhangc20@gmail.com

Website: <https://evnhanoi.vn>

Điện thoại CSKH: 19001288

Đại diện là ông (bà): Nguyễn Vĩnh Nhã

- Chức vụ: Phó Giám Đốc

- Theo văn bản ủy quyền số: 193/GUQ-PCTHUONGTIN của Ông/Bà Nguyễn Minh Tuấn - Giám Đốc vào ngày 08/07/2025

Dưới đây gọi tắt là "Bên A"

Và

B. BÊN MUA ĐIỆN: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

Mã số thuế: 0110588761

Đăng ký kinh doanh/ doanh nghiệp: Số 0110588761 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày ngày đăng ký lần đầu ngày 03/01/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20/09/2024

Địa chỉ trụ sở chính/ thường trú: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng số:

Email: max.ruan@mic.com.tw Số điện thoại: 0922588881

Đại diện là ông (bà): CHEN, CHANHON

hệ số công suất, bao gồm các loại công tơ, các loại đồng hồ đo điện và các thiết bị, phụ kiện kèm theo;

1.13 Thời Hạn là thời hạn của Hợp Đồng được xác định theo Điều 19.2;

1.14 Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán là hành vi của Bên B không thực hiện đầy đủ và/ hoặc không thực hiện đúng Nghĩa Vụ Thanh Toán theo quy định tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 2: MUA BÁN ĐIỆN NĂNG

2.1 Địa điểm sử dụng điện: CN-02D, xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội

2.2 Mục đích sử dụng điện:

2.3 Cấp điện áp: 0.4kV

2.4 Công suất, điện năng sử dụng:

a. Công suất:

Cực đại Pmax: 2000 kW Trung bình PTB: 1458 kW Nhỏ nhất Pmin: 1045 kW

Biểu đồ phụ tải, đặc tính kỹ thuật công nghệ của thiết bị sử dụng điện Bên B đăng ký (nếu có) là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng

b. Điện năng sử dụng trung bình Ath: 91000 kWh/tháng.

c. Mua công suất phản kháng: Có

2.5 Điểm đấu nối cấp điện: Điểm đầu: Tuyến xuất phát từ cột số 21 đường trục lộ 472 E1.58. Điểm cuối: Tủ RMU cấp cho máy M4:3000kVA - 22/0,4kV – TBA T2 Công ty TNHH Công nghệ MiTAC (Việt Nam)

2.6 Đo đếm điện năng:

a. Số điểm đo: 1

Điểm đo	Vị trí điểm đo	Thiết bị đo đếm	Loại/ Tỷ số	Cấp CX	Số hữu	Trách nhiệm quản lý
1	CN-02D, xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội	Công tơ	3 pha	1	Bên A	Các Bên có trách nhiệm bảo vệ và quản lý các thiết bị của hệ thống đo đếm, một trong hai Bên phát hiện các thiết bị của hệ thống đo đếm mất hoặc bị hỏng thì thông báo kịp thời cho Bên kia biết để cùng giải quyết
		TI/CT	4500/5	0.5	Bên A	Các Bên có trách nhiệm bảo vệ và quản lý các thiết bị của hệ thống đo đếm, một trong hai Bên phát hiện các thiết bị của hệ thống đo đếm mất hoặc bị hỏng thì thông báo kịp thời cho Bên kia biết để cùng giải quyết
		TU/VT	/	/	/	/

Biên Bản Treo, Tháo, kiểm định Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Phụ lục kèm theo Hợp Đồng.

theo hình thức được quy định tại Điều 3.3.

c. Phương thức thanh toán: Ủy nhiệm chi; Chuyển khoản; Thanh toán điện tử (ATM, thẻ, mobile, ví điện tử ...); Thanh toán trích nợ tự động;

3.3. Thi hành và hình thức thông báo:

a. Các Bên thống nhất tại Hợp Đồng này rằng, CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN là đơn vị trực thuộc Bên A, được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của Pháp Luật, với các thông tin cụ thể nêu tại Điều 3.3.b sẽ đại diện cho Bên A chịu trách nhiệm triển khai, quản lý và thực hiện Hợp Đồng.

b. Địa chỉ nhận thông báo:

(i) Bên A: Gửi cho Chủ thể đại diện cho Bên A quản lý, thực hiện Hợp Đồng với các thông tin dưới đây:

CÔNG TY ĐIỆN LỰC THƯỜNG TÍN;

Địa chỉ: Đường Nguyễn Vĩnh Tích, Xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

MST: 0100101114-033;

Tài khoản ngân hàng số: 0491000346008 tại ngân hàng: NHTMCP An Bình CN Hà Nội;

Email: tiepkhachhangc20@gmail.com; Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại: 19001288

Website: <https://evnhanoi.vn>

(ii) Bên B: Địa chỉ: Một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Thông báo về thanh toán:

Email: max.ruan@mic.com.tw Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại/SMS: 0922588881

- Thông báo về ngừng, giảm cung cấp điện:

Email: max.ruan@mic.com.tw Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại/SMS: 0922588881

- Thông báo, trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện Hợp Đồng:

Email: max.ruan@mic.com.tw Ứng dụng: APP EVNHANOI; Điện thoại/SMS: 0922588881

c. Hình thức thông báo: các thông báo sẽ được gửi bằng một trong các hình thức: thư điện tử (email), ứng dụng APP EVNHANOI, điện thoại/SMS, thông qua website theo các địa chỉ nhận thông báo tại Điều 3.3.b và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

3.4. Các thỏa thuận cụ thể khác:

Bằng việc đồng ý giao kết Hợp Đồng này với Bên A, Bên B hiểu, đồng ý và cam kết với các nội dung sau:

a. Chính sách bảo mật thông tin

- Chính sách bảo mật dữ liệu cá nhân và các điều khoản liên quan đến việc thu thập, xử lý, bảo vệ dữ liệu cá nhân của Bên B là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Chính sách bảo mật này có hiệu lực kể từ thời điểm Bên B ký kết Hợp Đồng và được công

suất sử dụng điện hoặc chuyển điểm đầu sang phía hạ áp của các MBA công cộng nếu phù hợp hoặc bồi thường phần điện năng tổn hao do MBA vận hành non tải

i. Trường hợp có thay đổi lịch ghi chỉ số, Bên A có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B về ngày thực hiện việc thay đổi ngày ghi chỉ số công tơ. Việc thông báo được thực hiện theo quy định.

k. Bên A được quyền ngừng cấp điện theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Thủ đô hiệu lực từ ngày 01/01/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành để đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố

l. Bên B thống nhất dịch chuyển nhu cầu phụ tải sử dụng điện trong các khung giờ từ 12h-15h và từ 22h-24h hàng ngày theo “Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm” (được đính kèm và coi là Phụ lục của Hợp Đồng) sang các khung giờ khác trong ngày vào các tháng 4 (tứ), 5 (Năm), 6 (Sáu) và 7 (Bảy) của năm khi có thông báo của Bên A. Bên B có trách nhiệm đăng ký lại “Biểu đồ phụ tải điển hình một ngày đêm các tháng dịch chuyển” của năm làm căn cứ thực hiện

ĐIỀU 4: TIÊU CHUẨN VÀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Các Bên thống nhất rằng hoạt động mua bán điện năng theo Hợp Đồng này phải bảo đảm tuân thủ các yêu cầu về chất lượng điện năng, chất lượng dịch vụ khách hàng theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 5: MUA CÔNG SUẤT PHẢN KHÁNG

5.1 Các Bên thống nhất áp dụng quy định của Pháp Luật để xác định lựa chọn việc mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c của Hợp Đồng.

5.2 Trong trường hợp Các Bên lựa chọn có mua công suất phản kháng tại Điều 2.4.c, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền mua công suất phản kháng và việc thực hiện hoạt động mua công suất phản kháng được áp dụng theo quy định của Pháp Luật. Bên B thanh toán tiền mua công suất phản kháng cùng kỳ thanh toán tiền điện theo quy định tại Điều 3.2 của Hợp Đồng. Thông báo của Bên A về giá trị khoản tiền mua công suất phản kháng cho Bên B sẽ được gửi cùng với thông báo tiền điện theo quy định tại Điều 3.3 của Hợp Đồng.

5.3 Căn cứ quy định của Pháp Luật và Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận về việc (i) dừng mua công suất phản kháng và/hoặc (ii) điều chỉnh việc mua công suất phản kháng khi có thay đổi.

ĐIỀU 6: ĐO ĐẾM ĐIỆN NĂNG

6.1 Hoạt động đo đếm điện năng được Các Bên thống nhất thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Điện năng sử dụng được xác định thông qua chỉ số đo đếm điện năng và hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện. Hệ số nhân của Thiết Bị Đo Đếm Điện được thống nhất và ghi nhận tại Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện.

6.2 Khi treo, tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện, Các Bên có trách nhiệm ghi nhận đầy đủ kết quả và các thông tin cần thiết vào Biên Bản Treo, Tháo Thiết Bị Đo Đếm Điện. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện phải có chữ ký của đại diện Các Bên khi hoàn thành công tác treo tháo. Biên Bản Treo, Tháo Các Thiết Bị Đo Đếm Điện là Phụ lục kèm theo Hợp

(i) Trường hợp Thời Hạn dưới 01 (một) tháng: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng sản lượng điện tương ứng theo số ngày Bên B đăng ký sử dụng nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8;

(ii) Trường hợp Thời Hạn từ 01 (một) tháng trở lên: Giá trị Tài Sản Bảo Đảm được tính bằng sản lượng điện Bên B đăng ký sử dụng trong 45 (bốn mươi lăm) ngày nhân với giá bán điện giờ bình thường tại Điều 2.8.

8.4 Trong trường hợp Bên B phải thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng mà không cung cấp các tài liệu theo Điều 3.1.c, Hợp Đồng sẽ ngay lập tức bị chấm dứt hiệu lực và Bên A không phải chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại nào của Bên B phát sinh từ việc đơn phương chấm dứt đó.

8.5 Thời hạn bảo đảm:

Biện Pháp Bảo Đảm được Các Bên lựa chọn tại Điều 3.1 sẽ không hủy ngang và Bên B phải duy trì biện pháp bảo đảm liên tục trong suốt Thời Hạn cộng thêm 15 (mười lăm) ngày làm việc.

8.6 Xử lý tài sản bảo đảm:

a. Ngay sau khi kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b mà Bên B Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn bảo đảm theo Điều 8.5, Bên A lập tức gửi thông báo thanh toán lần hai cho Bên B và được quyền:

(i) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là bảo lãnh ngân hàng: ngay lập tức yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng cho Bên B thanh toán vô điều kiện cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cộng với tiền lãi chậm trả đối với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm (nếu có).

Khoản tiền lãi chậm trả được tính bằng giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày ngân hàng phát hành bảo lãnh chính thức thanh toán khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm cho Bên A;

(ii) Đối với Biện Pháp Bảo Đảm là đặt cọc bằng tiền: ngay lập tức khấu trừ trực tiếp vào khoản tiền đặt cọc của Bên B cho Bên A khoản tiền tương ứng với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm.

b. Khoản tiền tương ứng với giá trị của Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm mà theo Điều 8.6 này được thanh toán cho Bên A thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm trong Hợp Đồng được gọi là Khoản Khấu Trừ.

c. Quyền, nghĩa vụ của Các Bên sau khi xử lý tài sản bảo đảm theo Điều này sẽ được thực hiện theo Điều 10 của Hợp Đồng. Các Bên đồng ý rằng việc khấu trừ Khoản Khấu Trừ theo Điều này không đồng nghĩa với việc Bên B không bị coi là Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán và vẫn phải chịu trách nhiệm với khoản phạt vi phạm theo Điều 10.

8.7 Hằng năm, Bên A và Bên B thỏa thuận giá trị thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng phù hợp với sản lượng điện bình quân sử dụng thực tế trong 12 tháng trước liền kề. Trường hợp có thay đổi, Bên A và Bên B thực hiện thỏa thuận bảo đảm thực hiện Hợp Đồng là Phụ

Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c và 11.1.a.

(iv) Không vượt quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này, Bên A sẽ gửi thông báo ngừng cấp điện cho Bên B.

(v) Nội dung thông báo ngừng cấp điện phải ghi nhận rõ:

- Kết thúc thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) mà Bên B không hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A sẽ ngừng ngay việc cấp điện theo Hợp Đồng;
- Thời điểm ngừng cấp điện là thời điểm đáp ứng các điều kiện sau đây: (i) thời hạn tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) đã kết thúc và (ii) sau 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm có thông báo ngừng cấp điện.

b. Trường hợp không thực hiện việc bảo đảm thực hiện Hợp Đồng:

(i) Bên A thông báo thanh toán lần hai cách lần thông báo đầu tiên không dưới 03 (ba) ngày cho Bên B theo hình thức quy định tại Hợp Đồng về việc Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán ngay khi phát sinh Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán. Bên B thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B, bao gồm:

Khoản tiền lãi chậm trả đối với giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm. Khoản tiền lãi chậm trả theo Điều này được tính bằng giá trị Nghĩa Vụ Thanh Toán bị vi phạm nhân với Lãi Suất Chậm Trả và nhân với số ngày chậm trả. Số ngày chậm trả được tính từ ngày đầu tiên kết thúc thời hạn thanh toán tại Điều 3.2.b đến ngày Bên B thanh toán đủ hoặc ngày Bên A ngừng cấp điện cho Bên B theo quy định tại Điều 10.4.c. và Điều 11.1.a.

(ii) Không vượt quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu cho Bên B nếu Bên B vẫn chưa hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán, Bên A thông báo về việc ngừng cấp điện cho Bên B. Nội dung thông báo ngừng cấp điện thực hiện tương tự theo quy định tại Điều 10.4.a.(v).

c. Bên A có quyền ngừng ngay việc cấp điện theo nội dung thông báo ngừng cấp điện gửi cho Bên B. Bên A không chịu trách nhiệm về bất cứ thiệt hại nào của Bên B và Các Bên liên quan do việc ngừng cấp điện gây ra.

Việc cấp điện trở lại chỉ được tiến hành sau khi Bên B đã hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán theo Điều này cộng thêm khoản tiền phạt vi phạm theo Điều 16.

10.5 Bên A thu thừa tiền điện do lỗi của Bên A phải hoàn trả cho bên B, kể cả tiền lãi của khoản tiền thu thừa hoặc bù trừ tiền điện thu thừa vào các lần thanh toán tiền điện sau của bên B. Lãi suất khoản tiền thu thừa bằng Lãi Suất Chậm Trả của Bên B.

10.6 Bên B thanh toán tiền điện thừa cho Bên A, Bên B có thể yêu cầu Bên A hoàn trả hoặc chuyển tiền điện thừa cho các kỳ thanh toán kế tiếp.

ĐIỀU 11: NGỪNG, GIẢM MỨC CUNG CẤP ĐIỆN

13.2 Nghĩa vụ của Bên A:

- a. Cung cấp điện cho Bên B đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ, an toàn theo Hợp Đồng và Pháp Luật, trừ trường hợp hệ thống điện bị quá tải theo xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp theo quy định của Pháp Luật;
- b. Bán điện cho Bên B theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- c. Khôi phục kịp thời việc cấp điện cho Bên B theo quy định của Pháp Luật;
- d. Bồi thường khi gây thiệt hại cho Bên B theo quy định của Pháp Luật;
- e. Kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán theo yêu cầu của Bên B;
- f. Cung cấp cho Bên B các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện;
- g. Hướng dẫn cho Bên B về việc lắp đặt, sử dụng hệ thống, thiết bị điện để bảo đảm an toàn; cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn trong sử dụng điện và biện pháp bảo đảm an toàn điện;
- h. Đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện từ lưới điện của Bên A đến công tơ cho Bên B, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với Bên B;
- i. Bảo vệ thông tin của Bên B, không được phép thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của Bên B cho Bên thứ ba khác khi chưa được sự đồng ý của Bên B;
- j. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của Pháp Luật có liên quan.

ĐIỀU 14: QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

14.1 Quyền của Bên B:

- a. Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thỏa thuận trong Hợp Đồng;
- b. Yêu cầu Bên A kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;
- c. Được bồi thường thiệt hại do Bên A gây ra theo quy định của Pháp Luật;
- d. Yêu cầu Bên A kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;
- e. Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ bán lẻ điện và hướng dẫn về an toàn điện;
- f. Được lựa chọn bên bán điện trong thị trường bán lẻ điện cạnh tranh;
- g. Quyền khác theo quy định của Luật Điện lực và quy định khác của Pháp Luật có liên quan

14.2 Nghĩa vụ của Bên B

Trong phạm vi Hợp Đồng này, Bên B không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện theo quy định tại Điều 9 Luật Điện lực và các quy định Pháp Luật liên quan, đồng thời có các nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện đầy đủ Nghĩa Vụ Thanh Toán và các thỏa thuận khác theo quy định của Hợp Đồng;
- b. Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định, chương trình về

c. Các hành vi khác vi phạm các quy định của Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.2 Các hành vi vi phạm của Bên B bao gồm:

- a. Trì hoãn việc thực hiện Hợp Đồng đã ký;
- b. Sử dụng điện sai mục đích ghi tại Điều 2.2 Hợp Đồng;
- c. Sử dụng quá công suất đã đăng ký vào giờ cao điểm;
- d. Không thanh lý Hợp Đồng khi không sử dụng điện năng;
- e. Vi Phạm Nghĩa Vụ Thanh Toán;
- f. Trì hoãn hoặc không bồi thường thiệt hại cho Bên A theo Điều 16;
- g. Tự ý cung cấp điện cho cá nhân hoặc tổ chức khác sử dụng điện;
- h. Không còn quyền sở hữu và/hoặc sử dụng hợp pháp đối với Địa Điểm Sử Dụng Điện;
- i. Không sử dụng điện 06 (sáu) tháng liên tục mà không thông báo trước cho Bên A;
- j. Các hành vi khác vi phạm các quy định tại Hợp Đồng và Pháp Luật ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp Đồng.

15.3 Nếu một Bên vi phạm các nghĩa vụ, các cam kết, bảo đảm của mình tại Hợp Đồng này thì phải chấm dứt mọi hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn hợp lý theo thông báo của Bên bị vi phạm.

ĐIỀU 16: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

16.1 Các Bên chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp Đồng khi có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại. Việc xử lý trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm được áp dụng theo Điều này, Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật.

16.2 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, nếu có bất cứ hành vi vi phạm Hợp Đồng của một Bên gây thiệt hại cho Bên còn lại, thì Bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên bị vi phạm. Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định theo quy định của Pháp Luật.

Ngoài việc bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 16.2, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên còn lại, Bên vi phạm sẽ phải chịu phạt vi phạm Hợp Đồng đối với hành vi vi phạm đó. Mức phạt vi phạm được tính bằng 08 (tám) % giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm. Giá trị phần nghĩa vụ của Hợp Đồng bị vi phạm được xác định theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Bên B đã thanh toán cho Bên A trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ thời điểm Bên A gửi thông báo thanh toán lần đầu.

16.3 Chậm thực hiện nghĩa vụ phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

- a. Đối với khoản tiền phạt vi phạm do Bên B vi phạm Hợp Đồng:
 - (i) Đối với khoản tiền phạt vi phạm phát sinh theo Điều 10.4: Nếu Bên B không hoàn tất việc thanh toán toàn bộ khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn được nêu tại Điều 10.4.a.(ii), Điều 10.4.a.(iii) hoặc thời hạn nêu tại Điều 10.4.b.(i), Bên B sẽ phải chịu Lãi Suất Chậm Trả đối với khoản tiền phạt vi phạm này cho tới khi hoàn tất Nghĩa Vụ Thanh Toán.
 - (ii) Đối với các khoản tiền phạt vi phạm khác phát sinh từ việc Bên B vi phạm Hợp Đồng: Bên B phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm trong thời hạn 10 (mười) ngày

17.2 Quy trình chấm dứt Hợp Đồng:

a. Ngay sau khi phát sinh các trường hợp hoặc kết thúc thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày có thông báo về việc đề nghị chấm dứt Hợp Đồng của một Bên theo quy định tại Điều 17.1, Các Bên tiến hành:

(i) Bên A gửi thông báo ngay cho Bên B về thời điểm ngừng cấp điện, phục vụ việc chấm dứt Hợp Đồng.

(ii) Bên A ngừng cấp điện tại thời điểm đã thông báo trước đó.

(iii) Bên A xác định chỉ số đo điện năng, sản lượng điện đã giao nhận, lập và phát hành hoá đơn. Việc xác định được thực hiện tại Địa Điểm Sử Dụng Điện tính đến thời điểm ngừng cấp điện theo thông báo, không phụ thuộc vào việc điện năng được Bên B hay bất kỳ một bên nào khác sử dụng. Số tiền điện phải thanh toán được xác định theo Điều này do Bên B gánh chịu.

(iv) Bên B thực hiện thanh toán toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng tính đến thời điểm ngừng cấp điện.

(v) Xử lý tài sản bảo đảm (nếu có): Bên A xác định về Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng và xác định ngày giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền cho Bên B. Bên A chỉ giải toả bảo lãnh, hoàn trả tiền sau khi Bên B đã thực hiện xong việc thanh toán toàn bộ Nghĩa Vụ Thanh Toán phát sinh theo Hợp Đồng (nếu có).

Trường hợp Hợp Đồng chấm dứt do hành vi vi phạm của Bên B hoặc theo thỏa thuận của Các Bên trong các trường hợp khác, Bên A có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thực hiện Nghĩa Vụ Thanh Toán của Bên B. Bên B tiếp tục thanh toán Nghĩa Vụ Thanh Toán còn thiếu hoặc được hoàn trả Giá trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại (nếu có).

b. Sau khi Các Bên hoàn tất các nghĩa vụ theo Hợp Đồng:

(i) Trường hợp chấm dứt theo Điều 17.1.a, Các Bên thống nhất Hợp Đồng sẽ tự động chấm dứt khi kết thúc Thời Hạn.

(ii) Các trường hợp còn lại, Bên A gửi Bên B dự thảo Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Bên B xác nhận đồng ý bằng cách ký vào Biên bản chấm dứt Hợp Đồng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày Bên B nhận được Biên bản chấm dứt Hợp Đồng nhưng không ký Biên bản chấm dứt Hợp Đồng và không có văn bản gửi cho Bên A nêu rõ lý do, Bên A có quyền hiểu là Bên B đã đồng ý chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng chấm dứt theo nội dung Biên bản chấm dứt Hợp Đồng.

c. Đối với các trường hợp do lỗi của Bên B hoặc các trường hợp khác mà Các Bên không thể tiến hành Quy Trình Chấm Dứt Hợp Đồng theo Điều 17.2 này, việc chấm dứt Hợp Đồng được thực hiện theo quyết định của Cơ Quan Nhà Nước thông qua quá trình giải quyết tranh chấp hoặc theo quy định của Pháp Luật.

ĐIỀU 18: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trường hợp phát sinh tranh chấp, Các Bên sẽ cùng nhau tiến hành thương lượng để tìm ra giải pháp giải quyết tranh chấp tối ưu. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà Các Bên không đạt được thỏa thuận, một trong Các Bên có quyền đưa vụ

20.3 Việc giải thích và thực hiện Hợp Đồng này được điều chỉnh bởi Pháp Luật. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung của Hợp Đồng và quy định của Pháp Luật, Các Bên thống nhất áp dụng quy định Pháp Luật để điều chỉnh vấn đề đó.

20.4 Trường hợp bất kỳ quy định nào trong Hợp Đồng bị vô hiệu hoặc không thể thi hành, thì quy định đó sẽ không có hiệu lực và không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của các quy định còn lại trong Hợp Đồng. Khi đó, Hợp Đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định còn lại của Hợp Đồng. Các Bên sẽ cùng nhau, trên tinh thần hợp tác, thiện chí, nỗ lực để thay thế quy định vô hiệu hoặc không thể thi hành đó bằng một quy định khác có hiệu lực và có thể thi hành, với nội dung phù hợp nhất với quy định bị thay thế.

20.5 Việc thỏa thuận và ký kết Hợp Đồng diễn ra trên tinh thần thiện chí, trung thực. Hợp Đồng là kết quả của việc đàm phán giữa Các Bên và sẽ không bị suy đoán rằng một điều khoản không rõ nghĩa nào cần phải được giải thích theo hướng có lợi hoặc bất lợi cho bất kỳ Bên nào.

20.6 Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt. Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng mà Bên B có nhu cầu dịch Hợp Đồng sang ngôn ngữ khác ngoài tiếng Việt, nếu có sự không thống nhất giữa nội dung bản dịch và bản gốc tiếng Việt thì nội dung của bản gốc tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Hợp Đồng được Các Bên xác nhận và ký kết đầy đủ thông qua hình thức như dưới đây.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng văn bản giấy:

Hợp Đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc bằng tiếng Việt với đầy đủ chữ ký của Các Bên. Mỗi Bên giữ 01 (một) bản Hợp Đồng để làm căn cứ thực hiện.

Trong trường hợp ký kết hợp đồng bằng điện tử:

Hợp Đồng được lập bằng tiếng Việt, và được lưu trữ tại hệ thống phương tiện lưu trữ điện tử của Bên A tại website <https://evnhanoi.vn> và/hoặc ứng dụng APP EVNHANOI. Bên B có quyền truy cập để tra cứu nội dung Hợp Đồng này.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG

合同

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ THU MUA PHÉ LIỆU

收集、运输、处理废弃物与回收废料

Số (号): 0409/2025/HĐ.NA-MITAC

CĂN CỨ VÀO: 根据

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015;
越南社会主义共和国国会于2015年11月24日通过的91/2015/QH13号民法;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
越南社会主义共和国国会于2020年06月17日通过的59/2020/QH14号企业法;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2020;
越南社会主义共和国国会于2020年11月17日通过的72/2020/QH14号环保法;
- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên môi trường ban hành ngày 01/07/2016;
政府于2016年7月1号颁发关于规定在资源环境领域中经营投资条件的60/2016/NĐ-CP号议定;
- Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;
政府于08/2022号法详细说明环境保护法的若干条款
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
自然资源和环境保护部2022年1月10日第02/2022/TT-BTNMT号通知详细规定了《环境保护法》若干条款的实施;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của các bên.
根据双方实际的需求和能力。

Hôm nay, ngày 04 tháng 09 năm 2025, chúng tôi gồm:

今天, 2025年09月04号, 我们包括:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)**
甲方 : **MITAC TECHNOLOGY (VIET NAM) COMPANY LIMITED**

Địa chỉ : Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại
地址 : 越南河内市大川社, 南河内辅助工业区一期, CN02 地块的一部

Điện thoại : 024.378.66777 **Fax** :
手机 : 传真

Mã số thuế : 0110588761
税号

Người đại diện ủy quyền : **Ông HAN KEYUAN / Chức vụ** : **Giám đốc cấp cao /**
授權代表人 : **韓克元** **职务** : **资深总监**

Theo giấy ủy quyền số E251050038 ngày 01/08/2025 của ông CHEN CHAN HON – Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty ký.

根据公司董事会主席-陳建宏 先生于 2025 年 08 月 01 日签署的授权书编号 E251050029 授权签署

(sau đây gọi là “Bên A”) và

(以下简称“甲方”)

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÂN ANH**
乙方 : **银英环境责任有限公司**

Địa chỉ : Cụm công nghiệp Đại Đồng, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
地址 : 兴安省 - 文林县 - 大同社 - 大同工业区

Điện thoại : 0221.3665.666
手机

Mã số thuế : 0900934267
税号

Người đại diện : **Ông Nguyễn Văn Trường Chức vụ** : **Giám đốc**
代表人 : **阮文长先生** **职务** : **经理**

Số tài khoản : 866 866 8888 Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển
账户 : Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bắc Hưng Yên.

(sau đây gọi là “Bên B”)

(以下简称“乙方”)



Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu ("Hợp đồng") này với các nội dung sau đây:

经讨论、交流, 双方同意签署并执行收集、运输、处理废弃物与回收废料合同(“本合同”), 其内容如下:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第一条: 内容

1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải (bao gồm chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt), phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong các Phụ lục hợp đồng đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

甲方同意移交和乙方同意接受对甲方在生产过程中所产生的进行收集、运输与处理废弃物(包括危险废弃物、工业废弃物、生活废弃物)并根据附录附加中的名单列出并作为本合同不可分割的部分。

1.2. Đối với danh mục chất thải, bên A sẽ trả phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho bên B.

对于危害废弃物清单, 甲方将支付给乙方处理费。

1.3. Đối với danh mục phế liệu có thể tái chế thì bên B sẽ thu mua và trả tiền thu mua phế liệu cho bên A.

对于可以回收的废弃物, 乙方收集并承担购买可以回收的废弃物之费用。

1.4. Khối lượng của từng loại chất thải, phế liệu được xác nhận theo biên bản bàn giao/giao nhận cho mỗi lần chuyển giao, có xác nhận của bên A và bên B tại địa điểm thu gom của Bên A theo từng chuyến, từng đợt thu gom. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, phế liệu.

各类废弃物及废弃物的数量以每次转运的交接/交付记录为准, 并由甲方和乙方在甲方收集地点对每趟、每段收集时段进行确认。乙方负责装卸、回收、运输及处理废弃物。

1.5. Trong trường hợp Bên A phát sinh loại chất thải, phế liệu mới so với các chủng loại, danh mục đã được liệt kê trong các phụ lục hợp đồng đã ký, các bên sẽ thỏa thuận đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải mới, đơn giá thu mua phế liệu phát sinh bằng các phụ lục hợp đồng mới để đảm bảo quyền lợi của các bên khi tham gia hợp tác.

如果对已签订的本合同附件中列出的类型和清单相比, 甲方产生了新的废弃物废料类型, 双方应另行协商, 在新的合同附录中约定协商运输、处理新废料以及收集发生废弃物的单价, 以确保本合同双方利益。

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

第二条: 状态、地点、交接时间及运输交通工具

2.1 Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

废弃物所有者: MITAC TECHNOLOGY (VIET NAM) COMPANY LIMITED

2.2 **Địa điểm giao nhận chất thải, phế liệu:** Tại kho lưu giữ chất thải, phế liệu của Bên A, tại CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) có địa chỉ như sau: Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

在甲方的废弃物和废料储存仓库, 位于 MITAC TECHNOLOGY (VIET NAM) COMPANY LIMITED, 地址如下: 越南河内市大川社, 南河内辅助工业区一期, CN02 地块的一部分。

2.3 **Địa điểm lưu trữ và xử lý chất thải:** Tại nhà máy xử lý chất thải của bên B là Công ty TNHH môi trường Ngân Anh, địa chỉ tại Cụm công nghiệp Đại Đồng, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

危害废弃物储存与处理地点: 在银英环境有限公司的危害废弃物处理工厂, 位于: 越南, 兴安省, 文林县, 大同乡, 大同工业区。

2.4 **Thời gian giao nhận:** Được thực hiện khi có sự yêu cầu của Bên A và Bên B phải bố trí được nhân lực và phương tiện, bên A thông báo thời gian giao nhận hàng hóa cho bên B trước ít nhất 02 (hai) ngày để Bên B sắp xếp người và phương tiện vận chuyển giao nhận. Tại thời điểm giao nhận chất thải, hai bên tiến hành lập Biên bản giao nhận khối lượng thực tế của bên A từng thời điểm. Biên bản phải có chữ ký của người có thẩm quyền của hai bên

交接时间: 当甲方要求执行时, 甲方在两天之内向乙方通知运交时间, 乙方需安排人员与运输工具后进行。废弃物交付时, 双方应随时准备一份甲方实际数量的交付和收据记录。交付记录必须由双方授权人员签署

Khi Bên B đến thu gom và nhận chất thải, phế liệu không đúng thời hạn đã thỏa thuận mà không thông báo cho Bên A, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại xảy ra cho Bên A.

如乙方未按约定时间前来收集并接收废弃物、废料, 且未通知甲方的, 甲方有权单方终止本合同, 乙方应对由此给甲方造成的损失承担赔偿责任

2.5 **Phương tiện và nhân lực vận chuyển:** Bên B bố trí phương tiện, nhân lực đúng quy định của pháp luật để thu gom, bốc xếp chất thải, rác thải, phế liệu lên xe vận chuyển về kho bên mình xử lý, tái chế. Phương tiện vận chuyển chất thải phải là phương tiện chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển phế thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom, vận chuyển cần phải tuân thủ nội quy và quy định ra vào của nhà máy của Bên A.

运输工具和人员: 乙方根据法律规定安排运输工具和人员来进行收集和将废弃物和垃圾装卸到运输车辆并送到自己仓库进行处理。按照越南政府现行规定使用专业、卫生的运输工具来运输废弃物。乙方的收运车辆必须符合甲方的内部规章制度

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN 

第三条：付款单价和方式

3.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo của hợp đồng này.

废弃物收集、运输、处理和废弃物收购的单价: 详细请参加附加附录.

3.2. Đơn giá xử lý của từng loại chất thải và đơn giá thu mua phế liệu có thể thay đổi theo giá cả thị trường tuy nhiên phải được sự đồng ý bằng văn bản của cả hai bên. Khi có đề xuất thay đổi hai bên phải gửi thông báo cho nhau để cùng bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng kèm theo. 各类废弃物的单价和废品收集的单价可能会根据市场价格而变化, 但需要得到双方书面同意。如有变更建议, 双方必须相互通知, 协商一致。双方同意的价格的任何变更, 将在随附的本合同附录中达成一致。

3.3. Phương thức nghiệm thu và thanh toán

验收和付款方式

3.1.1. Hai bên sẽ tổng hợp khối lượng chất thải, phế liệu giao nhận của hàng tháng (khối lượng sẽ được chốt tính từ ngày 26 của tháng trước đến hết ngày 25 của tháng hiện tại) để làm cơ sở cho việc thanh toán.

双方将每月交付的废旧废料数量相加 (数量按上月 26 日至当月 25 月底计算) 作为付款依据。

3.1.2. Thời hạn thanh toán đối với phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải: Bên A thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên B theo thông tin tài khoản của Bên B trên biên bản nghiệm thu hàng tháng trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ (Bao gồm các giấy tờ sau: Hóa đơn tài chính, Biên bản nghiệm thu khối lượng, Giấy đề nghị thanh toán, Bộ chứng từ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp (nếu có)) từ bên B.

废弃物收运处理费用支付期限: 甲方在收到乙方有效付款单据 (包括以下文件: 财务发票、量验收报告、付款申请书、危险废弃物文件、工业废弃物 (如有)) 后 30 (三十) 日内, 按照月度验收报告上的乙方账户信息, 以银行转账方式支付给乙方

3.1.3. Thời hạn thanh toán đối với phế liệu tái chế bên B thu mua của Bên A: Bên B thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên A theo thông tin tài khoản của Bên A tại Hợp đồng này trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ (Bao gồm các giấy tờ sau: Hóa đơn tài chính, Biên bản nghiệm thu khối lượng, Giấy đề nghị thanh toán) từ bên A.

乙方向甲方购买回收废品的付款期限: 乙方收到有效付款单据 (包括以下单据: 财务发票) 后 30 (三十) 天内, 根据本合同中甲方的账户信息, 通过银行转账方式向甲方付款、甲方的数量验收记录、付款请求)。

3.1.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

支付货币: 越南盾。

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

第四条：各方的责任

4.1. Trách nhiệm của bên A

甲方的责任

4.1.1. Bên A có trách nhiệm phân định, phân loại chất thải/phế liệu tại nguồn, áp mã Chất thải nguy hại và lưu trữ theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Bên A đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ nguồn thải theo quy định hiện hành.

甲方有责任关于废料和废弃物管理的 08/2022 环保法细则也有危险废弃物废弃物分类管理的规定。甲方保证按照现行规定履行弃物生产源的所有责任。

4.1.2. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước những chất thải không giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.

对其他不移交给乙方进行收集、运输和处理的各种废弃物承担完全责任。

4.1.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B vào điểm tập kết chất thải, phế liệu để thực hiện bốc xếp chất thải, phế liệu lên phương tiện vận chuyển phù hợp. Hỗ trợ xe nâng hàng giúp bên B trong quá trình bốc chất thải, phế liệu lên xe (nếu là hàng nặng và khi có yêu cầu của bên B).

为乙方的人员和运输工具进入废弃物存放地点来进行装卸废弃物到合适的运输工具创造便利条件。支持提供给乙方堆高机来帮助乙方将货物装卸到运输工具上（如果乙方提出要求并废弃物较重）。

4.1.4. Lập phiếu xuất hàng cho mỗi lần giao nhận chất thải, phế liệu và hướng dẫn Bên B các thủ tục cần thiết để phương tiện của bên B mang chất thải, phế liệu ra khỏi cổng nhà máy của Bên A.

对每次运送废弃物、废料交接制定出货单，并指导乙方办理必要手续让乙方的运输工具将废弃物带出甲方的工厂。

4.1.5. Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

举派干部和技术人员与乙方配合一起进行专门活动、解决在履行过程中所发的问题和展开工作，旨在作为工作量验收和付款的依据。

4.1.6. Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B toàn bộ phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải mà Bên B đã thực hiện cho Bên A theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

甲方应当按照本合同约定的条款，及时向乙方支付乙方向甲方支付全部废弃物的收集、运输和处置费用。

4.1.7. Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên B.

甲方给乙方开具合格的财务发票。

4.1.8. 废弃物 Tạo điều kiện cho Bên B áp dụng phương pháp mới cho việc tái sử dụng chất thải công nghiệp trong điều kiện có thể.

在允许的条件下为乙方能够采取用于工业废弃物再使用的新方法创造便利条件。
废弃物

4.2.9. Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho Bên B để cùng phối hợp giải quyết.

如果在履行过程中发生任何问题，则都要通过书面通知给甲方一起配合解决。

4.2. Trách nhiệm của bên B

乙方的责任

4.2.1. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A. Nhân viên của Bên B được cử đến phải tuân thủ các nội quy, quy định có liên quan của Bên A khi làm việc tại nhà máy của Bên A. Nếu nhân viên của Bên B được cử đến gây thiệt hại do lỗi cố ý hoặc sơ suất thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A và Bên A có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.

在甲方工厂工作过程中，乙方应遵守甲方的内部规定及政策。比如环保规定、相关规定及甲方人员的指导。乙方员工在甲方工厂工作时，因故意或过失造成损害的，乙方必须负责赔偿甲方，甲方有权暂停履行本合同。

4.2.2. Bảo đảm hệ thống, phương tiện, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật. Trong quá trình vận chuyển và xử lý rác thải nếu bên B vi phạm những quy định pháp luật có liên quan thì bên B sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm, không liên quan gì đến bên A.

确保用于废弃物贮存和处理的系统、设施、设备符合法律规定的技术要求及管理程序。在废弃物运输和处理过程中，如乙方违反相关法律法规，所产生的一切责任均由乙方自行承担，与甲方无关

4.2.3. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực, giấy phép đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, thu gom phế liệu. Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoặc không đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật thì hợp đồng này tự động chấm dứt, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm theo quy định tại điều 7.4 của Hợp đồng.

向甲方提供全部资质资料及从事废弃物收集、运输和处置、废料收集的相应合格许可证件。如在本合同履行过程中，乙方被有权国家机关吊销或收回许可证，或依法不再具备经营条件，则本合同自动终止；乙方应按照本合同第 7.4 条的规定承担损害赔偿责任和支付违约金

4.2.4. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường

trường, Bên B phải chịu trách nhiệm chi phí xử lý. Trong quá trình thực hiện công việc mà gây ra bất kì thiệt hại nào cho bên A hoặc bên thứ 3 (Nếu có) thì bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại.

有责任确保工作区域的卫生及甲方公司的环境。若让废品遗漏出去, 乙方应承担所有责任及发生的费用。在执行工作过程中, 对甲方或第三方(若有)造成任何损害的, 乙方有责任赔偿全部损失。

4.2.5. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.

乙方有责任确保从甲方回收、运输的废品数量不超过环境许可允许的重量级处理功率。

4.2.6. Hoàn thiện đầy đủ biên bản nghiệm thu xử lý, hóa đơn, hoàn trả lại chứng từ chất thải nguy hại, biên bản bàn giao chất thải công nghiệp cho bên A sau khi xử lý xong để bên A có căn cứ báo cáo chất thải định kỳ theo đúng quy định.

在完成处理后, 应向甲方提供完整的处理验收记录、发票、危险废弃物转移联单以及工业废弃物交接记录, 以便甲方根据相关规定作为依据进行定期废弃物申报。

4.2.6. Không được chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào theo hợp đồng này cho Bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Nếu vi phạm, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng ngay lập tức mà không phải chịu trách nhiệm gì đối với Bên B.

未经甲方书面同意, 不得将本合同项下的任何权利和义务转让给第三方。若有违反, 甲方有权立即终止合同, 且无需就此对乙方承担任何责任

4.2.7. Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

乙方给甲方开具合格的财务发票。

4.2.8. Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho Bên A để cùng phối hợp giải quyết.

如果在履行过程中发生任何问题, 则都要通过书面通知给甲方一起配合解决。

ĐIỀU 5. BẢO MẬT

第五条: 保密

5.1. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật) nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên còn lại.本合同和有关本合同的文件和资料是签署合同方的私密文件, 未经过另一方的书面同意文件, 任何一方不能泄露给第三方 (除了根据法律规定的情况以外)

5.2. Hai bên không được tiết lộ hoặc cung cấp cho người khác các bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của Bên còn lại trong thời gian hai bên hợp tác và sau khi hợp đồng này chấm dứt.

双方在合作期间及本合同终止后，不得泄露或向任何第三方提供对方与商业活动相关的秘密及经营诀窍。

ĐIỀU 6. BẤT KHẢ KHÁNG

第六条：不可抗力

6.1. Nếu một trong các bên bị ngăn cản hay bị chậm trễ trong việc thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào trong hợp đồng bởi các sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát của mình thì sự kiện này được coi là bất khả kháng, bên còn lại sẽ được coi là không có lỗi và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào với bên kia theo hợp đồng này.

如果任何一方因属于自己无法控制的事件而被阻拦或延迟履行本

合同中的任何任务，则该事件被视为不可抗力，另一方将被视为没有错误，并不需根据本合同对另一方承担任何责任。

6.2. Các sự kiện được coi là bất khả kháng là: chiến tranh, dịch bệnh, bạo động, sự thay đổi chính sách của chính phủ, cháy nổ, lũ lụt, động đất hoặc các điều kiện tự nhiên không bình thường khác...

被视为不可抗力的事件包括：战争、暴动、政府政策变更、火灾、洪水、地震或其他异常自然条件等。

ĐIỀU 7. THỎA THUẬN SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

第七条：修改协议和终止合同

7.1. Hợp đồng này có thể sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Việc sửa đổi có thể dưới dạng hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc phụ lục hợp đồng và sẽ tạo thành bộ phận không tách rời của hợp đồng này.

本合同可以根据各方的书面协议进行修改和补充。修改和补充可以通过补充和修改的合同和合同附录形式进行的，并作为本合同不可缺少的部分。

7.2. Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

本合同将在如下情况而终止：

- Hợp đồng hết hạn và không được gia hạn theo thỏa thuận của các bên;
本合同满期并未经过各方的协商而延长;
- Các bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận các điều kiện cụ thể liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng;
各方满意提前终止
合同。在这种情况下，各方将对有关终止合同的具体条件进行协商;
- Một trong các bên bị thanh lý, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp đó, các bên sẽ thỏa thuận cách thức chấm dứt hợp đồng và/ hoặc thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

任何一方被清算，解体或暂停运营。在这种情况下，各方将对终止 本
合同方式进行协商或根据越南法律规定进行。

- Một trong các bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo khoản 7.3 và 7.4 Điều này
任一方依据本条第 7.3 款及第 7.4 款单方终止本合同

7.3. Trong thời hạn hợp đồng, Một trong các bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng
trước hạn bằng cách thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước 30 ngày mà không
phải chịu trách nhiệm bồi thường. Sau khi hai bên hoàn thành toàn bộ quyền và nghĩa
vụ trong hợp đồng này, hợp đồng sẽ tự động chấm dứt.

在本合同有效期内，任一方如欲提前终止本合同，应于预定终止日前三十日以
书面通知他方，且无须承担任何赔偿责任。待双方履行完毕本合同项下全部权利
与义务后，本合同即自动终止

7.4. Trong trường hợp một bên không khắc phục vi phạm và/hoặc không hoàn thành việc
khắc phục vi phạm trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo về vi
phạm của Bên kia; hoặc vi phạm đó là không thể khắc phục được; hoặc vi phạm đó vẫn
tái diễn, Bên bị vi phạm sẽ được quyền:

如果一方未能纠正违规行为和/或未能在收到另一方违规行为通知后 3 个工作日
内完成违规行为的纠正；或违约行为无法弥补；或此类违法行为继续存在，受害
方将有权：

- (1) Buộc bên vi phạm khắc phục vi phạm hoặc tự mình thuê đơn vị khắc phục vi phạm.
Bên vi phạm có nghĩa vụ Bồi hoàn cho Bên bị vi phạm toàn bộ các chi phí khắc phục
trên cơ sở chứng từ hợp lệ; và/hoặc,

强制违法者改正或者聘请单位自行改正。违约方有义务凭有效文件向被违约
方赔偿所有补救费用；和/或，

- (2) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng
单方终止本合同

- (3) Thực hiện phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật Việt Nam.
Mức phạt vi phạm theo Hợp đồng này là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi
phạm.

按照越南法律规定实施违规罚款和损害赔偿。违反本合同规定的罚款为所违
反合同义务价值的 8%。

ĐIỀU 8. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

第八条：合同效力

8.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 09 năm 2025 đến hết ngày 03 tháng 09 năm
2026.

本合同从签署之日有效，开始执行从 2025 年 09 月 04 日至 2026 年 09 月 03 日结束。

8.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn hay thay đổi ngoài dự tính, các bên phải thông báo cho nhau kịp thời, cùng bàn bạc giải quyết.

在履行本合同过程中, 如有意的困难或变故, 各方要及时通知给对方以便一起协商解决。

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

第九条: 解决争议

9.1. Các bên cam kết rằng trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến Hợp Đồng này sẽ cùng thương lượng giải quyết trên cơ sở hữu nghị, hợp tác và trung thực.

各方承诺: 如果与本合同有关的任何争议, 则双方将在友好、合作和诚实的基础上进行协商和解决。

9.2. Tuy nhiên bất chấp những cố gắng của các bên, vào bất cứ thời điểm nào, bất cứ bên nào cho rằng Tranh chấp đó không thể được giải quyết hữu nghị thông qua thương lượng, bên này sẽ có thể gửi thông báo về Tranh chấp này ("Thông báo Tranh chấp") tới bên kia và đưa ra những nội dung ngắn gọn về Tranh chấp. Nếu Tranh chấp này không được giải quyết thông qua việc tiếp tục thương lượng trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày gửi Thông báo Tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của trung tâm này, địa điểm trọng tài tại Hà Nội. Phán quyết trọng tài là phán quyết cuối cùng và có tính ràng buộc đối với cả hai bên. Chi phí trọng tài và phí luật sư sẽ do bên thua kiện chịu.

但是, 如果各方已经尽力, 可是在任何时候只要任何一方认为无法通过友好协商进行解决争议, 则该方可以向另一方发送该争议的通知("争议通知"), 并提出关于争议的主要内容。如果在自从发送争议通知之日起的 60 内仍然无法通过继续协商进行解决, 则争议将提交越南国际仲裁中心(Vietnam International Arbitration Centre), 仲裁地为河内, 按照该会仲裁规则进行仲裁。仲裁裁决是终局的, 对双方均有拘束力。仲裁费用及律师费用由败诉一方负担。

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第十条: 共同条款

10.1. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều kiện và điều khoản nêu trên.

各方承诺严格和完整地履行上述条款和条件;

10.2. Trong quá trình thực hiện, mọi sự thay đổi, bổ sung, chi tiết hoá sẽ được các bên thống nhất lập thành phụ lục không tách rời của Hợp đồng này.

在履行本合同过程中, 所有修改、补充和细节将由各方同意制定本合同附录, 本合同附录是本合同不可缺少的部分。

10.3 Hợp đồng này sẽ mặc nhiên được thanh lý khi thời hạn của Hợp đồng kết thúc và hai bên hoàn thành các nghĩa vụ liên quan mà không còn vướng mắc khiếu nại gì.

本合同期限届满, 且双方都履行完相关义务且无任何投诉, 本合同即自动终止

10.4 Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng hai ngôn ngữ Việt - Trung, có giá trị như nhau về mặt pháp lý và mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

本合同以越南语和中文两种文字制作一式四（四）份，具有同等法律效力，双方各执一式二（两）份。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



GIÁM ĐỐC
HAN, KE-YUAN

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

越南社会主义共和国

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

独立-自由-幸福

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

合同附件编号 01

**DANH MỤC CHẤT THẢI, PHẾ LIỆU VÀ ĐƠN GIÁ THU GOM, VẬN
CHUYÊN, XỬ LÝ CHẤT THẢI, THU MUA PHẾ LIỆU**

废碎料收集、运输、废弃物处理、废品收购清单及单价

(Kèm theo của Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu số
0409/2025/HĐ.NA-MITAC ký ngày 04/09/2025)

(附 2025 年 09 月 04 日签订的第 0409/2025/HĐ.NA-MITAC 号收集、运输、废弃物
处理、废料采购合同)

- Căn cứ vào Hợp đồng Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua
phế liệu số 0409/2025/HĐ.NA-MITAC ký ngày 04/09/2025;
根据 2025 年 09 月 04 日签署的第 0409/2025/HĐ.NA-MITAC 号收集、运输、
废弃物处理和废料采购合同;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực tế của hai bên.
基于双方的实际需求和能力。

Hôm nay, ngày 04 tháng 09 năm 2025, chúng tôi gồm:

今天, 2025 年 09 月 04 日, 我们包括:

BÊN A : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)
甲方 MITAC TECHNOLOGY (VIET NAM) COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Một phần lô CN02, KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Xã Đại Xuyên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

地址 越南河内市大川社, 南河内辅助工业园一期, CN02 地块的一部分。

Điện thoại : 024.378.66777
手机

Fax :
传真

Mã số thuế : 0110588761

税号

Người đại diện : Ông HAN KEYUAN / 韓克元 Chức vụ : Giám đốc cấp cao /
代表人 职务 资深总监

Theo giấy ủy quyền số E251050038 ngày 01/08/2025 của ông CHEN CHAN HON – Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty ký.

根据公司董事会主席-陳建宏 先生于 2025 年 08 月 01 日签署的授权书编号 E251050029 授权签署

(sau đây gọi là “Bên A”) và

(以下简称“甲方”)

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG NGÂN ANH**
乙方 银英环境责任有限公司

Địa chỉ : Cụm công nghiệp Đại Đồng, xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
地址 兴安省 - 文林县 - 大同社 - 大同工业区

Điện thoại : 0221.3665.666
手机

Mã số thuế : 0900934267
税号

Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Trường Chức vụ : Giám đốc
代表 阮文长先生 职务 经理

Số tài khoản : 866 866 8888 Tại Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt
账户 南 (BIDV) – Chi nhánh Bắc Hưng Yên.

(sau đây gọi là “Bên B”)

(以下简称“乙方”)

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”)

(甲方与乙方个别称为「一方」, 合称为「双方」或「双方」。)

Sau khi trao đổi, các bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng số 01 (“Phụ lục”) với nội dung như sau:

经讨论, 双方同意签订合同附录 01(“本附录”), 内容如下: 

1. Danh mục chất thải, phế liệu thu hồi sau xử lý và đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý, thu mua phế liệu sau xử lý cụ thể như sau:

经处理后回收的废旧金属清单及收集、运输、处理、收购处理后废旧金属的单价具体如下:

STT 序号	Danh mục chất thải 废弃物目录	Mã CTNH 废弃物代 码	Đơn vị 单位	Đơn giá xử lý (VND/Kg) 加工价格 (越 南盾/公斤)	Đơn giá thu mua (VND/Kg) 采购单价 (越 南盾/公斤)	Ghi chú 备注
1	Bóng đèn huỳnh quang thải 废弃荧光灯管	16 01 06	Kg	1,900	/	
2	Pin thải 废电池	16 01 12	Kg	2,500	/	
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đã chứa hóa chất, chất thải nguy hại: thùng nhựa, vật chứa bằng nhựa) 廢塑膠包裝 (盛裝過化學品, 危 廢品之塑膠桶及容器)	18 01 03	Kg	1,900	/	
4	Bao bì kim loại cứng thải (đã chứa hóa chất, chất thải nguy hại: Thùng kim loại, vật chứa bằng kim loại) 废弃硬质金属包装 (含有化学品 、危险废弃物: 金属桶、金属容 器)	18 01 02	Kg	1,900	/	
5	Giẻ lau, găng tay dính dầu, vải lọc thấm dầu 沾有油污的抹布、手套、吸油过 滤布	18 02 01	Kg	2,900	/	
6	Than hoạt tính thải 廢活性炭	18 02 01	kg	2,900	/	
7	Flux thải bỏ (trợ hàn phế thải) 報廢助焊劑	19 05 04	kg	2,900	/	
8	Dầu chống ẩm thải bỏ 報廢防潮油	17 07 03	kg	2,500	/	
9	Dung môi pha loãng thải bỏ 報廢稀释劑	03 01 03	kg	2,500	/	
10	Dung dịch tẩy rửa thải bỏ 報廢清洗劑	07 01 06	kg	3,000	/	

STT 序号	Danh mục chất thải 废弃物目录	Mã CTNH 废弃物代码	Đơn vị 单位	Đơn giá xử lý (VND/Kg) 加工价格 (越南盾/公斤)	Đơn giá thu mua (VND/Kg) 采购单价 (越南盾/公斤)	Ghi chú 备注
11	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu máy thải) 废弃的发动机油、变速箱油及其他润滑油：废机油	17 02 03	kg	900	/	
12	Sơn phủ UV 3 chống (chống ẩm, chống muối, chống nấm mốc) thải bỏ 報廢 UV 三防漆	08 01 01	kg	2,900	/	
13	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (rác thải từ cây xanh: rác làm vườn, cắt tỉa cây) 一般工业固体废物 (绿化垃圾：园林垃圾、树木修剪物)	-	kg	2,300	/	
14	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chai thủy tinh) 一般工業固體廢物 (玻璃瓶等)	-	Kg	2,500	/	
15	Chất thải rắn sinh hoạt 生活垃圾	-	Kg	2,000	/	
16	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (băng dính, rác thải rắn không thể tái chế, gỗ vụn không tái chế được)	-	Kg	2,400	/	
17	Bao bì mềm thải 废弃软包装	18 01 01	kg	1,800	/	
18	Mực in thải 废墨	08 02 01	kg	2,000	/	
19	Hộp chứa mực in thải 废墨容器	08 02 04	kg	1,800	/	
20	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải 废弃电子设备·零部件	19 02 06	kg	1,800	/	
21	Chất thải rắn công nghiệp thông thường (Bo mạch (mép, góc cắt thừa) thải không có đồng) 一般工业固体废物 (不含铜的电路板 (边缘、多余切角))	-	kg	1,800	/	

STT 序号	Danh mục chất thải 废弃物目录	Mã CTNH 废弃物代 码	Đơn vị 单位	Đơn giá xử lý (VND/Kg) 加工价格 (越 南盾/公斤)	Đơn giá thu mua (VND/Kg) 采购单价 (越 南盾/公斤)	Ghi chú 备注
22	Phế liệu linh kiện điện tử thải có chứa TPNH (Linh kiện, bán thành phẩm, thành phẩm và bảng mạch điện tử) 废弃的电子元件产生的废料 (包括电子元件、半成品和成品电路板)	19 02 06	Kg	0	10,100	

Ghi chú / 笔记 :

- Đơn giá xử lý trên là đơn giá chưa bao gồm thuế VAT. 以上加工价格不含增值税。
- Đơn giá thu mua phế liệu là đơn giá đã bao gồm thuế VAT theo quy định của luật thuế hiện hành. 根据现行税法规定，废品收购价格已含增值税。
- Đối với phế liệu thu hồi sau xử lý: Công ty TNHH môi trường Ngân Anh sẽ thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, trong trường hợp có phế liệu thu hồi được sau xử lý, Công ty TNHH môi trường Ngân Anh sẽ mua lại của CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) với đơn giá được tính trên khối lượng bằng khối lượng chất thải mà CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) đã bàn giao cho Công ty TNHH môi trường Ngân Anh.

对于处理后回收的废料：银英环保有限公司负责收集、运输和处理危险废弃物。

如有处理后回收的废料，银英环保有限公司将从 MITAC TECHNOLOGY (VIET NAM) COMPANY LIMITED 购回，单价按 MITAC TECHNOLOGY (VIET NAM) COMPANY LIMITED 交付给银英环保有限公司的废料体积计算。

2. Danh mục phế liệu và đơn giá thu mua chi tiết như sau:

废钢清单及详细采购价格如下：

STT 序号	Danh mục phế liệu 废料目录	Đơn vị 单位	Đơn giá thu mua (VND/Kg) 采购 单价 (越南 盾/公)	Ghi chú 备注
1	Phế liệu thép loại 1 報廢錫膏	Kg	390,000	

2	Phế liệu thiếc loại 2 錫渣	Kg	335,000	
3	Phế liệu bo mạch PCB (mép, góc cắt thừa) có chứa đồng PCB 板邊角料	Kg	7,000	
4	Phế liệu kim loại sắt (Chân linh kiện, đầu mẫu kim loại phế liệu và khuôn jig) 廢舊金屬材質 (元件鉤、廢鋼端頭、模具等)	Kg	7,200	
5	Phế liệu Giấy, bao bì thùng carton 廢紙、紙箱包裝	Kg	2,100	
6	Phế liệu nhựa PE, EPE (túi PE, túi EPE, cuộn PE) PE 塑料廢料 (PE 袋)	Kg	7,000	
7	Phế liệu pallet gỗ 廢木托盤、木屑	Kg	400	
8	Phế liệu nhựa PET (khuôn nhựa) PET 塑料廢料 (塑料托盤)	Kg	7,000	
9	Phế liệu nhựa (hộp vật liệu PC, nhựa ABS thành phẩm bảo phế) 廢旧塑料边角料 (PC 料盒、ABS 成品塑料边角料)	Kg	8,200	
10	Phế liệu nhựa đen chịu nhiệt 耐热黑色塑料廢料	Kg	100	
11	Phế liệu nhựa tổng hợp HDPE và PP (Pallet nhựa) 廢塑膠棧板	Kg	4,000	

Ghi chú: Đơn giá thu mua phế liệu là đơn giá đã bao gồm thuế VAT theo quy định của luật thuế hiện hành.

注：根据现行税法规定，废品收购价格已含增值税。

3. Điều khoản chung:

— 一般合同条款

- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và thu mua phế liệu số 0409/2025/HĐ.NA-MITAC ký ngày 04/9/2025. Những nội dung không quy định tại phụ lục này sẽ được thực hiện theo Hợp đồng gốc số 0409/2025/HĐ.NA-MITAC đã ký.

本附录是 2025 年 09 月 04 日签署的第 0409/2025/HĐ.NA-MITAC 号《收集、运输、废弃物处理和废料采购合同》不可分割的一部分。本附录未尽事宜，按原 2025 年 09 月 04 日签订的 0409/2025/HĐ.NA-MITAC 合同执行。

- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế và được lập thành 04 (bốn) bản bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Trung có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

本附录自签署之日起生效，直至有另一份文件替代为止，并以越南语和中文两种语言制作 04（四）份，具有同等法律价值，双方各保留 02 份（二）副本。

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表人



GIÁM ĐỐC
HAN, KE-YUAN

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表人



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Trường

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Máy tính MITAC (Việt Nam)”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “Máy tính MITAC (Việt Nam)” của Công ty TNHH công nghệ MITAC (Việt Nam) tại Văn bản số 329/MITAC ngày 23 tháng 9 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Máy tính MITAC (Việt Nam)” (sau đây gọi là Dự án) thực hiện tại một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội của Công ty TNHH công nghệ MITAC (Việt Nam) (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH công nghệ MITAC (Việt Nam);
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- BQL các KCN&CX Hà Nội;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, HTN.



KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM)”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên Dự án: “Máy tính MITAC (Việt Nam)”
- Chủ dự án: Công ty TNHH công nghệ MITAC (Việt Nam).
- Địa chỉ liên hệ: một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.
- Địa điểm thực hiện Dự án: một phần lô đất CN02, Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.
- Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư mới được Ban quản lý các Khu công nghiệp (KCN) và Chế xuất Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số Dự án 5468764105 Chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 19/12/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 12/01/2024.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.2.1. Phạm vi, quy mô của Dự án

Tọa độ các điểm khép góc ranh giới Dự án như sau:

Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00', múi chiếu 3°							
TT	Tên mốc	X (m)	Y (m)	TT	Tên mốc	X (m)	Y (m)
1	M1	2291315,44	594922,49	8	M8	2291144,34	595151,71
2	M2	2291315,44	595164,87	9	M9	2290996,68	595083,83
3	M3	2291256,79	595164,87	10	M10	2290989,36	595063,96
4	M4	2291224,79	595164,87	11	M11	2291094,40	594837,36
5	M5	2291204,49	595164,87	12	M12	2291114,34	594830,02
6	M6	2291183,88	595163,39	13	M13	2291284,19	594908,12
7	M7	2291163,69	595158,97	14	M14	2291313,26	594921,49

- Tổng diện tích sử dụng đất của Dự án là 79.265 m², trong đó quy mô diện tích sử dụng đất của Dự án:

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)		Tổng diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
		Giai đoạn 1	Giai đoạn 2		
1	Diện tích ô đất quy hoạch	50.361,85	28.903,15	79.265	100%
2	Đất xây dựng công trình	15.730,57	28.903,15	44.633,72	56,31%
3	Đất cây xanh	16.078,45	-	16.078,45	20,28%
4	Đất sân đường giao thông	18.552,83	-	18.552,83	23,41%

- + Giai đoạn 1: xây dựng các công trình, lắp đặt, vận hành các dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng F1 với công suất 4.932.240 sản phẩm/năm.
- + Giai đoạn 2: xây dựng các công trình nhà xưởng sử dụng làm kho và dự

trữ cho các giai đoạn tiếp theo của Dự án.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm hoạt động sản xuất và khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.2.2. Quy mô, công suất của Dự án

Tổng công suất của Dự án là 4.932.240 sản phẩm/năm, cụ thể:

TT	Tên sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)
I	Sản xuất linh kiện điện tử, chi tiết	3.076.980
1	Bo mạch chủ camera hành trình	284.620
2	Bo mạch chủ camera hành trình wifi	527.070
3	Bo mạch chủ máy tính bảng	284.620
4	Bo mạch chủ thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo	527.070
5	Bo mạch PCBA	1.453.600
II	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy tính, chi tiết	231.510
1	Máy chủ	110.400
2	Máy tính	21.900
3	Máy tính công nghiệp	99.210
III	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học, chi tiết	811.690
1	Camera hành trình	284.620
2	Camera hành trình wifi	527.070
IV	Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết	812.060
1	Máy tính bảng	284.620
2	Thiết bị IoT trí tuệ nhân tạo	527.070
3	Tủ máy chủ	370
	Tổng cộng	4.932.240

1.3. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình sản xuất chung cho các sản phẩm của Dự án như sau:

Linh kiện, bản mạch PCB (nhập) → (1) Hàn dán linh kiện tự động (SMT) → (2) Cắm linh kiện thủ công (PTH) → (3) Tập hợp bản mạch hoàn thiện và các linh kiện (nhập) và chuyển sang công đoạn lắp ráp hoàn thiện (SI) → Sản phẩm hoàn chỉnh.

Chi tiết các quy trình sản xuất của Dự án:

(1) Hàn dán linh kiện tự động (SMT): Bản mạch PCB (nhập) → In kem hàn → Dán linh kiện → Kiểm tra trước khi hàn → Lò hàn hồi lưu → Kiểm tra sau khi hàn → Chuyển sang công đoạn PTH.

(2) Cắm linh kiện thủ công (PTH):

Bản mạch từ quy trình SMT → Cắt bản → Cắm linh kiện → Phun chất trợ hàn → Lò hàn sóng → Kiểm tra → Phủ keo → Chuyển sang công đoạn lắp ráp (SI).

(3) Tập hợp bản mạch hoàn thiện và các linh kiện (nhập) và chuyển sang công đoạn lắp ráp hoàn thiện (SI): Chuẩn bị vật liệu (bản mạch hoàn chỉnh, linh kiện nhập về) → Lắp ráp → Kiểm tra → Đóng gói → Nhập kho chờ xuất hàng.

(4) Sửa chữa sản phẩm lỗi từ quá trình sản xuất: Sản phẩm lỗi → Kiểm tra/tháo rời → Hàn/thay thế linh kiện → Kiểm tra/lắp ráp.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình của Dự án:

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m²)		Diện tích sàn (m²)
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	
I	Các hạng mục công trình chính				
1	Nhà xưởng F1	05	8.092,35	-	42.241,38
2	Nhà xưởng F2	05	-	8.106,71	42.365,46
3	Nhà xưởng F3	05	-	7.836,83	40.282,28
4	Nhà văn phòng OF1	05	2.007,66	-	10.129,64
5	Nhà văn phòng OF2	05	-	1.591,51	7.973,44
6	Nhà văn phòng OF3	05	-	744,00	3.750,16
II	Các hạng mục công trình phụ trợ				
7	Nhà kho WF	05	-	7.881,00	40.057,00
8	Kho hóa chất U2A	01	102,80	-	102,80
9	Nhà ăn và nhà để xe KD1+GR1	05	3.400,77	-	19.092,53
10	Nhà để xe GR2	05	-	1.849,35	9.383,99
11	Cổng và nhà bảo vệ S1	01	73,91	-	73,91
12	Cổng và nhà bảo vệ S2	01	152,76	-	152,76
13	Cổng và nhà bảo vệ S3	01	42,56	-	42,56
14	Cổng và nhà bảo vệ S4	01	123,88	-	123,88
15	Bãi đỗ xe - 01	-	123,75	-	-
16	Bãi đỗ xe - 02	-	550,00	-	-
17	Bãi đỗ xe - 03	-	220,00	-	-
18	Bãi đỗ xe - 04	-	-	728,75	-
19	Bãi đỗ xe - 05	-	-	165,00	-
20	Hành lang cầu BR1	-	-	204,30	204,30
21	Hành lang cầu BR2	-	-	390,80	390,80
22	Hành lang cầu BR3	-	-	390,80	390,80
23	Hành lang cầu BR4	-	-	390,80	390,80
24	Hành lang cầu BR5	-	-	204,30	204,30
25	Hành lang cầu BR6	-	-	390,80	390,80
26	Hành lang cầu BR7	-	-	390,80	390,80
27	Hành lang cầu BR8	-	-	390,80	390,80
28	Hành lang cầu BR9	-	-	863,20	863,20
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
29	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt U1A	01	108,45	-	108,45
30	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp U1B	01	313,44	-	313,44

TT	Hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)		Diện tích sàn (m ²)
			Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	
31	Kho chứa chất thải nguy hại U2B	01	52,74	-	52,74
32	01 trạm xử lý nước thải công suất 500 m ³ /ngày (xây ngầm)	-	365,50	-	-
33	02 hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000 m ³ /giờ/hệ	-	Xây dựng trong giai đoạn 1		

1.4.2. Các hoạt động của Dự án:

- Hoạt động thi công xây dựng giai đoạn 1: công trình chính (nhà xưởng F1, nhà văn phòng OF1), công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường (kho chứa chất thải, trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải).

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công lắp đặt máy móc, thiết bị trong giai đoạn 1.

- Hoạt động thi công xây dựng giai đoạn 2: công trình chính (nhà xưởng F2, F3, nhà văn phòng OF2, OF3), công trình phụ trợ.

- Hoạt động sản xuất: hoạt động sinh hoạt của công nhân viên; hoạt động phục vụ sản xuất sản phẩm của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình; vận chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất; hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.

- Hoạt động sản xuất; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hóa chất, sản phẩm; hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động sinh hoạt của công nhân viên; bụi, khí thải từ quy trình hàn dán linh kiện SMT, hàn dán linh kiện PTH, phủ keo, làm sạch, sửa chữa các sản phẩm lỗi trong quá trình sản xuất, quá trình tách bản mạch; mùi phát sinh từ hệ thống cống, rãnh thu gom nước thải; mùi khu vực trạm xử lý nước thải.

- Các yếu tố tác động đến môi trường: bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung; rủi ro, sự cố (sự cố hóa chất, sự cố các hệ thống xử lý khí thải, sự cố các trạm xử lý nước thải, sự cố cháy nổ).

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

- Nước thải sinh hoạt công nhân với lưu lượng tối đa khoảng 4,5 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), coliforms.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị và phương tiện ra vào công trường với lưu lượng khoảng 8,2 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

3.1.1.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng giai đoạn 2 với lưu lượng tối đa khoảng 6,7 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), coliforms.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị và phương tiện ra vào công trường thi công giai đoạn 2 với lưu lượng khoảng 6,2 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, COD, dầu mỡ khoáng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân làm việc của giai đoạn 1 với tổng lưu lượng khoảng 483 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), coliforms.

- Nước xả cặn từ hệ thống làm mát phát sinh với lưu lượng khoảng 98 m³/lần xả (tần suất xả cặn khoảng 01 tháng/lần). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS.

3.1.1.3. Vận hành tổng thể:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động công nhân làm việc của Dự án với tổng lưu lượng khoảng 483 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, sunfua (tính theo H₂S), amoni (tính theo N), nitrat (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (tính theo P), coliforms.

- Nước xả cặn từ hệ thống làm mát phát sinh với lưu lượng khoảng 98 m³/lần xả (tần suất xả cặn khoảng 01 tháng/lần). Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

3.1.2.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc phục vụ thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1 phát sinh bụi và khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂.

3.1.2.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc phục vụ thi công, xây dựng giai đoạn 2; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất, phương tiện giao thông của công nhân viên vận hành giai đoạn 1. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất như hàn dán linh kiện SMT, hàn dán linh kiện PTH, phủ keo, làm sạch, sửa chữa các sản phẩm lỗi trong quá trình sản xuất, tách bản mạch với lưu lượng lớn nhất khoảng 40.000 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi tổng, formaldehyde, n-propanol, benzen.

- Hoạt động xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi hôi với thành phần chủ yếu là khí H₂S, CH₄, Methyl mercaptan.

3.1.2.3. Vận hành tổng thể:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất như hàn dán linh kiện SMT, hàn dán linh kiện PTH, phủ keo, làm sạch, sửa chữa các sản phẩm lỗi trong quá trình sản xuất, tách bản mạch với lưu lượng lớn nhất khoảng 40.000 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi tổng, formaldehyde, n-propanol, benzen.

- Hoạt động xử lý nước thải tập trung phát sinh mùi hôi với thành phần chủ yếu là khí H₂S, CH₄, Methyl mercaptan.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH):

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.2.1.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 27 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, giấy báo, túi nilon, vỏ hoa quả.

- Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình phát sinh chất thải rắn xây dựng với khối lượng khoảng 219,95 tấn trong cả quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là vật liệu rơi vãi, đất, đá, cát, gạch vỡ, bê tông thừa, vỏ bao bì.

3.2.1.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường thi công, xây dựng giai đoạn 2 phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 36 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, giấy báo, túi nilon, vỏ hoa quả.

- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình giai đoạn 2 phát sinh chất thải rắn xây dựng với khối lượng khoảng 395,92 tấn trong cả quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là vật liệu rơi vãi, đất, đá, cát, gạch vỡ, bê tông

thừa, vỏ bao bì.

- Hoạt động sản xuất của giai đoạn 1 phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng khối lượng khoảng 1.288 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bao bì, bìa carton, pallet gỗ thải, cuộn giấy, cuộn nhựa thải.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên vận hành giai đoạn 1 phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 1.800 kg/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là thức ăn thừa, giấy báo, túi nilon, vỏ hoa quả.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 259,31 kg/ngày.

3.2.1.3. Vận hành tổng thể:

- Hoạt động sản xuất của Dự án phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng khối lượng khoảng 1.288 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là bao bì, bìa carton, pallet gỗ thải, cuộn giấy, cuộn nhựa thải.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân viên vận hành Dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với tổng khối lượng khoảng 1.800 kg/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là thức ăn thừa, giấy báo, túi nilon, vỏ hoa quả.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 259,31 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của CTNH:

3.2.2.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

Hoạt động văn phòng tại công trường thi công, hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 240 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, que hàn thải, pin, ắc quy thải, vỏ hộp sơn đã qua sử dụng.

3.2.2.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Hoạt động văn phòng tại công trường thi công, hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình giai đoạn 2 phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 305 kg/tháng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, que hàn thải, pin, ắc quy thải, vỏ hộp sơn đã qua sử dụng.

- Hoạt động sản xuất của giai đoạn 1 phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 137 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay thải, pin thải, sản phẩm lỗi hỏng chứa thành phần nguy hại, than hoạt tính thải từ hoạt động vận hành hệ thống xử lý khí thải, dung dịch tẩy rửa thải.

3.2.2.3. Vận hành tổng thể:

Hoạt động sản xuất của Dự án phát sinh CTNH với tổng khối lượng khoảng 137 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là giẻ lau, găng tay thải, pin thải, sản phẩm lỗi hỏng chứa thành phần nguy hại, than hoạt tính thải từ hoạt động vận hành hệ thống xử lý khí thải, dung dịch tẩy rửa thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Hoạt động của các phương tiện, thiết bị máy móc thi công và hoạt động khoan, máy hàn, cắt, đào, đầm phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào; hoạt động của máy móc, thiết bị sản xuất; hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng và các công trình xử lý nước thải, khí thải khi vận hành Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung.

3.4. Các tác động khác:

- Nước mưa chảy tràn phát sinh trên diện tích Dự án với lưu lượng khoảng 0,59 m³/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc, thiết bị có khả năng xảy ra sự cố cháy nổ.
- Hoạt động vận hành của Dự án có khả năng xảy ra nguy cơ sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất; sự cố trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

4.1.1.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

- Bố trí 03 nhà vệ sinh di động tại công trường thi công, dung tích khoảng 1.600 lít/nhà vệ sinh, đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; nước thải và bùn thải được chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng xử lý, không xả thải ra môi trường.
- Bố trí tại công trường thi công 01 cầu rửa xe và 01 hố lắng cấu tạo 02 ngăn có thể tích là 10 m³/ngăn để thu gom, lắng cặn toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, máy móc, thiết bị và phương tiện vận chuyển. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng toàn bộ vào hoạt động vệ sinh thiết bị, dụng cụ, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển, không thải ra hệ thống thoát nước của KCN; cặn lắng được thu gom, xử lý theo quy định.

4.1.1.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Hoạt động thi công giai đoạn 2: thực hiện công trình, giải pháp và biện pháp thu gom, xử lý nước thải tương tự như mục 4.1.1.1. của Quyết định này.
- Hoạt động vận hành giai đoạn 1:
 - + Toàn bộ nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân viên được thu gom về 11 bể tự hoại (07 bể 12 m³/bể tại khu vực nhà ăn, nhà văn phòng và nhà bảo vệ; 04 bể 40 m³/bể tại nhà xưởng sản xuất) và 02 bể tách mỡ (thể tích 05 m³/bể tại khu vực nhà ăn) để xử lý sơ bộ trước khi qua hệ thống các tuyến cống thu gom nước thải dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày đêm (gồm 02 mô đun, mỗi mô đun 250 m³/ngày đêm) để xử lý. Nước sau xử lý theo cống thoát nước thải dẫn về hệ thống thu gom nước thải của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I thông qua 01 điểm đầu nối tại phía Bắc Dự án. Tọa độ vị trí đầu nối: X

(m) = 2291311,33; Y (m) = 595164,71, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°) (có biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N&G (Chủ đầu tư hạ tầng KCN) với Chủ dự án).

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải: nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách mỡ) → Bể thu gom, lắng cát (T01) → Bể điều hòa (T02) → Bể thiếu khí (T03A/B) → Bể hiếu khí (T04A/B) → Bể lắng sinh học (T05A/B) → Bể khử trùng (T06) → Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I → Trạm xử lý nước thải của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

+ Tiêu chuẩn áp dụng: đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của tiêu chuẩn đầu nối của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

4.1.1.3. Vận hành tổng thể:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom dẫn vào bể tự hoại, nước thải nhà ăn được thu gom vào bể tách mỡ dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 500 m³/ngày đêm để xử lý.

- Duy trì, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đã được đầu tư xây dựng trong vận hành giai đoạn 1 như đã nêu tại mục 4.1.1.2 của Quyết định này.

4.1.1.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, lắp đặt và vận hành Dự án.

- Xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải sơ bộ tại các công trình của Dự án và xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Dự án phù hợp theo tiến độ đầu tư trước khi đưa Dự án vào vận hành; đảm bảo toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, không xả nước thải ra môi trường.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

4.1.2.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân thi công tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng các phương tiện, máy móc có chất lượng tốt, đảm bảo độ an toàn và tiêu chuẩn môi trường, được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp phép lưu hành; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải, không để rơi vãi; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi tối thiểu 02 lần/ngày vào những ngày trời không mưa; bố trí cầu rửa xe

tại vị trí gần khu vực công ra vào của công trường để vệ sinh bùn đất đối với các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường; vệ sinh định kỳ đối với các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực tập kết; các loại máy móc, thiết bị thi công phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên, đảm bảo điều kiện về an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người công nhân lao động.

4.1.2.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2: thực hiện các công trình, biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường tương tự như mục 4.1.2.1. của Quyết định này.

- Hoạt động vận hành giai đoạn 1:

+ Toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom về 02 hệ thống xử lý khí thải công suất 20.000 m³/giờ/hệ thống.

Quy trình xử lý: Khí thải phát sinh → Chụp hút → Đường ống dẫn khí thải → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải.

+ Lắp đặt và vận hành 01 tháp xử lý mùi công suất 1.500 m³/giờ tại trạm xử lý nước thải tập trung.

Quy trình xử lý: Mùi hôi → Ống dẫn → Hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Thoát ra ngoài môi trường.

4.1.2.3. Vận hành tổng thể:

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc.

- Duy trì, vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi đã được đầu tư xây dựng trong vận hành giai đoạn 1 như đã nêu tại mục 4.1.2.2 của Quyết định này.

4.1.2.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió, hệ thống thu gom, xử lý khí thải theo đúng thiết kế, đảm bảo toàn bộ khí thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đều được thu gom, xử lý đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p = 0,9$; $K_v = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, mùi hôi phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án.

- Than hoạt tính được thay thế định kỳ dựa trên chỉ số Iodine để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải và được thu gom, lưu giữ tạm thời, hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý như CTNH.

- Trồng cây xanh với mật độ đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN

01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng xung quanh các công trình bảo vệ môi trường có phát sinh mùi hôi và những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế mùi hôi, khí thải, bụi, tiếng ồn.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, CTNH:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng. Phân loại, thu gom rác thải theo đúng quy định và hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng thông thường được thu gom, phân loại và lưu chứa tại khu tập kết chất thải rắn tạm thời. Đối với chất thải có khả năng tái chế như vỏ bao xi măng, đầu mẩu thép, tôn được tận dụng chuyển giao đơn vị có chức năng tái chế; chất thải rắn xây dựng không thể tận dụng (gỗ vụn, cốp pha thải, đất, đá, gạch vỡ, bê tông hỏng) được thu gom, tập kết tại khu lưu giữ chất thải rắn tạm thời vào 03 thùng ben (thể tích 05 m³) và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2: thực hiện các công trình, biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường tương tự như mục 4.2.1.1. của Quyết định này.

- Hoạt động vận hành giai đoạn 1:

- + Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng, 120 lít/thùng có màu sắc, ký hiệu chỉ dẫn, đảm bảo thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của Dự án. Định kỳ thu gom, vận chuyển, tập kết toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bằng xe chuyên dụng dung tích 500 lít/xe đến kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 108,45 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

- + Chất thải rắn công nghiệp thông thường: bố trí các thùng chuyên dụng có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng tại những vị trí phát sinh chất thải rắn sản xuất thông thường, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh; tập kết tại 01 kho chứa diện tích 313,44 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định với tần suất 1 tháng/lần.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý bùn bề tự hoại và bùn nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Dự án theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh.

4.2.1.3. Vận hành tổng thể: duy trì, vận hành công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn được đầu tư xây dựng trong vận hành giai đoạn 1 như đã nêu tại mục 4.2.1.2 của Quyết định này.

4.2.1.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định trên địa bàn thành phố Hà Nội, Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) và các quy định có liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTNH:

4.2.2.1. Hoạt động thi công, xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị giai đoạn 1:

CTNH phát sinh được thu gom vào 05 thùng chứa thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín, dung tích khoảng 120 lít/thùng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán mã CTNH theo quy định, tập kết về kho lưu chứa CTNH tạm thời tại công trường thi công diện tích khoảng 10 m²; hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.2.2. Hoạt động thi công, xây dựng giai đoạn 2 và vận hành giai đoạn 1:

- Hoạt động thi công giai đoạn 2: thực hiện các công trình, biện pháp, giải pháp bảo vệ môi trường tương tự như mục 4.2.2.1. của Quyết định này.

- Hoạt động vận hành giai đoạn 1: CTNH được thu gom, phân loại và lưu chứa trong 09 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy dung tích khoảng 200 lít/thùng bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán mã CTNH theo quy định, đặt trong kho lưu giữ CTNH diện tích 52,74 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Vận hành tổng thể: duy trì, vận hành công trình, biện pháp quản lý CTNH được đầu tư xây dựng trong vận hành giai đoạn 1 như đã nêu tại mục 4.2.2.2 của Quyết định này.

4.2.2.4. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo kho lưu chứa CTNH của Dự án được thiết kế theo đúng quy định; thực hiện phân định, phân loại, giám sát và quản lý chặt chẽ, bảo đảm toàn bộ CTNH phát sinh được thu gom, lưu chứa và xử lý đáp ứng quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và các quy định có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: các thiết bị, máy móc được kiểm tra, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Giai đoạn vận hành: các phương tiện vận tải thường xuyên được bảo dưỡng và vận hành đúng tốc độ tại từng khu vực nhằm đảm bảo không gây tiếng ồn cho môi trường xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực Dự án; sử dụng máy móc mới có chất lượng cao, chạy không rung, tiếng ồn nhỏ. Bảo

duỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng hướng dẫn và đúng quy trình của nhà sản xuất. Kiểm tra định kỳ mức độ ồn trong xưởng sản xuất nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động.

Quy chuẩn áp dụng: tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng tách biệt hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

- Thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường. Thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn tại các công trường thi công vào hệ thống mương, rãnh, hố lắng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I. Quy trình xử lý: Nước mưa chảy tràn → Rãnh thoát nước → Hố ga lắng cặn → Hệ thống thoát nước mưa của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

- Toàn bộ nước mưa chảy tràn trong giai đoạn vận hành Dự án được thu gom qua hệ thống cống bê tông cốt thép bố trí dọc theo các tuyến đường giao thông, cống thu nước qua đường. Nước mưa được đầu nối thoát vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I thông qua 05 vị trí. Quy trình thu gom: Nước mưa chảy tràn → Hệ thống thoát nước mưa nội bộ Dự án → Cửa xả → Hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt và vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định và tổ chức thực hiện; tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, tiếp nhận, bảo quản, lưu trữ hóa chất.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, CTNH: kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo phát hiện kịp thời để khắc phục các sự cố.

+ Lắp đặt van chặn tại điểm đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, đảm bảo trong trường hợp chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải không dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

+ Luôn có các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải của Dự án; thường xuyên tập huấn cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải về chương trình vận hành và bảo dưỡng của hệ thống.

+ Trường hợp xảy ra sự cố: tạm dừng hoạt động của hệ thống; đóng van chặn tại cửa xả nước thải; nước thải được lưu trữ trong thu gom nước thải, bể điều hoà để lưu chứa tạm thời trong quá trình khắc phục sự cố; khẩn trương vận hành các thiết bị dự phòng và tiến hành thay thế trong thời gian sớm nhất, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, mở van chặn tại cửa xả nước thải để nước thải được tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

+ Luôn có quạt dự phòng cho trường hợp xảy ra sự cố quạt hút lỗi hoặc không hoạt động.

+ Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải để phát hiện các lỗi hỏng hóc và có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

+ Định kỳ khoảng 03 tháng/lần, Chủ dự án tiến hành kiểm tra nồng độ iodine để xác định chính xác thời gian thay than tiến hành thay thế than.

+ Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, khẩn trương sửa chữa, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật mới cho vận hành trở lại.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống thoát nước

+ Định kỳ nạo vét các giếng thăm, hồ thu nước, cống thoát nước trên hệ thống thu gom nước mưa, đảm bảo năng lực thoát nước.

+ Tổ chức dọn vệ sinh môi trường, kiểm tra nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt, thực hiện các biện pháp khử trùng, tiêu diệt vi sinh vật gây bệnh nhằm phòng ngừa dịch bệnh phát sinh và lây lan trong trường hợp xảy ra ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại: thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải

rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát định kỳ nước thải

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý của Dự án được đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN hỗ trợ Nam Hà Nội giai đoạn I, Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải sau xử lý theo khoản 2, Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Thực hiện chương trình giám sát nước thải sau xử lý của Dự án theo điều kiện đầu nối nước thải nêu trong biên bản thỏa thuận giữa Chủ dự án và chủ đầu tư hạ tầng KCN.

5.2.2. Giám sát định kỳ khí thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí tại ống thoát khí của 02 hệ thống xử lý khí thải.
- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi tổng, formaldehyde, n-propanol, benzen.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn áp dụng: QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ($K_p = 0,9$; $K_v = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của Dự án; đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng

ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo quy định của pháp luật về môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG
NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /GPMT-BQL

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư – Phát triển N&G tại Văn bản số 101/2023/CV/GPMT ngày 07/07/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội giai đoạn 1” và Văn bản số 202/2023/CV- N&G ngày 30/ 11 /2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội giai đoạn 1 – Khu công nghiệp” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tại Tờ trình số 54 /TTr-QLTNMT ngày 05/ 12 /2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển N&G, địa chỉ Khu công nghiệp nam Hà Nội, xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội giai đoạn

1 – Khu công nghiệp” có địa chỉ tại xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội giai đoạn 1 – Khu công nghiệp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0101142265, đăng ký lần đầu ngày 21/06/2001, đăng kí thay đổi lần thứ 23 ngày 24/02/2023 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01121001128, chứng nhận lần đầu ngày 16/11/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2012 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp.

1.4. Mã số thuế: 0101142265.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích đất: 518.790 m² (theo Quyết định số 2305/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1) – tỷ lệ 1/500, Địa điểm: xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.



2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển N&G:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển N&G có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình Bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2 Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(từ ngày 14 tháng 12 năm 2023 đến ngày 14 tháng 12 năm 2030)

Điều 4. Giao Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường tham mưu đề phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Phú Xuyên và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBND TP
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND huyện Phú Xuyên;
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty Cổ phần đầu tư – phát triển N&G;
- Lưu: VT, QLTNMT/

TRƯỞNG BAN



Lê Quang Long



Phụ lục 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 33 /GPMT-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành của Khu công nghiệp.
- + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.
- + Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp.
- + Nguồn số 4: Nước thải từ phòng thí nghiệm của trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1), địa chỉ xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1), địa chỉ xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m) = 2290522; Y (m) = 594716 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiều 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.500 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được dẫn vào hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1) qua đường ống PVC D250 chiều dài 20m.
- Hình thức xả: tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24h.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột A; K_r = 1; K_q = 0,9), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Không thực hiện	Phải thực hiện lắp đặt và truyền dữ liệu, bảo đảm chậm nhất trước ngày 31/12/2024
2	pH	-	6 đến 9		
3	COD	mg/l	67,5		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
6	Màu	Pt-Co	50	3 tháng/lần	Không yêu cầu
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		
8	Asen	mg/l	0,045		
9	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
10	Chì	mg/l	0,09		
11	Cadimi	mg/l	0,045		
12	Cr (VI)	mg/l	0,045		
13	Cr (III)	mg/l	0,18		
14	Đồng	mg/l	1,8		
15	Kẽm	mg/l	2,7		
16	Niken	mg/l	0,18		
17	Mangan	mg/l	0,45		
18	Sắt	mg/l	0,9		
19	Tổng Xianua	mg/l	0,063		
20	Tổng Phenol	mg/l	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
22	Sunfua	mg/l	0,18		
23	Florua	mg/l	4,5		
24	Tổng Nitơ	mg/l	18		
25	Tổng Phốtpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	01 năm/lần	
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		
33	Tổng PCB	mg/l	0,0027		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom bằng đường cống BTCT D300 chiều dài 205 m; độ dốc $i=0,0033$ (tuyến D4-03) và đường cống BTCT D400 chiều dài 227 m; độ dốc $i=0,0025$ (tuyến D2-02) về bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 2: sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại theo đường ống PVC D110 đầu nối về đường cống BTCT D400 chiều dài 227 m; độ dốc $i=0,0025$ (tuyến D2-02) về bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 3: sau khi được xử lý sơ bộ (đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp) sẽ được thu gom theo 03 tuyến về Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý, cụ thể như sau:

+ Tuyến D6-01: được thu gom theo đường ống BTCT D300 tổng chiều dài 725 m, độ dốc $i=0,0033$ và đường cống BTCT D400 chiều dài 330 m, độ dốc $i=0,0025$ về Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày.đêm (thu gom nước thải của lô đất CN-05, CN-04, phía Tây và phía Nam của lô đất CN-02)

+ Tuyến D5: được thu gom theo đường ống BTCT D300 tổng chiều dài 693 m, độ dốc $i=0,003$ đầu nối cùng tuyến D6-01 về Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày.đêm (thu gom nước thải phía Đông lô đất CN-02).

+ Tuyến D6-02: được thu gom bằng đường ống BTCT D300 tổng chiều dài 1.885 m, độ dốc $i=0,0033$ và đường rãnh BTCT B300 tổng chiều dài 660 m; độ dốc $i=0,002$ đầu nối cùng tuyến D6-01 về Hệ thống xử lý nước thải công suất

1.500 m³/ngày.đêm (thu gom nước thải của lô đất CN-01, CN-03, DVCN-01, DVCN-02, DVCN-03).

- Nguồn số 4: được thu gom, quản lý như đối với chất thải nguy hại, không thải ra ngoài môi trường.

- Mạng lưới thoát nước thải:

Nước thải sau xử lý từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN → hồ sinh thái kết hợp hồ sự cố → mương nước quan trắc tự động kích thước (6x01x01 m) (có lắp thiết bị quan trắc tự động) → cống dẫn PVC D250, chiều dài 20m chảy ra hệ thống thoát nước khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1) (Tọa độ vị trí xả thải: X (m) = 2290522; Y (m) = 594716 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', mũi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các nguồn thải → Bể gom (01 bể, thể tích 117,8 m³) → Bể điều hòa kết hợp xử lý nano Fe⁰ (01 bể, thể tích 607,5 m³) → Bể phản ứng (01 bể 3 ngăn, thể tích 58,3 m³) → Bể lắng sơ cấp (02 bể, tổng thể tích 364,9 m³) → Bể xử lý hoàn thiện (01 bể, thể tích 758,6 m³) → Bể lắng thứ cấp (03 bể, tổng thể tích 1.746,4 m³) → Bể khử trùng (01 bể, thể tích 96,6 m³) → Hồ sinh thái (01 hồ, thể tích 1.150 m³) → Mương quan trắc tự động kích thước (6x01 x01 m) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.500 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H₂SO₄, NaOH, nano Fe⁰, PAC, polymer, NaClO (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Phải hoàn thiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có thiết bị lấy mẫu tự động, camera theo dõi) kết nối và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để theo dõi, giám sát chậm nhất là ngày 31/12/2024 theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc trước khi chảy vào hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1).

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: phải lắp đặt.

- Camera theo dõi: phải lắp đặt.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu phải được truyền về sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng 01 hồ sinh thái kết hợp hồ sự cố thể tích 1.150 m³ để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Đã trang bị một máy phát điện dự phòng với công suất 75 kVA đảm bảo luôn đáp ứng đủ điện năng cho trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định trong trường hợp hệ thống điện lưới có sự cố.

- Trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải: có thiết bị dự phòng đối với các thiết bị vận hành thường xuyên, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng hoặc tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến hệ thống điện điều khiển, sự cố liên quan đến các thiết bị, máy móc.

- Vận hành và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động tốt.

- Thường xuyên giám sát hiệu suất xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố đảm bảo không để nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường.

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của các cơ sở thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải của các cơ sở thông qua các hố ga nước thải đặt ngoài hàng rào của cơ sở; lập danh sách các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm và thường xuyên lấy mẫu kiểm tra nước thải của các cơ sở này.

- Vận hành thường xuyên hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố:

+ Do tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tăng đột ngột ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý: chuyển toàn bộ nước thải qua hồ sự cố để xử lý, sau khi xử lý xong nước thải được bơm về bể thu gom.

+ Do chất lượng nước thải của các cơ sở vượt quá giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp: ngay lập tức nhân viên trạm xử lý nước thải tập trung yêu cầu cơ sở dừng xả nước thải, tạm thời ngừng tiếp nhận nước thải, lấy mẫu nước thải niêm phong và gửi bên thứ ba để phân tích, sau đó tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố và

chỉ thu gom trở lại khi chất lượng nước thải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp.

+ Nước thải sau xử lý không đạt QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội (cột A; $K_r = 1$; $K_q = 0,9$). Nhân viên vận hành sẽ đóng van xả thải và khởi động hệ thống bơm đặt tại mương quan trắc tiến hành bơm toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn xả thải về hồ sự cố để lưu trữ. Lượng nước thải từ hồ sự cố sẽ được bơm về bể thu gom để xử lý bằng hệ thống bơm chìm đặt tại hồ sự cố.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	-	5,5-9
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Màu	Pt-Co	150
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
8	As	mg/l	0,1
9	Hg	mg/l	0,01
10	Pb	mg/l	0,5
11	Cd	mg/l	0,1
12	Cr(VI)	mg/l	0,1
13	Cr(III)	mg/l	1
14	Đồng	mg/l	2
15	Kẽm	mg/l	3
16	Niken	mg/l	0,5
17	Mangan	mg/l	1
18	Sắt	mg/l	5
19	Tổng Xianua	mg/l	0,1
20	Tổng phenol	mg/l	0,5
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
22	Sunfua	mg/l	0,5
23	Florua	mg/l	10
24	Tổng Nitơ	mg/l	40
25	Tổng Phốt pho (Tính theo P)	mg/l	6
26	Clorua	mg/l	1000

27	Clo dư	mg/l	2
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mg/l	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mg/l	1,0
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	Bq/l	1
33	Tổng PCB	Bq/l	0,01

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày 02/01/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí, cụ thể:

- 01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải.
- 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (mương quan trắc).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: tối thiểu 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của hệ thống xử lý nước thải) trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát mưa, thu gom thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung.

3.4. Đảm bảo đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định định tại khoản 3 và 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Phải hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) nêu tại Mục 1.3 Phần B Phụ lục này và kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội để theo dõi, giám sát chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Chủ dự án được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này chỉ được miễn quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải đối với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý

nước thải tập trung. Bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.9. Đảm bảo thỏa thuận đấu nối và xác định điểm đấu nối với đơn vị quản lý hệ thống thoát nước Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1) trước khi Dự án đi vào hoạt động chính thức.

Phụ lục 02

**NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23/GPMT-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước ngầm (hệ thống bơm và phân phối nước).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ X (m) = 2290559; Y (m) = 594776.

- Nguồn số 02: tọa độ X (m) = 2291850; Y (m) = 595226.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung. Các điểm tiếp xúc giữa

máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 03

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23/GPMT-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2023
của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
3	Giẻ lau, găng tay dính dầu, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	20
5	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	50
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	144.060
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất thải, nước thải rửa dụng cụ phòng thí nghiệm có chứa các thành phần nguy hại	19 05 02	100
8	Pin, ắc quy thải	19 06 01	5
	Tổng		144.259

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Rác thải từ song chắn rác	34.700
2	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	42.000
3	Bùn thải từ bể tự hoại	980
4	Bùn hoạt tính từ hệ thống XLNT	87.210
	Tổng khối lượng	164.890

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4.500
	Tổng	4.500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng và 120 lít/thùng, được dán nhãn chất thải nguy hại; Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn bằng bê tông cốt thép.

- Kho lưu giữ:

+ Diện tích kho: 8 m²

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho có mái che, nền bê tông chống thấm, bố trí rãnh thu kích thước 0,2 m×0,2 m chạy xung quanh kho và 01 hố ga thu kích thước 0,5 m×0,3 m×0,5 m để thu gom hóa chất khi có sự cố rò rỉ; có biển cảnh báo CTNH, vật liệu hấp thụ (cát khô), xẻng, các thiết bị PCCC (02 bình bột chữa cháy, 01 tiêu lệnh chữa cháy, còi báo động), thiết bị bảo hộ (gang tay, giày, ủng bảo hộ), hộp sơ cứu vết thương...

- Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa thể tích 90 lít, có nắp đậy; Đối với bùn hoạt tính từ hệ thống xử lý nước thải: được lưu giữ tại bể chứa bùn. Đối với bùn từ hệ thống thoát nước mưa và bùn từ bể tự hoại: đơn vị có chức năng trực tiếp đến hút đi xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa thể tích 90 lít, có nắp đậy

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-BQL ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành các hạng mục công trình xử lý chất thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 với công suất 1.500 m³/ngày.đêm, tại lô HTKT 02 – khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội.

2. Các nội dung sẽ được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 31/QĐ-UBND ngày 07/01/2008 của UBND tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Đại Xuyên, cụ thể như sau:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 2 trong trường hợp cần thiết tại lô HTKT 02 – khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (theo Quyết định số 1337/QĐ-UBND ngày 30/3/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội – giai đoạn 1, Địa điểm: xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện việc phân định, phân loại các chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.



3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước khu công nghiệp hỗ trợ nam Hà Nội (giai đoạn 1).

7. Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu là dầu DO, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

8. Phải có biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

9. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong khu công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của khu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

11. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp trước khi đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

12. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẬP ĐẶT

SỐ: 01/CV.LD.TXLNT....

Dự án: Nhà máy công nghệ Mitac Việt Nam

Hạng mục: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 250 m3/ngày đêm

Địa điểm xây dựng: 1 phần lô CN02, KCN hỗ trợ nam Hà Nội, TP. Hà Nội

1. Hệ thống thiết bị được nghiệm thu bao gồm được nghiệm thu:

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm chìm nước thải bể thu gom	Bộ	02
2	Bơm chìm nước thải bể điều hòa	Bộ	02
3	Máy khuấy chìm bể thiếu khí	Bộ	02
4	Bơm chìm tuần hoàn nước thải	Bộ	02
5	Bơm chìm tuần hoàn bùn	Bộ	02
6	Máy thổi khí	Bộ	02
7	Hệ thống hóa chất	Hệ thống	01
8	Hệ thống ép bùn	Hệ thống	01
9	Hệ thống hút mùi	Hệ thống	01
10	Hệ thống đường ống công nghệ	Hệ thống	01
11	Hệ thống điện điều khiển	Hệ thống	01

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH công nghệ MITAC Việt Nam

+ Ông: Hoàng Kế Xuân Chức vụ: Giám đốc

+ Ông: Chức vụ:

b) Đại diện Nhà thầu: Công ty CP môi trường ETC Việt Nam

+ Ông: Tôn Ngọc Hồng Chức vụ: Giám đốc

+ Ông: Nguyễn Văn Vinh Chức vụ: Quản lý kỹ thuật

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

Bắt đầu: 8h ngày 10 tháng 11 năm 2025

Kết thúc: 12h ngày 15 tháng 11 năm 2025

Tại: Trạm xử lý nước thải U3, nhà máy công nghệ Mitac Việt Nam

4. Đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng:

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng, quy định tại HSTK, CDKT của dự án:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 14:2008/BTNMT

+ Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình. Ban hành kèm theo Quyết định số 47/1999/QĐ-BXD, ngày 21 tháng 12 năm 1999.

- + Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế, TCVN 4513: 1988
- + Thoát nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế, TCVN 4474: 1987
- + TCVN 5576-1991: Hệ thống CTN. Quy phạm quản lý kỹ thuật.
- + Cấp nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình. Tiêu chuẩn thiết kế, TCXDVN 33-2006.
- + Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu chuẩn thiết kế, TCVN 7957-2008.
- + IITCN 18-19-20-21-2006: Quy phạm trang bị điện - Bộ công nghiệp.
- + TCXD 16-1986: Chiều sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.
- + TCVN 9207- 2012: Đặt đường dây dẫn trong nhà ở và công trình công cộng.
- + TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- Các công việc xây dựng đã được thi công đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt:
- Công tác nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận, giai đoạn trong quá trình thi công được thực hiện đầy đủ theo quy định:
- Kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Hợp đồng xây dựng số: *E.25.105.0033/2025/HỢP ĐỒNG ETC-14.11.AE*.....
- Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

b) Về tiến độ thi công/ lắp đặt thiết bị:

- Ngày bắt đầu theo Hợp đồng: *12/15/2025*.....
- Ngày hoàn thành theo Hợp đồng: *01/10/2025*....
- Ngày bắt đầu theo thực tế: *28/05/2025*.....
- Ngày kết thúc theo thực tế: *19/11/2025*.....

Đánh giá tiến độ: *Tiến độ hoàn thành tiến độ chung*

Đánh giá về chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành so với nhiệm vụ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của hợp đồng xây dựng:

- + *Hệ thống cấp, lắp đặt đặt TCVN*
- + *Các thiết bị đúng theo phụ lục hợp đồng*

c) Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Danh mục những sửa đổi thiết kế trong quá trình thi công đính kèm.

d) Các ý kiến khác nếu có:



Handwritten signature

5. Kết luận nghiệm thu:

- Đồng ý nghiệm thu, cho triển khai các công việc tiếp theo: ☒
- Không đồng ý nghiệm thu: ☐

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp nhân)



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp nhân)



GIÁM ĐỐC

Trần Ngọc Hoàng

GIÁM ĐỐC

HAN, KE-YUAN

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu chạy thử và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có;
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẬP ĐẶT

SỐ: QL/CLKL01/HTXL.KT...

Dự án: Nhà máy công nghệ Mitac Việt Nam

Hạng mục: Hệ thống xử lý khí thải công suất 40.000 m³/h

Địa điểm xây dựng: 1 phần lô CN02, KCN hỗ trợ nam Hà Nội, TP. Hà Nội

1. Hệ thống thiết bị được nghiệm thu bao gồm được nghiệm thu:

STT	Thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Quạt hút khí thải	Bộ	03
2	Thiết bị xử lý khí thải	Bộ	02
3	Hệ thống thiết bị cảm biến	Hệ thống	01
4	Hệ thống điều khiển điện	Hệ thống	01

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện Chủ đầu tư: Công ty TNHH công nghệ MITAC Việt Nam

+ Ông: Hàn, Ke - Xuan Chức vụ: Giám đốc

+ Ông: Chức vụ:

b) Đại diện Nhà thầu: Công ty CP môi trường ETC Việt Nam

+ Ông: Trần Ngọc Hoàng Chức vụ: Giám đốc

+ Ông: Nguyễn Văn Khoa Chức vụ: Chuyên kỹ thuật

3. Thời gian và địa điểm nghiệm thu :

Bắt đầu: 09 ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Kết thúc: 11h ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Tại: Hệ thống xử lý khí thải, tầng mái, tòa nhà F1, nhà máy công nghệ Mitac Việt Nam

4. Đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình hoặc công trình xây dựng để đưa vào sử dụng:

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng, quy định tại HSTK, CDKT của dự án:

+ 11TCN 18-19-20-21-2006: Quy phạm trang bị điện - Bộ công nghiệp.

+ TCVN 9207- 2012: Đặt đường dây dẫn trong nhà ở và công trình công cộng.

+ TCVN 9206-2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.

- Các công việc xây dựng đã được thi công đầy đủ theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt:

- Công tác nghiệm thu công việc xây dựng, bộ phận, giai đoạn trong quá trình thi công được thực hiện đầy đủ theo quy định:

- Kết quả thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của thiết kế xây dựng;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên



[Handwritten signature]

quan.

- Hợp đồng xây dựng số: E.25.105.0033/2025/HĐKT/PTC-MITAC
- Nhật ký thi công và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

b) Về tiến độ thi công/lắp đặt thiết bị:

- Ngày bắt đầu theo Hợp đồng: 11/5/2025
- Ngày hoàn thành theo Hợp đồng: 06/08/2025
- Ngày bắt đầu theo thực tế: 23/08/2025
- Ngày kết thúc theo thực tế: 15/11/2025

Đánh giá tiến độ: Đảm bảo tiến độ

Đánh giá về chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng hoàn thành so với nhiệm vụ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu khác của hợp đồng xây dựng;

Chất lượng công trình đảm bảo theo TCVN

c) Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Danh mục những sửa đổi thiết kế trong quá trình thi công đính kèm.

d) Các ý kiến khác nếu có:

5. Kết luận nghiệm thu:

- Đồng ý nghiệm thu, cho triển khai các công việc tiếp theo: ☒
- Không đồng ý nghiệm thu: ☐

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp nhân)



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp nhân)



GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Hoàng

GIÁM ĐỐC
HAN, KE-YUAN

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

- Biên bản nghiệm thu chạy thử và các phụ lục kèm theo biên bản này, nếu có;
- Các tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu.

PHỤ LỤC II
CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

HẠNG MỤC: THI CÔNG KẾT CẤU VÀ HOÀN THIỆN

DỰ ÁN: MÁY TÍNH MITAC (VIỆT NAM) - GIAI ĐOẠN 1
ĐỊA ĐIỂM: MỘT PHẦN LÔ ĐẤT CN02, KCN HỖ TRỢ NAM HÀ NỘI - GIAI ĐOẠN 1,
XÃ ĐẠI XUYỀN, TP. HÀ NỘI
HỢP ĐỒNG SỐ: E241050050, KÝ NGÀY 01 THÁNG NĂM 2024
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)
TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI HƯNG GIA PHÁT
NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13FC

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
HAN, KE-YUAN

ĐẠI DIỆN TVGS



GIÁM ĐỐC
Huỳnh Hữu Tâm

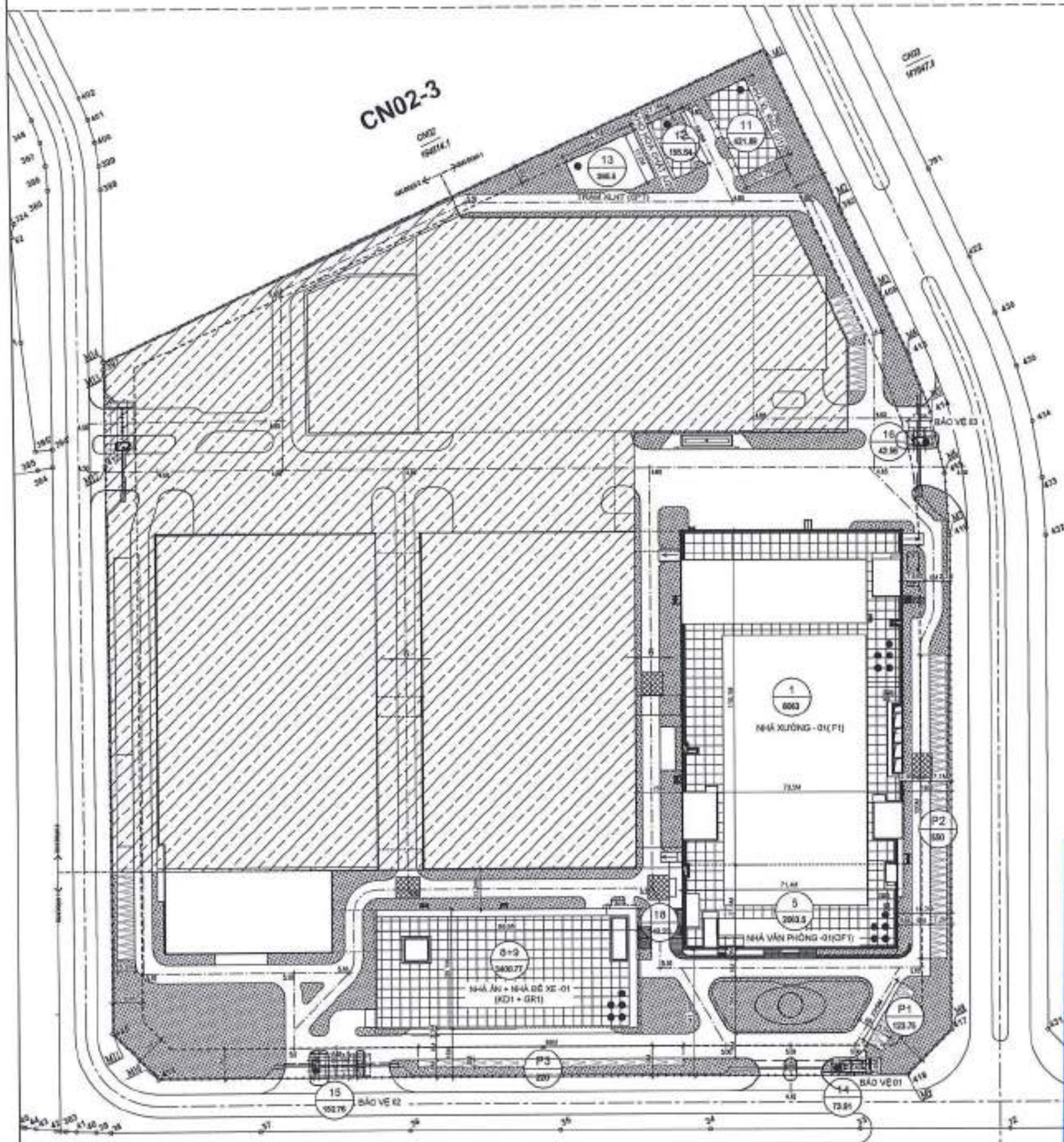
ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



K/T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PTGD. Nguyễn Xuân Hoàn

TP. HÀ NỘI - 2025

MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAI ĐOẠN I



GHI CHÚ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH			
SỐ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	SỐ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN I			
1	NHÀ XƯỞNG - 01	13	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
5	NHÀ VƯỜN PHỒNG - 01	14	NHÀ BẢO VỆ 1
8	NHÀ ẮN	15	NHÀ BẢO VỆ 2
9	NHÀ ĐỂ XE - 01	16	NHÀ BẢO VỆ 3
11	NHÀ XỬ LÝ RÁC	18	HÀNH LANG CẦU 1
12	KHO HOÀ CHẤT		
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN 2			
2	NHÀ XƯỞNG - 02	22	HÀNH LANG CẦU 5
3	NHÀ XƯỞNG - 03	23	HÀNH LANG CẦU 6
4	NHÀ KHO	24	HÀNH LANG CẦU 7
6	NHÀ VƯỜN PHỒNG - 02	25	HÀNH LANG CẦU 8
7	NHÀ VƯỜN PHỒNG - 03	26	HÀNH LANG CẦU 9
10	NHÀ ĐỂ XE - 02	P1	BÃI ĐỖ XE-01
17	NHÀ BẢO VỆ 4	P2	BÃI ĐỖ XE-02
19	HÀNH LANG CẦU 2	P3	BÃI ĐỖ XE-03
20	HÀNH LANG CẦU 3	P4	BÃI ĐỖ XE-04
21	HÀNH LANG CẦU 4	P5	BÃI ĐỖ XE-05

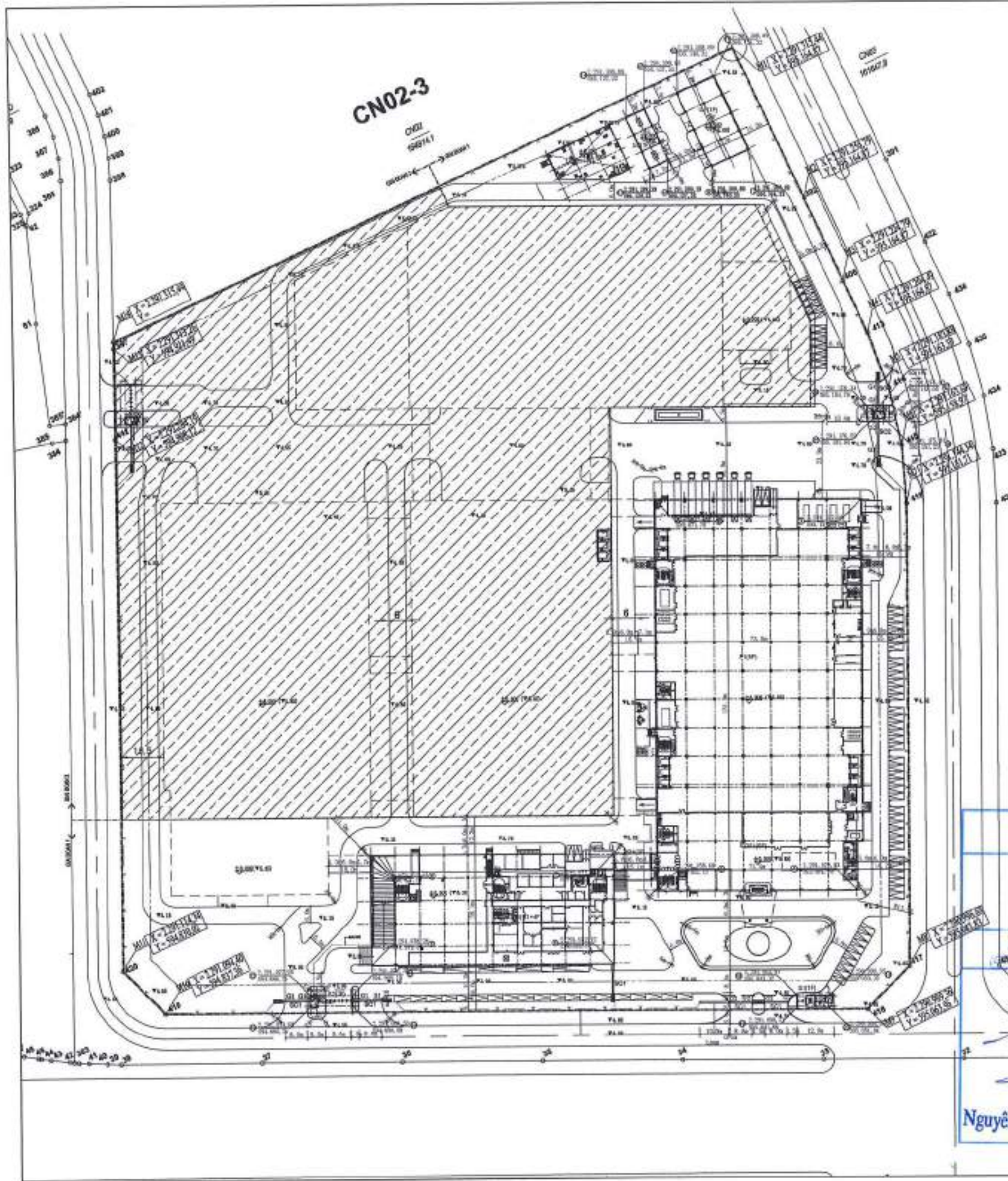
BẢNG CHỈ THỊ GÂY HƯNG-HƯN TRƯỚC GIAI ĐOẠN 1 - DỰ ÁN					
STT	Hạng mục	Chỉ số đánh giá	Tỷ lệ (%)	Chỉ số đánh giá	Tỷ lệ (%)
1	Thiết kế kiến trúc	10.00	100%	10.00	100%
2	Thiết kế kỹ thuật	10.00	100%	10.00	100%
3	Thiết kế kinh tế	10.00	100%	10.00	100%
4	Thiết kế môi trường	10.00	100%	10.00	100%
5	Thiết kế an ninh	10.00	100%	10.00	100%
6	Thiết kế pháp lý	10.00	100%	10.00	100%
7	Thiết kế xã hội	10.00	100%	10.00	100%
8	Thiết kế văn hóa	10.00	100%	10.00	100%
9	Thiết kế nghệ thuật	10.00	100%	10.00	100%
10	Thiết kế khác	10.00	100%	10.00	100%
11	Tổng các hạng mục	110.00	1100%	110.00	1100%
12	Chỉ số trung bình	11.00	110%	11.00	110%
13	Chỉ số tối thiểu	10.00	100%	10.00	100%
14	Chỉ số tối đa	12.00	120%	12.00	120%

- KÝ HIỆU:
- TÊN LỘ ĐẤT XÂY DỰNG
 - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG
 - KHUNG NHÀ XÂY DỰNG
 - CHỈ DẪN XÂY DỰNG
 - ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
 - ĐẤT CÂY XANH, CẢNH QUAN
 - ĐẤT SÂN BƯỜNG HẠ ĐỒ
 - BÃI ĐỖ XE

BẢNG THỐNG KÊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - GIAI ĐOẠN I									
Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sân bãi	Diện tích cây xanh	Diện tích cảnh quan	Diện tích bãi đỗ xe	Tổng diện tích xây dựng	Số tầng	Chiều cao công trình (m)	Chiều cao công trình (m)
1. ĐẤT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
2. NHÀ XƯỞNG - 01 (P1)	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
3. NHÀ VƯỜN PHỒNG - 01	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
4. NHÀ ẮN	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
5. NHÀ ĐỂ XE - 01	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
6. NHÀ XỬ LÝ RÁC	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
7. KHO HOÀ CHẤT	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
8. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
9. NHÀ BẢO VỆ 1	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
10. NHÀ BẢO VỆ 2	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
11. NHÀ BẢO VỆ 3	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
12. NHÀ BẢO VỆ 4	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
13. HÀNH LANG CẦU 1	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
14. HÀNH LANG CẦU 2	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
15. HÀNH LANG CẦU 3	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
16. HÀNH LANG CẦU 4	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
17. HÀNH LANG CẦU 5	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
18. HÀNH LANG CẦU 6	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
19. HÀNH LANG CẦU 7	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
20. HÀNH LANG CẦU 8	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
21. HÀNH LANG CẦU 9	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
22. BÃI ĐỖ XE-01	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
23. BÃI ĐỖ XE-02	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
24. BÃI ĐỖ XE-03	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
25. BÃI ĐỖ XE-04	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
26. BÃI ĐỖ XE-05	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
27. Tổng các hạng mục	110.00	0.00	0.00	0.00	0.00	110.00	1	10.00	10.00
28. Chỉ số trung bình	11.00	0.00	0.00	0.00	0.00	11.00	1	10.00	10.00
29. Chỉ số tối thiểu	10.00	0.00	0.00	0.00	0.00	10.00	1	10.00	10.00
30. Chỉ số tối đa	12.00	0.00	0.00	0.00	0.00	12.00	1	10.00	10.00

NGUYỄN VĂN KIÊN
CHỈ HUY TRƯỞNG
NGUYỄN XUÂN TÙNG

STT	NGÀY SỬ DỤNG	NỘI DUNG
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MẠC (VIỆT NAM)		
Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN02/19974.1) KCN Lũy Trục Nam Hà Nội (Giai đoạn 1) Huyện Phú Xuyên Hà Nội, Việt Nam		
Dự án		
MẶT BẰNG MẶT (VIỆT NAM)		
Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN02/19974.1) KCN Lũy Trục Nam Hà Nội (Giai đoạn 1) Huyện Phú Xuyên Hà Nội, Việt Nam		
TỔNG THẦU THIẾT KẾ		
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOG 13P		
Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN02/19974.1) KCN Lũy Trục Nam Hà Nội (Giai đoạn 1) Huyện Phú Xuyên Hà Nội, Việt Nam		
TỰ VẤN THIẾT KẾ		
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG		
Địa điểm: KCN Lũy Trục Nam Hà Nội (Giai đoạn 1) Huyện Phú Xuyên Hà Nội, Việt Nam		
GIÁM ĐỐC		
TS. TRẦN NGỌC PHÚ		
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
KTS. NGUYỄN TRUNG HIỀN		
CHỦ TRƯỞNG KIẾN TRÚC		
KTS. NGUYỄN TRUNG HIỀN		
THIẾT KẾ		
KTS. KHUẤT THỊ THU		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT		
KTS. TRẦN SƠN LINH		
CÔNG TRÌNH		
HẠNG MỤC		
KIẾN TRÚC		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG TỔNG THỂ GIAI ĐOẠN I		
TỶ LỆ:		
GIAI ĐOẠN B/TC		
KÝ HIỆU: TT-02		



RANH GIỚI KHU BẮT QUY HOẠCH GIỚI HẠN BỜ CÁC MỐC M1, M2, M3, ..., M14, M1		
TÊN MỐC	X	Y
M1	2291315.44	595164.87
M2	2291258.79	595164.87
M3	2291234.79	595164.87
M4	2291204.49	595164.87
M5	2291183.89	595163.39
M6	2291163.89	595159.87
M7	2291144.34	595151.71
M8	2290996.68	595083.83
M9	2290980.36	595083.96
M10	2291084.40	594837.36
M11	2291114.34	594830.02
M12	2291284.19	594908.12
M13	2291313.26	594921.49
M14	2291315.44	594921.49
M1	2291315.44	595104.87

CHỖ KHU BẮT

RANH GIỚI	CAO ĐỘ THIẾT KẾ NGOÀI
KHOẢNG LƯỚI	CAO ĐỘ HOÀN THIỆN
PHÂN CHÍ GIAI ĐOẠN	CAO ĐỘ KẾT CẤU
HÀNG RÀO RỘNG	ĐƯỜNG PHẠM VI HẠM
HÀNG RÀO BẮC	
LOGO	
HÀNG RÀO	

BẢNG TỌA ĐỘ ĐỈNH CÔNG TRÌNH

STT	X	Y
1	2291058.68	595014.17
2	2291182.97	595071.79
3	2291152.48	595137.57
4	2291029.03	595078.14
5	2291078.28	594911.08
6	2291113.21	594927.19
7	2291077.05	595065.21
8	2291042.12	595080.03
9	2291280.89	595140.32
10	2291308.89	595140.32
11	2291308.89	595154.32
12	2291280.89	595154.32
13	2291280.39	595127.32
14	2291308.89	595127.32
15	2291308.89	595127.32
16	2291280.39	595127.32
17	2291000.71	595041.86
18	2291003.97	595043.31
19	2290999.35	595043.31
20	2290996.08	595061.84
21	2291024.68	594865.25
22	2291077.95	594866.76
23	2291071.77	594900.10
24	2291068.50	594880.58
25	2291176.52	594159.58
26	2291176.52	595154.79
27	2291176.82	595159.05
28	2291175.01	595170.21

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI3FC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

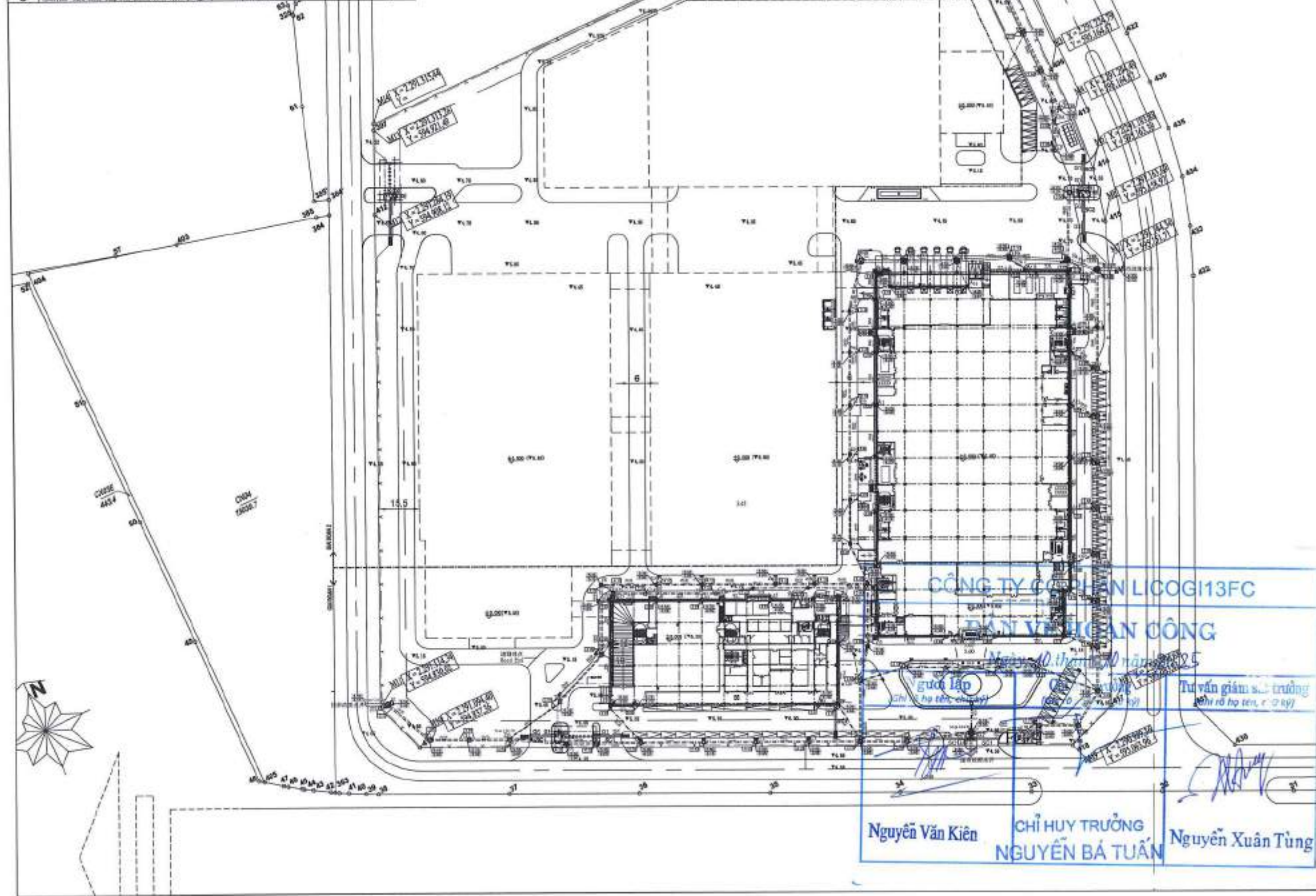
Ngày 10 tháng 10 năm 2025

Người lập
(chữ ký, họ tên, chữ ký)
Nguyễn Văn Kiên

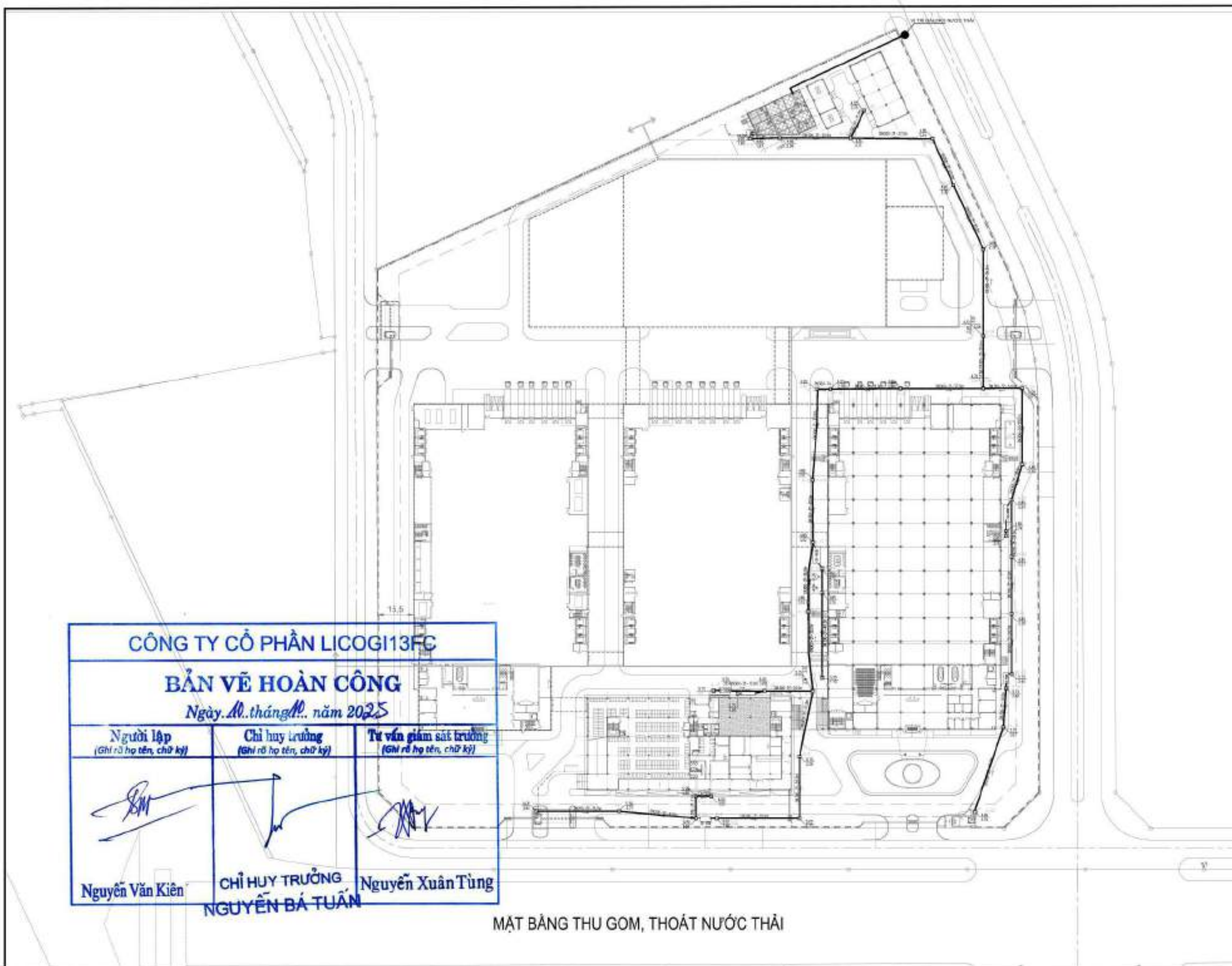
Người giám sát
(chữ ký, họ tên, chữ ký)
NGUYỄN ĐA THẠNH
NGUYỄN XUÂN TÙNG

STT	NGÀY HỌ	NỘI DUNG
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MTC (VIỆT NAM)		
Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN-02), khu phố Trương Hà Nội, Quận Đống Đa, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội, Việt Nam		
DỰ ÁN: MÂY TÍNH MTC (VIỆT NAM)		
Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN-02), khu phố Trương Hà Nội, Quận Đống Đa, Huyện Phú Xuyên, Hà Nội, Việt Nam		
TỔNG THẦU THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI3FC		
Địa điểm: Tòa nhà LicoGI3FC - Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội		
TỰ VẤN THIẾT KẾ: TRƯƠNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG		
Địa điểm: Km 16, Đường Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội		
GIAM ĐỐC: TS. TRẦN NGỌC PHÚ CHỦ NHIỆM DỰ ÁN		
KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN: CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC		
KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN: THIẾT KẾ		
KTS. KHUẤT THỊ THU: QUẢN LÝ KỸ THUẬT		
KS. TRẦN SƠN LINH: CÔNG TRÌNH		
HẠNG MỤC: KIẾN TRÚC		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN I		
TỶ LỆ:		GIẢI ĐOẠN: B/TC
KÝ HIỆU: TT-05		

STT	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ
STT	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ	THIẾT BỊ
1	...	...	...	...	...
2	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...
4	...	...	...	...	...
5	...	...	...	...	...
6	...	...	...	...	...
7	...	...	...	...	...
8	...	...	...	...	...
9	...	...	...	...	...
10	...	...	...	...	...
11	...	...	...	...	...
12	...	...	...	...	...
13	...	...	...	...	...
14	...	...	...	...	...
15	...	...	...	...	...
16	...	...	...	...	...
17	...	...	...	...	...
18	...	...	...	...	...
19	...	...	...	...	...
20	...	...	...	...	...
21	...	...	...	...	...
22	...	...	...	...	...
23	...	...	...	...	...
24	...	...	...	...	...
25	...	...	...	...	...
26	...	...	...	...	...
27	...	...	...	...	...
28	...	...	...	...	...
29	...	...	...	...	...
30	...	...	...	...	...
31	...	...	...	...	...
32	...	...	...	...	...
33	...	...	...	...	...
34	...	...	...	...	...
35	...	...	...	...	...
36	...	...	...	...	...
37	...	...	...	...	...
38	...	...	...	...	...
39	...	...	...	...	...
40	...	...	...	...	...
41	...	...	...	...	...
42	...	...	...	...	...
43	...	...	...	...	...
44	...	...	...	...	...
45	...	...	...	...	...
46	...	...	...	...	...
47	...	...	...	...	...
48	...	...	...	...	...
49	...	...	...	...	...
50	...	...	...	...	...
51	...	...	...	...	...
52	...	...	...	...	...
53	...	...	...	...	...
54	...	...	...	...	...
55	...	...	...	...	...
56	...	...	...	...	...
57	...	...	...	...	...
58	...	...	...	...	...
59	...	...	...	...	...
60	...	...	...	...	...
61	...	...	...	...	...
62	...	...	...	...	...
63	...	...	...	...	...
64	...	...	...	...	...
65	...	...	...	...	...
66	...	...	...	...	...
67	...	...	...	...	...
68	...	...	...	...	...
69	...	...	...	...	...
70	...	...	...	...	...
71	...	...	...	...	...
72	...	...	...	...	...
73	...	...	...	...	...
74	...	...	...	...	...
75	...	...	...	...	...
76	...	...	...	...	...
77	...	...	...	...	...
78	...	...	...	...	...
79	...	...	...	...	...
80	...	...	...	...	...
81	...	...	...	...	...
82	...	...	...	...	...
83	...	...	...	...	...
84	...	...	...	...	...
85	...	...	...	...	...
86	...	...	...	...	...
87	...	...	...	...	...
88	...	...	...	...	...
89	...	...	...	...	...
90	...	...	...	...	...
91	...	...	...	...	...
92	...	...	...	...	...
93	...	...	...	...	...
94	...	...	...	...	...
95	...	...	...	...	...
96	...	...	...	...	...
97	...	...	...	...	...
98	...	...	...	...	...
99	...	...	...	...	...
100	...	...	...	...	...



STT	NGÀY	NỘI DUNG
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITSUBISHI (VIỆT NAM) Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN-002), Khu Khu vực xây dựng nhà ở xã hội, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam DỰ ÁN: MỸ TĨNH MITSUBISHI (VIỆT NAM) Địa điểm: Một phần lô đất CN02 (CN-002), Khu Khu vực xây dựng nhà ở xã hội, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam TỔNG THẦU THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13FC Địa điểm: Tòa nhà LICOGI 13 - Khu vực xây dựng Nhà ở xã hội, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh TƯ VẤN THIẾT KẾ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Địa điểm: Phòng, Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội GIÁM ĐỐC: TS. TRẦN NGỌC PHÚ CHỦ NHIỆM DỰ ÁN KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN THIẾT KẾ KTS. KHUẤT THỊ THU QUẢN LÝ KỸ THUẬT KTS. TRẦN SƠN LINH CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG GIAO THÔNG HẠNG MỤC: KIẾN TRÚC TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA GIAI ĐOẠN I TỶ LỆ: 1/500 KÝ HIỆU: QF2		



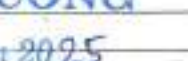
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13FC		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 10 tháng 10 năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)
Nguyễn Văn Kiên	CHỈ HUY TRƯỞNG NGUYỄN BÁ TUẤN	Nguyễn Xuân Tùng

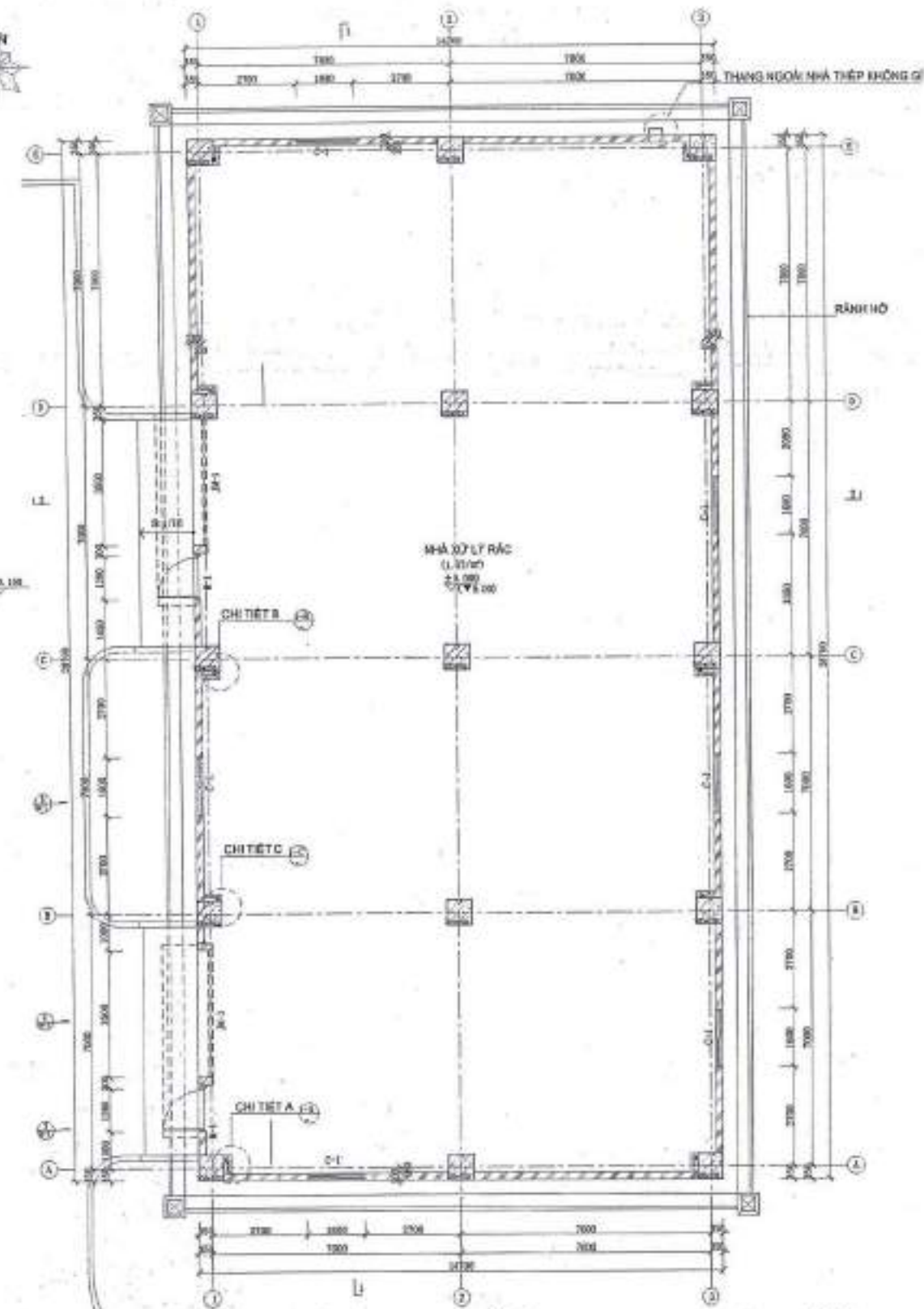
MẶT BẰNG THU GOM, THOÁT NƯỚC THẢI

Chỉnh sửa 變更	Ngày 日期	Nội dung 内容
-	-	-
-	-	-
-	-	-
-	-	-
CHỦ ĐẦU TƯ - 业主		
-		
BÁ CHÍ - 设计		
THIẾT KẾ CƠ SỞ ☐ 设计		
THÀNH DỰNG ☐ 设计		
THAM KHẢO ☐ 参考		
THI CÔNG ☐ 施工		
HOÀN CÔNG ☐ 竣工		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - 设计公司		
-		
BÁ CHÍ - 设计		
QUẢN LÝ - 管理		
CHUYÊN - 专业		
QUẢN LÝ THIẾT KẾ - 设计管理		
THIẾT KẾ - 设计		
THI CÔNG - 施工		
ĐƠN VỊ THI CÔNG - 承包商		
BÁ CHÍ - 设计		
TÊN CÔNG TRÌNH - 工程		
BÁ CHÍ - 设计		
HẠNG MỤC - 项目		
TÊN BẢN VẼ - 图名		
MẶT BẰNG THU GOM, THOÁT NƯỚC THẢI		
HOÀN THÀNH - 完成	SỐ BẢN VẼ - 图数	
KHOẢNG - 距离	TỶ LỆ - 比例	

PHẦN KIẾN TRÚC
CÔNG TRÌNH: NHÀ XỬ LÝ RÁC (U1)

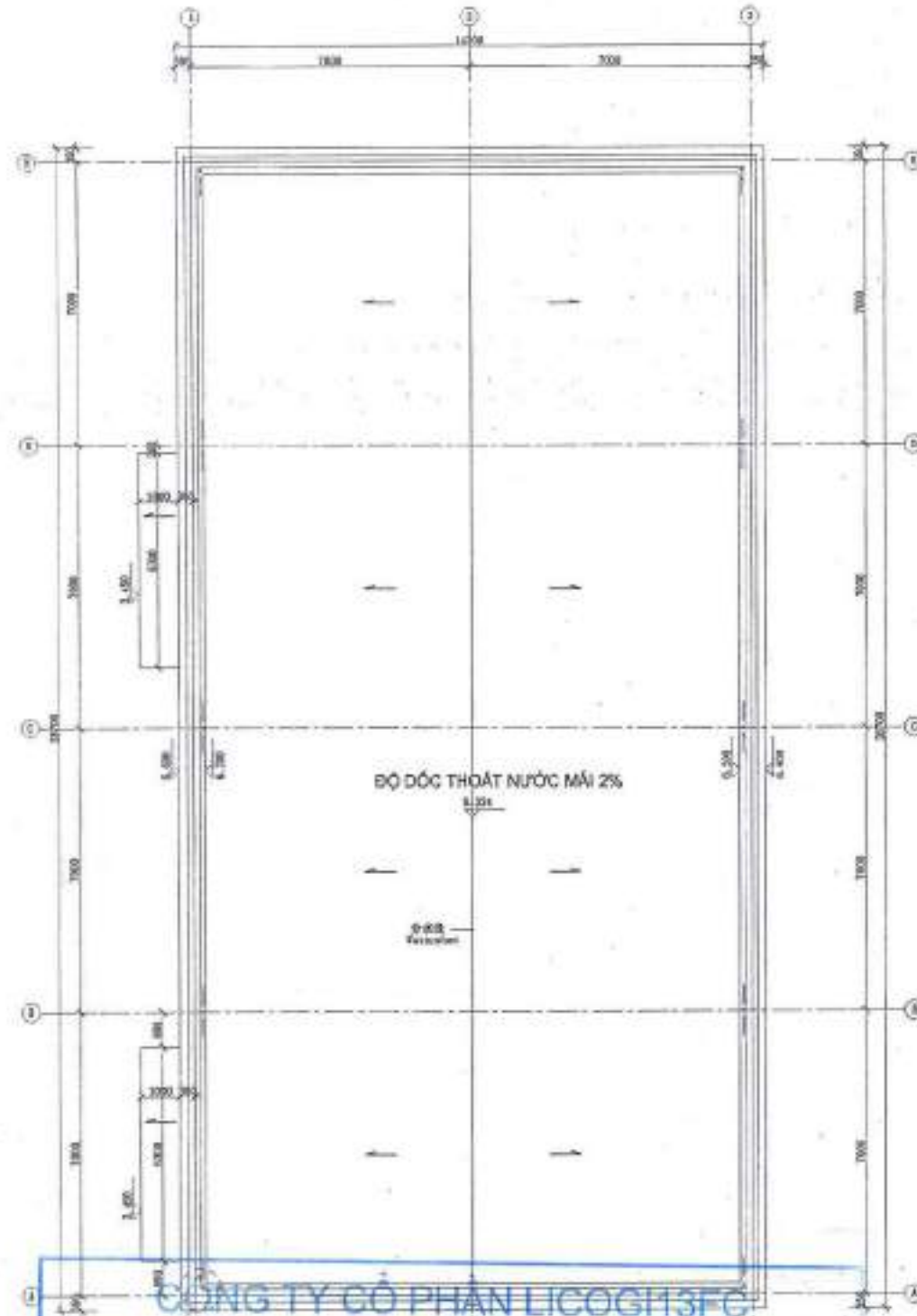
[illegible]

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGIT3FC			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày 10 tháng 10 năm 2025			
Người lập (Chữ rõ họ tên, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Chữ rõ họ tên, chữ ký)	Tư vấn giám sát (Chữ rõ họ tên, chữ ký)	Trưởng (Chữ rõ họ tên, chữ ký)
			
Nguyễn Văn Kiến	CHỈ HUY TRƯỞNG NGUYỄN BÁ TUẤN	Nguyễn Xuân Tùng	



STT	MATERIAL	QUANTITY	UNIT
1	Concrete	1000	m³
2	Brick	10000	pieces
3	Steel reinforcement	100	kg

1 MẶT BẰNG TẦNG 1- TỶ LỆ 1:80



2 MẶT BẰNG MẪI- TỶ LỆ 1:80

STT	MATERIAL	QUANTITY
1	Concrete	1000
2	Brick	10000
3	Steel reinforcement	100

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGH3FC (VIỆT NAM)
Địa điểm: Một phần lô đất công nghiệp số 107
Hàng Mã Hội Sơn Đông 1, Huyện Phú Xuyên,
Hà Nội Việt Nam

DỰ ÁN
MÁY TÍNH MẮT (VIỆT NAM)
Địa điểm: Một phần lô đất công nghiệp số 107
Hàng Mã Hội Sơn Đông 1, Huyện Phú Xuyên,
Hà Nội Việt Nam

TỔNG THẦU THIẾT KẾ
TS. TRẦN NGUYỄN PHÚC
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

TƯ VẤN THIẾT KẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIAO
CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Địa điểm: 107B, Đường Nguyễn Trãi,
Đ. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

GIÁM ĐỐC
TS. TRẦN NGUYỄN PHÚC
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN
CHỦ TRÍ TK KIẾN TRÚC

KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN
THIẾT KẾ

KTS. KHUẤT THỊ THU
QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KS. TRẦN SƠN LINH
CÔNG TRÌNH

NHÀ XỬ LÝ RÁC (U1)

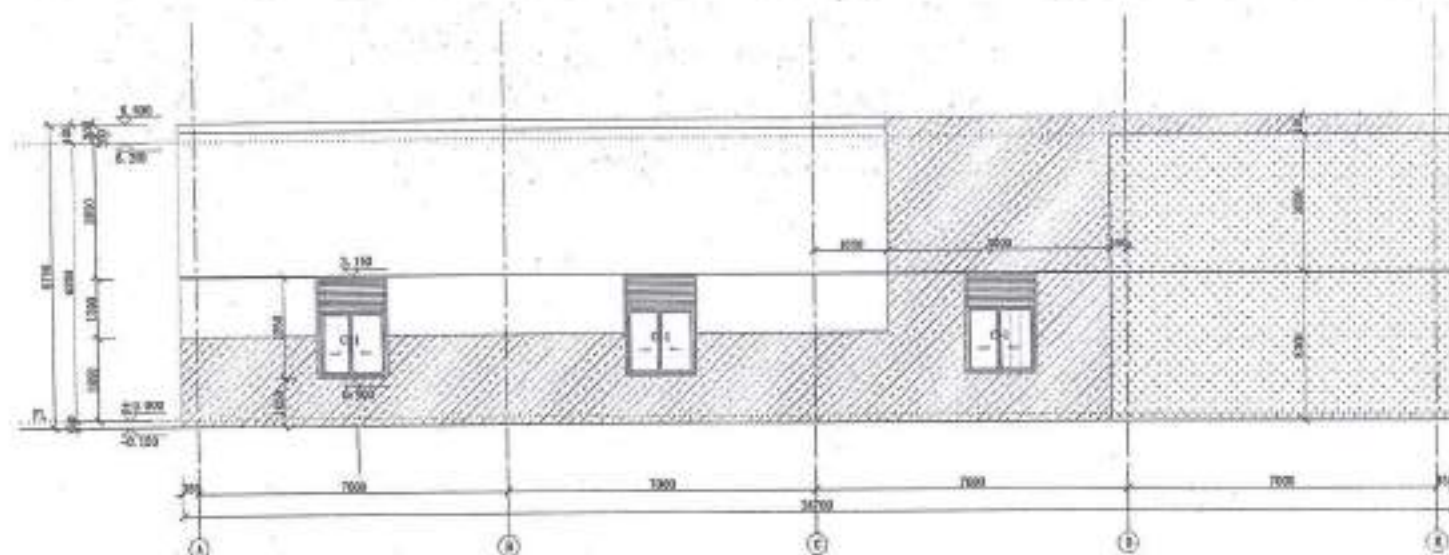
HẠNG MỤC:
KIẾN TRÚC

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG

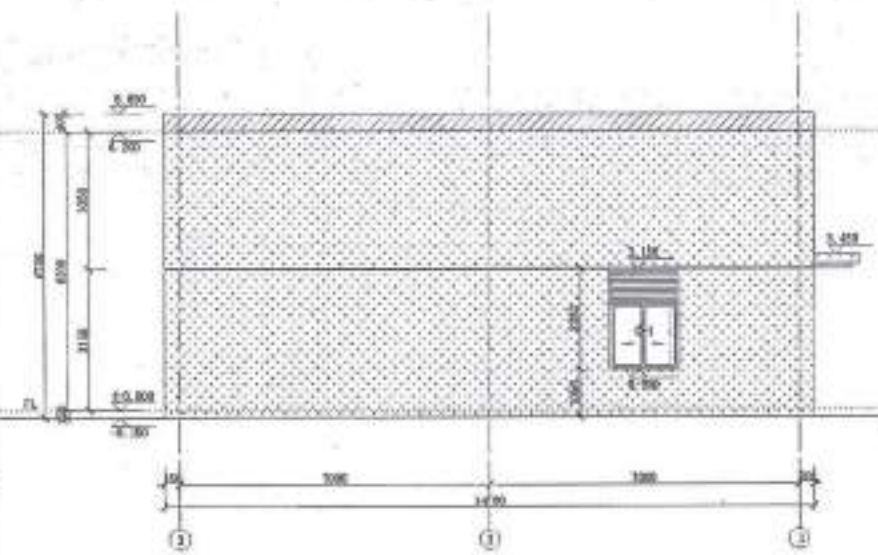
TỶ LỆ:
GIẢI ĐOẠN: BVTG

KÝ HIỆU:
MTAG.301

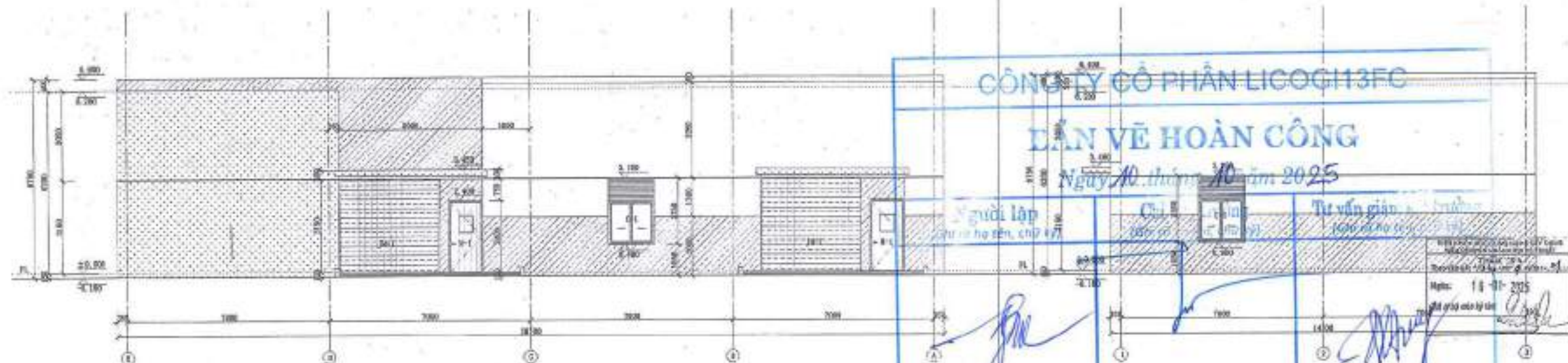
1. TẤT CẢ CÁC ĐƯỜNG CHỈ NGOÀI NHÀ ĐỀU RỘNG 30MM, SƠN MÀU XANH
2. NHÀ THẦU THI CÔNG PHẢI TRÌNH BÀN VÊ CHỖ CHỈ DẪU TỰ XÁC NHẬN TRƯỚC KHI THI CÔNG
3. TRƯỚC KHI THI CÔNG HOÀN THIỆN, NHÀ THẦU TRÌNH BÀN VÊ MẶT NGỒN, TRƯỚC KHI SÀN XUẤT BÀN TRẢ PHẢI TRÌNH MẪU CHO TỰ XÁC NHẬN VÀ CHỖ SẴN TỰ PHÊ DUYỆT
4. SAU KHI LỰA CHỌN PHẢI THI CÔNG MẪU TẠI VỊ TRÍ ĐÃ ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
5. TẤT CẢ CÁC VẬT LIỆU HOÀN THIỆN PHẢI ĐƯỢC KÍ GƯƠNG
6. TƯỜNG, CỬA RA VÀO, CỬA SỔ SAU KHI HOÀN THIỆN PHẢI ĐƯỢC CHỐNG THẨM



① MẶT ĐÚNG TRỰC A-E, TỶ LỆ 1/80



② MẶT ĐỨNG TRƯỚC 3-1, TỶ LỆ 1/80



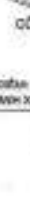
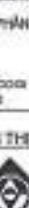
③ MẶT ĐỨNG TRỤC E-A, TỶ LỆ 1/80

Ngày 10 tháng 10 năm 2025

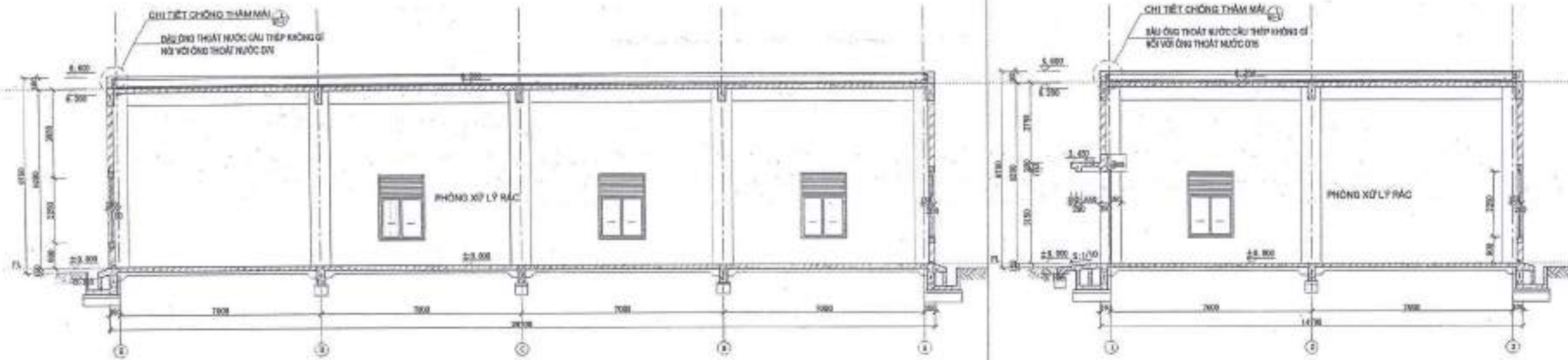
Nguyễn Văn Kiên

CHỈ HUY TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Tùng

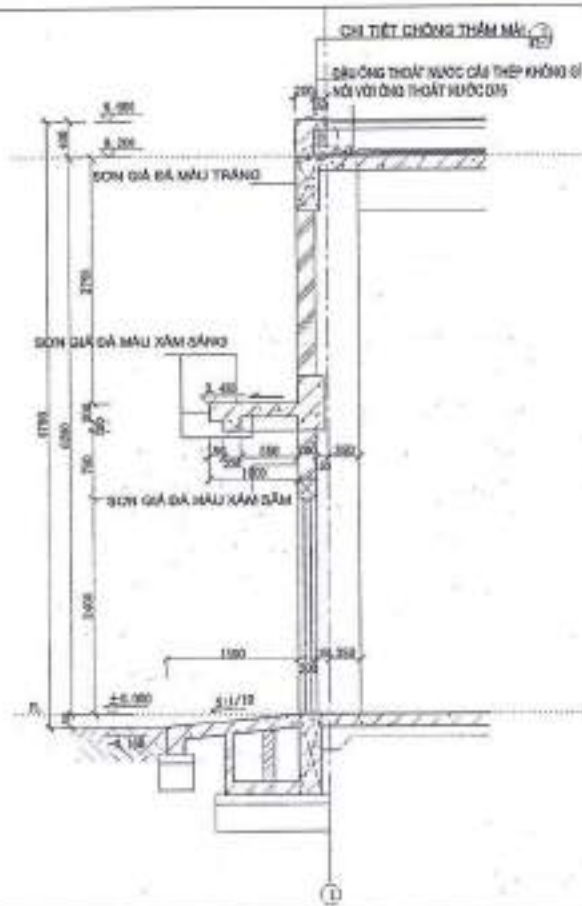
BTT	MÃ SỐ	MÃ SỐ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM  Địa điểm: Một phần lô đất công, khu hồ thủy nông xã Hòa Xuân 1, huyện Phú Bình, Hà Nội, Việt Nam DỰ ÁN: MÁY TÍNH MÔI TRƯỜNG (VIỆT NAM) Địa điểm: Một phần lô đất công, khu hồ thủy nông xã Hòa Xuân 1, huyện Phú Bình, Hà Nội, Việt Nam  CÔNG TY CỔ PHẦN ƯỚC ƯỚC Địa điểm: Tòa nhà Ước Ước 1, huyện Ước Ước, Hà Nội TƯ VẤN THIẾT KẾ:  TRƯƠNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN SẠC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Địa điểm: Khu vực đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội GIÁM ĐỐC:  TS. TRẦN NGỌC PHI CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN THIẾT KẾ KTS. KHUẤT THỊ THU QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. TRẦN SƠN LINH CÔNG TRÌNH: NHÀ XỬ LÝ RÁC (U1) HẠNG MỤC: KIẾN TRÚC TÊN BẢN VẼ: MẶT ĐỒNG TỶ LỆ: ĐIỀU KIỆN: BHYT KÝ HIỆU: MITAC.3.02		

2. NHÀ THẦU THI CÔNG PHẢI TRÌNH BÀI VẼ CHO CHỦ ĐẦU TƯ XÁC NHẬN TRƯỚC KHI THI CÔNG

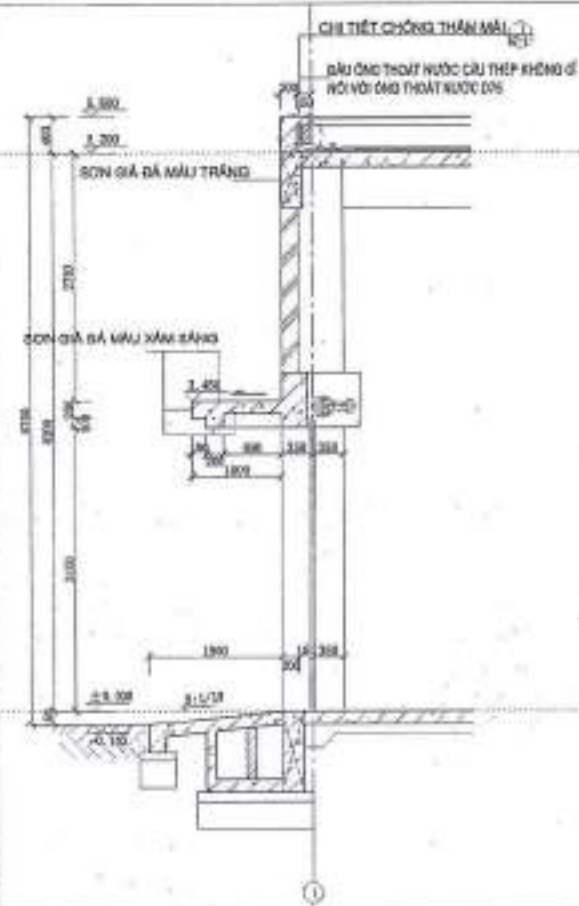


1 MẶT CẮT 1-1, TỶ LỆ 1/80

2 MẶT CẮT 2-2, TỶ LỆ 1/80



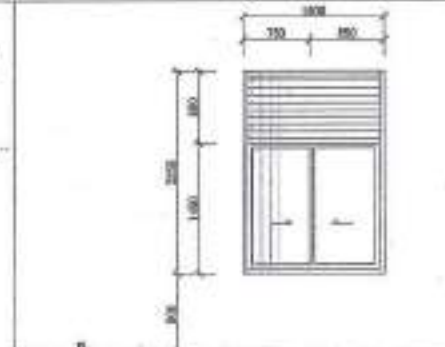
3 CẮT TƯỜNG 1, TỶ LỆ 1/40



4 CẮT TƯỜNG 2, TỶ LỆ 1/40



5 CẮT TƯỜNG 3, TỶ LỆ 1/40



6 MẶT ĐÚNG CỬA & CỬA SỔ - TL: 1/40

CÔNG TY CỔ PHẦN LICQGI 3FC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 10 tháng 10 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Phụ vấn giám sát trưởng
(Chữ ký)	(Chữ ký)	(Chữ ký)
Nguyễn Văn Kiên	CHỈ HUY TRƯỞNG	Nguyễn Xuân Tùng
	NGUYỄN BÁ TUẤN	

LOẠI: CỬA SỔ NHÓM C-1 (1800X2250)
 QH CHỦ: KÍNH CƯỜNG LỰC DÂY 6MM

LOẠI: CỬA THÉP SƠN + KÍNH CỎ ĐỎH (1200X2250)
 QH CHỦ: CỬA CHỐNG CHÁY + KÍNH CỎ ĐỎH LỰC DÂY 6MM

STT	NGÀY HỌP	NỘI DUNG
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MİTAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ: MỘT PHÂN LỘ MẶT CỎ ĐỎH, KINH DOANH NHÀ HẠ HỒI ĐẦU ĐỎH 1, HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI, VIỆT NAM	DỰ ÁN: NHÀ TÍNH MİTAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ: MỘT PHÂN LỘ MẶT CỎ ĐỎH, KINH DOANH NHÀ HẠ HỒI ĐẦU ĐỎH 1, HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI, VIỆT NAM
TỔNG THẦU THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN LICQGI 13FC ĐƠN VỊ: TỌA NHÀ LICQGI 3 - KHUẤT DUY TÊN - THANH XUYỀN - HÀ NỘI	TƯ VẤN THIẾT KẾ: TS. TRẦN NGUYỄN PHÚ CHỦ NHẬN DỰ ÁN:
TRƯỞNG BAN HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG ĐƠN VỊ: KHUẤT DUY TÊN, TP. HÀ NỘI GIÁM ĐỐC:	KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC
KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN THIẾT KẾ	KTS. KHUẤT THỊ THU QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KTS. TRẦN SON LINH CÔNG TRÌNH:	NHÀ XỬ LÝ RÁC (U1)
HẠNG MỤC: KIẾN TRÚC	TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT, CHI TIẾT
TỶ LỆ:	GIẤY ĐÓNG: B/TC
KÝ HIỆU: MİTAC.1.03	



STT	NGÀY HỢP	HỌ TÊN
1		
2		
3		

CHỖ BÀN TỰ:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)



ĐỊA ĐIỂM: BỐT PHANH LỎ ĐÁY CHẠM, KHU HỒ THỦY
 HẠNG HÀ NỘI: QUẬN ĐOÀN 1, HUYỆN PHÚ THÚY
 HÀ NỘI VIỆT NAM

ĐU AN:

MỸ TÍNH MITSAC (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM: BỐT PHANH LỎ ĐÁY CHẠM, KHU HỒ THỦY
 HẠNG HÀ NỘI: QUẬN ĐOÀN 1, HUYỆN PHÚ THÚY
 HÀ NỘI VIỆT NAM

TỔNG THẦU THIẾT KẾ:




CÔNG TY CỔ PHẦN UDCG

ĐỊA ĐIỂM: TÒA NHÀ UDCG 15 - KHUẤT DUY TH
 THANH XUÂN - HÀ NỘI

TƯ VẤN THIẾT KẾ:



**TRƯỞNG BÀI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI
 VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIAO
 CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG**

ĐỊA ĐIỂM: 34/16, ĐƯỜNG HUYỀN TRẦN
 Q. THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI

GIÁNH ĐỐC:



TS. TRẦN NGỌC ANH

CHỖ NHẬN DỰ ÁN:

(Signature)

**KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN
 CHỦ TRÌ TK KIẾN TRÚC**

(Signature)

**KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN
 THIẾT KẾ**

(Signature)

**KTS. KHUẤT THỊ THU
 QUẢN LÝ KỸ THUẬT:**

(Signature)

**KS. TRẦN SƠN LINH
 CÔNG TRÌNH:**

KHO HOÀ CHẤT (U2)

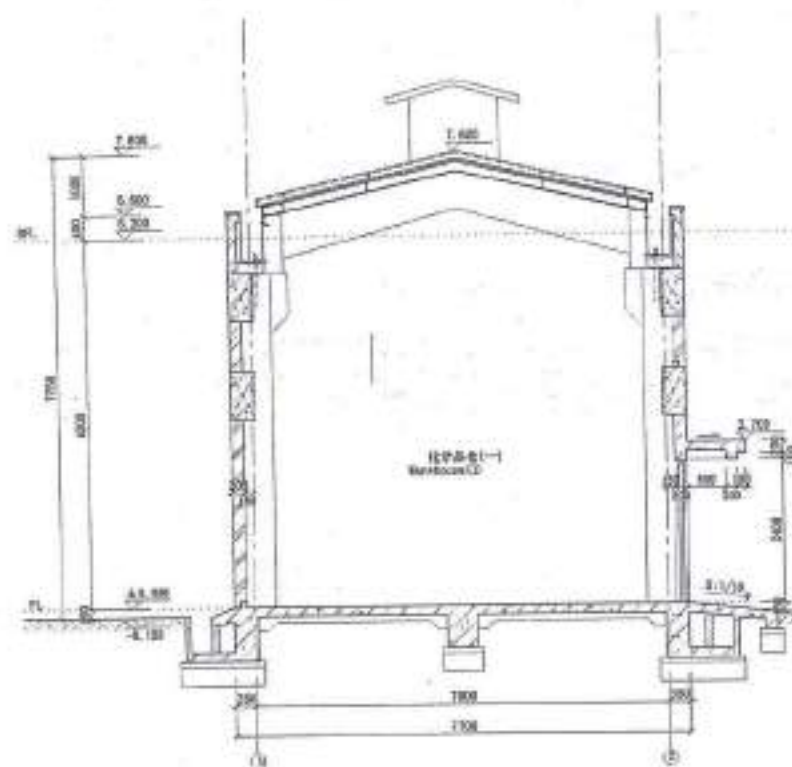
HẠNG MỤC:

KIẾN TRÚC

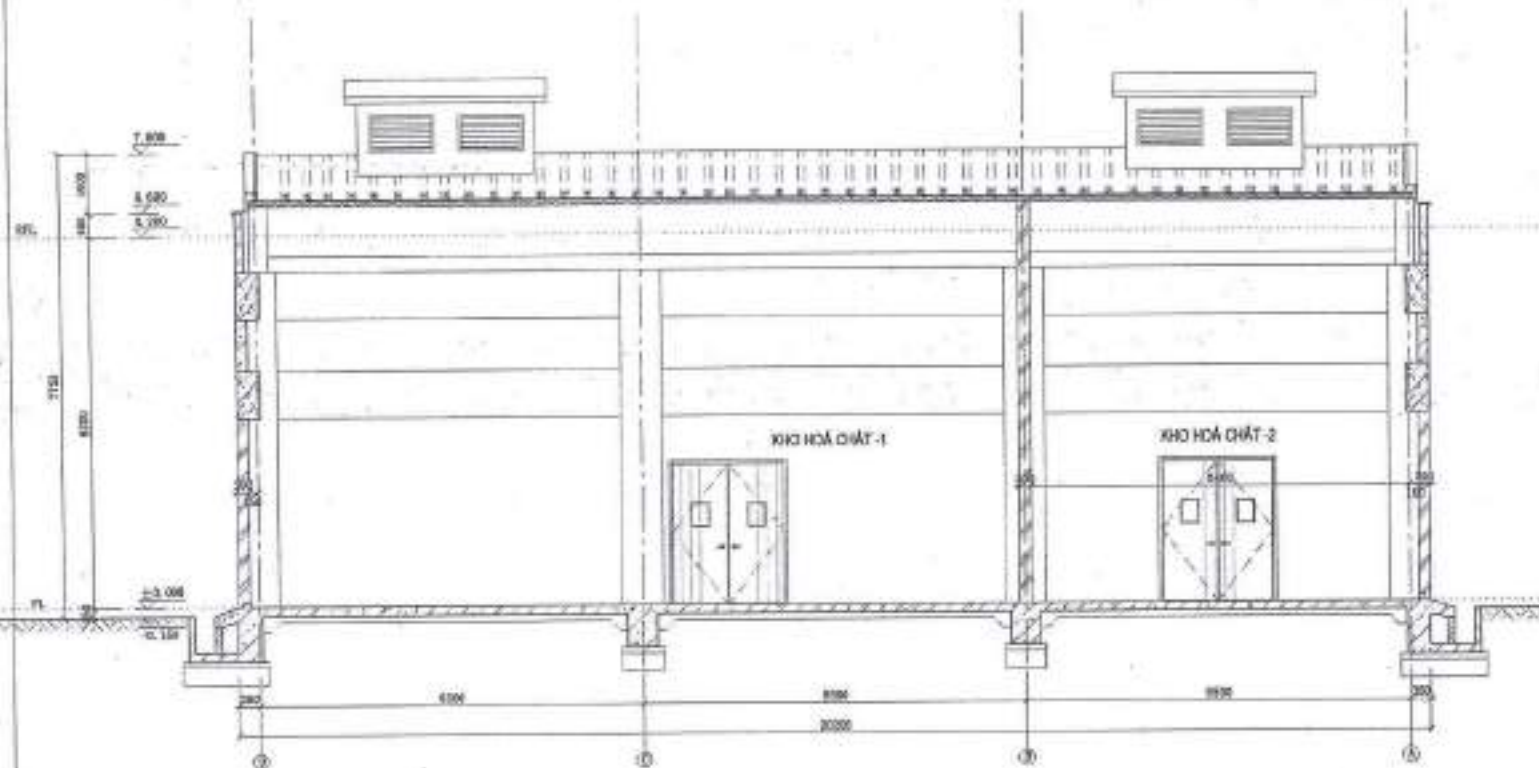
TÊN BẢN VẼ:

MẶT ĐƯỜNG

TỶ LỆ:	GIAI ĐOẠN: B/TC
KÝ HIỆU: MITAC 4.02	



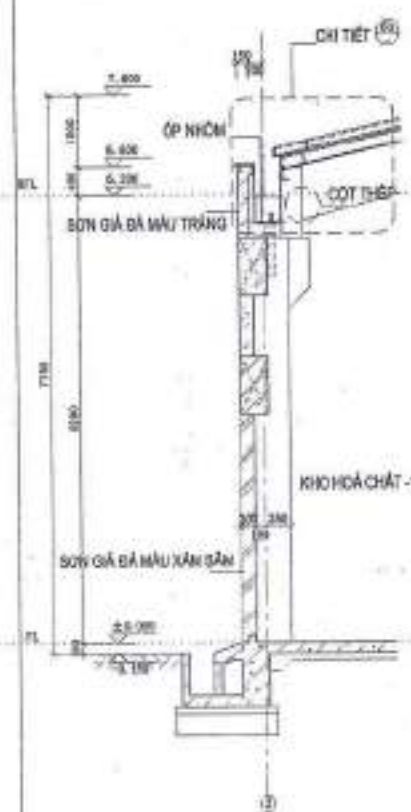
① MẶT CẮT 1-1, TL: 1/60



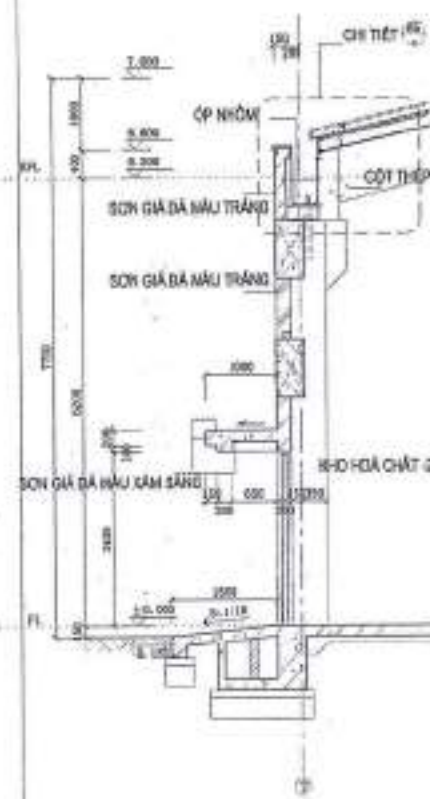
② MẶT CẮT 2-2, TL: 1/60



③ CẮT TƯỜNG -1, TL: 1/50



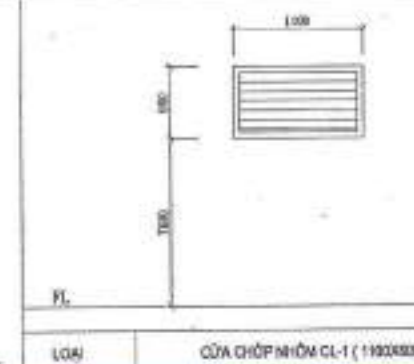
④ CẮT TƯỜNG -2, TL: 1/50



⑤ CẮT TƯỜNG -3, TL: 1/50



⑥ CHI TIẾT, TL: 1/30



⑦ MẶT DỰNG, TL: 1/30



STT	NGÀY HỢP	NỘI DUNG
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÍTAC (VIỆT NAM) QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM QUẢN LÝ: MỸ TÂM MÍTAC (VIỆT NAM) ĐỊA ĐIỂM: MỘT PHẦN LỖ GÁI CHẾ HOẠCH TRỢ NHIỆM HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1, HUYỆN PHÚ XUYỀN, HÀ NỘI, VIỆT NAM ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI13FC QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM ĐỊA ĐIỂM: TÒA NHÀ LICOGI 13 - KHUẤT DUY TÊN - THANH XÁM - HÀ NỘI TƯ VẤN THIẾT KẾ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI VĂN PHÒNG TƯ VẤN VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG ĐỊA ĐIỂM: NHÀ MÁY DƯỠNG NGUYÊN THẢO, Q. THANH XÁM, TP. HÀ NỘI GIÁM ĐỐC: TS. TRẦN NGUYỄN ĐÌNH CHỦ NHIỆM DỰ ÁN: KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN CHỦ TRƯỞNG KIẾN TRÚC KTS. NGUYỄN TRUNG KIẾN THIẾT KẾ KTS. KHUẤT THỊ THU QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. TRẦN SƠN LINH CÔNG TRÌNH: KHOA HOÁ CHẤT (U2) HẠNG MỤC: KIẾN TRÚC TÊN BẢN VẼ: MẶT CẮT, CHI TIẾT TÝ LỆ: 1/60 KÝ HIỆU: MÍTAC.4.03		



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

越南ETC环境股份公司

MST税号: 0108225136

Hotline热线: 0989.358.550/ 0966.111.255

VPGD: Tòa nhà IRIS, số 66, phố Lộc, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội

交易办公室: 河内市北慈康郡春鼎坊禄街66号IRIS楼



VIET NAM ENVIRONMENT, JSC

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

—— 竣工图

DỰ ÁN

项目名称

: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM

: 越南 MITAC 科技工厂

HẠNG MỤC

项目

: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

: 废气处理系统

ĐỊA ĐIỂM

地址

: MỘT PHẦN LÔ CN02, KCN HỖ TRỢ NAM HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1, TP. HÀ NỘI

: 河内市富川县南河内辅助工业区第一期CN02区一部分

CHỦ ĐẦU TƯ

投资者

: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM

: MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED

NHÀ THẦU

承包商

: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

: 越南ETC环境股份公司

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
MITAC VIỆT NAM



NHÀ THẦU THI CÔNG 承包商
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ETC VIỆT NAM



Hà Nội - 2025

GIÁM ĐỐC
HAN, KE-YUAN

GIÁM ĐỐC
Trần Ngọc Hoàng

LƯU TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI VOCs CÔNG SUẤT 40.000 M3/H

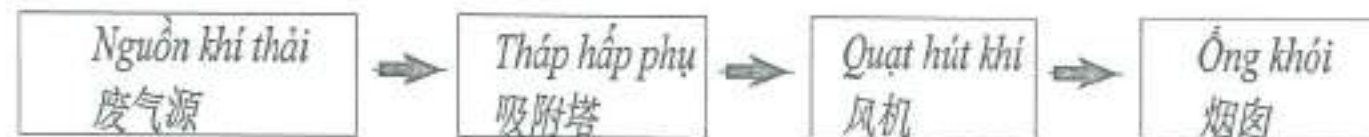
处理效率40.000 M3/H的VOC废气处理系统处理工艺流程

I. YÊU CẦU CHUNG 一般要求

1. Phạm vi thiết kế设计范围: VOCs;
2. Lưu lượng khí xử lý废气流量: 40.000 m3/h;
3. Nhiệt độ: nhiệt độ thường
温度: 常温
4. Quy phạm xả thải: đạt được QCVN 20:2009/BTNMT (các chỉ tiêu phân tích theo ĐTM của dự án)
排放规范: 符合QCVN 20:2009/BTNMT标准 (按照环评批复要求处理的指标设计)

II. THUYẾT MINH QUY CÁCH THIẾT BỊ 设备规格说明

1. Quy cách tháp xử lý 处理塔规格: 2750*2000*2000mm (L*W*H)
2. Quy cách khay than hoạt tính 活性炭盘规格: 1000*450*200mm (L*W*H) * 32sets
3. Lưu trình xử lý 处理流程:



4. Công suất quạt: 22 kW/380V/50Hz; Lưu lượng: 18.000 - 24.000 m3/h; Áp suất tĩnh: 4300 - 3000 Pa
风机功率: 22 kW/380V/50Hz; 流量: 18.000 - 24.000 m3/h; 静压: 4300 - 3000 Pa
5. Phương thức điều khiển: Điều khiển tự động theo timer, Biến tần kiểm soát lưu lượng và tiết kiệm điện năng.
控制方式: 定时器自动控制, 变频器能控制流量及节省能源。
6. Số lượng: 02 bộ
数量: 02套

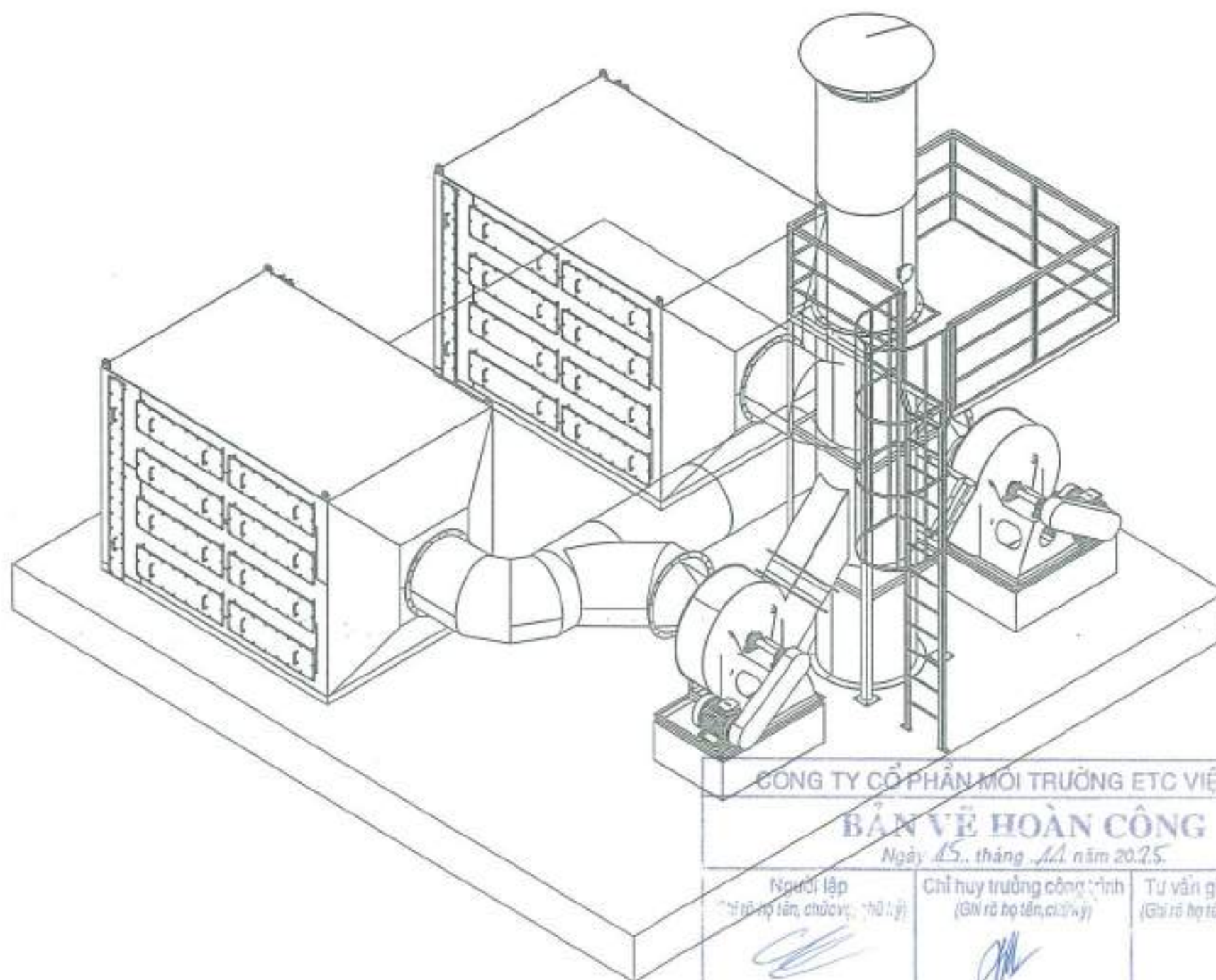
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 15 tháng 11 năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn	Nguyễn Văn Vinh	



ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
Lần số	Số lần chỉnh	Nội dung chỉnh
1		
2		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED Trụ sở: 10/10 Đường số 1, Khu phố 1, Phường 1, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Văn phòng: 10/10 Đường số 1, Khu phố 1, Phường 1, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
DỰ ÁN HỢP PHÁP LÃNH VỰC CÔNG NGHỆ TRUYỀN NỀN MÔI TRƯỜNG MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM 环境工程领域合作领域-环境工程-环境工程		
NỘI DUNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
CHỖ ĐÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 环境工程股份有限公司 Trụ sở: 10/10 Đường số 1, Khu phố 1, Phường 1, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Văn phòng: 10/10 Đường số 1, Khu phố 1, Phường 1, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh Email: mtr@etcvn.com.vn		
CHỖ ĐÓNG TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỖ ĐÓNG NGUYỄN VĂN VINH		
CHỖ ĐÓNG THẠCH ĐĂNG TOÀN		
CHỖ ĐÓNG NGUYỄN VĂN VINH		
CHỖ ĐÓNG PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ LƯU TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CS 40.000 M3/H		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TÝ LỆ	HOÀN THIỆN	SỐ HẸU
KTL	2025	MITAC-CN-01

PHỐI CẢNH HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI VOCS
CÔNG SUẤT 40.000 M³/H

处理效率40.000 M³/H的废气处理系统透视图



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15. tháng 11 năm 2025.

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn	Nguyễn Văn Vinh	



BẢNG DẪN THIẾT KẾ		
LƯU SỐ	SỐ BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ / CHỮ CHỮ
1		
2		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An) (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An) (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An)		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
ĐỊA ĐIỂM Một phần ở bất kỳ đâu, không hỗ trợ nhà máy Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An)		
HÌNH MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M ³ /H 废气处理系统		



CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC ETC VIỆT NAM 越南 ETC 环境股份有限公司 (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An) (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An) (Số 01/2025/ĐKTĐ-BTTTT, Bộ Công Thương và Bộ Công An)		
TÊN ĐỒ TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH DĂNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ PHỐI CẢNH		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THIỆN	SỐ HIỆU
NTL	2025	MITAC-CN-02

CÔNG SUẤT 40.000 M3/H

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng XII năm 2025

Ngũ: lãp

சென்னை, 15 சூன் (ஐ.வி.என்) -

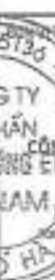
Chỉ huy trưởng công an tỉnh

(G) No less than

Tư vấn giám sát thi công

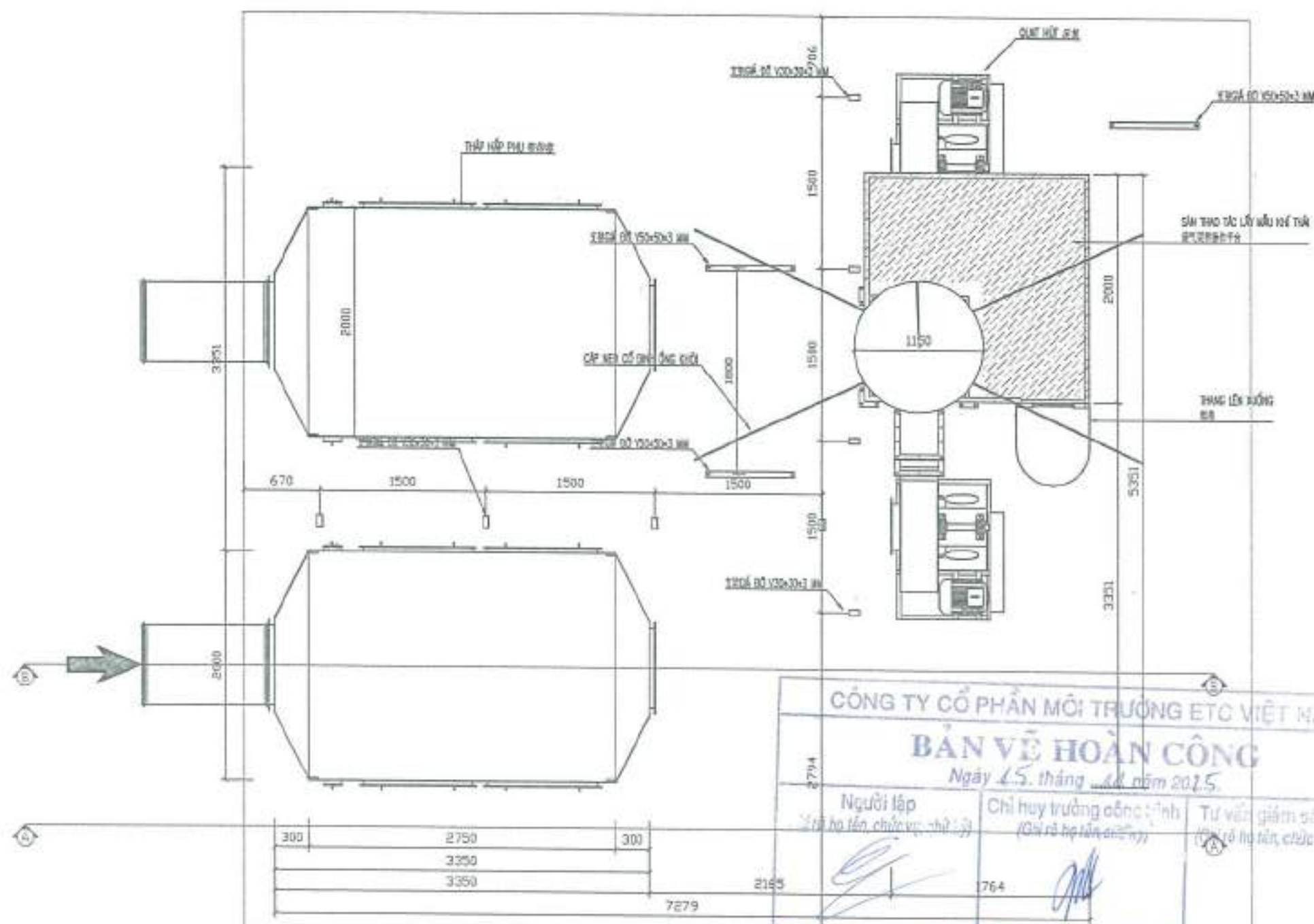
Chỉ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký

Khách Đăng Loan	Nguyễn Văn Vinh
-----------------	-----------------

ĐỒ GHI NHẬT THIẾT KẾ		
LẦN MÔ	SỐN ĐỒ VẼ	TÊN MÃNH CÔNG TRÌNH
1		
2		
CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED NHÀ SẢN XUẤT VÀ DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ SẠC ĐIỆN TỬ TẠI KHU VỰC CÔNG NGHIỆP MỚI - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI 新加坡及越南高科技工业园区第一座302室-01号		
NHÀ HỖ CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
DỰ ÁN HỆ THỐNG LÚP SÁC CÔNG NGHỆ TRUYỀN NÁ HỘI Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và sinh hoạt 新加坡及越南高科技工业园区第一座302室-01号		
HÌNH MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M ³ /H 废气处理系统		
ĐỒ GHI NHẬT THIẾT KẾ  CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG "ETC" VIỆT NAM 越南ETC环境股份公司 新加坡及越南高科技工业园区第一座302室-01号 新加坡及越南高科技工业园区第一座302室-01号 Email: info@etcgroup.vn, info@etc.com		
CHỮ CHỮ  TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ  NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ  THẠCH ĐĂNG TOÀN		
Kiểm tra  NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ  PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
Tỷ lệ	HOÀN THÀNH	Số hiệu
1:40	2025	MITAC-CN-03

CÔNG SUẤT 40.000 M3/H

处理效率40.000 M3/H的VOC废气处理系统管道支架布置平面图



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

Người tạo

2. Tên họ tên, chức vụ, thứ:

đều được đánh giá cao.

105/106/107/108/109/110/111/112/113/114/115/116/117/118/119/120/121/122/123/124/125/126/127/128/129/130/131/132/133/134/135/136/137/138/139/140/141/142/143/144/145/146/147/148/149/150/151/152/153/154/155/156/157/158/159/160/161/162/163/164/165/166/167/168/169/170/171/172/173/174/175/176/177/178/179/180/181/182/183/184/185/186/187/188/189/190/191/192/193/194/195/196/197/198/199/200/201/202/203/204/205/206/207/208/209/210/211/212/213/214/215/216/217/218/219/220/221/222/223/224/225/226/227/228/229/230/231/232/233/234/235/236/237/238/239/240/241/242/243/244/245/246/247/248/249/250/251/252/253/254/255/256/257/258/259/260/261/262/263/264/265/266/267/268/269/270/271/272/273/274/275/276/277/278/279/280/281/282/283/284/285/286/287/288/289/290/291/292/293/294/295/296/297/298/299/300/301/302/303/304/305/306/307/308/309/310/311/312/313/314/315/316/317/318/319/320/321/322/323/324/325/326/327/328/329/330/331/332/333/334/335/336/337/338/339/340/341/342/343/344/345/346/347/348/349/350/351/352/353/354/355/356/357/358/359/360/361/362/363/364/365/366/367/368/369/370/371/372/373/374/375/376/377/378/379/380/381/382/383/384/385/386/387/388/389/390/391/392/393/394/395/396/397/398/399/400/401/402/403/404/405/406/407/408/409/410/411/412/413/414/415/416/417/418/419/420/421/422/423/424/425/426/427/428/429/430/431/432/433/434/435/436/437/438/439/440/441/442/443/444/445/446/447/448/449/450/451/452/453/454/455/456/457/458/459/460/461/462/463/464/465/466/467/468/469/470/471/472/473/474/475/476/477/478/479/480/481/482/483/484/485/486/487/488/489/490/491/492/493/494/495/496/497/498/499/500/501/502/503/504/505/506/507/508/509/510/511/512/513/514/515/516/517/518/519/520/521/522/523/524/525/526/527/528/529/530/531/532/533/534/535/536/537/538/539/540/541/542/543/544/545/546/547/548/549/550/551/552/553/554/555/556/557/558/559/560/561/562/563/564/565/566/567/568/569/570/571/572/573/574/575/576/577/578/579/580/581/582/583/584/585/586/587/588/589/590/591/592/593/594/595/596/597/598/599/600/601/602/603/604/605/606/607/608/609/610/611/612/613/614/615/616/617/618/619/620/621/622/623/624/625/626/627/628/629/630/631/632/633/634/635/636/637/638/639/640/641/642/643/644/645/646/647/648/649/650/651/652/653/654/655/656/657/658/659/660/661/662/663/664/665/666/667/668/669/670/671/672/673/674/675/676/677/678/679/680/681/682/683/684/685/686/687/688/689/690/691/692/693/694/695/696/697/698/699/700/701/702/703/704/705/706/707/708/709/710/711/712/713/714/715/716/717/718/719/720/721/722/723/724/725/726/727/728/729/730/731/732/733/734/735/736/737/738/739/740/741/742/743/744/745/746/747/748/749/750/751/752/753/754/755/756/757/758/759/760/761/762/763/764/765/766/767/768/769/770/771/772/773/774/775/776/777/778/779/780/781/782/783/784/785/786/787/788/789/790/791/792/793/794/795/796/797/798/799/800/801/802/803/804/805/806/807/808/809/810/811/812/813/814/815/816/817/818/819/820/821/822/823/824/825/826/827/828/829/830/831/832/833/834/835/836/837/838/839/840/841/842/843/844/845/846/847/848/849/850/851/852/853/854/855/856/857/858/859/860/861/862/863/864/865/866/867/868/869/870/871/872/873/874/875/876/877/878/879/880/881/882/883/884/885/886/887/888/889/890/891/892/893/894/895/896/897/898/899/900/901/902/903/904/905/906/907/908/909/910/911/912/913/914/915/916/917/918/919/920/921/922/923/924/925/926/927/928/929/930/931/932/933/934/935/936/937/938/939/940/941/942/943/944/945/946/947/948/949/950/951/952/953/954/955/956/957/958/959/960/961/962/963/964/965/966/967/968/969/970/971/972/973/974/975/976/977/978/979/980/981/982/983/984/985/986/987/988/989/990/991/992/993/994/995/996/997/998/999/1000/1001/1002/1003/1004/1005/1006/1007/1008/1009/1010/1011/1012/1013/1014/1015/1016/1017/1018/1019/1020/1021/1022/1023/1024/1025/1026/1027/1028/1029/1030/1031/1032/1033/1034/1035/1036/1037/1038/1039/1040/1041/1042/1043/1044/1045/1046/1047/1048/1049/1050/1051/1052/1053/1054/1055/1056/1057/1058/1059/1060/1061/1062/1063/1064/1065/1066/1067/1068/1069/1070/1071/1072/1073/1074/1075/1076/1077/1078/1079/1080/1081/1082/1083/1084/1085/1086/1087/1088/1089/1090/1091/1092/1093/1094/1095/1096/1097/1098/1099/1100/1101/1102

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

1. Từ văn bản trên, hãy nêu những nội dung chính của văn bản.

Thạch Lăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LƯU SỐ	SỬA ĐỔI/EDIT	SÁC NHẬN/CONFIRM
1		
2		

CÔNG T
 TNHH
 CÔNG N
 MTA
 (VIỆT N
 ĐẠI XUYỀN-

CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM
MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM)
COMPANY LIMITED
ĐẠI DIỆN PHÁP ĐỐI CƯƠNG CÔNG NGHỆ VIỆT NAM HỖ
TRỢ ĐÓNG GÓP CHO TƯƠNG LAI

NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC
 (VIỆT NAM)
 越南 MITAC 科技工厂

ĐỊA ĐIỂM
HỘI THẢO LỄ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TỔNG QUÁT HÀ NỘI
HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI
THỜI GIAN: 10H00 NGÀY 12/05/2018 - 12H00 - 13H

HÀNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
废气处理系统



ETC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ETC VIỆT NAM
越南ETC环境股份有限公司
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ETC VIỆT NAM
越南ETC环境股份有限公司
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ETC VIỆT NAM
越南ETC环境股份有限公司

Trần Ngọc Hoàng

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
NGUYỄN VĂN VINH

DATE: 11/11/2011

TIME: 6:00 PM

NAME: [Signature]

THÀNH ĐĂNG TOÀN

Kiểm tra

NGUYỄN VĂN VINH 

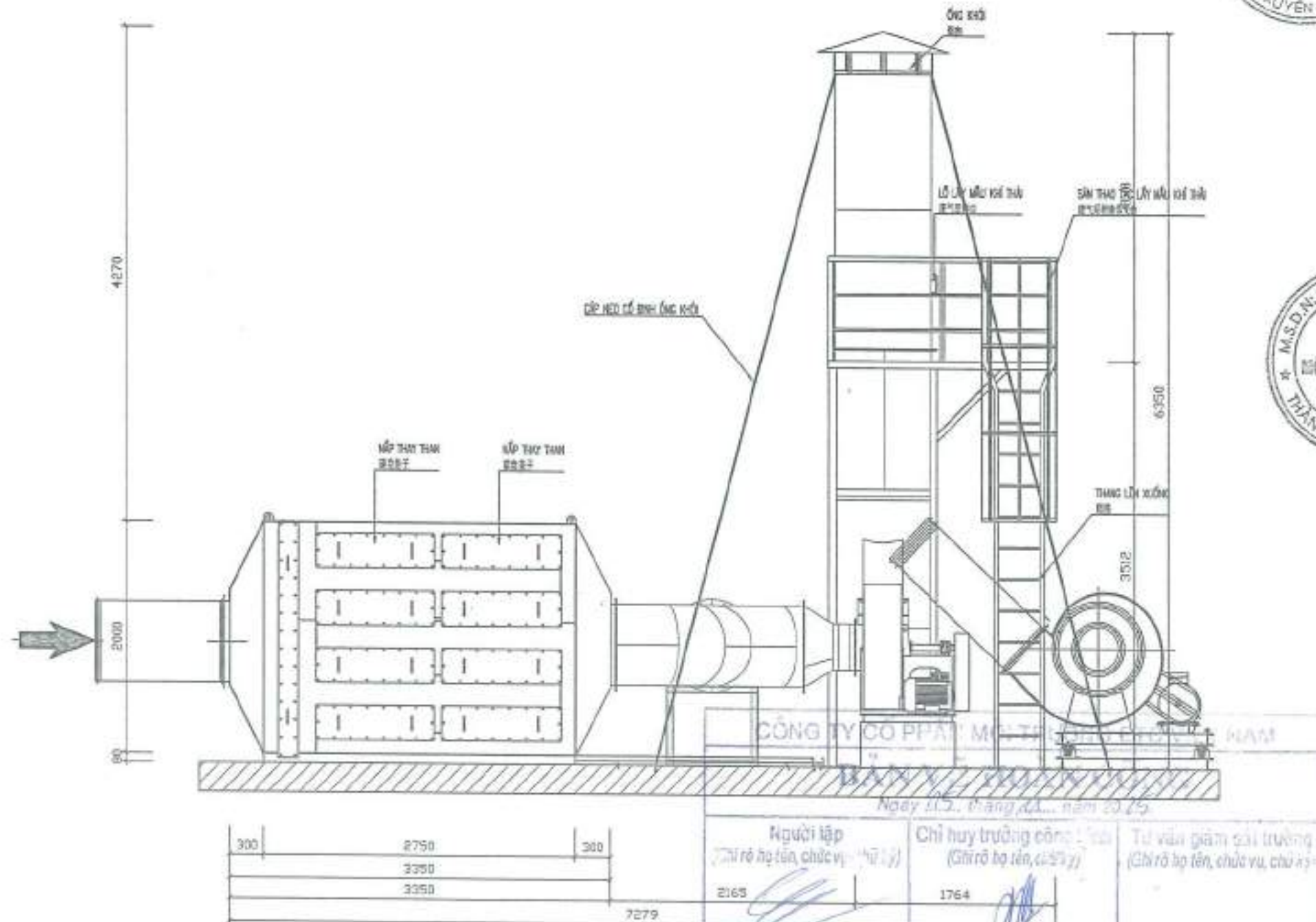
QUẢN LÝ 

PHỤ CÔNG TỔNG

HẬT BẢNG BỐ TRÍ GIÁ BỜ

THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:40	2015	MTAC.CN.05

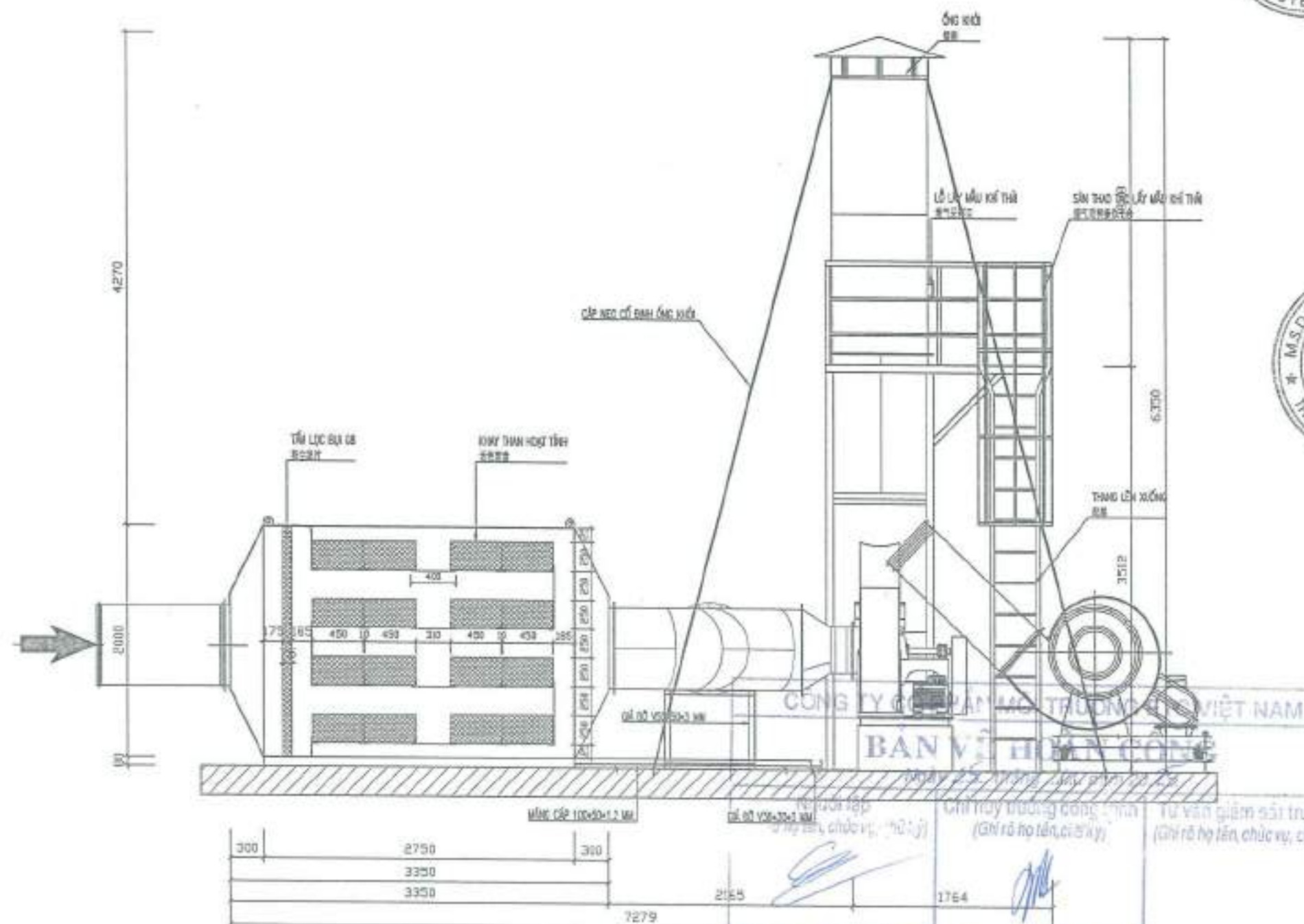
MẶT CẮT A-A HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI VOCs
CÔNG SUẤT 40.000 M3/H
 处理效率40.000 M3/H的VOC废气处理系统A-A剖面图



ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LƯU SỐ	SỐ BIÊN ĐỒ	SỐ NHẬN CÔNG TRÌNH
1		
2		
DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
ĐỊA ĐIỂM Một phần lô đất công nghiệp, xã Mỹ Đình, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội 工业用地一部分, 美庭社, 富川县, 河内市		
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
CHỦ THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC VIỆT NAM 环境科技股份有限公司 越南 ETC 环境科技股份有限公司 Địa chỉ: 0108237939, 111, Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội 地址: 0108237939, 111, 阮文林街, Thanh Xuân 区, 河内市 Email: info@etcvn.com.vn		
QUẢN LÝ TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT A-A		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HÀNH THÀNH	SỐ HẸO
1:40	2025	MITAC.CN.06

Người lập: (Chữ ký, chức vụ) 2165
 Chỉ huy trưởng công trình: (Chữ ký, chức vụ) 1764
 Tư vấn giám sát trưởng: (Chữ ký, chức vụ, chữ ký)
 Ngày 11.1.2025, tháng 1. năm 2025
 Thạch Đăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

处理效率40.000 M3/H的VOC废气处理系统B-B剖面图



Lịch Đăng Toàn	Nguyễn Văn Vinh
----------------	-----------------

ĐỒ GHI THIỆT KẾ		
LẦN SỐ	SỐ DẪN ĐÓNG	SỐ NGUYÊN CÔNG
1		
2		

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM
MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM)
COMPANY LIMITED
 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨC NĂNG SẢN XUẤT THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ
 HƯNG HOÀ KHU VỰC TP. HÀ NỘI
 100 Đường Nguyễn Văn Linh Khu Công Nghiệp Đình Kim Bảng - Quận Đống Đa - Hà Nội

SẢN PHẨM:

NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC
(VIỆT NAM)
 越南 MITAC 科技工厂

Địa điểm:

Hệ thống xử lý chất thải rắn hữu cơ từ thực phẩm và phụ phẩm chế biến gia súc, gia cầm tại nhà máy

Hạng mục:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
CÔNG SUẤT 40.000 M³/H
 废气处理系统

Thiết kế:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC
ETC VIỆT NAM
 越南 ETC 环境股份有限公司
 200 Đường Nguyễn Văn Linh Khu Công Nghiệp Đình Kim Bảng - Quận Đống Đa - Hà Nội
 河内市金边工业区金边区第10号路
 Hotline +84-980-111-080
 Email: hienrangongtyet@gmail.com

Ghi chú:


TRẦN NGỌC HOÀNG

Chủ trì thiết kế:



NGUYỄN VĂN VINH

Thiết kế:



THẠCH DĂNG TOÀN

Check tra:



NGUYỄN VĂN VINH

Quản lý:



PHẠM CÔNG TÙNG

Tên sản phẩm:

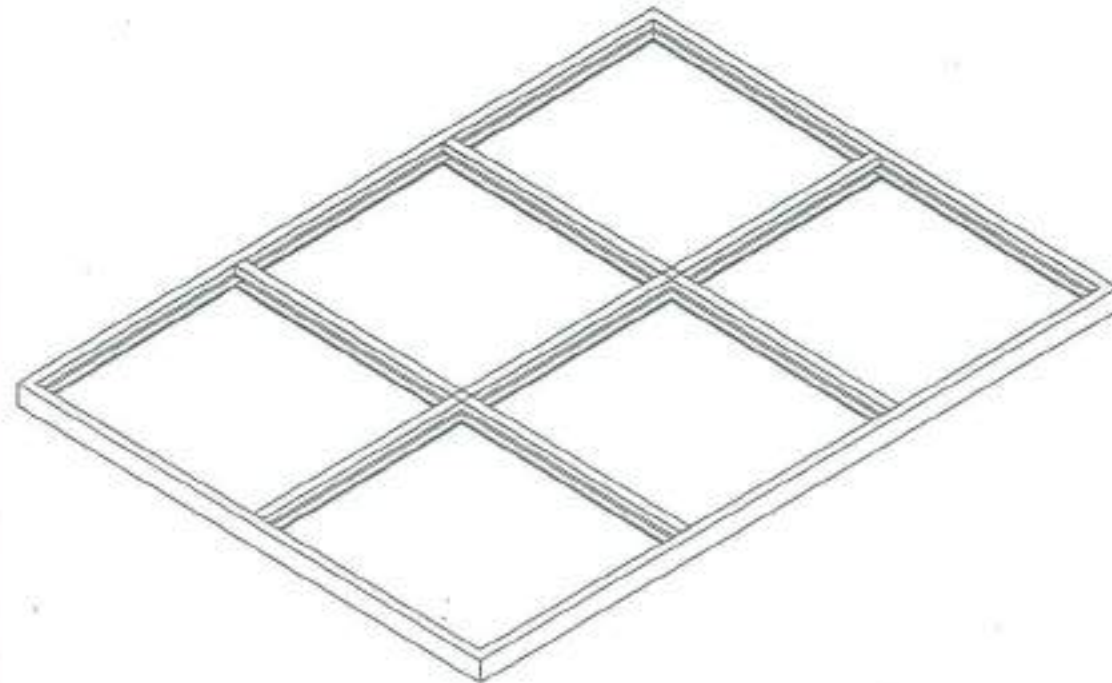
MẬT CẮT B-B

THIẾT KẾ SỐ		
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu
1:40	2025	MITAC.CK.07

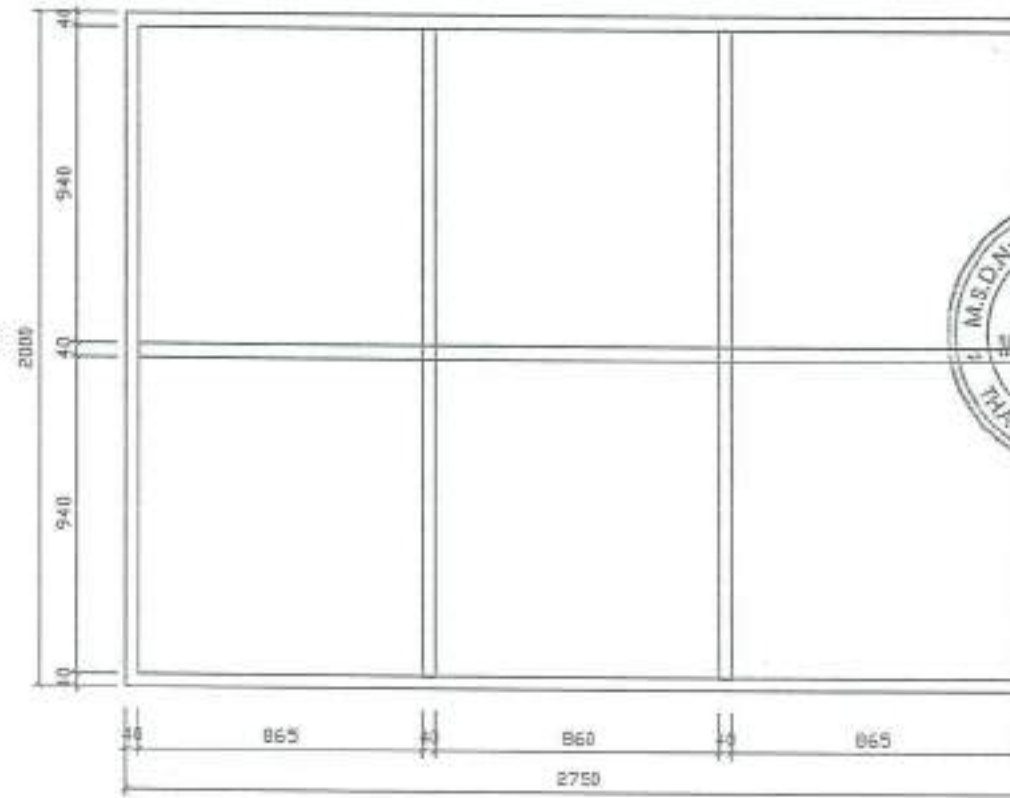
CHI TIẾT GIA CÔNG CHÂN ĐỒ THÁP HẤP PHỤ

吸附塔底座细节

3D PHỐI CẢNH
透视3D



MẶT BẰNG 平面



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
GHI CHÚ: 注意 tháng 11 năm 2023.	
Người lập (Chỉ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Thập niên 02 lớp: + 01 lớp sơn chống rỉ, 01 lớp sơn màu xanh dương 铁文排: US0404 mm 铁: 喷漆02层 + 01 lớp环氧漆, 01 lớp蓝色油漆	Tư vấn giám sát trường (Chỉ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Khách Đăng Toàn Nguyễn Văn Vinh	



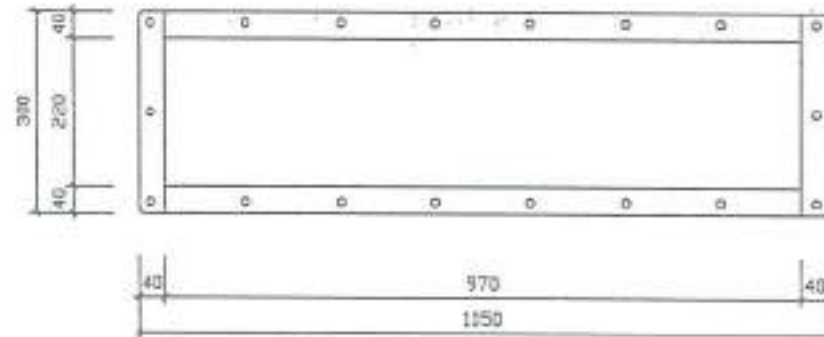
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN SỐ	SỬA ĐỔI NỘI DUNG	LÝ DO
1		
2		
DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED NHÀ MÁY SẢN SỬA ĐỒ THÁP HẤP PHỤ CÔNG NGHỆ MITAC HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI 越南工贸株式会社 吸附塔工厂 - 河内 - 富寿县		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
ĐỊA ĐIỂM MẶT PHẪM LỘ SỬA ĐỒ THÁP HẤP PHỤ CÔNG NGHỆ MITAC HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI 越南工贸株式会社 吸附塔工厂 - 河内 - 富寿县		
NỘI DUNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
CHỖ ĐÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC VIETNAM 越南 ETC 环境股份有限公司 Địa chỉ: 10/10 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh 越南 10/10 阮文林路, 第一区, 胡志明市 Email: info@etcvn.com.vn		
GẤM ĐÓNG TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TẾ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH DĂNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT CHÂN ĐỒ THÁP HẤP PHỤ		
THIẾT KẾ SỐ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ LẦN
1:20	2023	MITAC.CK.09

CHI TIẾT GIA CÔNG NẮP THAY THAN 更换碳盘盖子加工细节

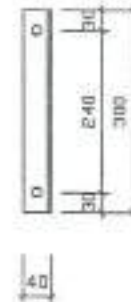
MIỆNG CỬA THAY THAN 更换碳料口
SL数量: 16 SET

NẮP CỬA THAY THAN 更换碳料盖子
SL数量: 16 SET

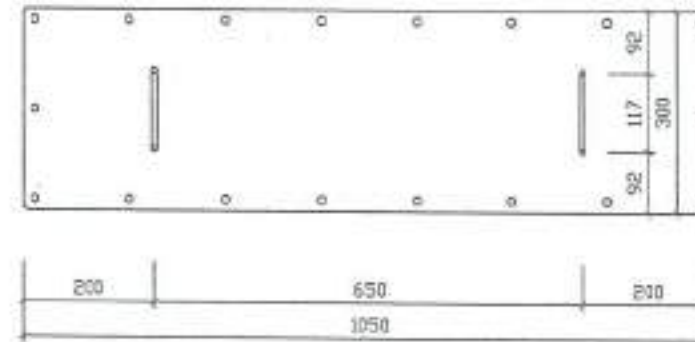
MẶT BẰNG 平面



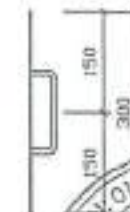
MẶT CẠNH 侧面



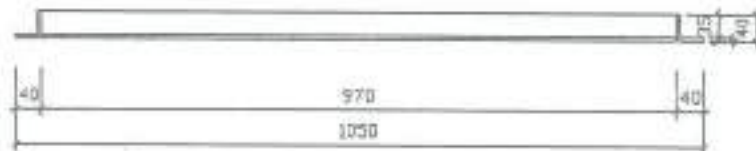
MẶT BẰNG 平面



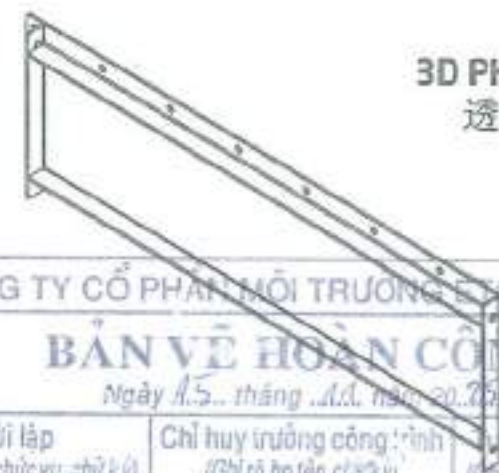
MẶT CẠNH 侧面



MẶT ĐÚNG 立面



3D PHỐI CẢNH
透视3D



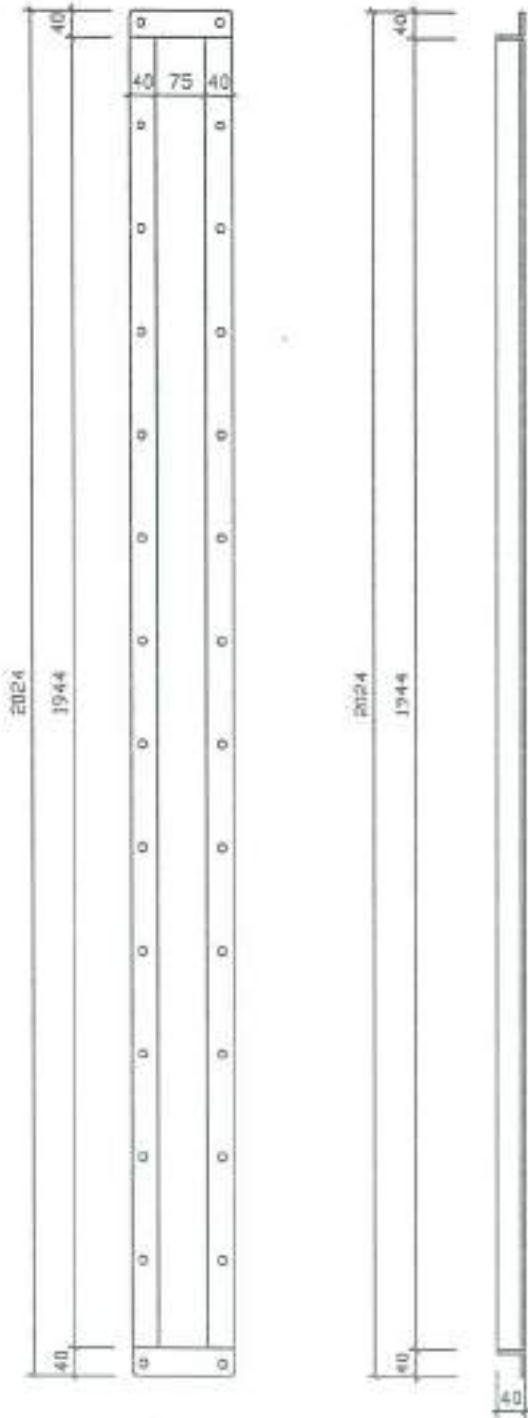
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 15... tháng 11... năm 2023		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Người giám sát trường (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Dũng Toàn	Nguyễn Văn Vinh	



ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN SỐ	SỬA ĐỔI NỘI DUNG	SỬA ĐỔI NỘI DUNG
1		
2		
CÔNG TY TNHH MİTAC VIỆT NAM MİTAC TECHNOLOGY (VIỆT NAM) COMPANY LIMITED 24 Đường số 1, Khu vực Công nghiệp và Thương mại, Phường Đại Xuyên, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội Điện thoại: 024 38 888 888 - Fax: 024 38 888 889		
QUẢN LÝ NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MİTAC (VIỆT NAM) 越南 MİTAC 科技工厂		
ĐỊA ĐIỂM HỒT PHẢI LỒ CỨT CHỌNG, KINH HỒ THỢ NẠM HẠNH HUYỆN PHÚ THƯỜNG, TP. HÀ NỘI HẠNH PHÚC HUYỆN PHÚ THƯỜNG - HÀ NỘI		
HẠNH PHÚC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
CÔNG TY THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC ETC VIỆT NAM 越南 ETC 环境股份有限公司 24 Đường số 1, Khu vực Công nghiệp và Thương mại, Phường Đại Xuyên, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội Điện thoại: 024 38 888 888 - Fax: 024 38 888 889 Email: mtr@etc.vn		
GIÁM ĐỐC TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH DŨNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHAN CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT GIA CÔNG NẮP THAY THAN		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	NGÀY THAM	SỐ HỘ
1:10	2023	MİTAC.CH.1.0

CHI TIẾT GIA CÔNG NẮP THAY TẮM LỌC G8 更换滤片盖子加工细节

MIỆNG CỬA 门口
SL数量: 02 SET



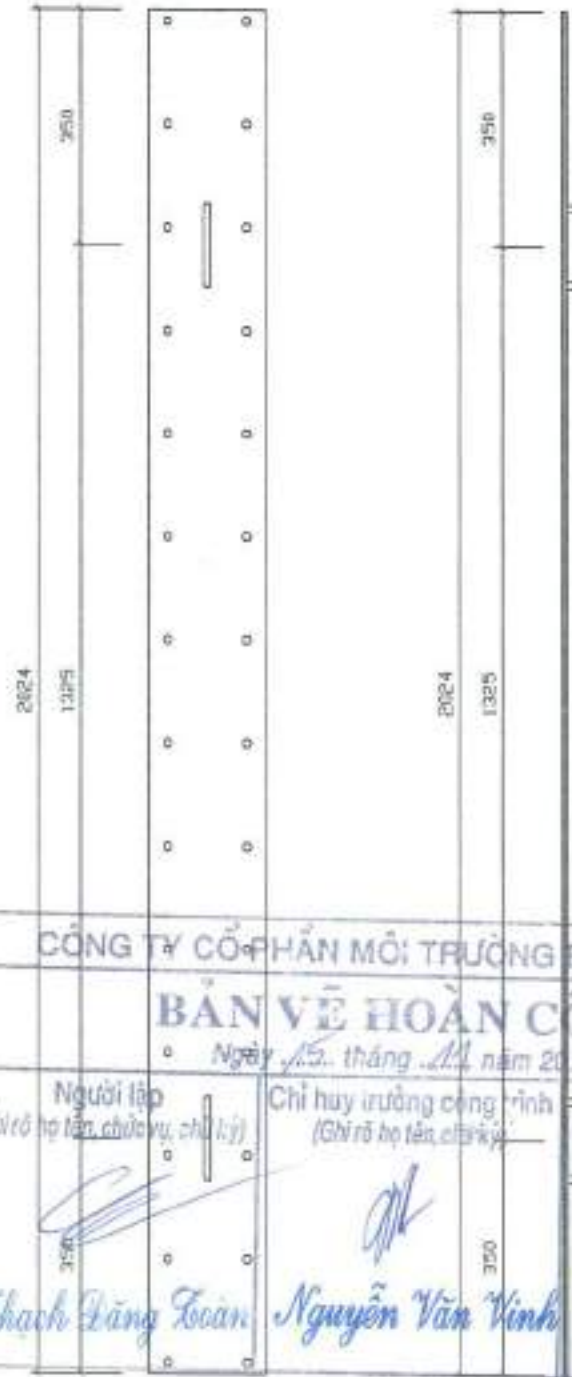
MẶT BẰNG 平面

MẶT ĐÚNG 立面



3D PHỐI CẢNH
透视3D

NẮP CỬA 盖子
SL数量: 02 SET



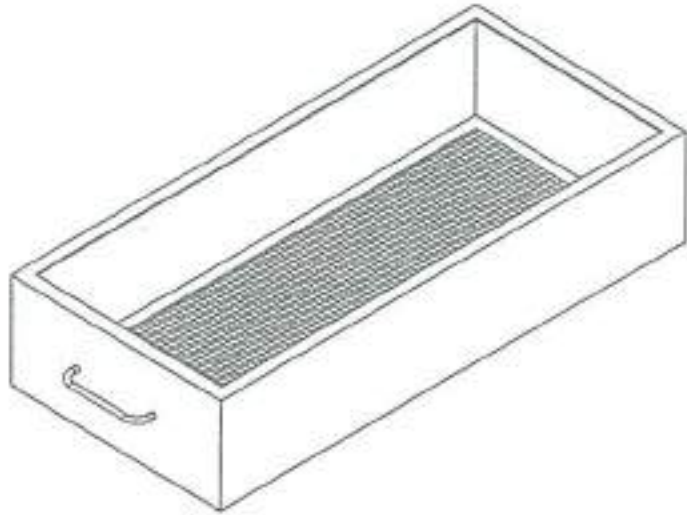
MẶT BẰNG 平面

MẶT ĐÚNG 立面

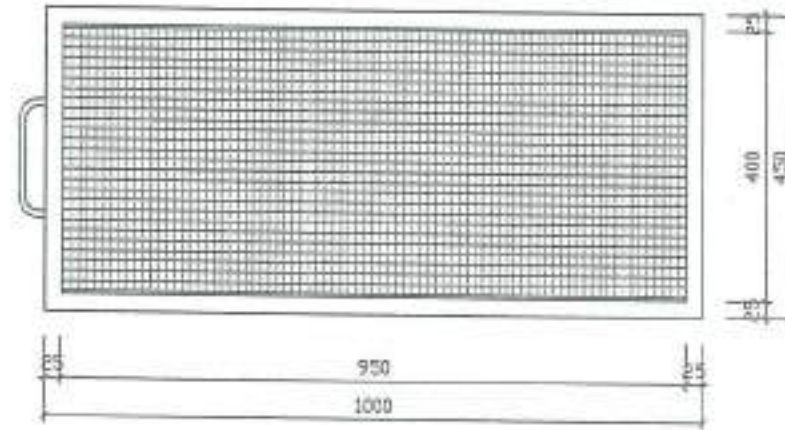
ĐIỀU HÀNH THIẾT KẾ								
LẦN SỐ	SỬA ĐỔI NỘI DUNG	SỬA NHẬN CHẤM DẤU						
1								
2								
CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED 84/Đ. HỒ VĂN LỘ P. THẠCH KH. H. TUYÊN H. HÀ NỘI 越南 河内市 泰和县 泰康路 84 号 泰康公司 泰康公司 NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂 Địa điểm Một phần lô đất DNG, KCN HT THUNG NAM HÀ NỘI Huyện PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI 河内市 泰和县 泰康路 84 号 泰康公司 泰康公司 Hàng mục HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M³/H 废气处理系统 Thiết kế CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 越南 ETC 环境股份有限公司 84/Đ. HỒ VĂN LỘ P. THẠCH KH. H. TUYÊN H. HÀ NỘI 越南 河内市 泰和县 泰康路 84 号 泰康公司 Email: info@etcgroup.vn Chức vụ  TRẦN NGỌC HOÀNG Chủ trì thiết kế  NGUYỄN VĂN VINH Thiết kế  THẠCH BANG TOÀN Kiểm tra  NGUYỄN VĂN VINH Quản lý  PHẠM CÔNG TÙNG Tên bản vẽ CHI TIẾT GIA CÔNG NẮP TẮM LỘC Thiết kế cơ sở <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Hoàn thành</th> <th>Số hiệu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1:10</td> <td>2025</td> <td>MITAC.CN.11</td> </tr> </tbody> </table>			Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu	1:10	2025	MITAC.CN.11
Tỷ lệ	Hoàn thành	Số hiệu						
1:10	2025	MITAC.CN.11						

CHI TIẾT KHAY THAN HOẠT TÍNH

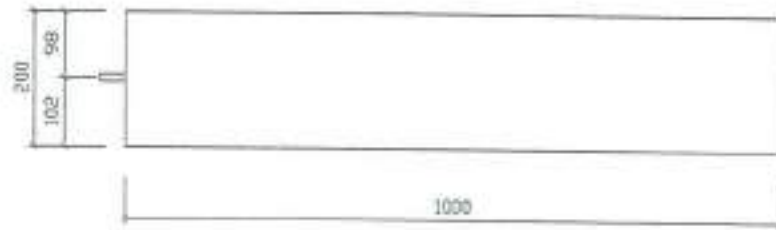
3D PHỐI CẢNH 透视3D



MẶT BẰNG
平面



MẶT CẠNH
側面



MẶT ĐÚNG
立面



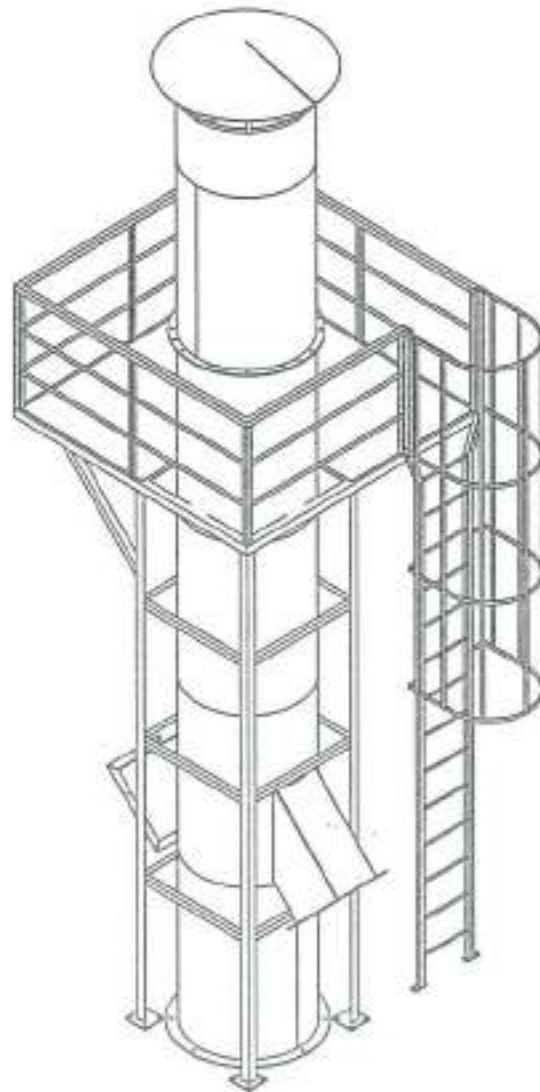
CHI CHU: 各注:

- Khay than thép dày 2mm, lưới lỗ 04-05 mm
- Vỏ thép sơn 02 lớp
- + 01 lớp sơn chống rỉ, 01 lớp sơn màu xanh dương
- Hộp: 1 tấm thép 2mm, lỗ 04-05 mm
- Ốc vít: 02 loại
- + 01 ốc vít chống rỉ, 01 ốc vít màu xanh dương

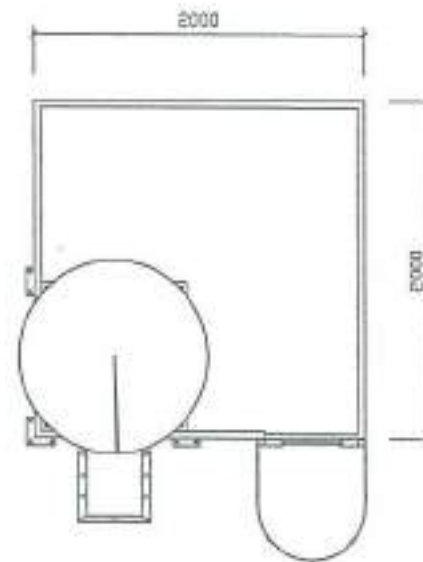
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN SỐ	SỐ BIÊN BẢN	NĂM NHẬN/CHỈNH
1		
2		
CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ MONTAGE CÁC LOẠI MÁY CÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG 越南米塔科技股份有限公司 – MIKONG – VN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ NITAC (VIỆT NAM) 越南 NITAC 科技工厂		
BÀI DỰN MÔ HÌNH LƯỚI CẠNH CỦA TỔNG THỂ NHÀ MÁY MÔI TRƯỜNG PHỒN XUYỀN, TƠ HÓA NƯỚC 污水处理站格栅架模型图 – BEMOZSE – 01D		
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M ³ /H 废气处理系统		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ  CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 湖南ETC环境股份有限公司 湖南省长沙市岳麓区观沙岭街道观沙社区观沙路111号 湖南ETC环境股份有限公司长沙分公司 长沙市开福区湘江中路二段111号25楼 Tel: +86-731-2581111-255 Email: info@etcvietnam.com; etc@gmail.com		
KÝ  TRẦN NGỌC HOÀNG		
ĐỒ THỊ THIẾT KẾ  NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ  THẠCH DĂNG TOÀN		
KIỂM TRA  NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ  PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT KHAY THAN HOẠT TÍNH		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:10	2025	MITAC.CK.12

CHI TIẾT SÀN THAO TÁC, ỐNG KHÓI 操作平台、烟囱细节

3D PHỐI CẢNH
透视3D



MẶT BẰNG 平面



MẶT ĐỨNG 立面



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 4/5 tháng 11 năm 2023		
Người lập (Ký, họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ký, họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trước (Ký, họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn	Nguyễn Văn Vinh	

GHI CHÚ: 备注:

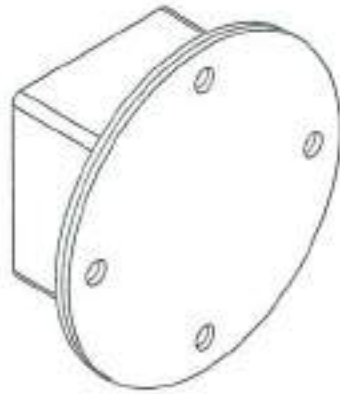
- | | | | |
|---|---|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Ống khói tôn mạ kẽm dày 1mm - Chân đỡ thép V63*63*5 mm - Lan can thép 40*40*1,8 mm - Mặt sàn thao tác: Tôn nhám dày 3mm - Thang: 厚皮1mm的镀锌钢 - 铁支撑: V63*63*5 mm - 铁栏杆: 40*40*1,8 mm - 操作平台面: 厚度3mm的镀锌钢 | <ul style="list-style-type: none"> - Thang lên xuống: Trụ thép 40*40*1,8 mm - Bậc thang: Thép 014 mm - Tầng công sàn thao tác: Thép hộp 40*40*1,8 mm - Bồn mỡ: 100*100*5 mm - Đế cột: 铁柱 40*40*1,8 mm - 台阶: 铁 D14mm - 操作平台加钢: 铁盒 40*40*1,8 mm - 角撑板: 100*100*5 mm | <ul style="list-style-type: none"> - Lỗ lấy mẫu khí thải - 02 lỗ lấy mẫu, kích thước 100*100 mm - Mặt bích lỗ dày 3 mm - Lỗ đầu vào: 338*450 mm; Mặt bích dày 3mm - 废气采样口: - 02个尺寸100*100 mm的采样口 - 爬梯侧护圈: 铁杆 350 mm - 进口: 338*390 mm; 厚度3mm的法兰 | <ul style="list-style-type: none"> - Lan can sơn 2 lớp - 01 lớp sơn chống rỉ chống rỉ, 01 lớp sơn sọc vàng đen - Thang sàn thao tác sơn 2 lớp - 01 lớp sơn chống rỉ chống rỉ, 01 lớp sơn màu vàng - 栏杆: 喷涂02层 - 01层环氧漆、01层黄黑条纹油漆 - 操作平台的爬梯: 喷涂02层 - 01层环氧防腐漆、01层黄色油漆 |
|---|---|--|--|



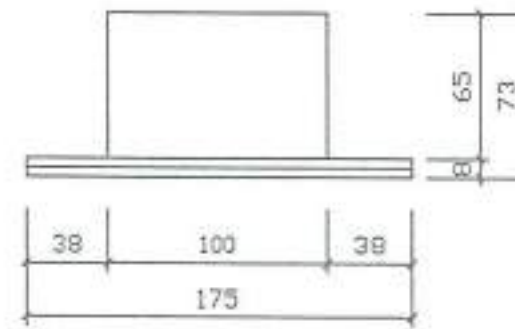
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
Lần số	Sửa đổi bởi	Sức mạnh comment
1		
2		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) COMPANY LIMITED 越南 MITAC 科技工厂		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
ĐỊA ĐIỂM MỘT PHẦN LƯU GIỮ CHỮ, KẾ HẠ THẠNH HÁ HỘ HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI 河内市富寿县工业园区一期B区B1-001		
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
THÀNH VIÊN TRAN NGOC HOANG CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH SỬA LÝ PHẠM CÔNG TÙNG TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT GIA CÔNG SẢN THAO TÁC		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THÂM	SỐ HIỆU
1:40	2023	MITAC.CN.13

CHI TIẾT LỖ LẤY MẪU KHÍ THẢI

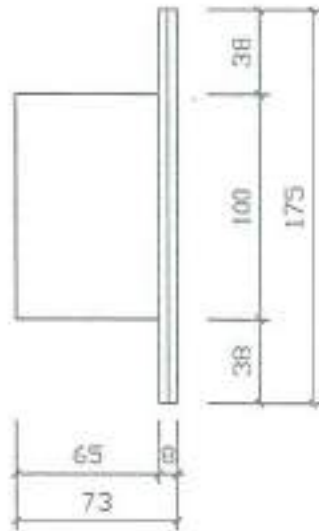
3D PHỐI CẢNH 透視3D



MẶT BẰNG
平面



MẶT CẠNH
側面



MẶT ĐÚNG
立面



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 4/5 tháng 11 năm 2025		
Người tập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ)	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
		
Thạch Đăng Loan	Nguyễn Văn Vinh	

[illegible]

CHI TIẾT KHỚP NỐI MỀM 1

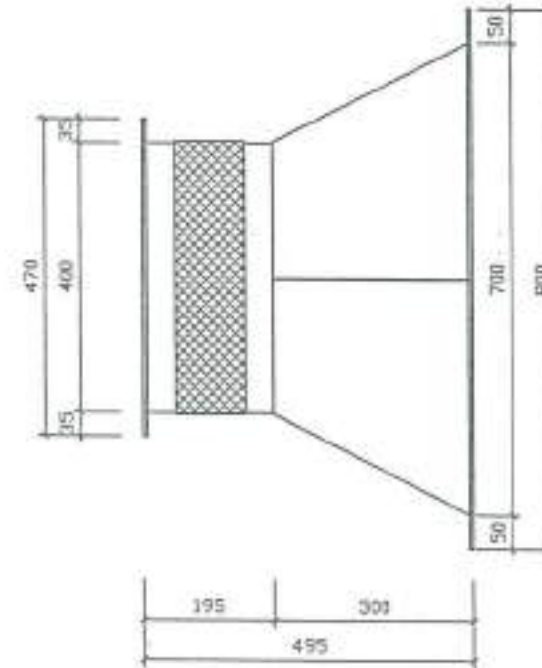
软接头细节1

3D PHỐI CẢNH 透视3D



MẶT BẰNG

平面



MẶT CẠNH

侧面



GHI CHÚ: 备注:

- Khớp nối mềm gia công trọn bộ cùng công suất 0700/400mm. 软接头与0700/400mm口径管道配套加工

- Vật liệu: Vải bạt cao su chống mài mòn. 材质: 耐磨橡胶布

- Số lượng: 02 bộ. 数量: 02套

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

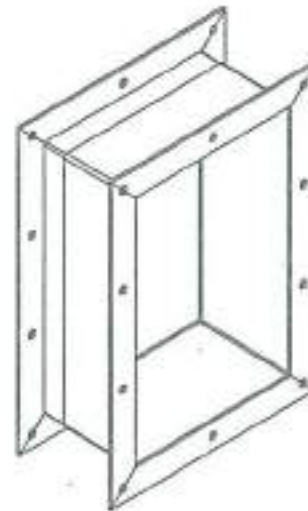
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn	Nguyễn Văn Vinh	



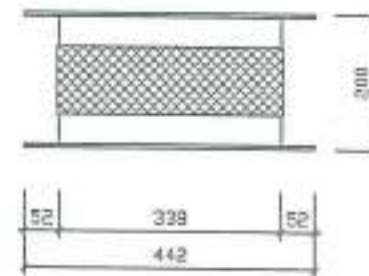
DỰ CHẨN THIẾT KẾ								
LẦN SỐ	SỬA ĐỔI	SÁC NHẬN CHỈNH						
1								
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED Địa chỉ: Khu công nghiệp Sóng Thần, Phường Sóng Thần, Quận Bắc Tân Uyên, TP. Bình Dương Điện thoại: 0274 3811 111 - 112 - 113 - 114 - 115 Email: info@mitac.vn NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂 QUẢN LÝ Một phần của dự án, các hồ sơ kỹ thuật và các tài liệu khác liên quan đến dự án, các tài liệu khác liên quan đến dự án, các tài liệu khác liên quan đến dự án. HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统 THÀNH VIÊN ETC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 越南 ETC 环境股份有限公司 Địa chỉ: Khu công nghiệp Sóng Thần, Phường Sóng Thần, Quận Bắc Tân Uyên, TP. Bình Dương Điện thoại: 0274 3811 111 - 112 - 113 - 114 - 115 Email: info@etc.vn QUẢN LÝ TRẦN NGỌC HOÀNG CHỦ TỬ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN CHẤM Duyệt NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÔNG TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT KHỚP NỐI MỀM 1 THIẾT KẾ SỐ <table border="1"> <tr> <th>TỶ LỆ</th> <th>NGÀY THÀNH</th> <th>SỐ HỒ</th> </tr> <tr> <td>1:10</td> <td>2025</td> <td>MITAC.CL.15</td> </tr> </table>			TỶ LỆ	NGÀY THÀNH	SỐ HỒ	1:10	2025	MITAC.CL.15
TỶ LỆ	NGÀY THÀNH	SỐ HỒ						
1:10	2025	MITAC.CL.15						

CHI TIẾT KHỚP NỐI MỀM 2 软接头细节2

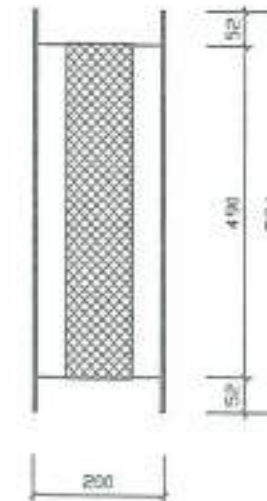
3D PHỐI CẢNH 透视3D



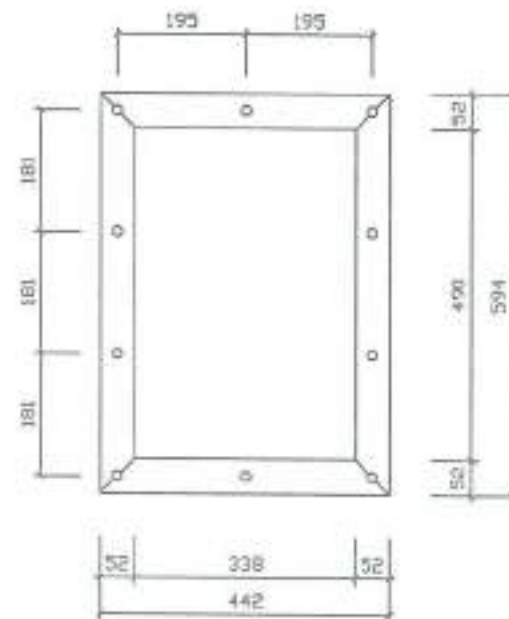
MẶT BẰNG
平面



MẶT ĐÚNG
立面



MẶT CẠNH
侧面

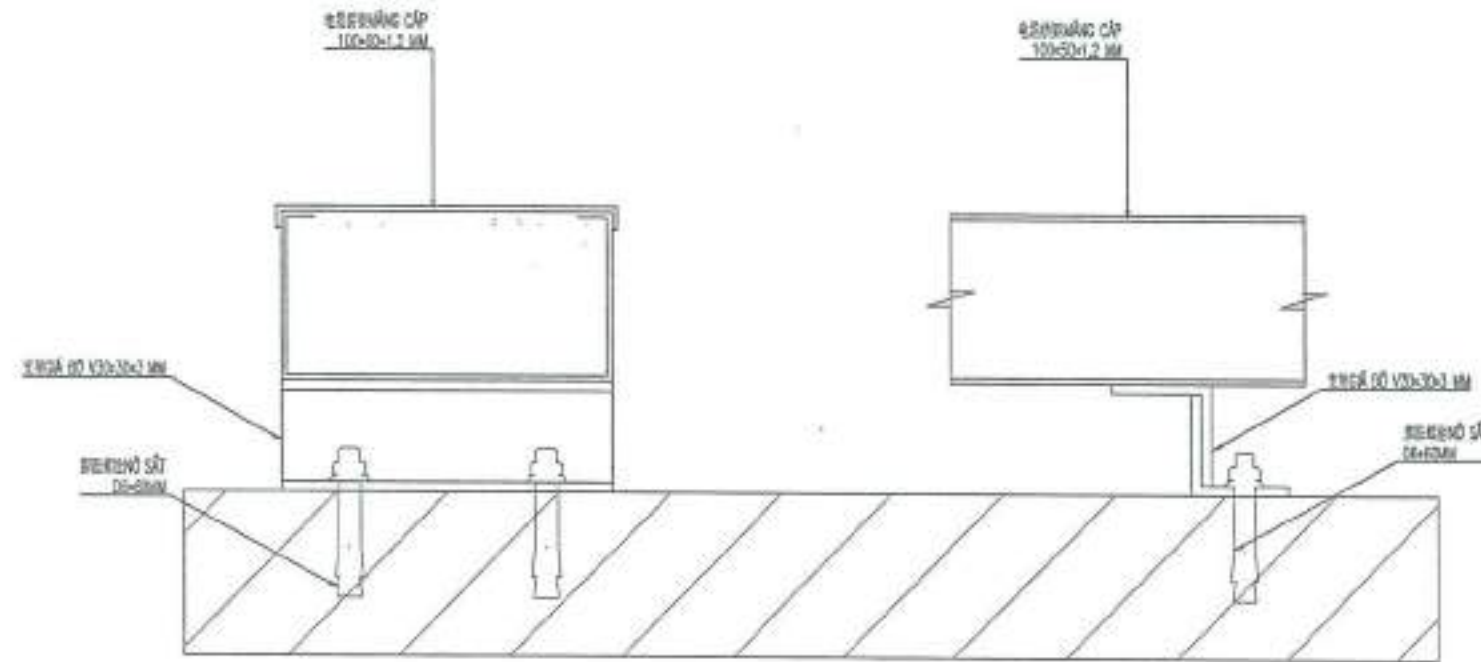


CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
GHỊ CHÚ: 备注: - Khớp nối mềm đều ra quá tải - Vật liệu Vải bạt cao su chống mài mòn - Số lượng: 02 bộ		
Người lập (rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Thạch Đăng Toàn	Chỉ huy trưởng công trình (rõ họ tên, chức vụ) Nguyễn Văn Vinh	Tư vấn giám sát trưởng (rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Ngày 15 tháng 11 năm 2025		



Biểu chi tiết thiết kế		
Lần số	Số bản vẽ	Số hiệu công trình
1		
2		
THÀNH PHẦN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED Địa chỉ: Một phần là 10/10 Đường số 10, Khu phố 10, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0903 123 456 - 0903 123 456		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC TECHNOLOGY (VIETNAM) FACTORY Địa chỉ: Một phần là 10/10 Đường số 10, Khu phố 10, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0903 123 456 - 0903 123 456		
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
THÀNH PHẦN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED Địa chỉ: Một phần là 10/10 Đường số 10, Khu phố 10, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh Số điện thoại: 0903 123 456 - 0903 123 456		
CHỮ CHỮ TRẦN NGUYỄN HOÀNG		
CHỦ THỂ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT KHỚP NỐI MỀM 2		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ LẦN
1:10	2025	MITAC.01.15

CHI TIẾT GIÁ ĐỖ MĂNG CÁP ĐIỆN ĐIỂN HÌNH 典型电缆桥架的支架细节图



MẶT CẠNH
侧面

MẶT ĐÚNG
立面

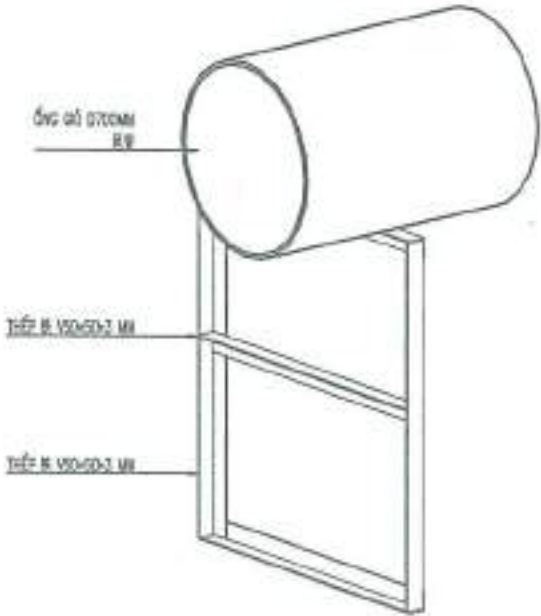
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày 15 tháng 11 năm 2025			
CHI CHÚ 备注:			
STT	THIẾT BỊ 设备	ĐƠN VỊ 单位	SỐ LƯỢNG 数量
01	GIÁ ĐỖ MĂNG ĐIỆN V100X50	BỘ 套	01
02	TRỤ BÊ TÔNG M8x60MM	CÁI 个	04
VẬT LIỆU CHÉ TẠO GIÁ ĐỖ: THÉP 30x30x3 MM, SƠN 2 LỚP (1 LỚP CHỐNG RỈ 1 LỚP SƠN MÀU ĐEN SẮM) 支架加工材料: 铁 30x30x3 MM, 喷油2层 (01层防锈漆, 01层黑色色漆)			
Chủ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ)		Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	
Thách Lăng Toàn		Nguyễn Văn Vinh	



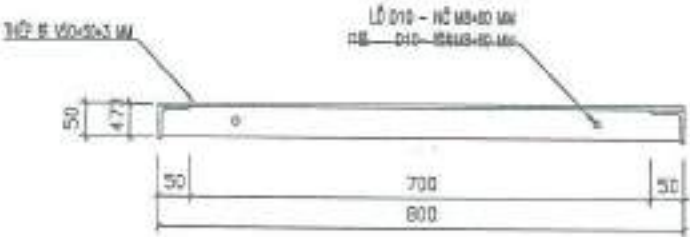
BỘ CHỈ THIẾT KẾ		
LẦN SỐ	SỐ DẪN	XÁC NHẬN CHỈNH
1		
2		
ĐỒ DẪN CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) COMPANY LIMITED NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
ĐỊA ĐIỂM HẾT PHẦN LỖ GIỮ CHỖ, KINH HOẠCH THI CÔNG HƯỚNG DẪN THI CÔNG, TP. HỒ CHÍ MINH 施工方向: 越南 MITAC 科技工厂 - 0108223136		
HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
CHỮ KÝ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 越南环境股份有限公司 10/11 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh 10/11 Nguyễn Văn Linh, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh Email: mtrungetc@gmail.com		
CHỮ KÝ TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỮ KÝ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT GIÁ ĐỖ MĂNG CÁP ĐIỆN HÌNH		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THIỆN	SỐ HẸU
1:2	2025	MITAC.CH.17

CHI TIẾT GIÁ ĐỖ ỐNG KHÍ ĐIỂN HÌNH
典型排气管的支架细节图

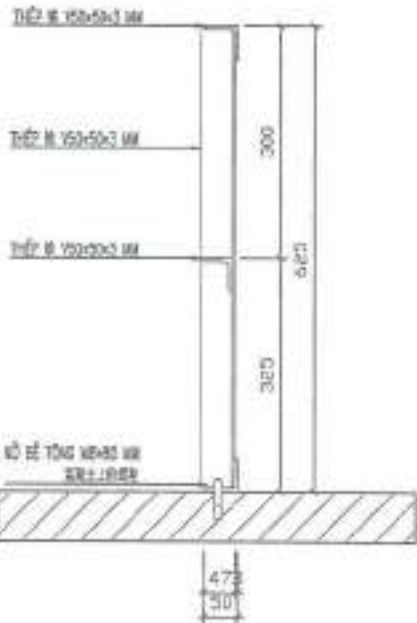
3D PHỐI CẢNH
透视3D



MẶT BẰNG 平面



MẶT ĐÚNG 立面



GHI CHÚ 备注:			
STT	THIẾT BỊ 设备	ĐƠN VỊ 单位	SỐ LƯỢNG 数量
01	GIÁ ĐỖ ỐNG GIÓ Ø700 风管Ø700的支架	BỘ 套	4
02	NỖ BÊ TÔNG M8x80 MM 混凝土上的螺栓	CÁI 个	-

VẬT LIỆU CHẾ TẠO GIÁ ĐỖ THÉP 50x50x3 MM, SƠN 2 LỚP (1 LỚP CHỐNG RỈ, 1 LỚP SƠN MÀU CHỈ SÁNG)
支撑加工材料: 铁 50x50x3 MM, 喷漆2层 (01层防锈漆, 01层面漆)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Người lập
vẽ (họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn

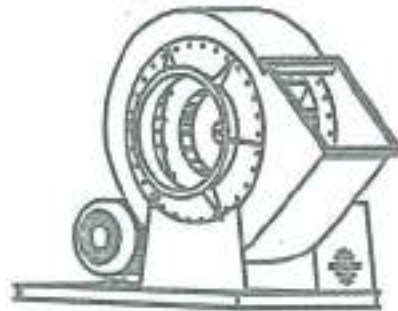
Chỉ huy trưởng công trình
(họ tên, chữ ký)
Nguyễn Văn Vinh

Tư vấn giám sát trưởng
(họ tên, chức vụ, chữ ký)

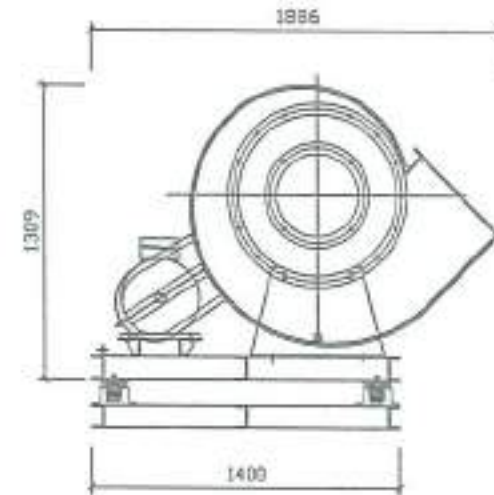
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
Lần số	Số lần sửa	Nội dung chỉnh sửa
1		
CÔNG TY TNHH MITSUBISHI VIỆT NAM MITSUBISHI TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MITSUBISHI VIỆT NAM Số 10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 028 3911 1111 - Fax: 028 3911 1112		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITSUBISHI (VIETNAM) 越南 MITSUBISHI 科技工厂		
HẠNG MỤC		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M ³ /H 废气处理系统		
Ghi chú: THIẾT KẾ ETC		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC VIETNAM ETC环境股份有限公司 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, T. QUẬN 1, QUẬN 1, TP. HCM Số 10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 028 3911 1111 - Fax: 028 3911 1112		
Ghi chú:		
TRẦN NGỌC HỒNG		
CHỖ THÍ THIẾT KẾ		
NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ		
THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA		
NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ		
PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ		
CHI TIẾT GIÁ ĐỖ ỐNG KHÍ ĐIỂN HÌNH		
THIẾT KẾ SỐ		
Tỷ lệ	Ngày tháng năm	Số hiệu
1:10	2015	MITSUBISHI 18

CHI TIẾT QUẠT HÚT KHÍ THẢI 1 风机细节

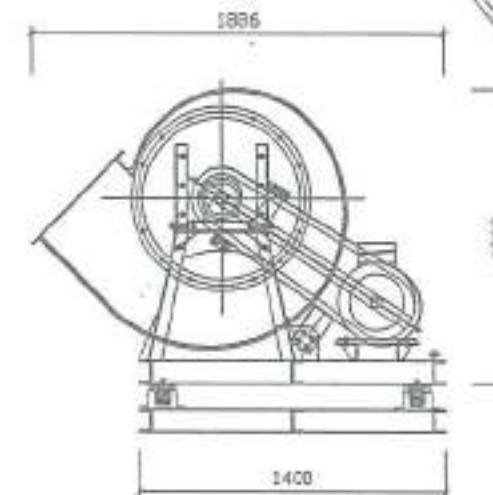
3D PHỐI CẢNH 透视3D



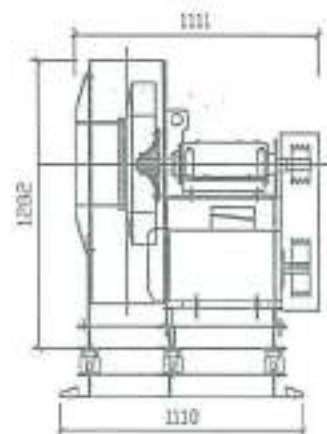
MẶT TRƯỚC 前面



MẶT SAU 后面



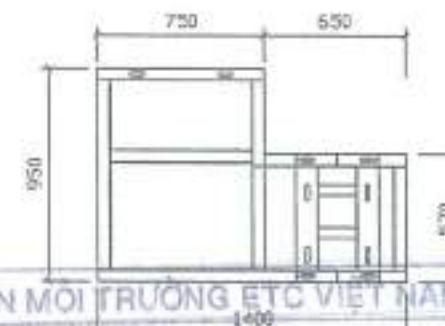
MẶT CẠNH 侧面



CỬA HÚT KHÍ 吸风口



MẶT BẰNG CHÂN ĐỖ 支撑平面



CỬA THỔI KHÍ 曝气口

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 05 tháng 04 năm 2025

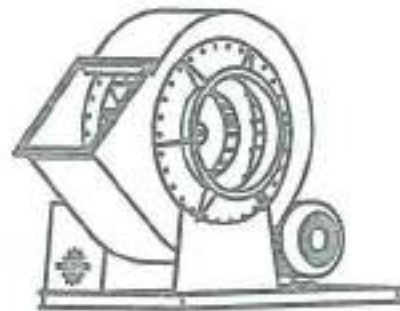
 Thach Dang Toan	 Nguyen Van Vinh	Tư vấn giám sát trưởng (Chỉ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
---------------------	---------------------	--



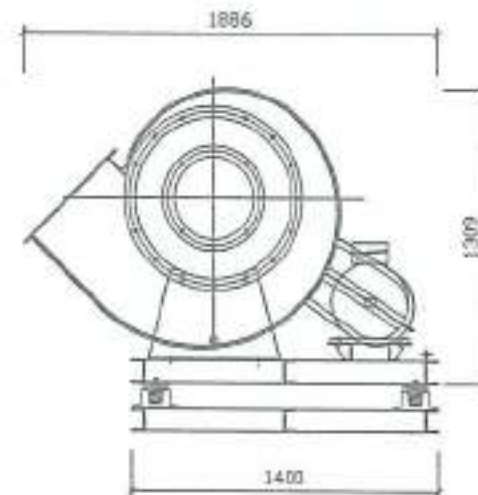
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN SỐ	SỬA ĐỔI	SỬA ĐỔI
1		
2		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED ĐÁ DÈ HUYỆN LÚC, QUẬN HOÀNG MÃI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
ĐÁ DÈ Một phần lễ hội của các công nhân và nhà đầu tư, TP. Hà Nội NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) - HÀ NỘI		
NỘI DUNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC VIỆT NAM 越南 ETC 环境股份有限公司 Trụ sở: 10/10 Đường Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Văn phòng: 10/10 Đường Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội Email: info@etcvn.com.vn		
GIÁM ĐỐC TRAN NGOC HOANG		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ THẠCH DĂNG TOÀN		
KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ CHI TIẾT QUẠT HÚT KHÍ THẢI 1		
THIẾT KẾ CƠ SỞ		
TÊN	HOÀN THÀNH	SỐ HẸU
1:30	2025	HITAC.01.19

CHI TIẾT QUẠT HÚT KHÍ THẢI 2 风机细节

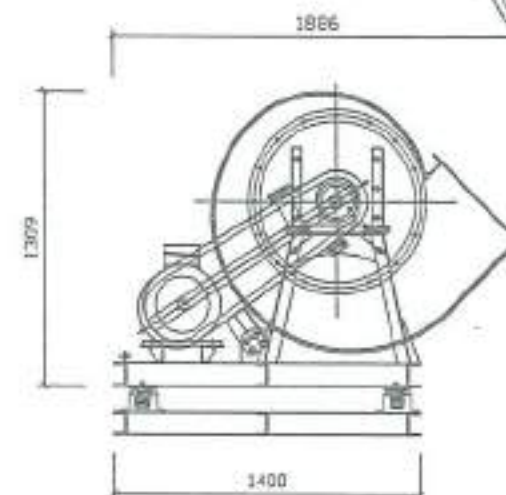
3D PHỐI CẢNH 透视3D



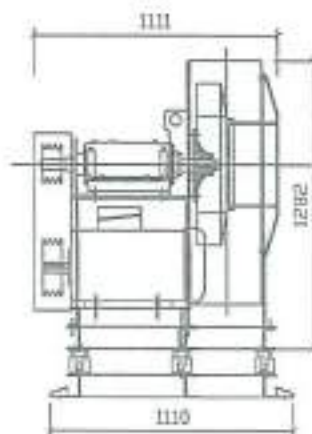
MẶT TRƯỚC 前面



MẶT SAU 后面



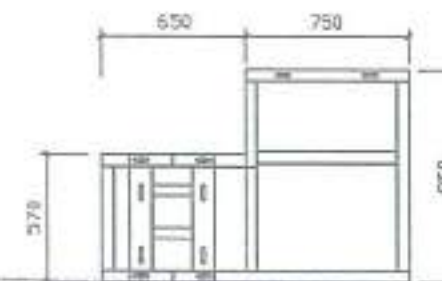
MẶT CẠNH 側面



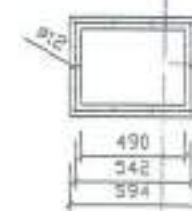
CỬA HÚT KHÍ
吸风口



MẶT BẰNG CHÂN ĐỖ
支撑平面



CỬA THỔI KHÍ
曝气口



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

Đi cùng lập
vào bộ sưu tập, chôn vùi - (hồ hởi)

Chỉ huy trưởng công trình
(Chỉ rõ họ tên, chức vụ)

Tư vấn giảm chi phí năng lượng
(Chuyển đổi từ than sang dầu)

Thạch Lăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

Nguyễn Văn Vinh

ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ		
LẦN SỐ	ĐƠN ĐÓNG DẤU	SỐC NHẬN/CHỮ KÝ
1		
2		
CHỦ DỰ ÁN CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED 10A ĐƯỜNG SỐ 1 PHƯỜNG 10 PHỐ THẠCH KHANH THỊ TRẠM HẢI HẢI HUYỆN PHÚ CƯỜNG, TP. HÀ NỘI 越南 海防市石康坊石康街10号 电话: 0902 022 000 - 0902		
DỰ ÁN NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 越南 MITAC 科技工厂		
DỰA THEO HỢT PHẢI LƯU LƯU CHẾ, CÔNG HỘ THỊ TRẠM HẢI HẢI HUYỆN PHÚ CƯỜNG, TP. HÀ NỘI 越南 海防市石康坊石康街10号 电话: 0902 022 000 - 0902		
HÀNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 40.000 M3/H 废气处理系统		
ĐIỀU CHỈNH THIẾT KẾ 2025136 - C.T.C.T  CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM ETC 环境股份有限公司 10A ĐƯỜNG SỐ 1 PHƯỜNG 10, PHỐ THẠCH KHANH THỊ TRẠM HẢI HẢI HUYỆN PHÚ CƯỜNG, TP. HÀ NỘI 越南 海防市石康坊石康街10号 电话: 0902 022 000 - 0902 Email: mitaccompany@gmail.com		
DẤU SÓC  TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ  NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ  THẠCH BĂNG TOÀN		
KIỂM TRA  NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ  PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN SẢN PHẨM CHI TIẾT QUẠT HÚT KHÍ THẢI 2		
THIẾT KẾ CỐ SỞ		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HẸU
1:30	2025	MITAC.CN.20



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

越南ETC环境股份公司

MST税号: 0108225136

Hotline热线: 0989.358.550/ 0966.111.255

VPGD: Tòa nhà IRIS, số 66, phố Lộc, phường Xuân Đình, thành phố Hà Nội

交易办公室: 河内市北慈廉郡春鼎坊禄街66号IRIS楼



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

—— 竣工图

DỰ ÁN

项目名称

: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM

: 越南 MITAC 科技工厂

HẠNG MỤC

项目

: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NGÀY ĐÊM

: 有效容积250 m3/昼夜的生活污水处理站

ĐỊA ĐIỂM

地址

: MỘT PHẦN LÔ CN02, KCN HỖ TRỢ NAM HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 1, TP. HÀ NỘI

: 河内市富川县南河内辅助工业区第一期CN02区一部分

CHỦ ĐẦU TƯ

投资者

: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM

: MITAC TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED

NHÀ THẦU

承包商

: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

: 越南ETC环境股份公司

CHỦ ĐẦU TƯ 投资者

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ

MITAC VIỆT NAM



NHÀ THẦU THI CÔNG 承包商

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG

ETC VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC

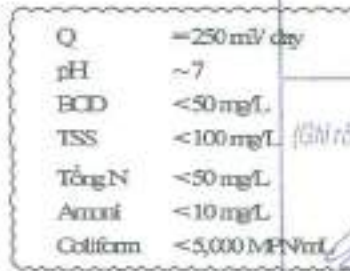
Trần Ngọc Hoàng

Hà Nội - 2025

GIÁM ĐỐC

HAN, KE-YUAN

生香污水处理站工艺流程图



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 4.5.2016, ĐƯỜNG DẪN NƯỚC THẢI 汚水線

Người lập

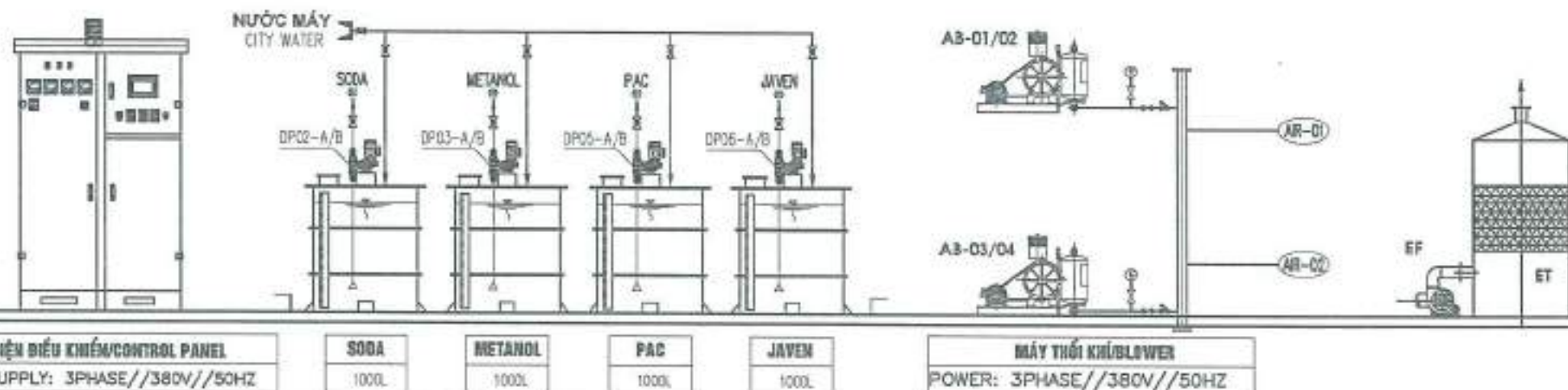
Chỉ huy

Trạch Đăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

RTL	2025	MITAC-TNL-1
-----	------	-------------

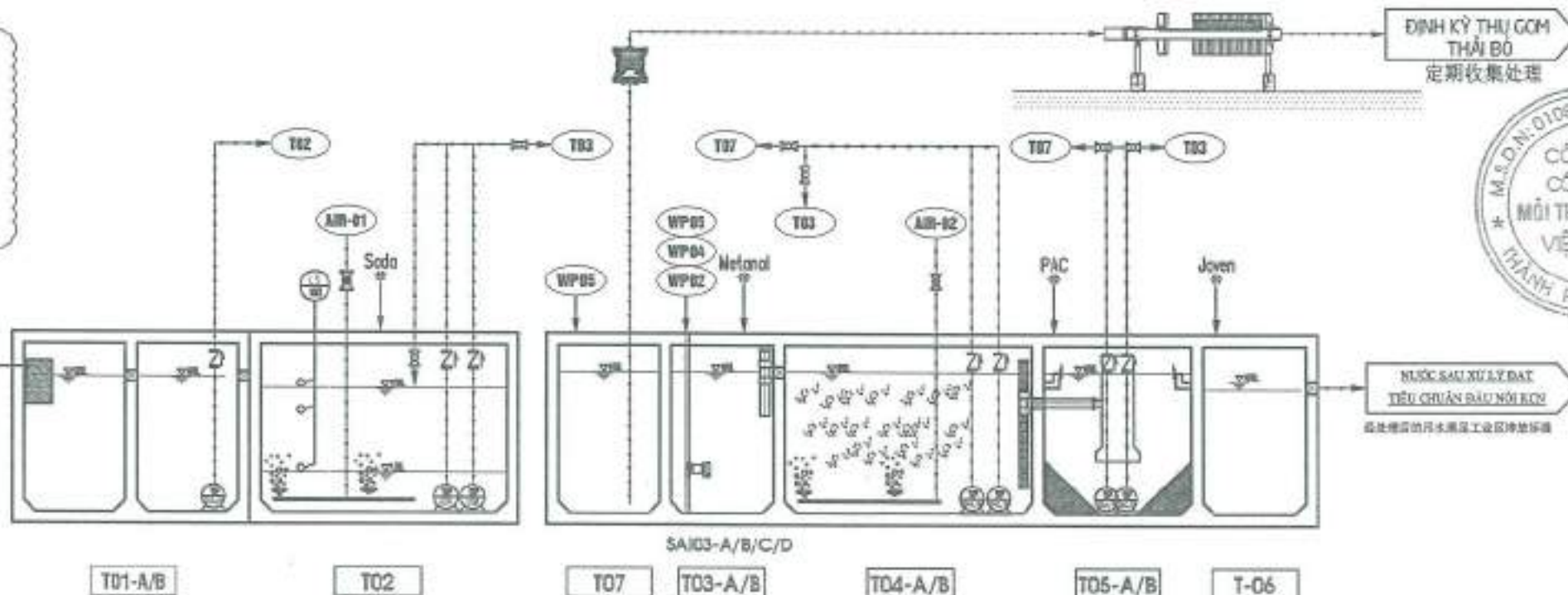
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI - GIAI ĐOẠN 1

生活污水站工艺示意图



Q	~250 m ³ /day
pH	~6.5 - 7.5
BOD	~250 mg/L
TSS	~200 mg/L
Tổng N	~90 mg/L
Amni	~60 mg/L
Codifam	~20,000 MPN/mL

NƯỚC THẢI SINH HOẠT WASTEWATER



GHI CHÚ 备注:

T01-A/B	BỂ THU GOM - LẮNG CÁT 收集池 - 砂子沉淀
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LẮNG SINH HỌC 生物沉淀池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA BÚN 污泥池
AB-01/02/03/04	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B/C/D	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SAI03-A/B/C/D	MÁY KHUAY CHIM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B/C/D	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B/C/D	BƠM TUẦN HOÀN BÚN SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHỬ MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHẤN RÁC 垃圾格栅

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 苛性碱
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 絮凝
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 杀菌
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 杀菌计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电气控制柜

ĐƯỜNG DẪN NƯỚC THẢI 污水线
ĐƯỜNG NƯỚC TUẦN HOÀN 循环水线
ĐƯỜNG DẪN BÚN 循环污泥线
ĐƯỜNG DẪN BÚN THẢI 污泥排放
ĐƯỜNG DẪN KHÔNG KHÍ 空气
ĐƯỜNG DẪN HÓA CHẤT 化学品线
SP 404 - A/B
SỐ LƯỢNG THIẾT BỊ 设备数量
VỊ TRÍ THIẾT BỊ 设备位置
TÊN THIẾT BỊ 设备名称



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM: HẾT MÀU LỎNG CỎ, XEN HỒ TRUYỀN VÀ HỒ NƯỚC PHỤ XUYÊN, TP. HÀ NỘI

HẠNG MỤC: 100

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M³/NG.Đ

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: 100402



ETC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: 100 Đường Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Hotline: 090 888 111 333
Email: nctn@etc.vn

GIẤY ĐỌC: 100

TRẦN NGỌC HOÀNG

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN VINH

THIẾT KẾ

THẠCH DẪNG TOÀN

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN VINH

QUẢN LÝ

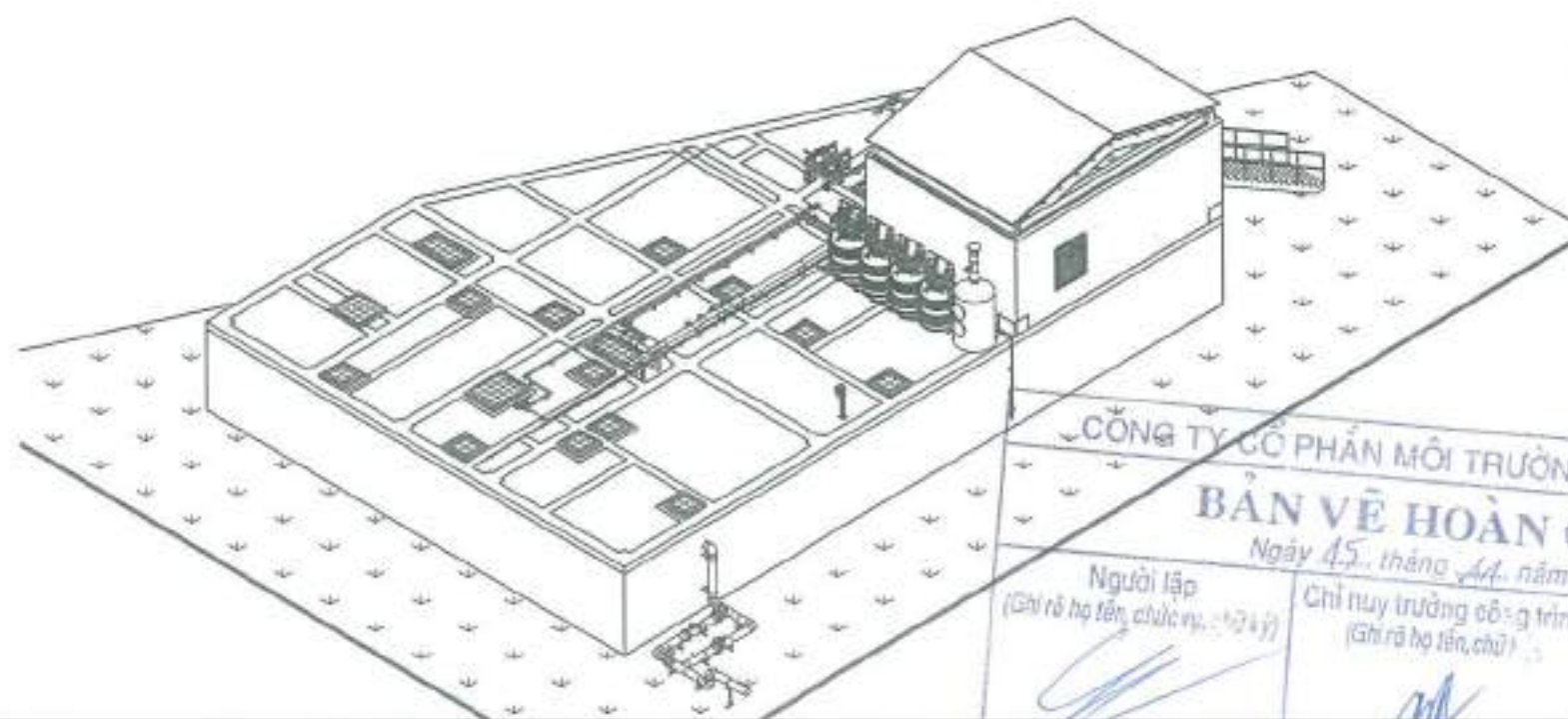
PHẠM CÔNG TÙNG

TỜ BẢN VẼ

LƯU BỒ CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ T4 CÔNG

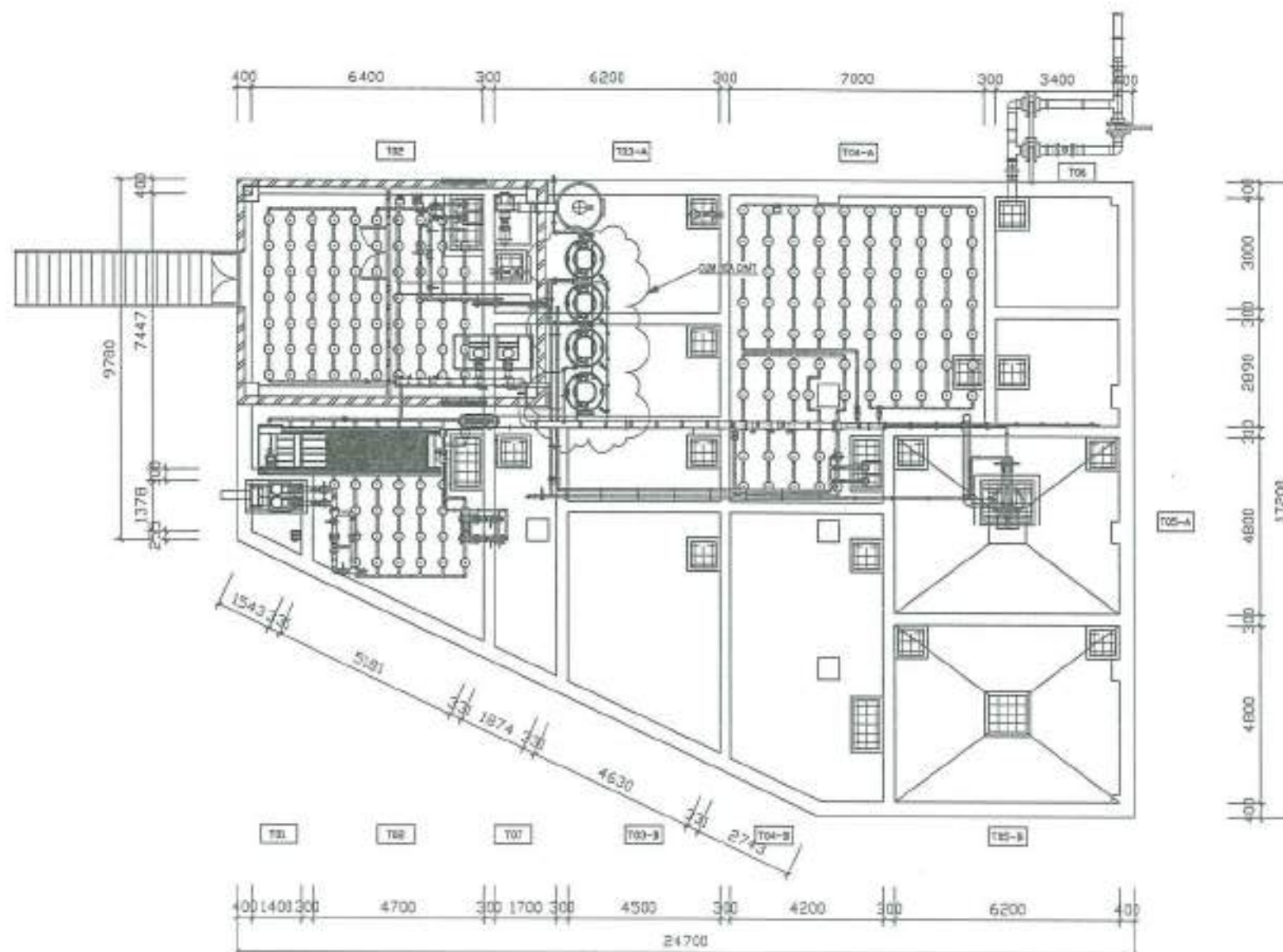
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HẸU
1:100	2025	01
KTL	2025	MITAC-EXL-1



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 45 tháng 11 năm 2015		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ)	Tư vấn (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
		
Thạch Đăng Loan	Nguyễn Văn Vinh	

[illegible]

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LẠNG SINH HỌC 生物滤池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI-BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI-BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA003-A/B	MÁY KHUẤY CHÈM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỐI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EP	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHỬ MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾格栅

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 烧碱
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇储罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 烧碱
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 次氯酸钠
D002-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG SODA 计量泵
D003-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
D005-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG PAC 计量泵
D006-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CT	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电气控制柜



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MİTAC (VIỆT NAM)
MİTAC VIỆT NAM
MİTAC VIỆT NAM
MİTAC VIỆT NAM

NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MİTAC (VIỆT NAM)

Địa điểm xây dựng:
Hố thối lò đốt chất thải rắn công nghiệp và dân dụng
Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội

Hạng mục xây dựng:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 250 M3/ NGÀY
Số dự án: 01052225



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
ETC VIỆT NAM
ETC VIỆT NAM

Địa điểm xây dựng:
Hố thối lò đốt chất thải rắn công nghiệp và dân dụng
Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội
Số dự án: 01052225

Ghi chú:
TRẦN NGỌC HOÀNG

Chủ trì thiết kế:
NGUYỄN VĂN VINH

Thiết kế:
THẠCH DĂNG TOÀN

Kiểm tra:
NGUYỄN VĂN VINH

Quản lý:
PHẠM CÔNG TÙNG

Tên bản vẽ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ

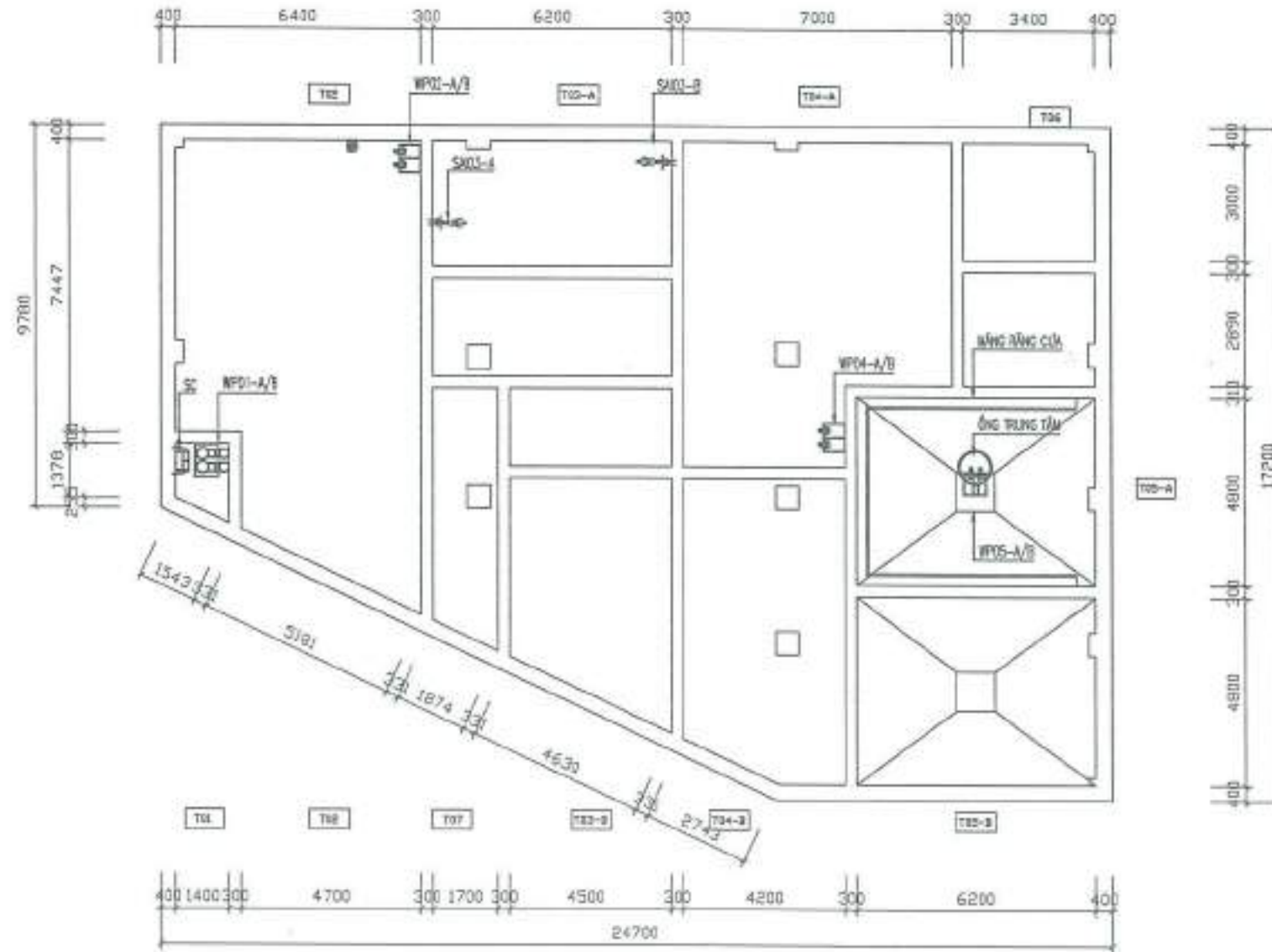
Thiết kế thi công:

Tỷ lệ:
1:150

Hoàn thành:
2025

Số hiệu:
MITAC-TXL-4

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ ĐÁY BỂ

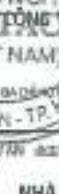
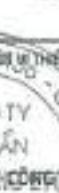


GHI CHÚ备注:

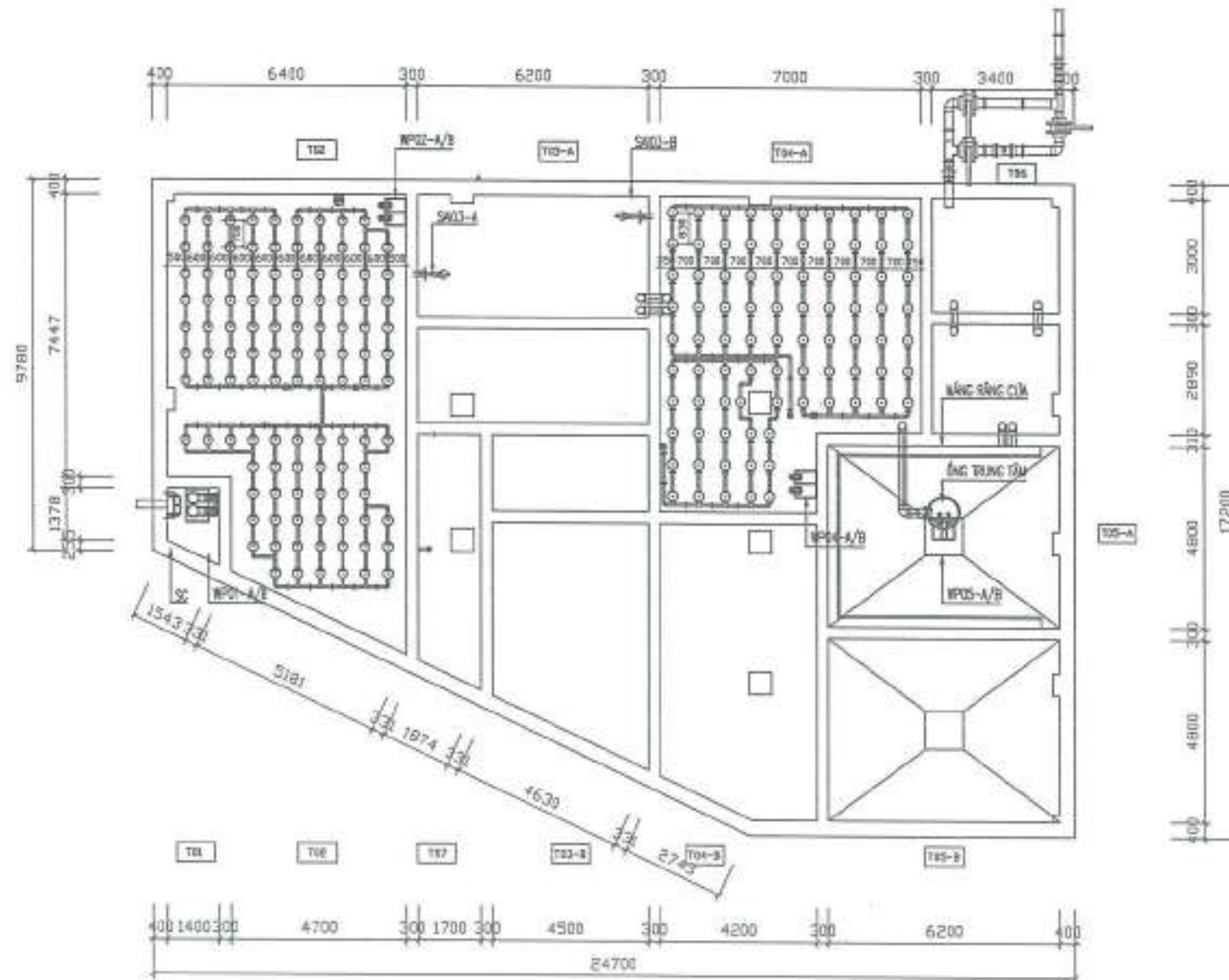
T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHU TRUNG 沉淀池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 溢流池

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵	
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵	
SA303-A/B	MÁY KHUAY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机	
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵	
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵	
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机	
ET	THÁP KHU MÙI 除臭塔	
SC	SÔNG CHẦN RÁC 垃圾格栅	

CT02	BÓN HOA CHẤT SODA 育綠
CT03	BÓN HOA CHẤT METANOL 甲醇營養
CT05	BÓN HOA CHẤT PAC 育綠
CT06	BÓN HOA CHẤT JAVEN 健綠
DP02-A/B	BÓN ĐỊNH LƯỢNG SODA 育綠
DP03-A/B	BÓN ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇營養
DP05-A/B	BÓN ĐỊNH LƯỢNG PAC 育綠
DP06-A/B	BÓN ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 健綠
CP	TU DIỆN DIỆU KHIỆN 調整劑

SỐ DẪI		
LÃN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MĨ THUẬT VIỆT NAM 84 TRẦN HƯNG ĐẠO, QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐIỆN THOẠI: 0912.123.456		
DỰ ÁN: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: MỘT PHẦN LỘ CẮT CHẠY, KINH LỘ TRẠNG HẠ NỘI, HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TP. HÀ NỘI		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M³/NGÀY 		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM TRẠNG HẠ NỘI, SỐ PHƯỜNG, XÃM ĐỊNH, QUẬN TÂY LŨNG, HÀ NỘI Hotline: 044-555-1111 Email: info@etcvn.vn		
CHỮ ĐÓNG:  TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ:  NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ:  THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA:  NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ:  PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ THÌ THIẾT BỊ ĐẦY ĐỦ		
THÌ THIẾT KẾ THÌ CÔNG		
TỶ LỆ: 1:150	HỌA THẠCH: 04/2025	SỐ HẸO: 1234
1:150	2025	MITAC-TXL-5

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG ĐÁY BỂ



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LÀNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SAI03-A/B	MÁY KHUẤY CHIM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỐI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EP	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾格栅

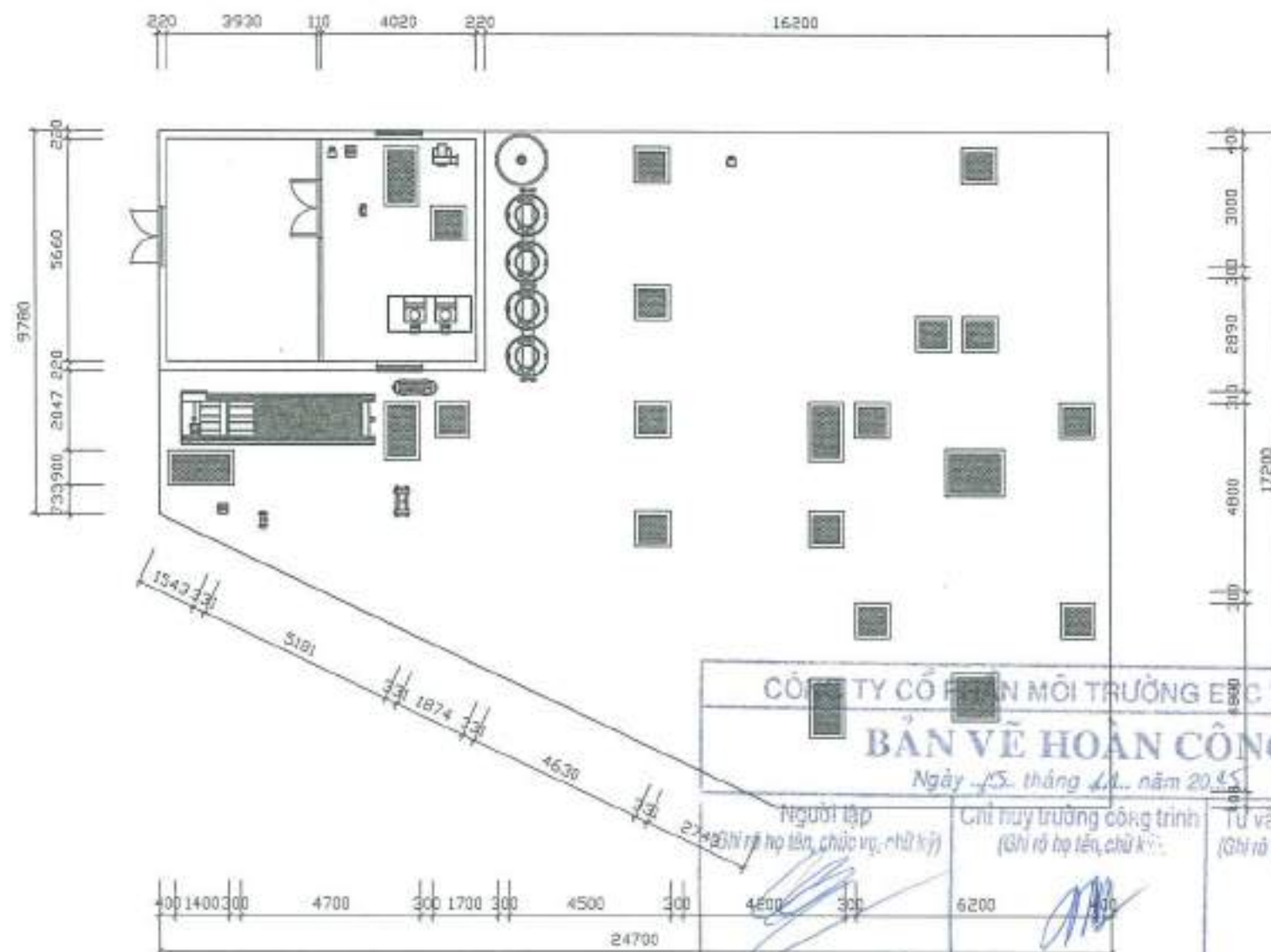
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

C702	BƠM HÓA CHẤT SODA 加药泵
C703	BƠM HÓA CHẤT METANOL 加药泵
C704	BƠM HÓA CHẤT PAC 加药泵
C705	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 加药泵
DN02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DN03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 计量泵
DN05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DN06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电控柜



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỐ ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) Địa điểm xây dựng: Một phần lô đất 08/2, KCN Hồ Thọ Nam Hà Nội, Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội. Hạng mục xây dựng: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ M.S.D.N: 011058765 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM M.S.D.N: 0106225 TRẦN NGỌC HOÀNG CHỦ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÙNG TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG ĐÁY BỂ THIẾT KẾ THỰC CÔNG TỶ LỆ 1:150 HOÀN THÀNH 2025 SỐ HẸU 126 MITAC-TXL-6		

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRÊN BỀ MẶT BỀ



GHI CHÚ备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRUNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỤC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SAB03-A/B	MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỒI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥回流泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾输送带

CT02	BÓN HOA CHẤT SODA 健福
CT03	BÓN HOA CHẤT METANOL 平醇植福
CT05	BÓN HOA CHẤT PAC 健福
CT06	BÓN HOA CHẤT JAVEN 健福
DP02-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 平醇计量泵
DP05-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỀU KHIỂN 变频器

SỬ DỤNG		
LÊN	SỬ DỤNG	XÁC NHẬN
1		



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC
(VIỆT NAM)

DIA TIEM MUC

HỢT PHẤN LỬ ĐẤT ĐỎ, KIM HỖ TRỢ NẠM HÀ NỘI
HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI

HANG PHUC 2000

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 250 M³/NG.Đ

[illegible]

SON VI THẾT KẾ 1994-2002



CHÍNH ĐỐC: 4000

TRẦN NGỌC HOÀNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ
TÀI HIỆP

NGUYỄN VĂN VINH

THIẾT KẾ
HỒ SƠ THI CÔNG

THẠCH DẪNG TOÀN

KIỂM TRA

NOTES ON CONTRIBUTORS

QUẢN LÝ

CUAM CHUOC TONG:

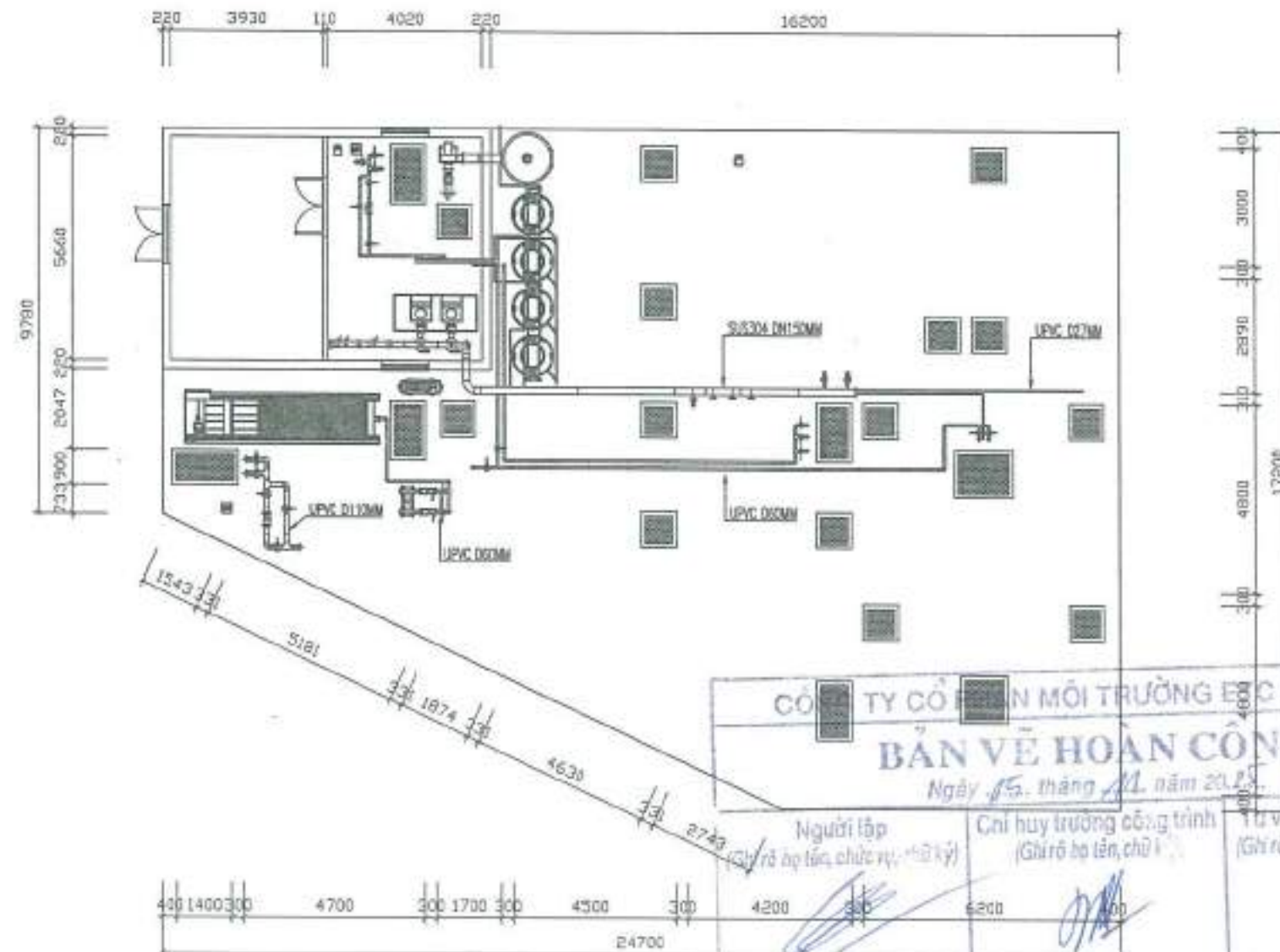
tên dân tộc người ...

MẶT HÀNG ĐỒ TRÍ THIỆT HỊ TRÊN
HỆ MẶT BÉ

THIẾT KẾ THẠC SĨ

TỶ LỆ HẠT	HOẠT THẢM (mmol)	SỐ HIỆU DƯ
1:150	3000	MITAC-TXL

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TRÊN BỀ MẶT BỂ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2023

Người lập
(Chữ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chỉ huy trưởng công trình
(Chữ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Tư vấn giám sát trưởng
(Chữ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Thạch Đăng Loan

Nguyễn Văn Vinh

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

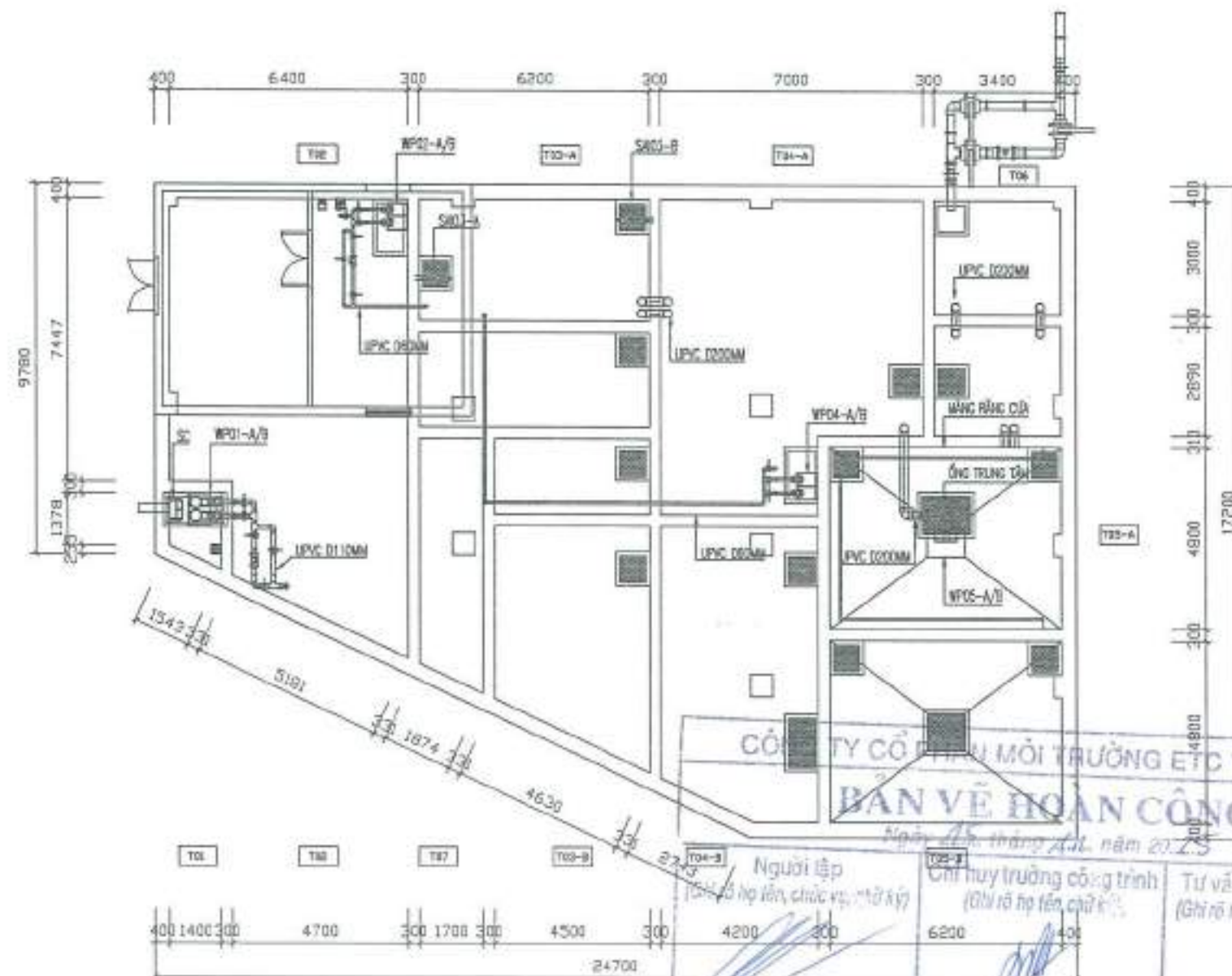
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUAY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥回流泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHẠM RÁC 垃圾格栅

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 储罐
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇储罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 储罐
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 储罐
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỀU KHIỂN 电控控制柜



SƠ ĐỒ		
LÊN	SƠ ĐỒ	XÁC NHẬN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: Một phần là đất công, còn một phần là đất của nhà máy, khu vực 1, Phường Phú Mỹ, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ETC VIỆT NAM		
TRẦN NGỌC HOÀNG		
NGUYỄN VĂN VINH		
THẠCH ĐĂNG TOÀN		
NGUYỄN VĂN VINH		
PHẠM CÔNG TÙNG		
MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TRÊN BỀ MẶT BỂ		
THIẾT KẾ THỰC CÔNG		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HẸI
1:150	2023	MITAC-TXL-1

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIẾU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHỬ TRUNG
T07	BỂ CHỨA Bùn
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHIM BỂ THIẾU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NƯỚC TÁI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TÁI TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHU MÙI
SC	SÔNG CHÁNH RÁC

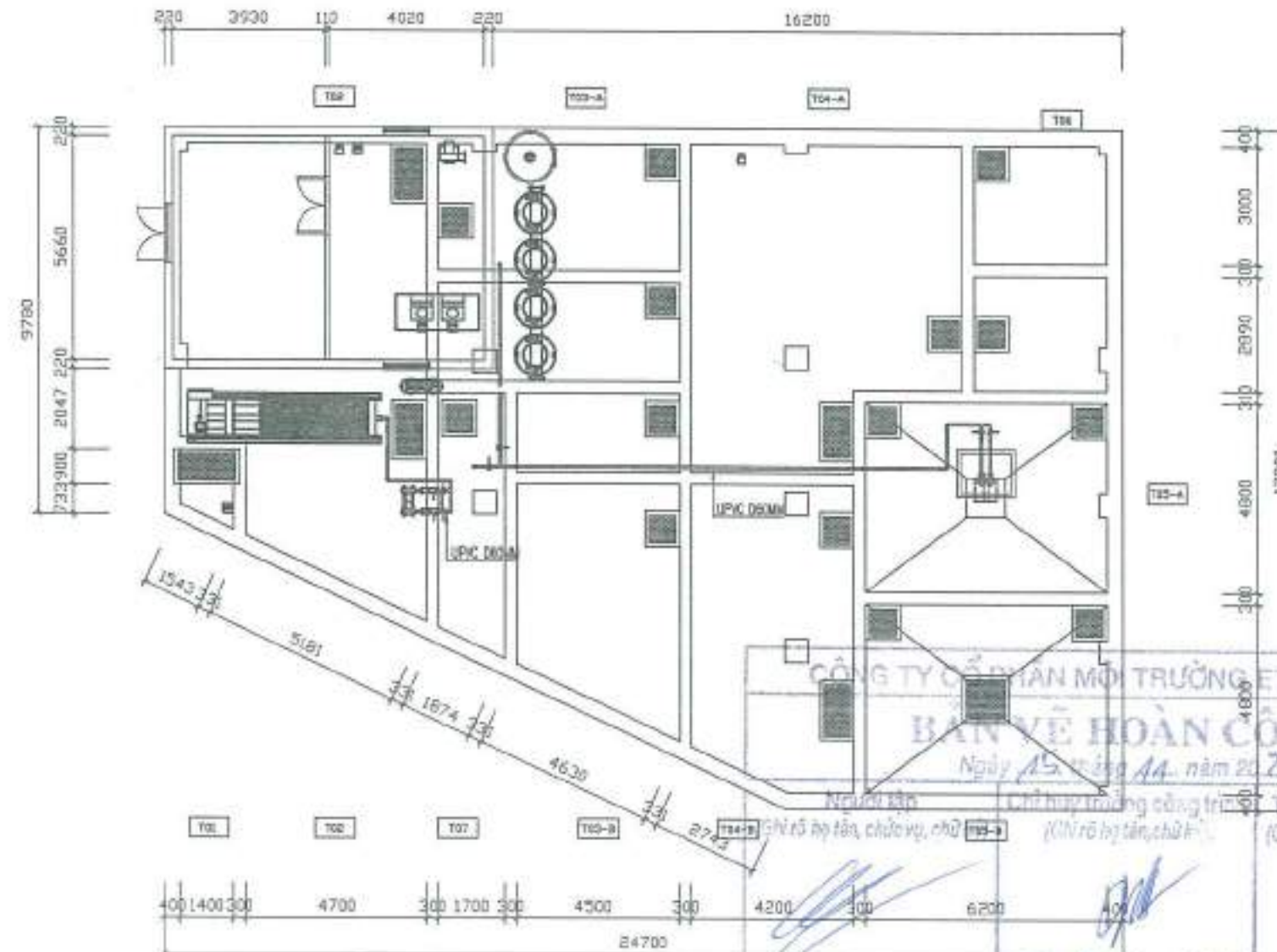
CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

Thạch Đăng Toàn Nguyễn Văn Vinh



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: HANG MUC		
HẠNG MỤC: HANG MUC		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
SỐ BẢN VẼ: 01/01		
THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
GAM CỐC: 01/01		
TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ		
THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA		
NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ		
PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ: 01/01		
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI		
THIẾT KẾ TH CÔNG		
TỶ LỆ	NGÀY THÁNG	SỐ HIỆU
1:150	2025	MITAC-TXL-9

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÓA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LẮNG SINH HỌC 生物沉淀池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA BÚN 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BAO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÓA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM MÔI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN BÚN SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风器
ET	THÁP KHỬ MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHẠN RÁC 垃圾格栅

CT02	BƠM HÒA CHẤT SODA 碱罐
CT03	BƠM HÒA CHẤT METANOL 甲醇罐
CT05	BƠM HÒA CHẤT PAC 磷罐
CT06	BƠM HÒA CHẤT JAVEN 氯罐
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 磷计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 氯计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电控控制柜

Thạch Đăng Toàn Nguyễn Văn Vinh



SỐ ĐỒ	LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG MITAC VIỆT NAM
(VIỆT NAM)
Số 06 ngõ 11/11 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phú Xuyên, Quận Hà Nội

NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM 1842
HỆ THỐNG LƯỚI SẠT CHOC, KINH DOANH NHÀ MÁY
HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP. HÀ NỘI

HẠNG MỤC 1842
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 250 M³/NGÀY
AS00000000/天日污水处理站



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
Số 06 ngõ 11/11 Đường Nguyễn Văn Linh, Phường Phú Xuyên, Quận Hà Nội
Điện thoại: 094 908 111-201
Email: mtrhuonggroup@gmail.com

GHI ĐỐC 1842
TRẦN NGỌC HOÀNG

ĐỒ THỂ THIẾT KẾ
184208

NGUYỄN VĂN VINH

THIẾT KẾ
184208

THẠCH ĐĂNG TOÀN

Kiểm tra
184208

NGUYỄN VĂN VINH

QUẢN LÝ
184208

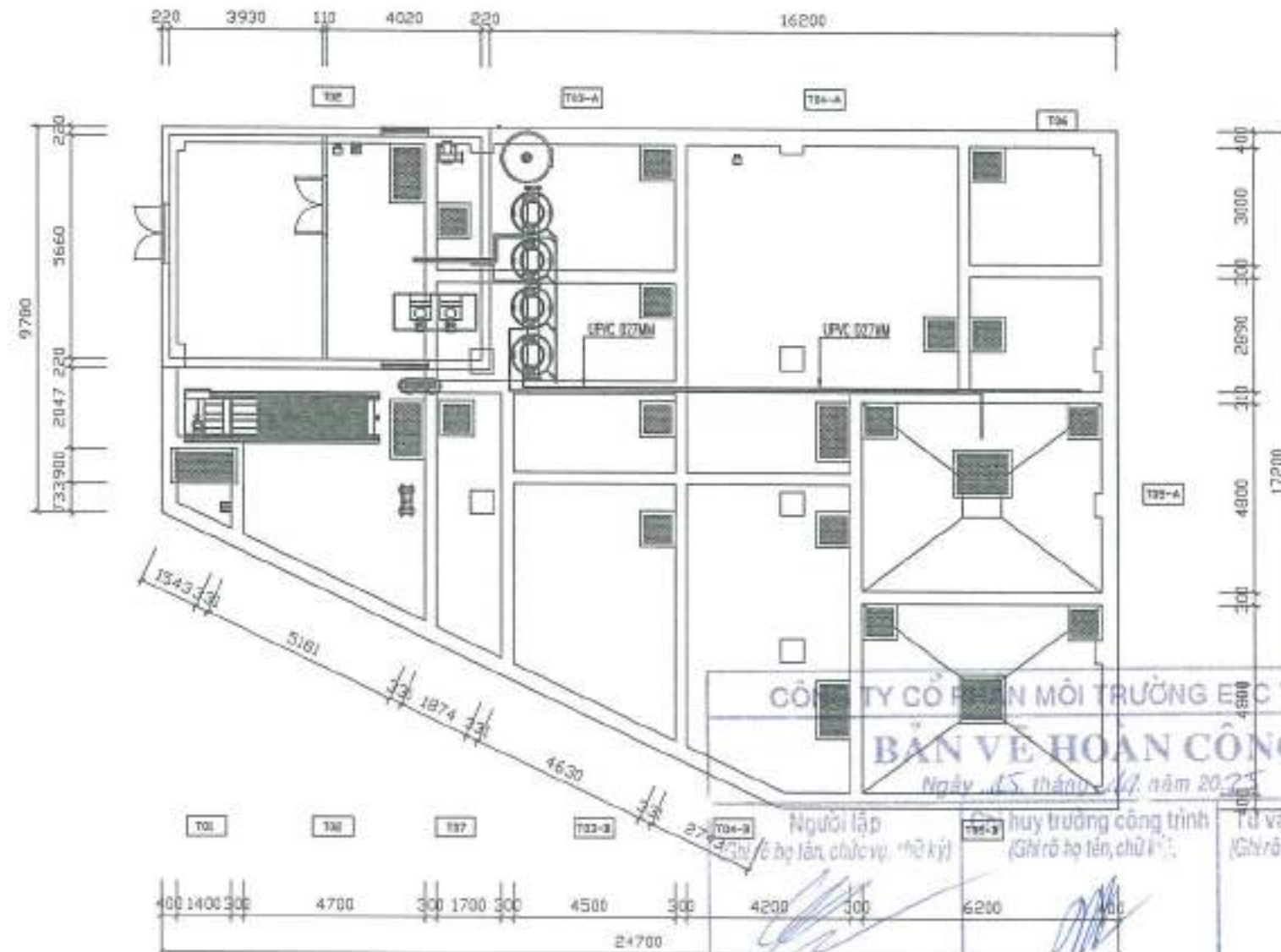
PHẠM CÔNG TÙNG

TÊN DẪN VẼ 184208
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÚN

THIẾT KẾ TH CÔNG

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:150	2025	MITAC-TXL-38

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống HÓA CHẤT



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHỬ TRÙNG
T07	BỂ CHỮA BỤN
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHIM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HỤT MÙI
ET	THÁP KHỬ MÙI
SC	SÔNG CHẶN RÁC

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỀU KHIỂN



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

Địa điểm xây dựng: Hố chứa nước thải công nghiệp, TP. Hà Nội

Hạng mục: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M³/NGÀY



ETC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

Địa chỉ: 18 Phố Láng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Trần Ngọc Hoàng

Chủ Trì Thiết Kế

Nguyễn Văn Vinh

Thiết Kế

Thạch Đăng Toàn

Kiểm Tra

Nguyễn Văn Vinh

Quản Lý

Phạm Công Tông

Tôn Nhân Về

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ống HÓA CHẤT

THIẾT KẾ TH CÔNG

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:150	2023	MITAC-TXL-15

The floor plan shows a large rectangular building with a complex internal layout. Key features include:

- Dimensions:**
 - Overall width: 16200
 - Overall height: 9780
 - Internal dimensions along the top: 220, 3930, 110, 4020, 220
 - Internal dimensions along the right: 400, 3000, 300, 2000, 300, 2000, 300, 4800, 300, 17200
 - Internal dimensions along the bottom: 400, 1400, 300, 4700, 300, 1700, 300, 4500, 300, 4200, 300, 6200, 300
 - Internal dimensions along the left: 233900, 2047, 220, 5660, 220
 - Diagonal dimensions: 1543, 5181, 1874, 4630, 2743
- Internal Layout:**
 - A large open area on the right side.
 - A series of four circular tanks or storage units in the center.
 - A complex network of pipes and conduits connecting various parts of the building.
 - Several rectangular rooms or enclosures of varying sizes.
 - Labels for specific equipment: "SUS304 DN150MM" and "SUS304 DN50MM".
- Text and Signatures:**
 - Top right: "CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ET"
 - Center right: "BẢN VẼ HOÀN CỐ"
 - Below center right: "Ngày 15 tháng 11 năm 2022"
 - Bottom right: "Nghị lập (Chữ rõ họ tên, chức vụ)" and "Chỉ huy trưởng công trình (Chữ rõ họ tên, chức vụ)" with handwritten signatures.

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

Northrup

Suaeda họ Rau răm, phân bố: +ở Việt Nam.

Chi huy trưởng công an tỉnh

giải rõ họ tên, chức vụ

Từ vựng - âm 0 : không

[Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký]

Thạch Dăng Toàn

Nguyễn Văn Vinh

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01,02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHÈM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NƠI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾放船

CT02	BÓN HÒA CHẤT SODA 量器
CT03	BÓN HÒA CHẤT METANOL 量器
CT05	BÓN HÒA CHẤT PAC 量器
CT06	BÓN HÒA CHẤT JAVEN 量器
DP02-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỀU KHIỂN 电控柜

SỬ DỬ		
LẦN	SỬ DỬ	XÁC NHẬN
1		



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ METAC
(VIỆT NAM)

DATA COLLECTION

MỘT PHẦN LƠ DẤT DƯỚI, KẾ CHẾ THỌ MẠNH HỮU MỘI
HUYỀN PHẢI BƯỞI. TH. HỮU MỘI

HARDY, MUE - 1000

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 250 M³ NG.Đ

地址: 北京 100011 电话: 010-62539000

— LƯU VÀ THIẾT KẾ VẬT MẪU



CÁNH ĐỘC 100%

TRẦN NGỌC HOÀNG

CHỖ THÌ THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN VINH

TH-ĐET KẾ

THẠCH ĐĂNG TOÀN

KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN VINH

QUẢN LÝ

PHẠM CÔNG TÙNG

TÊN SẢN PHẨM: ...

MẶT HÀNG BƠ TRỊ DƯỠNG ÔNG DÀ
KHÍ TRÊN BÊ MẶT BÉ

THUẬT KẾ THẠC CÔNG

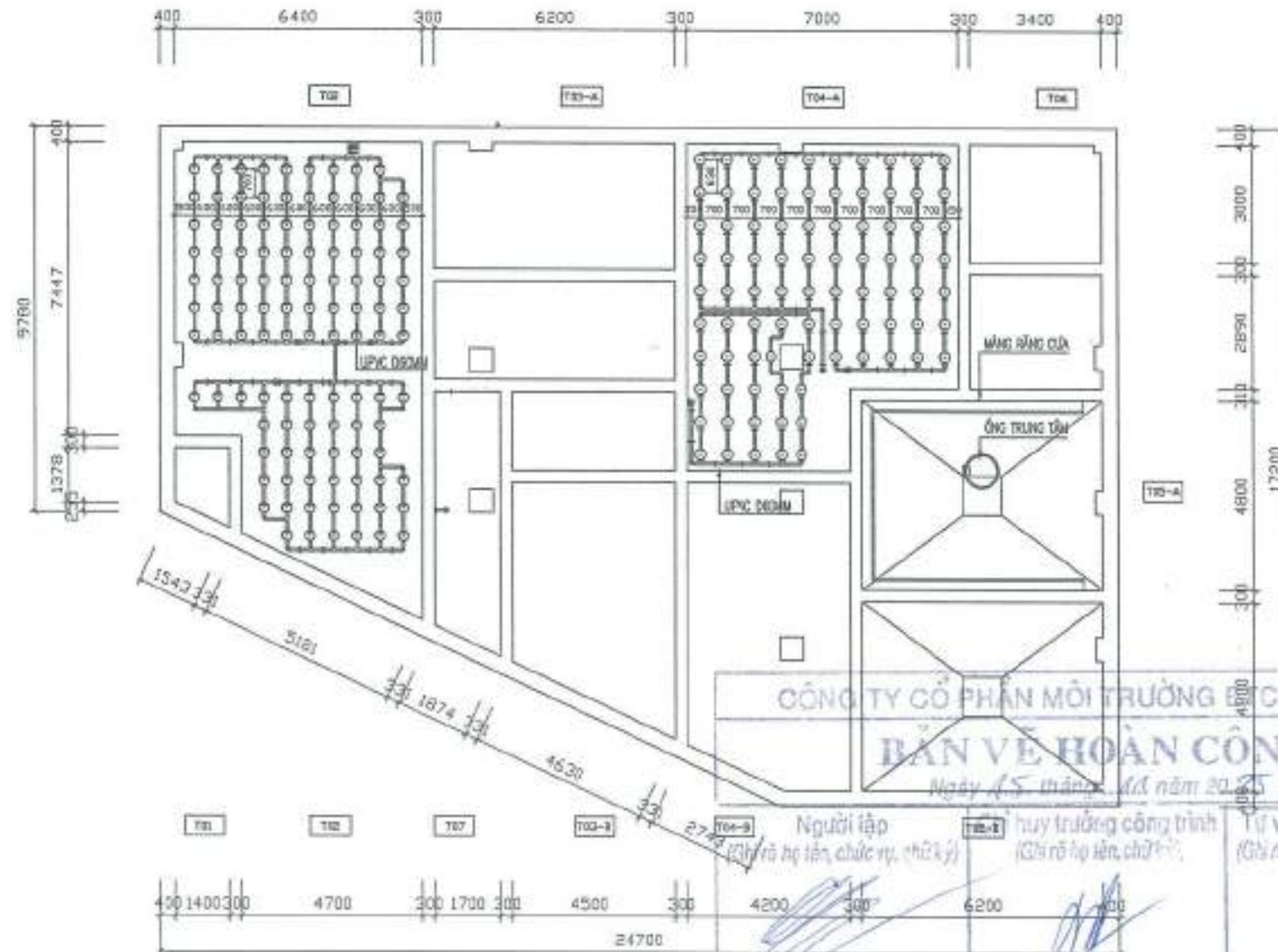
到任

1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039	2040	2041	2042	2043	2044	2045	2046	2047	2048	2049	2050	2051	2052	2053	2054	2055	2056	2057	2058	2059	2060	2061	2062	2063	2064	2065	2066	2067	2068	2069	2070	2071	2072	2073	2074	2075	2076	2077	2078	2079	2080	2081	2082	2083	2084	2085	2086	2087	2088	2089	2090	2091	2092	2093	2094	2095	2096	2097	2098	2099	2100	2101	2102	2103	2104	2105	2106	2107	2108	2109	2110	2111	2112	2113	2114	2115	2116	2117	2118	2119	2120	2121	2122	2123	2124	2125	2126	2127	2128	2129	2130	2131	2132	2133	2134	2135	2136	2137	2138	2139	2140	2141	2142	2143	2144	2145	2146	2147	2148	2149	2150	2151	2152	2153	2154	2155	2156	2157	2158	2159	2160	2161	2162	2163	2164	2165	2166	2167	2168	2169	2170	2171	2172	2173	2174	2175	2176	2177	2178	2179	2180	2181	2182	2183	2184	2185	2186	2187	2188	2189	2190	2191	2192	2193	2194	2195	2196	2197	2198	2199	2200	2201	2202	2203	2204	2205	2206	2207	2208	2209	2210	2211	2212	2213	2214	2215	2216	2217	2218	2219	2220	2221	2222	2223	2224	2225	2226	2227	2228	2229	2230	2231	2232	2233	2234	2235	2236	2237	2238	2239	2240	2241	2242	2243	2244	2245	2246	2247	2248	2249	2250	2251	2252	2253	2254	2255	2256	2257	2258	2259	2260	2261	2262	2263	2264	2265	2266	2267	2268	2269	2270	2271	2272	2273	2274	2275	2276	2277	2278	2279	2280	2281	2282	2283	2284	2285	2286	2287	2288	2289	2290	2291	2292	2293	2294	2295	2296	2297	2298	2299	2300	2301	2302	2303	2304	2305	2306	2307	2308	2309	2310	2311	2312	2313	2314	2315	2316	2317	2318	2319	2320	2321	2322	2323	2324	2325	2326	2327	2328	2329	2330	2331	2332	2333	2334	2335	2336	2337	2338	2339	2340	2341	2342	2343	2344	2345	2346	2347	2348	2349	2350	2351	2352	2353	2354	2355	2356	2357	2358	2359	2360	2361	2362	2363	2364	2365	2366	2367	2368	2369	2370	2371	2372	2373	2374	2375	2376	2377	2378	2379	2380	2381	2382	2383	2384	2385	2386	2387	2388	2389	2390	2391	2392	2393	2394	2395	2396	2397	2398</
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	--------

1:150

1:150	2000	MITAC-TXL
-------	------	-----------

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỚNG DẪN KHÍ ĐÁY BỂ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

Người tập: (Chữ ký) huy trưởng công trình (Chữ ký) Tự vấn giám sát trưởng (Chữ ký)

Thạch Đăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LẠNG SINH HỌC
T06	BỂ KHUỖ TRUNG
T07	BỂ CHUA BÚN
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

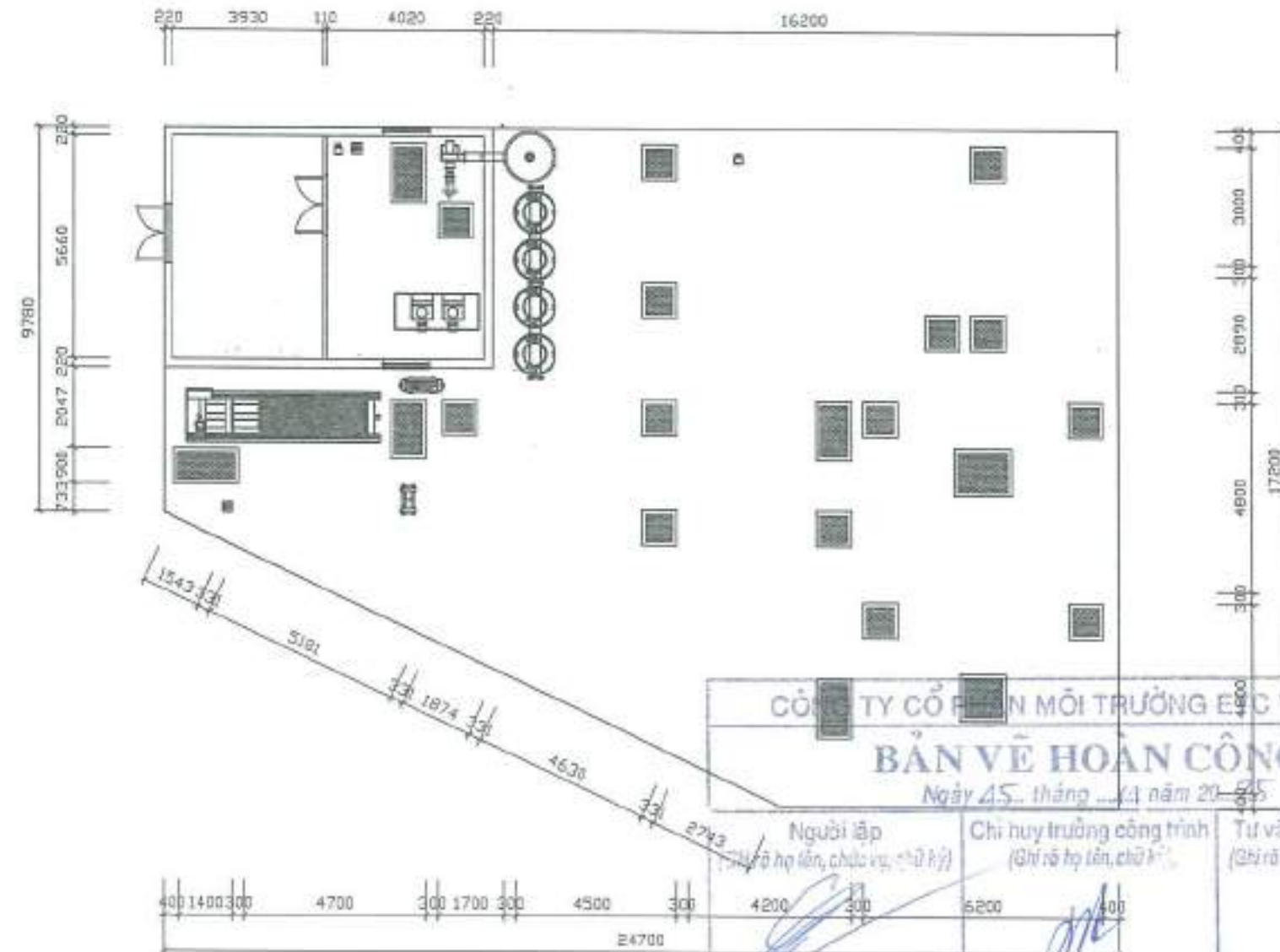
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA03-A/B	MÁY KHUỖ CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHUỖ MÙI
SC	SÔNG CHÁNH RÁC

CT02	BƠM HÒA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÒA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÒA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÒA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ETC CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ: THẠCH ĐĂNG TOÀN KIỂM TRA: NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ: PHẠM CÔNG TÙNG TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỚNG DẪN KHÍ ĐÁY BỂ THIẾT KẾ THỰC CÔNG: TT LÊ NGÂN, HOÀN THÀNH: 2025, SỐ HIỆU: MITAC-TX1-13		

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG HÚT MÙI



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 4/5 tháng 11 năm 2025

Người lập

(Chữ ký họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chỉ huy trưởng công trình

(Chữ ký họ tên, chức vụ, chữ ký)

Tư vấn giám sát trưởng

(Chữ ký họ tên, chức vụ, chữ ký)

Trần Ngọc Hoàng

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHỬ TRÙNG
T07	BỂ CHỨA Bùn
AB-01.02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

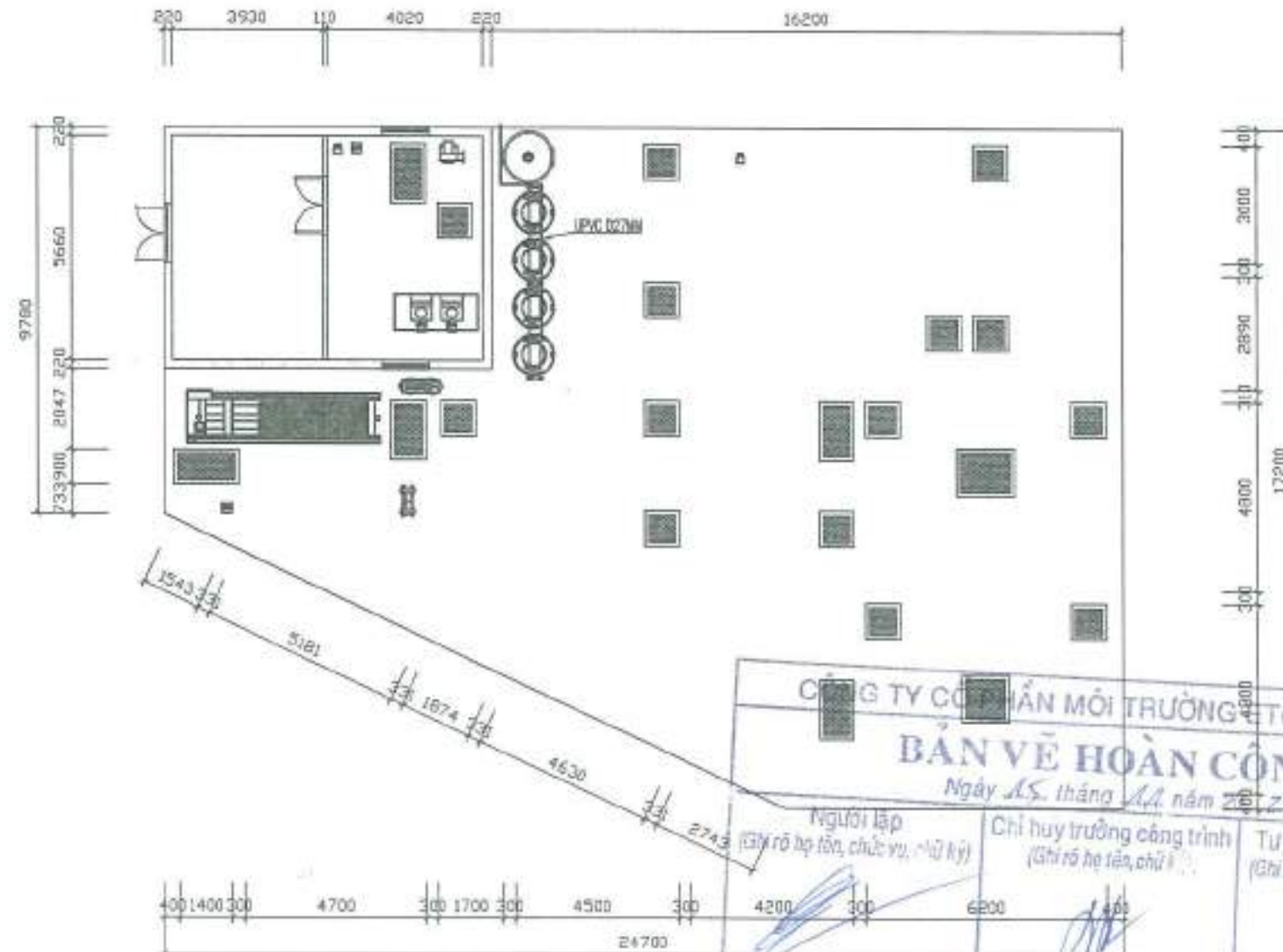
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA003-A/B	MÁY KHUAY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHỬ MÙI
SC	SÔNG CHẨN RÁC

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



SẢN PHẨM		
LÊN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN PHÚ BÙI, TỈNH HÀ NỘI		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ETC VIỆT NAM		
TRẦN NGỌC HOÀNG		
NGUYỄN VĂN VINH		
THẠCH ĐĂNG TÂN		
NGUYỄN VĂN VINH		
PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG HÚT MÙI		
THIẾT KẾ TH CÔNG		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:150	2025	MITAC-TKL-14

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC SẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 11 năm 2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký): *Trần Ngọc Hoàng*
 Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký): *Nguyễn Văn Vinh*
 Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký): *Phạm Công Tông*

Trần Ngọc Hoàng *Nguyễn Văn Vinh*

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHỬ TRÙNG
T07	BỂ CHỮA BỤN
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHẠM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHỬ MÙI
SC	SÔNG CHẠM RÁC

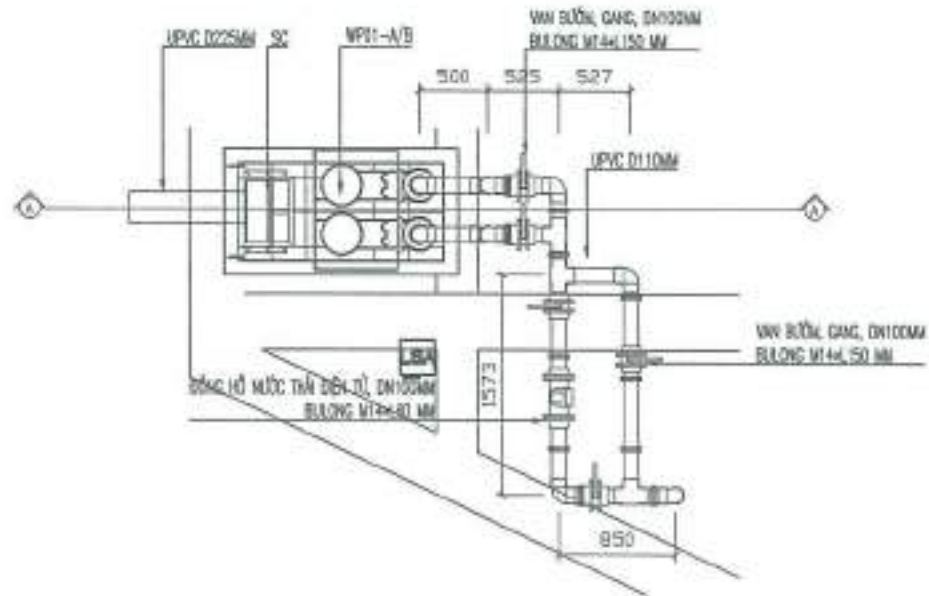
CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỀU KHIỂN



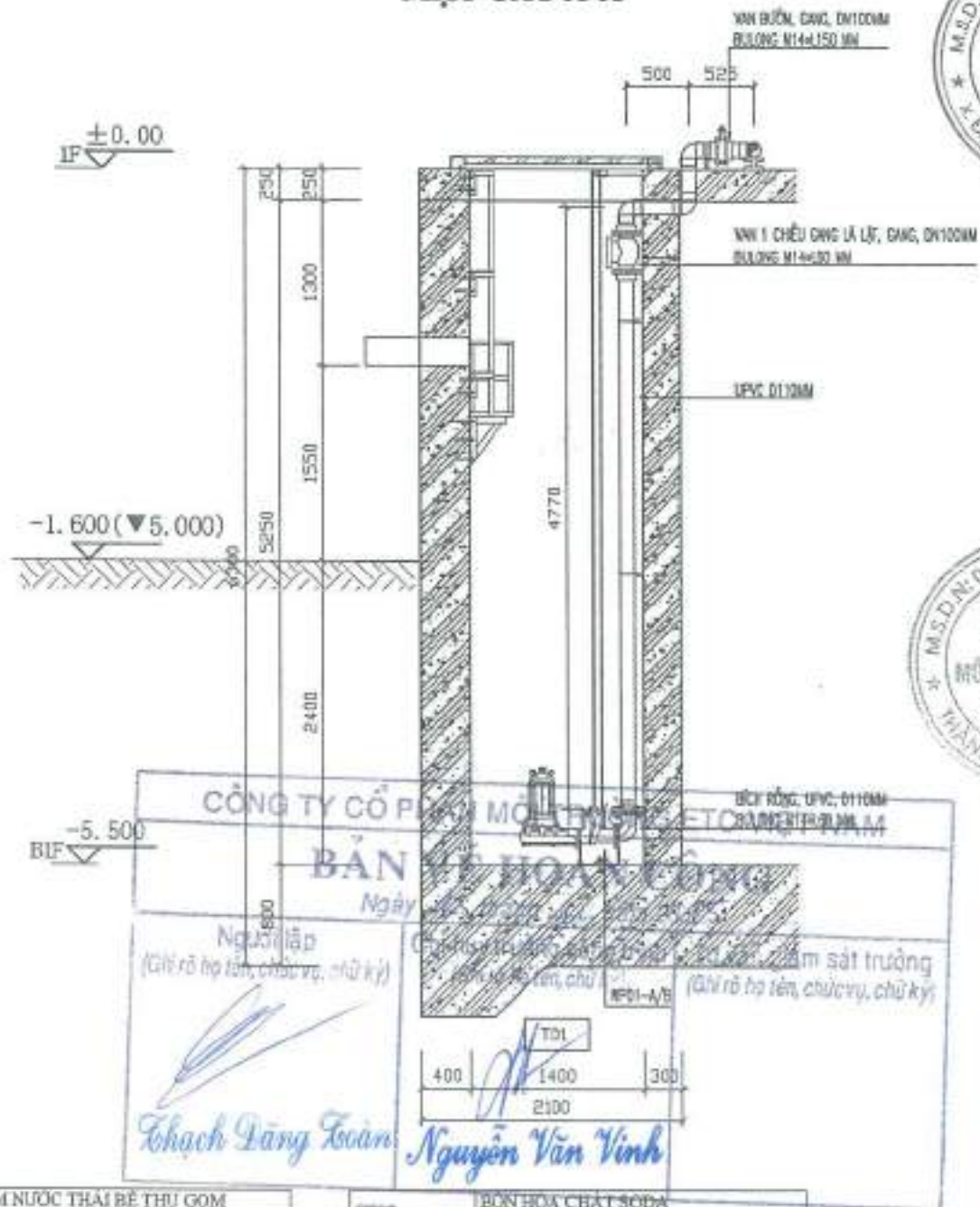
SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC MINH
1		
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MĨ THUẬT (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM)		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM)		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M ³ /NG.Đ M.S.D.N. 0110588762-C		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM)		
TRẦN NGỌC HOÀNG CHỦ THỂ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ THẠCH DĂNG TOÀN KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÔNG TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TRÊN BỂ MẶT BỂ		
THIẾT KẾ TH CÔNG TỶ LỆ: 1:150 NGÀY: 2021 M.S.D.N. 0110588762-C		

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM BỂ THU GOM

MẶT BẰNG LẤP ĐẶT



MẶT CẮT A-A



GHI CHÚ备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HỮU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRUNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 液位式液位计

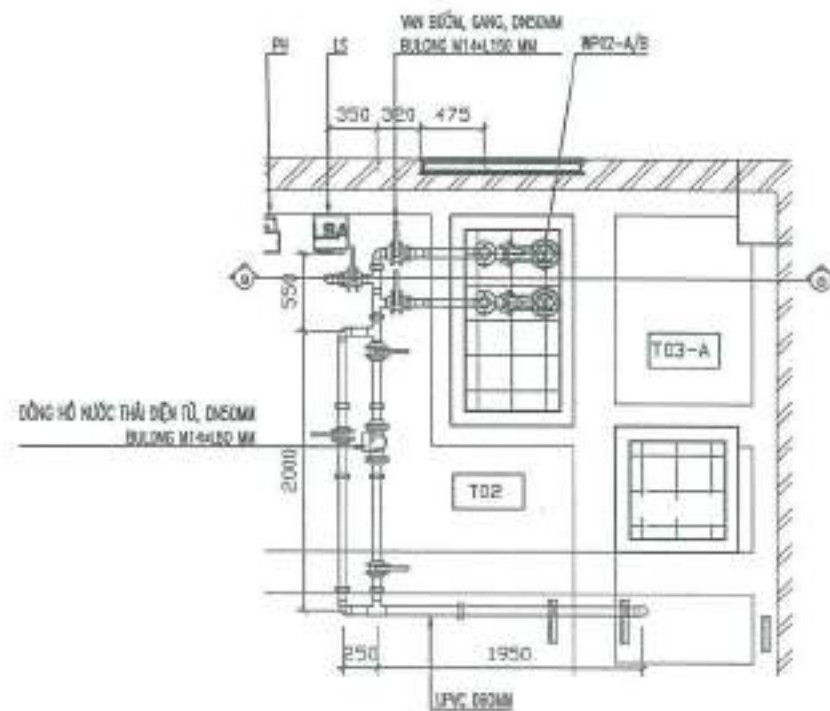
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SAJ03-A/B	MẠY KHUAY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 轴风机
ET	THÁP KHU MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHẤM RÁC 垃圾格栅

CT02	BÓN HÒA CHẤT SODA 綠肥
CT03	BÓN HÒA CHẤT METANOL 平源綠肥
CT05	BÓN HÒA CHẤT PAC 綠肥
CT06	BÓN HÒA CHẤT JAVEN 綠肥
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 計量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇計量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 計量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 計量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 電氣控制櫃

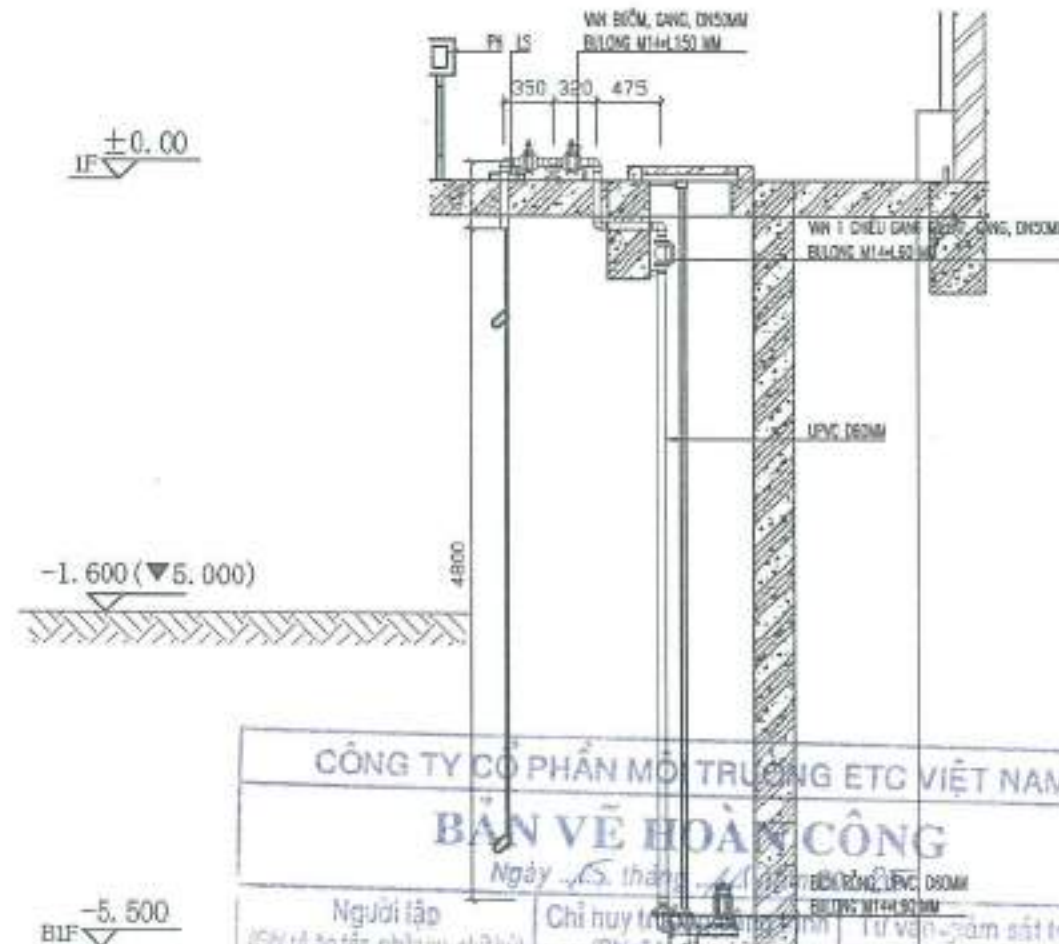
SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
 CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM 1000 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CƯỜNG, KINH LỘ THỊ TRAM HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, TP. HÀ NỘI		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐẠI DIỆN MIẾ		
MỘT PHẦN LỒ DÂY CHẠY, KINH LỘ THỊ TRAM HÀ NỘI NGUYỄN PHÚ BƯỚC, TP. HÀ NỘI		
HẠNG MỤC: 000		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M³/NG.Đ SỐ QUẢN LÝ: "00000000000000000000"		
PHẠM THIẾT KẾ: 00000000000000000000  CÔNG TY CỔ PHẦN HỒI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 1000 ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CƯỜNG, KINH LỘ THỊ TRAM HÀ NỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI, TP. HÀ NỘI Hotline: 0949.000.11.1.1.1.1.1.1 Email: info@etcgroup.vn		
GIÁM ĐỐC: 0000  TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ: 00000000000000000000  NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ: 00000000000000000000  THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA: 00000000000000000000  NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ: 00000000000000000000  PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN BẢN VẼ: 00000000000000000000 MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ống TRÊN BỀ MẶT BỀ		
THIẾT KẾ THÌ CÔNG		
TY LỆ: 0000	HOÀN THÀNH: 00000000000000000000	SỐ HẸI: 0000
1:50	00000	MITAC-TXL-17

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM BỂ ĐIỀU HÒA

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT



MẶT CẮT B-B



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 11 năm 2025
 Người lập: Thạch Đăng Toàn
 Chỉ huy thi công: Nguyễn Văn Vinh
 Tư vấn giám sát trưởng: [Signature]
 [Signature] [Signature] [Signature]

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHU TRÙNG
T07	BỂ CHỨA Bùn
AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

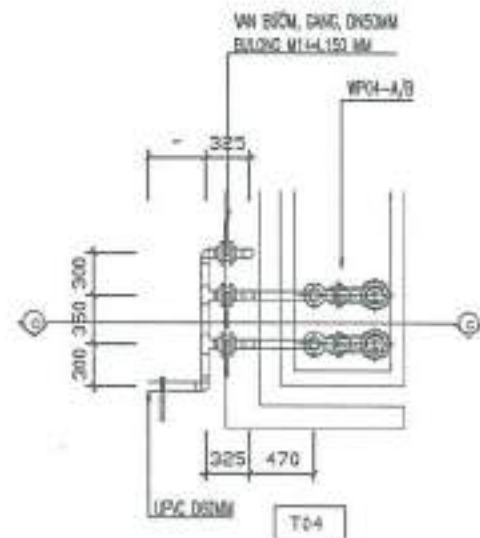
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SAJ03-A/B	MÁY KHUAY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHU MÙI
SC	SÔNG CHÁM RÁC

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

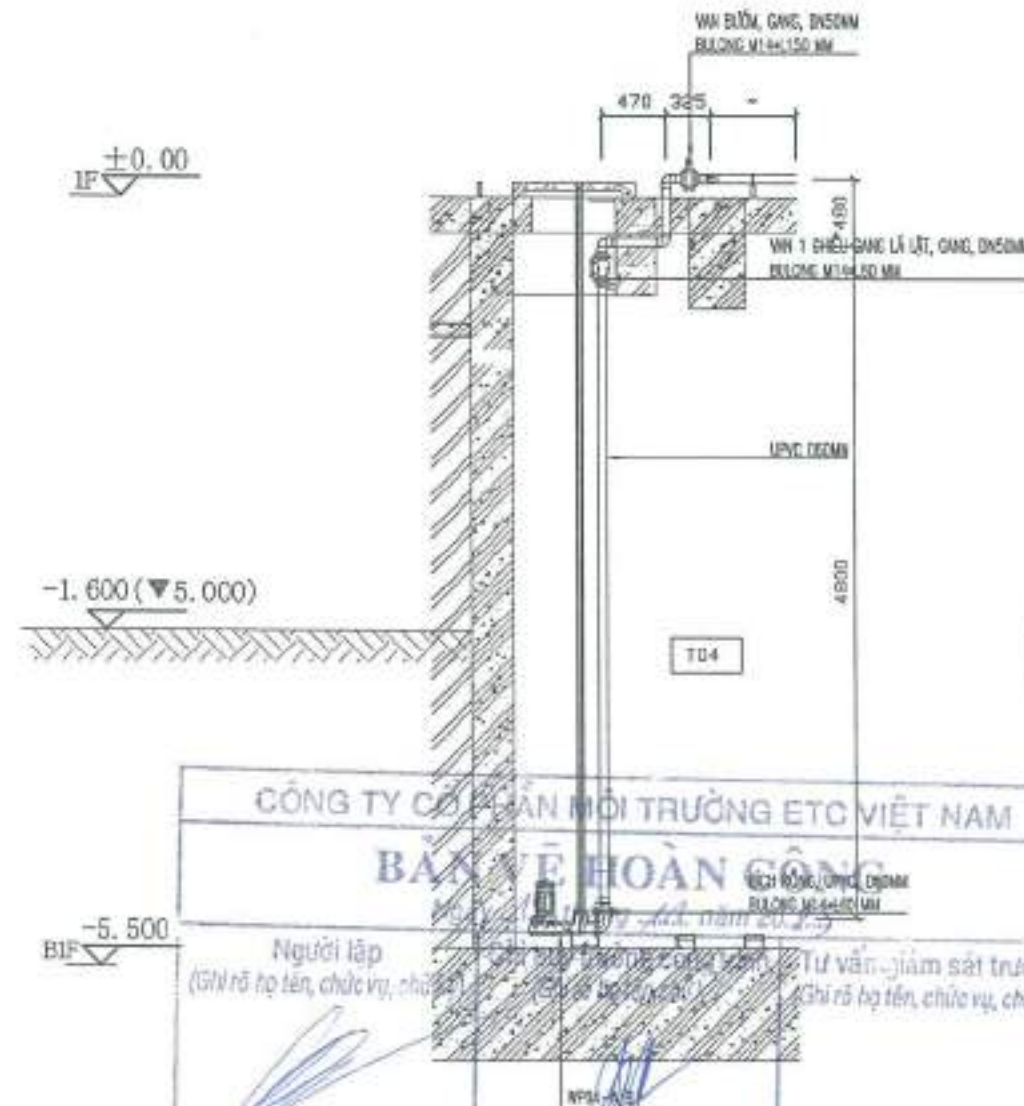
SỐ ĐỒ		
ƯN	SỐ ĐỒ	XÁC NHẬN
1		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐỊA ĐIỂM: [Address] HẠNG MỤC: [Item] TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ SƠ MẪU: [Code] SƠ LƯỢC THIẾT KẾ: [Code] CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM [Signature] CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: [Signature] NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ: [Signature] THẠCH ĐĂNG TOÀN KIỂM TRA: [Signature] NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ: [Signature] PHẠM CÔNG TÙNG TÊN BẢN VẼ: [Code] CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA THIẾT KẾ THỰC CÔNG TT LÊ: [Code] HOÀN THÀNH: [Date] SỐ HỒ: [Code] 1:50 2025 MITAC-TXL-18		

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM TUẦN HOÀN

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT



MẶT CẮT C-C



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Người lập: *Thạch Đăng Toàn*
 Tư vấn giám sát trưởng: *Nguyễn Văn Vinh*
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHU/ TRƯNG
T07	BỂ CHỨA Bùn
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA003-A/B	MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHU MÙI
SC	SÔNG CHÁNH RÁC

CT02	BƠM HÒA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÒA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÒA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÒA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM: MỘT PHẦN LỘ ĐẤT CHỈ DẪN KINH DOANH VÀ MỘT PHẦN PHÁP LÝ, TP. HÀ NỘI

HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M³/NG.Đ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

GÁNH ĐỐC:

Trần Ngọc Hoàng
 TRẦN NGỌC HOÀNG

CHỦ TH. THIẾT KẾ: *Nguyễn Văn Vinh*
 NGUYỄN VĂN VINH

THIẾT KẾ: *Thạch Đăng Toàn*
 THẠCH ĐĂNG TOÀN

Kiểm tra: *Nguyễn Văn Vinh*
 NGUYỄN VĂN VINH

Quản lý: *Phạm Công Tông*
 PHẠM CÔNG TÔNG

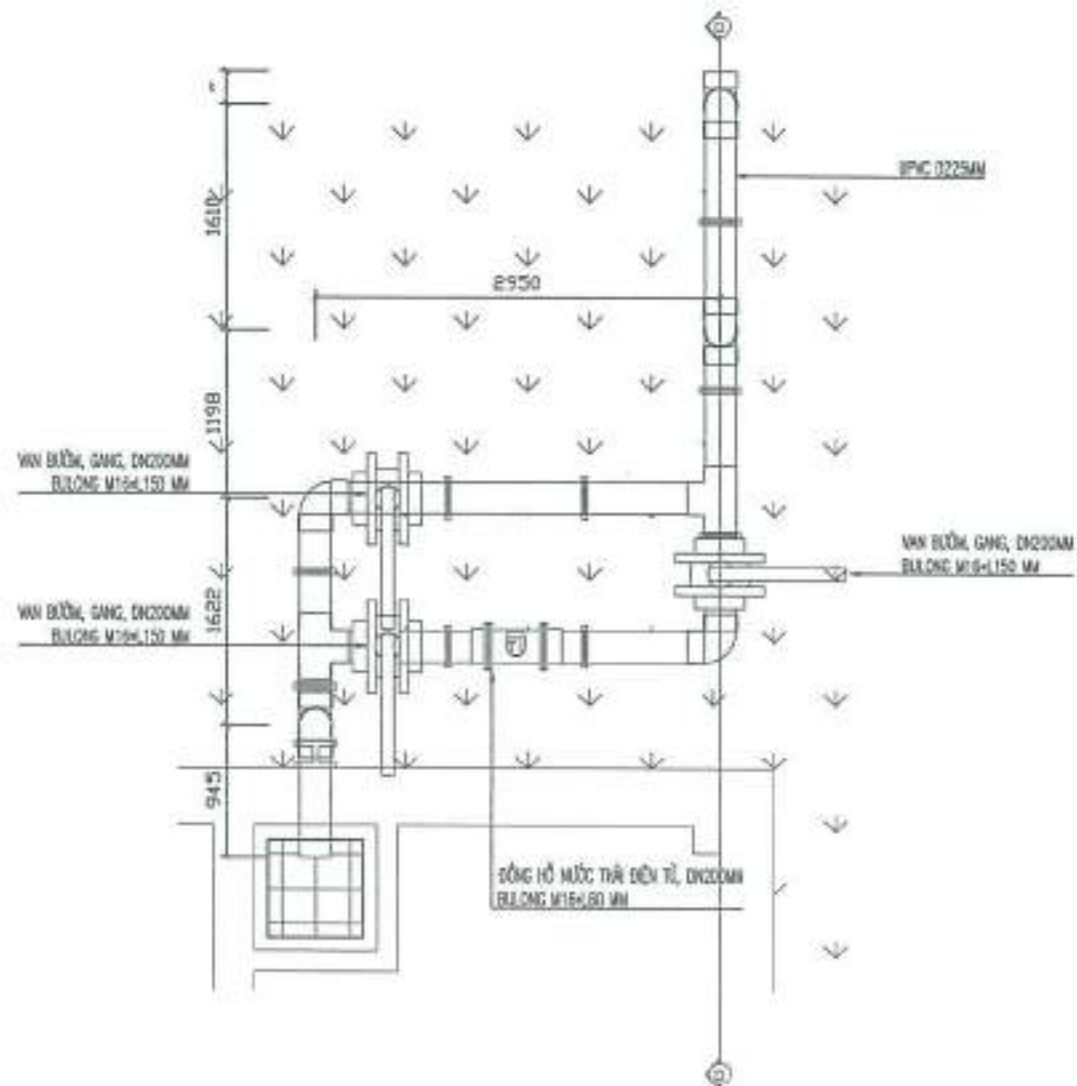
Tên bản vẽ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM TUẦN HOÀN NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ TH. CÔNG

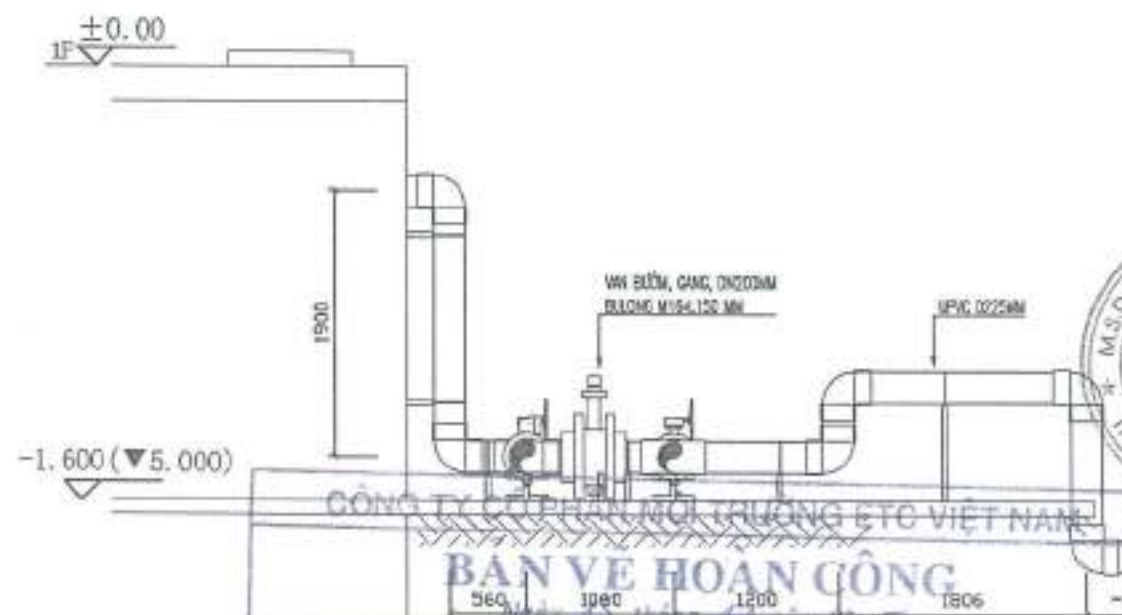
Tỷ lệ: 1:50	Hoàn thiện: 2023	Số hiệu: MITAC-TXL-19
-------------	------------------	-----------------------

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM ĐỒNG HỒ NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

MẶT BẰNG LẤP ĐẶT



MẶT CẮT D-D



Người lập
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Chỉ huy trưởng công trình
(Ghi rõ họ tên chữ):

Tư vấn, giám sát trường
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

Thạch Lăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A,B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A,B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A,B	BỂ LẮNG SINH HỌC 生物沉淀池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA BỤN 污泥池
A0-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 原种式源设计

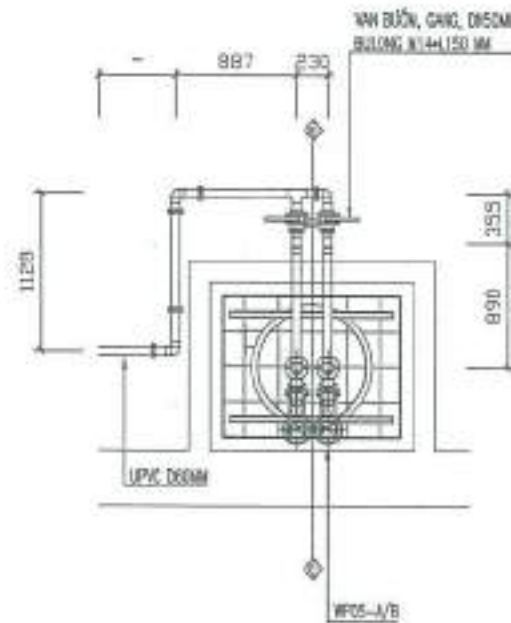
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池排水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池水泵
SAJ03-A/B	MÁY KHUAY CHẾ BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỔI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾格栅

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 碱罐
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇储罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 酸罐
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 酸罐
DP02-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电柜控制柜

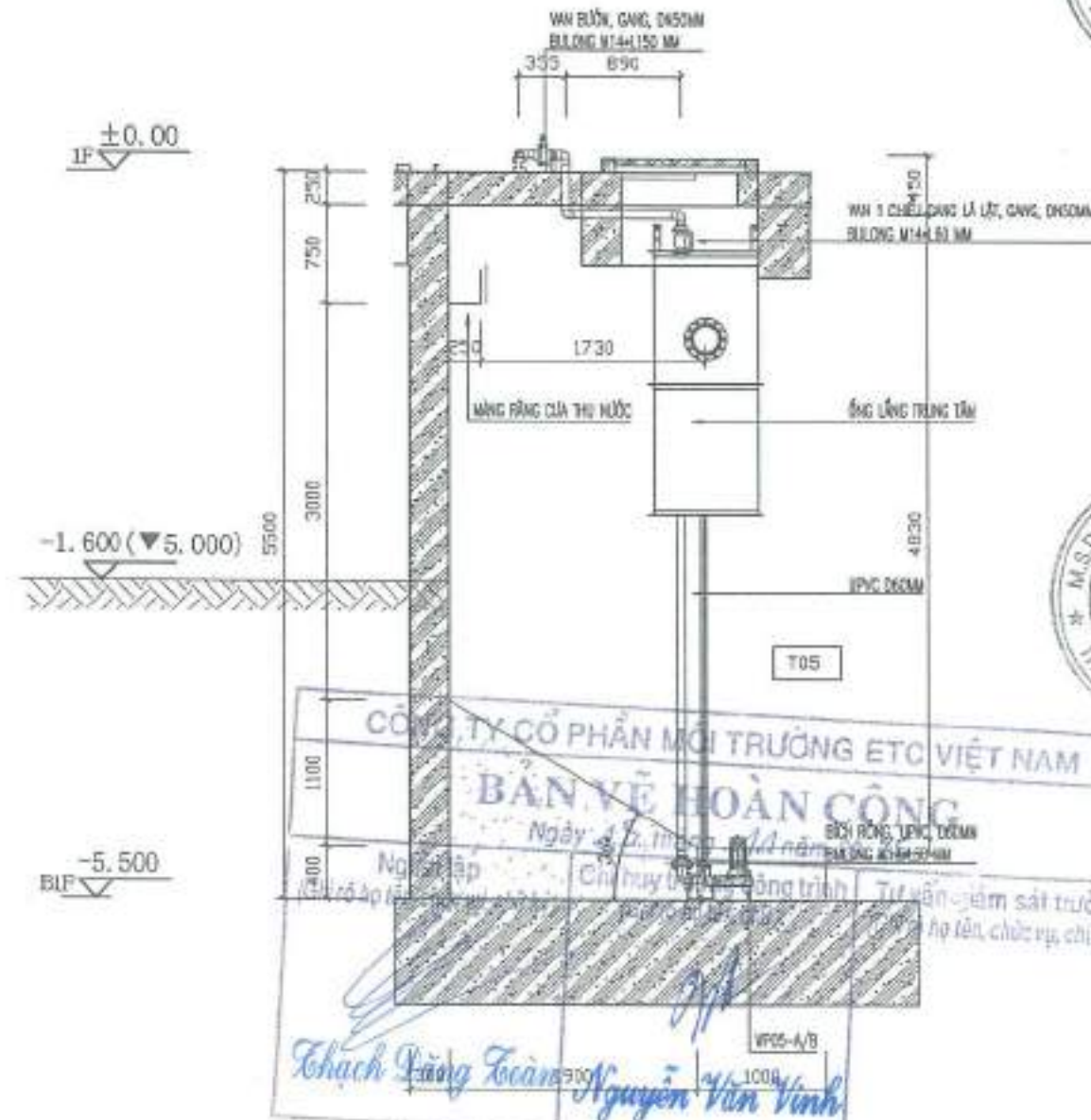
[illegible]

CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM TUẦN HOÀN Bùn

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT



MẶT CẮT E-E



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ HỂU KHÍ
T05-A/B	BỂ LÀNG SINH HỌC
T06	BỂ KHU TRÚNG
T07	BỂ CHỨA Bùn
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SAJ03-A/B	MÁY KHUAY CHIM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHU MÙI
SC	SÔNG CHĂN RÁC

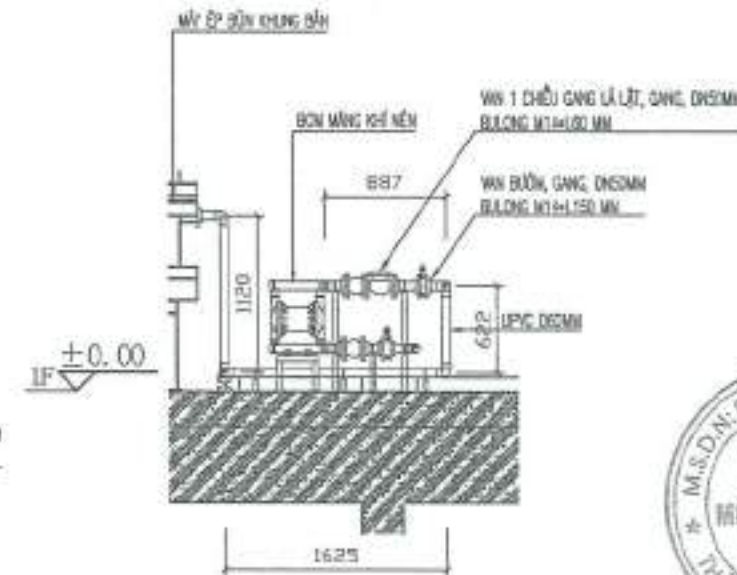
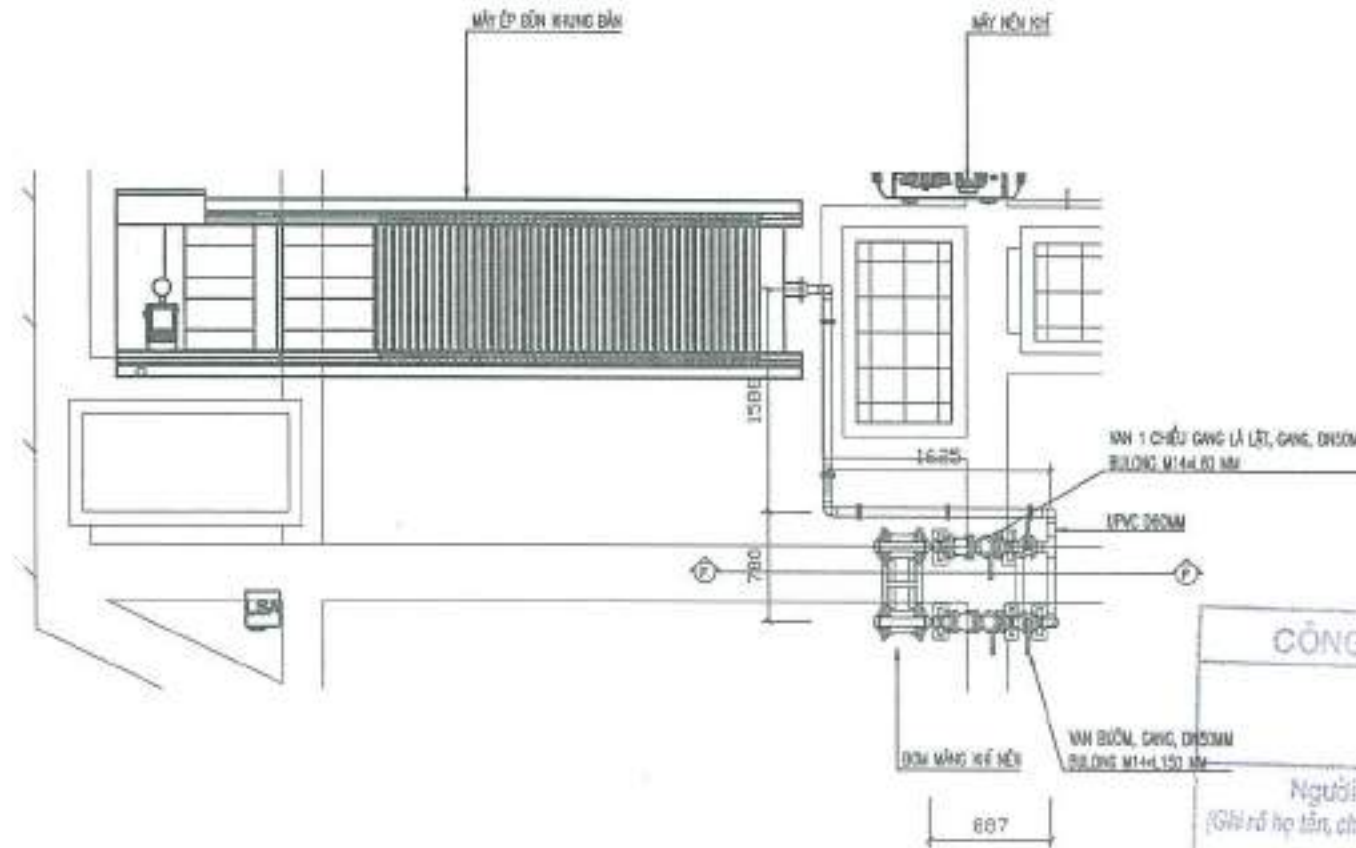
CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		
19		
20		
21		
22		
23		
24		
25		
26		
27		
28		
29		
30		
31		
32		
33		
34		
35		
36		
37		
38		
39		
40		
41		
42		
43		
44		
45		
46		
47		
48		
49		
50		
51		
52		
53		
54		
55		
56		
57		
58		
59		
60		
61		
62		
63		
64		
65		
66		
67		
68		
69		
70		
71		
72		
73		
74		
75		
76		
77		
78		
79		
80		
81		
82		
83		
84		
85		
86		
87		
88		
89		
90		
91		
92		
93		
94		
95		
96		
97		
98		
99		
100		

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM BƠM MÁY ÉP BÙN

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT

MẶT CẮT F-F



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15... tháng 11... năm 2023

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn - giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
<i>Trạch Đăng Toàn</i>	<i>Nguyễn Văn Vinh</i>	

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 厌氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应器
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA BÙN 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物反应器循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHỬ MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾输送机

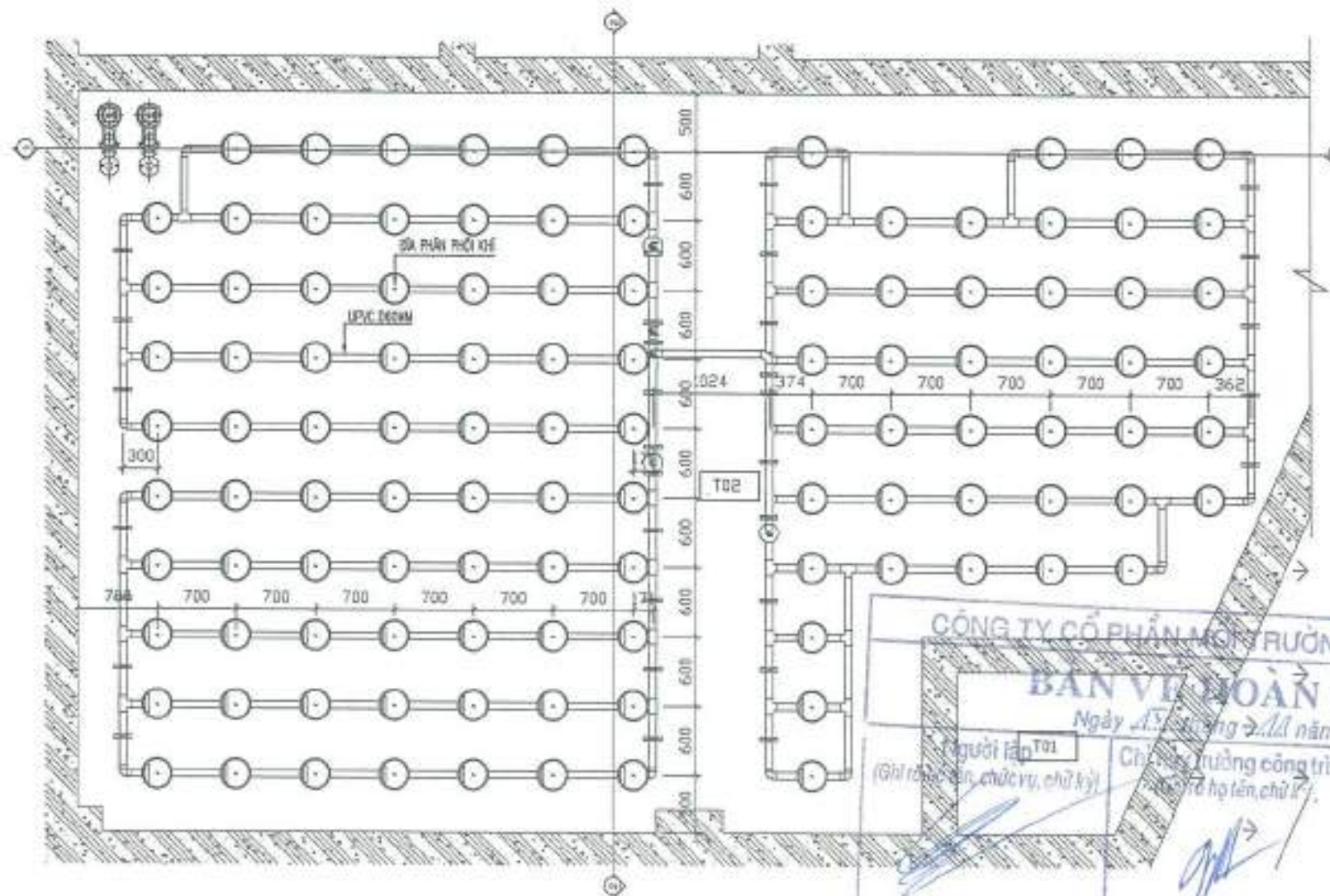
CT02	BƠM HÒA CHẤT SODA 储罐
CT03	BƠM HÒA CHẤT METANOL 甲醇储罐
CT05	BƠM HÒA CHẤT PAC 储罐
CT06	BƠM HÒA CHẤT JAVEN 储罐
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỀU KHIỂN 电控控制柜



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
ĐẠI CHỨC: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI		
HỒNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
GẤM DỐC: TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ: THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA: NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ: PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM BƠM MÁY ÉP BÙN		
THIẾT KẾ THỰC CÔNG		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HẸP
1:50	2023	MITAC-TXL-23

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐÁY BỂ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VOUCHER CÔNG
 Ngày 23 tháng 2 năm 2025
 Người lập T01
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Chủ nhà thầu công trình
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Tư vấn - giám sát trưởng
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Thach Dang Loan Nguyễn Văn Vinh

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LẮNG SINH HỌC 生物沉淀池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 液位式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SAI03-A/B	MÁY KHUẤY CHẠM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHỬ MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHẶN RÁC 垃圾格栅

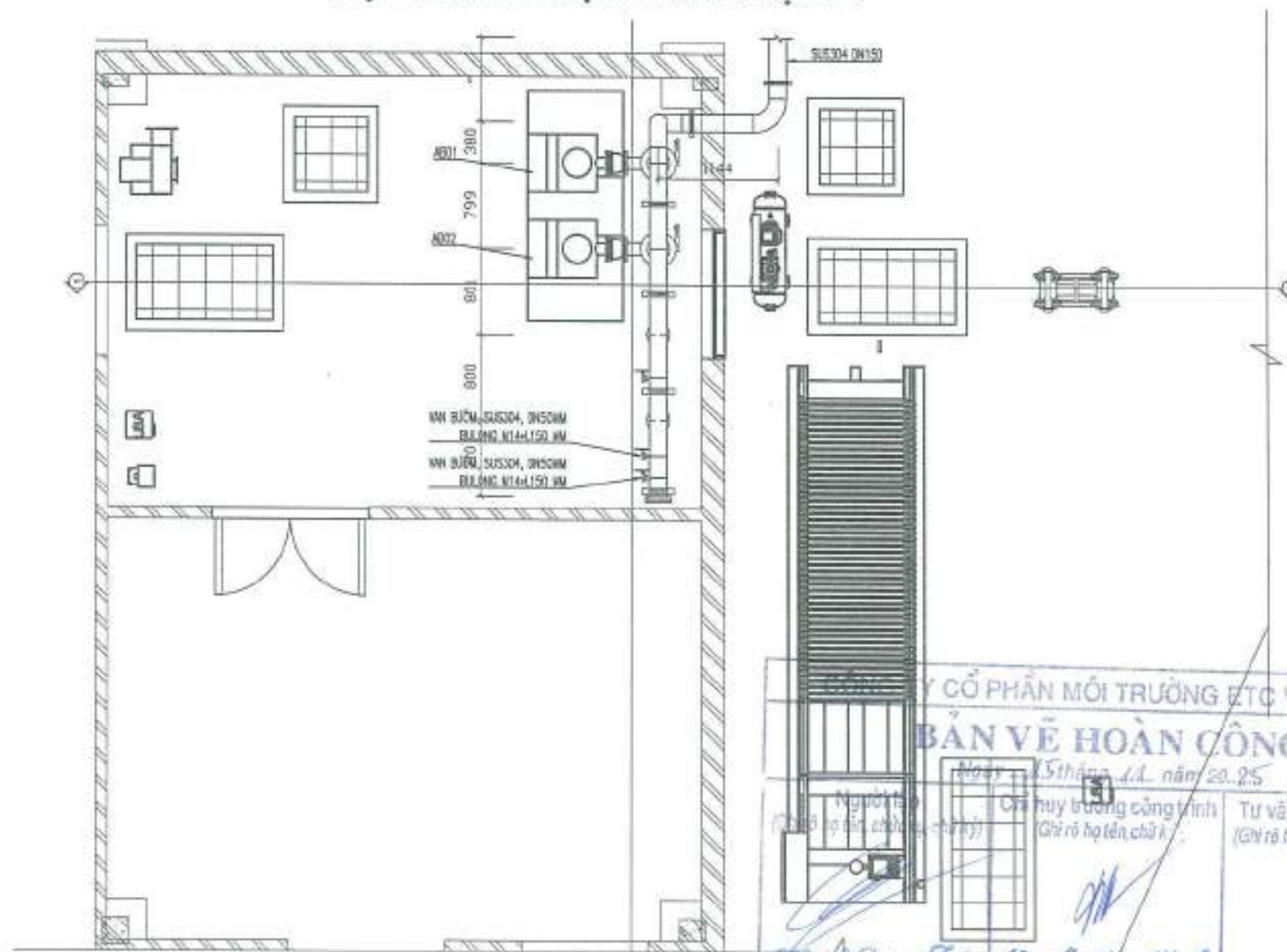
CT02	BƠM HÒA CHẤT SODA 碱罐
CT03	BƠM HÒA CHẤT METANOL 甲醇罐
CT05	BƠM HÒA CHẤT PAC 罐
CT06	BƠM HÒA CHẤT JAVEN 罐
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电控控制柜



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Tel: 0903 111 111 Email: mitac.vn@gmail.com		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) Địa điểm xây dựng: Một phần lô đất cho thuê, khu vực T01, khu vực xây dựng, TP. HCM		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/ NGÀY		
THIẾT KẾ: ETC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM Địa điểm: 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Hotline: 0903 111 111 Email: mitac.vn@gmail.com		
GẤM DỐC: THẠCH DĂNG TOÀN		
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ: THẠCH DĂNG TOÀN		
Kiểm tra: NGUYỄN VĂN VINH		
Quản lý: PHẠM CÔNG TÙNG		
Tên bản vẽ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐÁY BỂ		
Thiết kế thi công		
Tỷ lệ	Hình thức	Số hiệu
1:50	2025	MITAC-TXL-23

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TRÊN BỂ MẶT BỂ



GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 液位式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHỬ MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHẠM RÁC 垃圾格栅

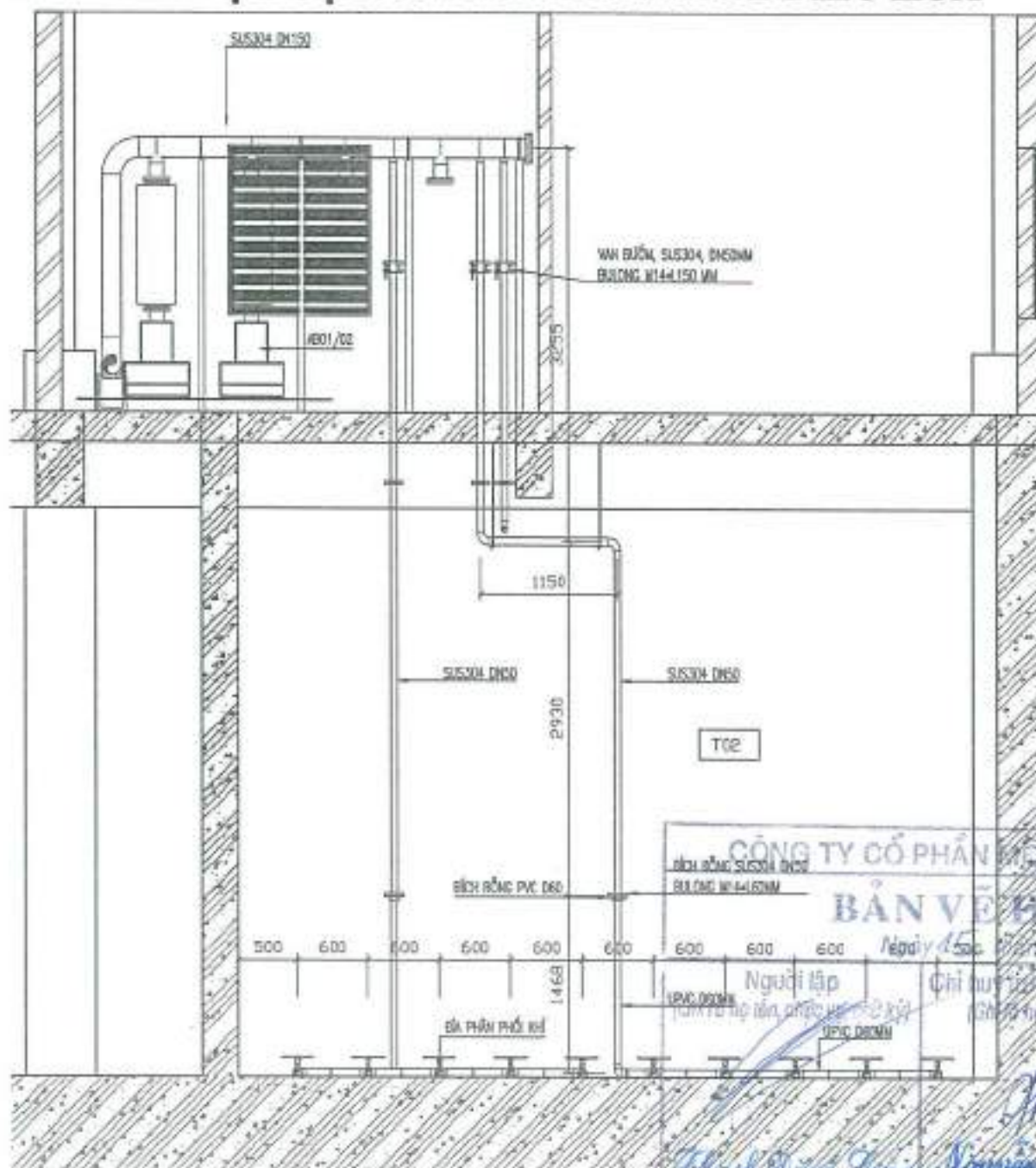
CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 烧碱
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇储罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 烧碱
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 烧碱
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电气控制柜

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày: 15 tháng 11 năm 2025
Người lập: (Chữ ký, đóng dấu)
Chức vụ: (Chữ ký, đóng dấu)
Tư vấn - giám sát trường: (Chữ ký, đóng dấu)

SỬA ĐỔI		
Lần	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
2		
DỰ ÁN: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: Một phần lô đất 09/01, KCN Hồ Chí Minh và một phần khu vực, TP. Hà Nội		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
BẢN THIẾT KẾ: ETC		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG DẤU CỦA CÁC THÀNH VIÊN:		
THÂN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ		
THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA		
NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ		
PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN DẤU VẼ: MITAC		
CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA		
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TRÊN BỂ MẶT BỂ		
THIẾT KẾ TH CÔNG		
TY LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:50	2025	MITAC-TXL-24

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA

MẶT CẮT 2-2



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 4 năm 2025
 Người lập: Nguyễn Văn Vinh
 Chủ trì công trình: (Chữ ký)
 Tư vấn giám sát trưởng: (Chữ ký)

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIẾU KHÍ 兼氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHU TRUNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHÈM BỂ THIẾU KHÍ 兼氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHẠN RÁC 垃圾格栅

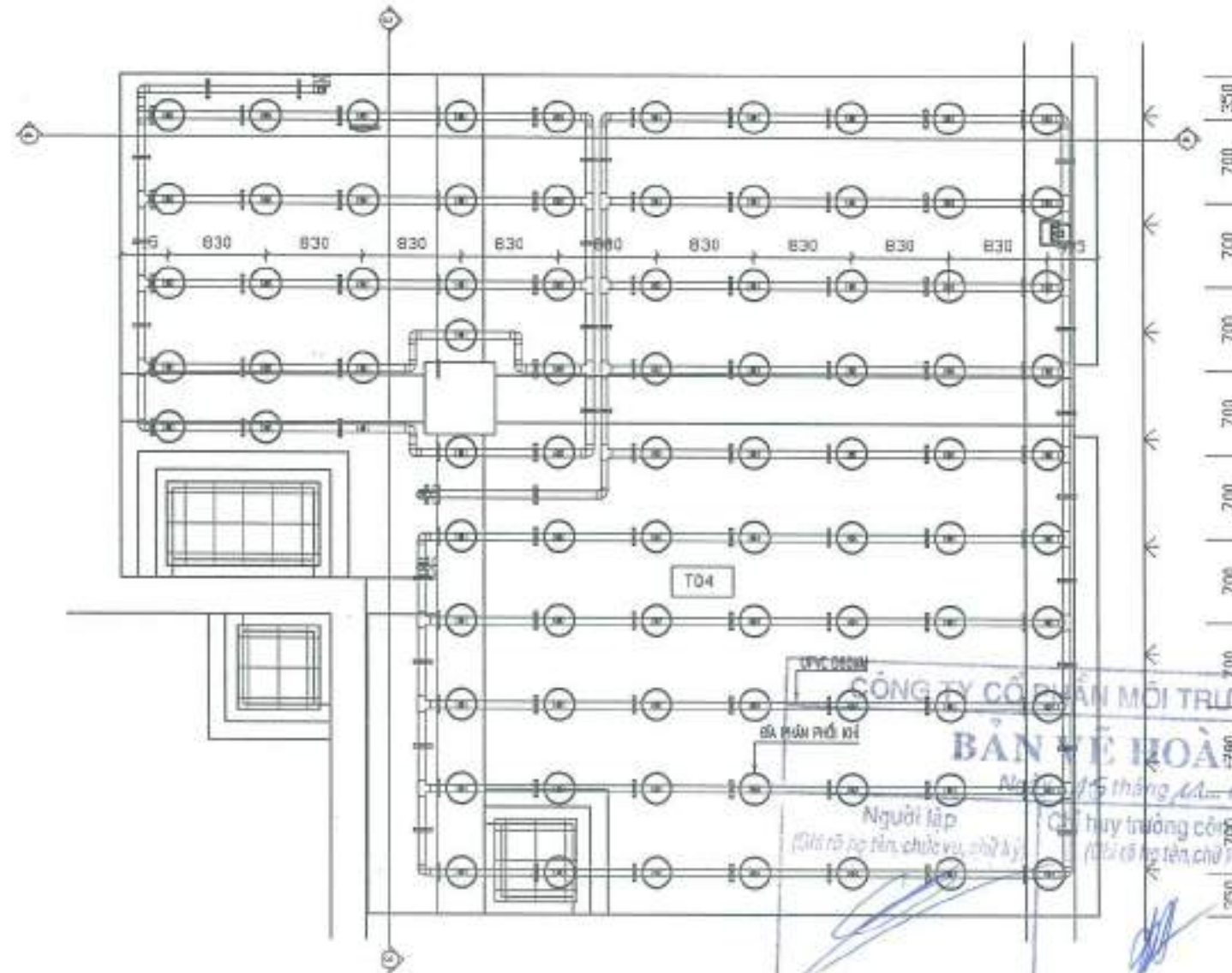
CT02	BÓN HÓA CHẤT SODA 碱罐
CT03	BÓN HÓA CHẤT METANOL 甲醇罐
CT05	BÓN HÓA CHẤT PAC 酸罐
CT06	BÓN HÓA CHẤT JAVEN 罐
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电控控制柜



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
DỰ ÁN: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ Mĩ THUẬT (VIỆT NAM) ĐỊA ĐIỂM: MỘT PHẦN LỘ DUYỆT C002, KINH MỘT TẬP NHẢY VÀ MỘT HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP. HÀ NỘI HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/ NG.Đ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ETC VIỆT NAM CHỮ TRƯỞNG THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN VINH THAY: ĐANG TUYÊN KIỂM TRA: NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ: PHẠM CÔNG TÙNG TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ ĐIỀU HÒA MẶT CẮT 2-2 THIẾT KẾ THỰC CÔNG: TỶ LỆ 1:50, NGÀY 2025, SỐ HIỆU Mĩ THUẬT-TKL-36		

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ HIẾU KHÍ

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐÁY BỂ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15 tháng 11 năm 2025.
 Người lập: *Thạch Đăng Toàn*
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Chỉ huy trưởng công trình:
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
 Tư vấn giám sát trưởng:
 (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIẾU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应器
T06	BỂ KHU TRƯNG 消毒池
T07	BỂ CHUA BUN 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA003-A/B	MÁY KHUAY CHÌM BỂ THIẾU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN BÚN SINH HỌC 生物污泥回流泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽吸机
ET	THÁP KHU MÙI 除臭塔
SC	SÔNG CHẶN RÁC 垃圾格栅

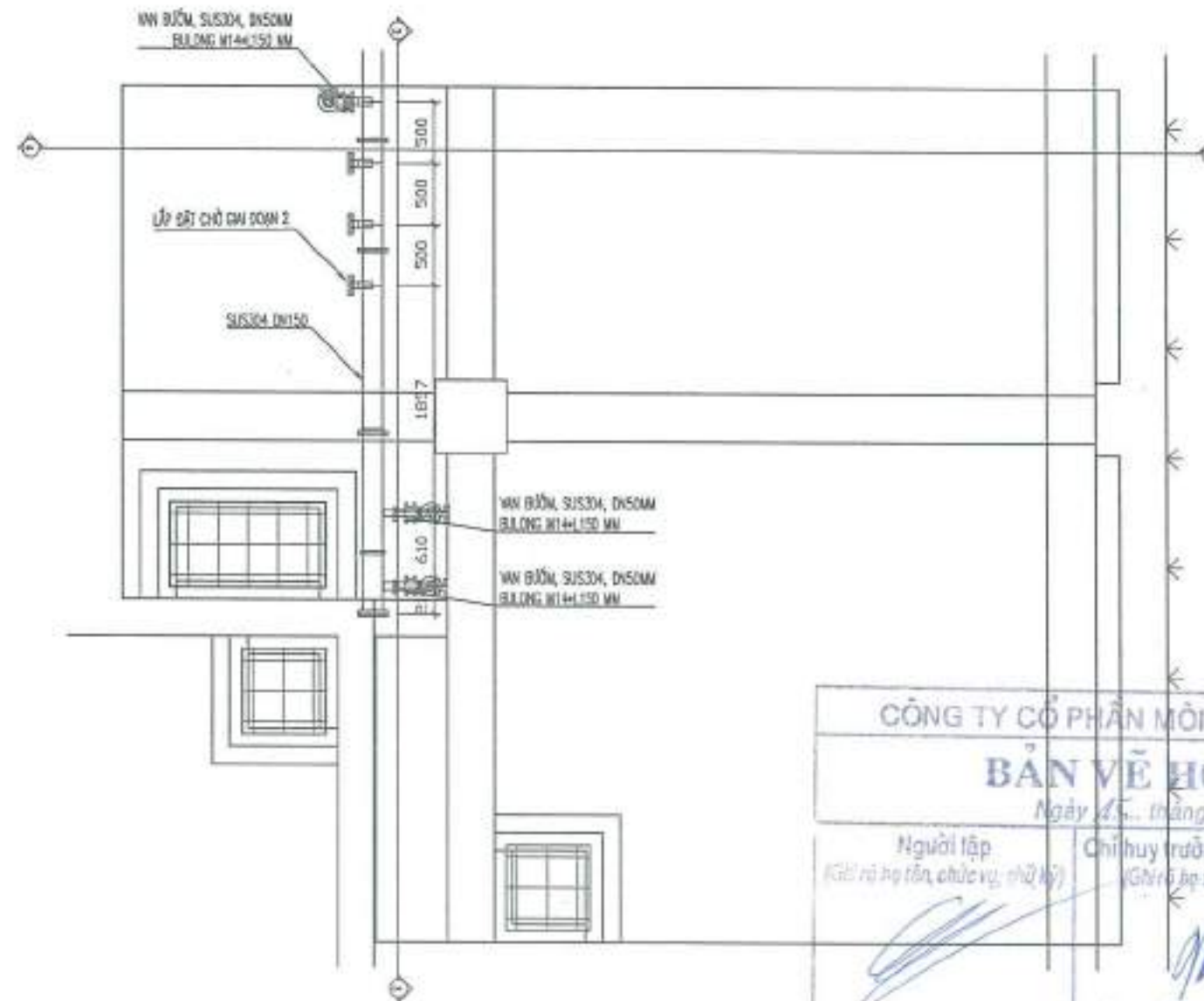
CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 鼓罐
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇鼓罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 鼓罐
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 鼓罐
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 电控控制柜



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN PHÚ SỰ, THÀNH PHỐ SỰ, TỈNH SỰ HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
TRẦN NGỌC HOÀNG CHỦ THÌ THIẾT KẾ NGUYỄN VĂN VINH THIẾT KẾ THẠCH ĐĂNG TOÀN KIỂM TRA NGUYỄN VĂN VINH QUẢN LÝ PHẠM CÔNG TÙNG TÊN BẢNG VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ HIẾU KHÍ MẶT BẰNG LẮP ĐẶT ĐÁY BỂ THIẾT KẾ THÌ CÔNG TỶ LỆ: 1:50 HOÀN THÀNH: 2025 SỐ HIỆU: MITAC-TKL-27		

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ HIẾU KHÍ

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TRÊN BỀ MẶT BỂ



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

Người lập: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn

Chỉ huy trưởng công trình: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Văn Vinh

Tư vấn - giám sát trưởng: (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

GHI CHÚ 备注:

T01	BỂ THU GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIẾU KHÍ
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC
T06	BỂ KHỬ TRUNG
T07	BỂ CHỨA BÚN
AB-01/02	MÁY THƠ KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

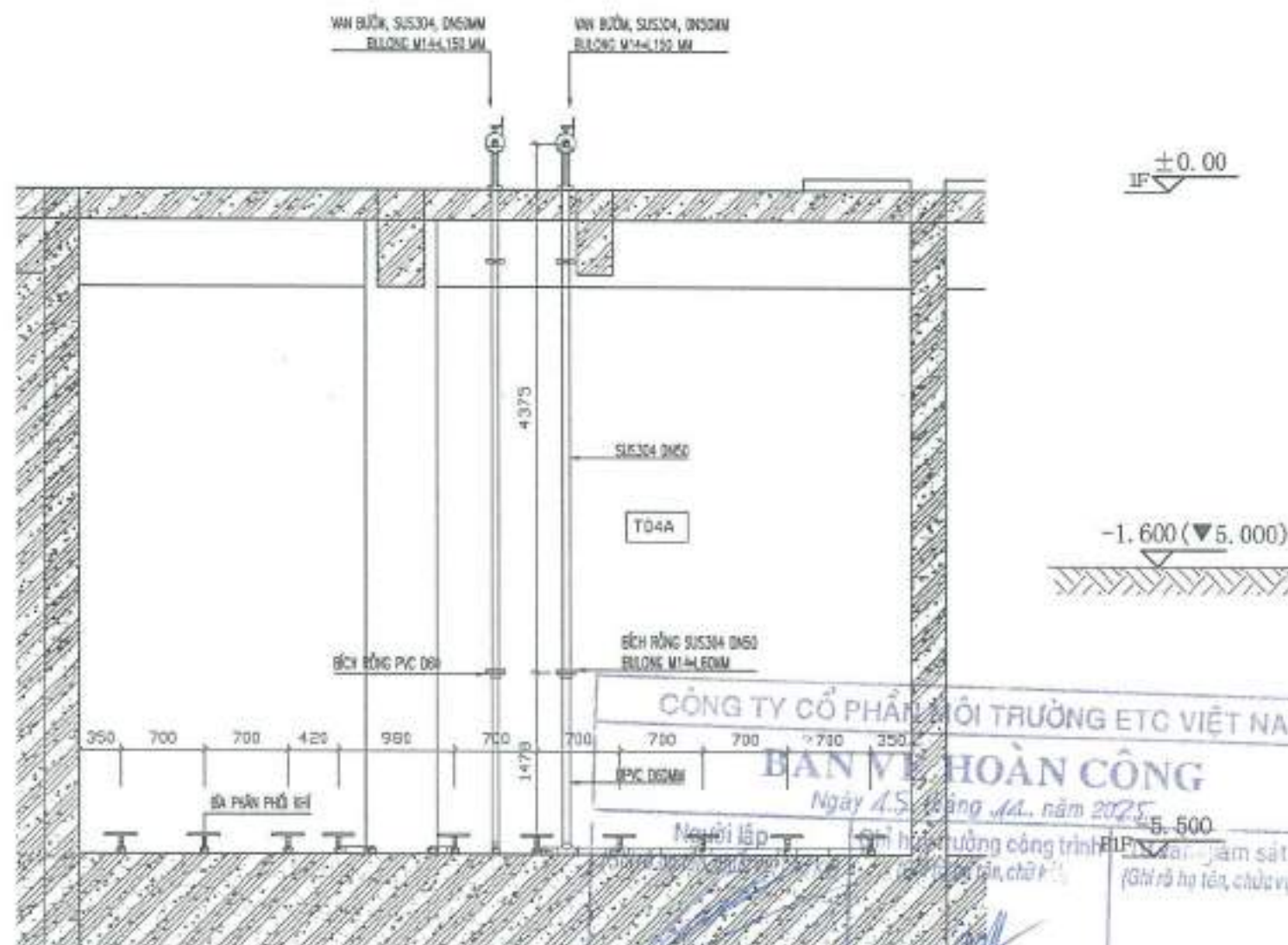
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SAI03-A/B	MÁY KHUẤY CHỈM BỂ THIẾU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỒI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN BÚN SINH HỌC
EF	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHỬ MÙI
SC	SÔNG CHÁNH RÁC

CT02	BÓN HÓA CHẤT SODA
CT03	BÓN HÓA CHẤT METANOL
CT05	BÓN HÓA CHẤT PAC
CT06	BÓN HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



SƠ ĐỒ		
LẦN	SỐA SỔ	XÁC NHẬN
1		
2		
3		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: MẶT PHẪU LỒI QUÉT, KINH MỸ (THị trấn Hà Nội) HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
BỘ TƯ VẤN THIẾT KẾ: ETC VIỆT NAM		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ: THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA: NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ: PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM PHÂN PHỐI KHÍ BỂ HIẾU KHÍ		
MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TRÊN BỀ MẶT BỂ		
THIẾT KẾ THỰC CÔNG		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HỒ
1:50	2025	MITAC-TXL-28

MẶT CẮT 3-3



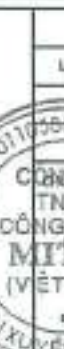
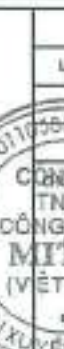
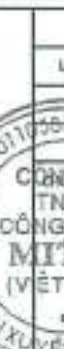
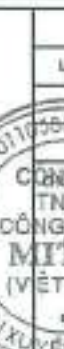
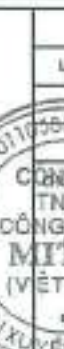
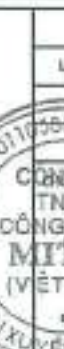
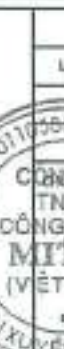
Thạch Đăng Toàn, Nguyễn Văn Vinh

GHI CHÚ:

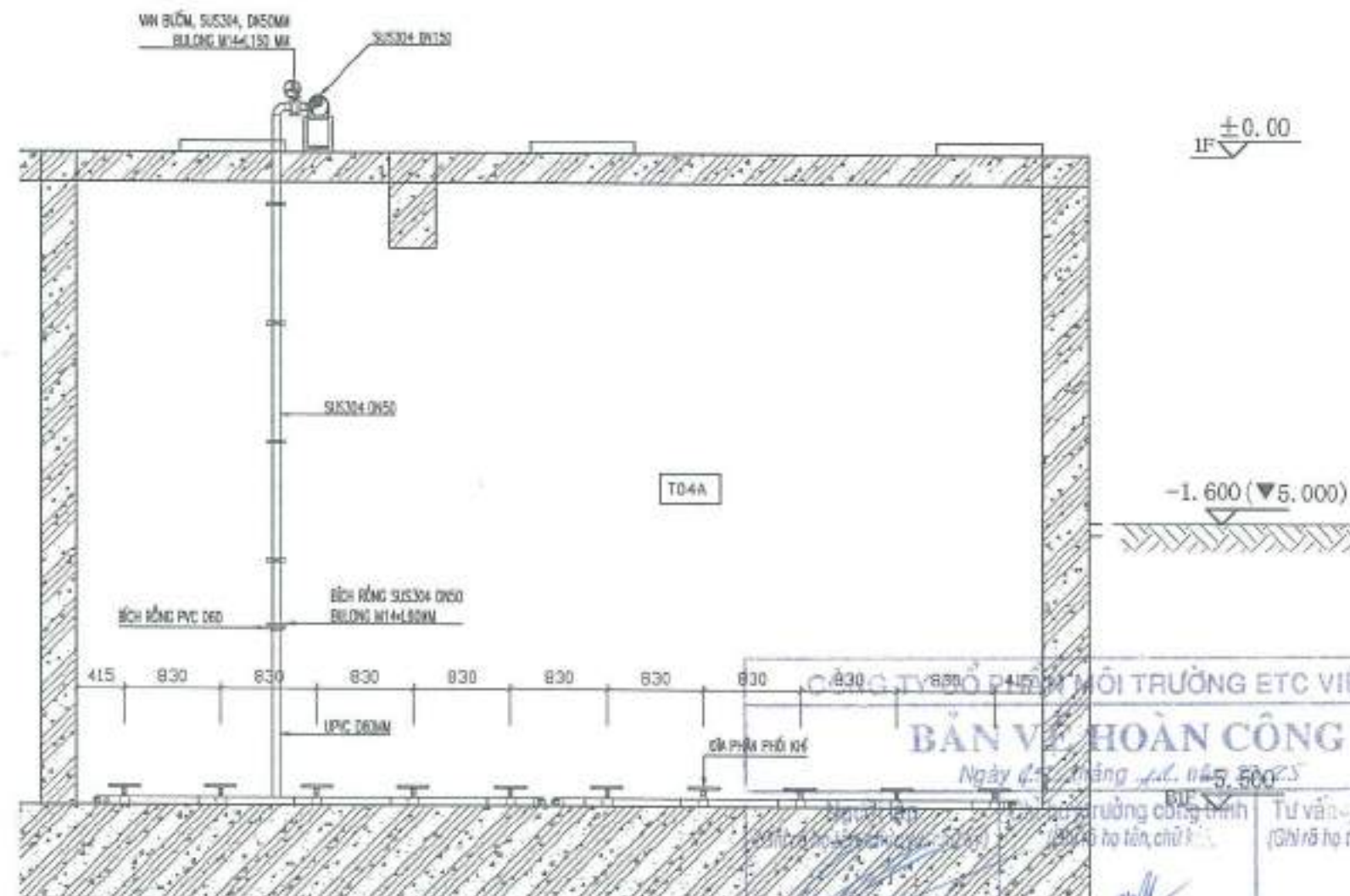
T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIẾU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THƠI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỤC 管道防腐层

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUAY CHIM BỂ THIỂU KHÍ 跌氧池潜水型拌器
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHẶN RÁC 垃圾格栅

CT02	BÓN HÓA CHẤT SODA 储罐
CT03	BÓN HÓA CHẤT METANOL 平卧储罐
CT05	BÓN HÓA CHẤT PAC 储罐
CT06	BÓN HÓA CHẤT JAVEN 储罐
DP02-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 平卧计量泵
DP05-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BOM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TU XUYÊN ĐIỀU KHIỂN 电动执行机构

SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM (VIỆT NAM) MÃ CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, TP. HÀ NỘI		
ĐƠN ANH		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM KHOC		
MỘT PHẦN LỚN ĐẦU CỤM XCM HỖ TỌA NẠP HỖ NỘI HUỖNH PHÚ GIANG, TP. HÀ NỘI		
HẠNG MỤC KHOC		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M ³ /NG.Đ		
QUY TRÌNH THI CÔNG		
 ETC CÔNG TY CỔ PHẦN HỘI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM TÊN NGƯỜI DẪN KHOC, SỬA CHỮA VÀ KIỂM TRA CUỐI KHOC, HÀ NỘI SỐ ĐIỆN THOẠI: 094766.111.222 Email: info@conggiaitruong.com@gmail.com		
GIẤY ĐỌC KHOC		
 TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ KHOC		
 NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ KHOC		
 THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA KHOC		
 NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ KHOC		
 PHẠM CÔNG TÔNG		
TÊN SẢN PHẨM KHOC		
CHI TIẾT LẬP BẬT CỤM PHẦN PHỔ KHÍ BỂ HIỆU KHÍ MẶT CẮT 3-3		
THIẾT KẾ TH CÔNG		
TỈ LỆ KHOC	HỌAN THÁNH KHOC	SỐ HIỆU KHOC
1:50	2025	MITAC-TXL-

MẶT CẮT 4-4



Trạch Lăng Toàn Nguyễn Văn Vinh

GHI CHÚ:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应池
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
L3	PHẠO BẢO MỤC 绿化种植草坪

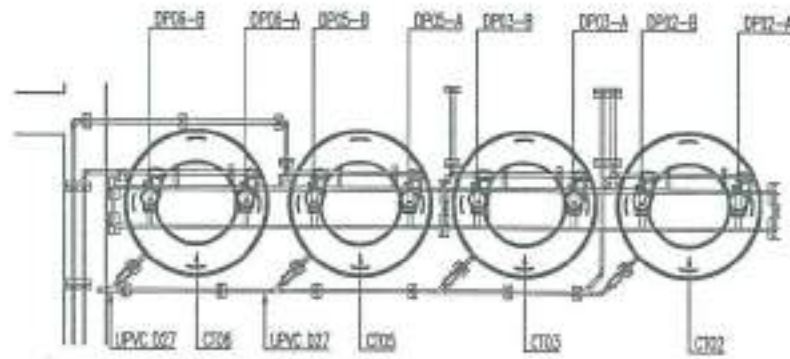
WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THỦ GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUẤY CHÌM BỂ THIÊU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỒI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHỬ MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHÂN RÁC 垃圾站

CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA 烧碱
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL 甲醇储罐
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC 烧碱
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN 烧碱
DP02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DP03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DP05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DP06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 中央控制室

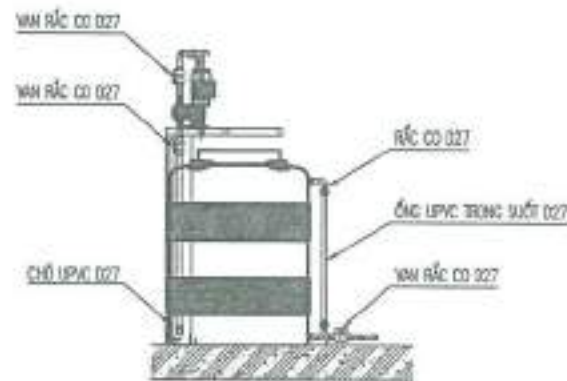
[illegible]

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM HÓA CHẤT

MẶT BẰNG



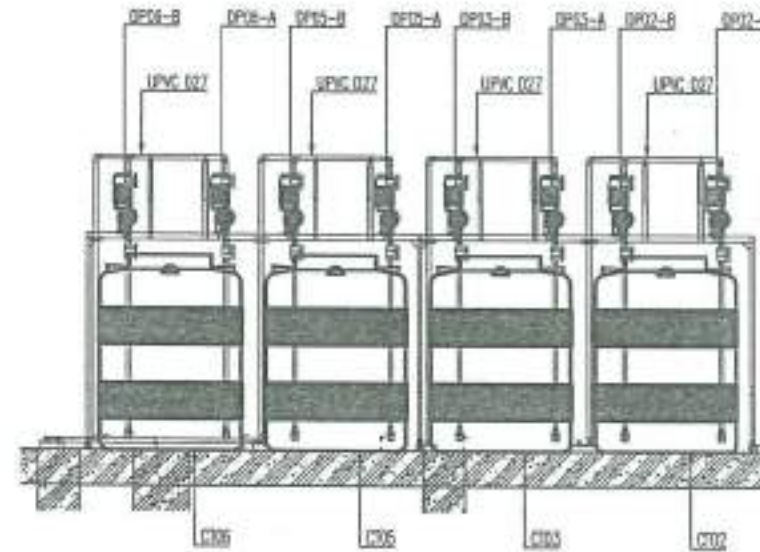
LẮP ĐẶT BỒN HÓA CHẤT 1



GHI CHÚ备注:

T01	BỂ THU GOM 收集池
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI 调节池
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池
T04-A/B	BỂ HIẾU KHÍ 好氧池
T05-A/B	BỂ LĂNG SINH HỌC 生物反应器
T06	BỂ KHỬ TRÙNG 消毒池
T07	BỂ CHỨA Bùn 污泥池
AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ 鼓风机
LS	PHẠO BẢO MỨC 浮球式液位计

MẶT ĐÚNG

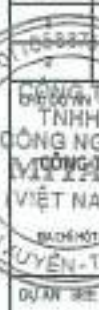


LẮP ĐẶT BỒN HÓA CHẤT 2

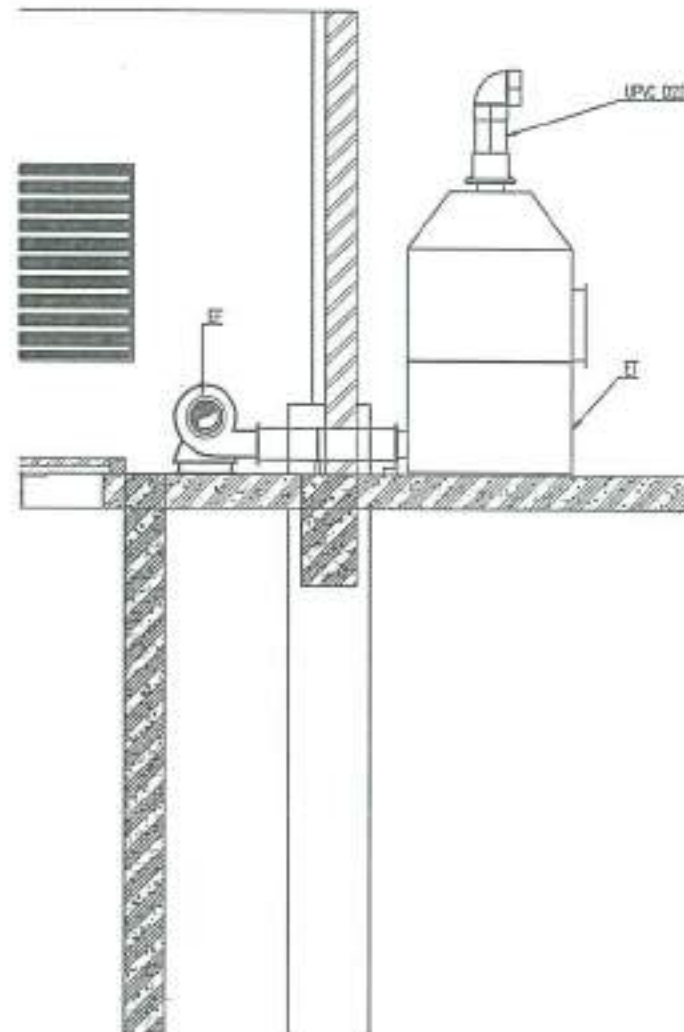


WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM 收集池污水泵
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA 调节池污水泵
SA03-A/B	MÁY KHUAY CHẾM BỂ THIỂU KHÍ 缺氧池潜水搅拌机
WP04-A/B	BƠM NỒI TUẦN HOÀN 内循环泵
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC 生物污泥循环泵
EF	QUẠT HÚT MÙI 抽风机
ET	THÁP KHU MÙI 脱臭塔
SC	SÔNG CHÁNH RÁC 垃圾站桥

CT02	BÓN HOA CHẤT SODA 保隆
CT03	BÓN HOA CHẤT METANOL 甲醇保隆
CT05	BÓN HOA CHẤT PAC 保隆
CT06	BÓN HOA CHẤT JAVEN 保隆
DF02-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG SODA 计量泵
DF03-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG METANOL 甲醇计量泵
DF05-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC 计量泵
DF06-A/B	BƠM ĐỊNH LƯỢNG JAVEN 计量泵
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 中央控制柜

SỬA ĐỔI		
LẤY	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
		
ĐƠN VỊ MÔ TẢ SẢN PHẨM: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NITƠ (VIỆT NAM) ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NITƠ (VIỆT NAM)		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM: HỒ LỘ MỘT PHẦN LỘ DẮT CHẾ, KINH MỘT THỦY SẢN VÀ MỘT HUYỆN PHÚ BÚN, TP. HÀ NỘI		
HÀNG MỤC: 0000 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M ³ /NG.Đ 250 M ³ /NG.Đ / 250 M ³ /NG.Đ		
SƠ LƯU THIẾT KẾ: 000000  CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG * ETC VIỆT NAM TRỊNH MẠNH TÀI, MÔ TẢ, XÁC ĐỊNH CÁC THÔNG SỐ VÀ (Hàng) 1-000-000-111-111 Email: moitruongetc@gmail.com		
GIÁM ĐỐC: 0000  TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THỂ THIẾT KẾ: 000000 NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ: 000000 THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA: 000000 NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ: 000000 PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BÀN VẼ: 000000 CHI TIẾT LẬP DẠT CỤM BỎA CHẤT		
THIẾT KẾ THÌ CÔNG		
TỶ LỆ: 1:50	HOÀN THÀNH: 2025	SỐ HIỆU: MITAC-TXL-33

CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM XỬ LÝ MÙI



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

BẢN VOUCHER HOÀN CÔNG

Ngày 4/5/2025 tháng 4 năm 2025

Người lập (Chữ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Chữ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Chữ rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
<i>Thạch Đăng Toàn</i>	<i>Nguyễn Văn Vinh</i>	

GHI CHÚ备注:

T01	BỂ THỤ GOM
T02	BỂ ĐIỀU HÒA NƯỚC THẢI
T03-A/B	BỂ THIỂU KHÍ
T04-A/B	BỂ ĐIỀU HÒA KHÍ
T05-A/B	BỂ LẮNG SINH HỌC
T06	BỂ KHU TRUNG
T07	BỂ CHỨA Bùn
AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
LS	PHẠO BẢO MỨC

WP01-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ THỤ GOM
WP02-A/B	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
SA03-A/B	MÁY KHUAY CHIM BỂ THIỂU KHÍ
WP04-A/B	BƠM NỘI TUẦN HOÀN
WP05-A/B	BƠM TUẦN HOÀN Bùn SINH HỌC
EP	QUẠT HÚT MÙI
ET	THÁP KHU MÙI
SC	SÔNG CHẤM RÁC

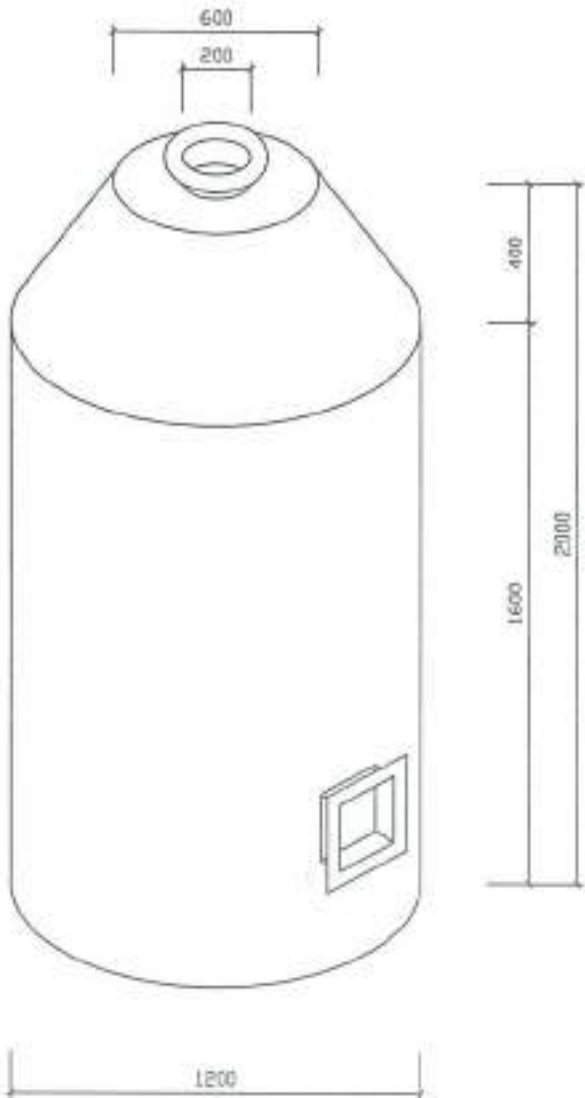
CT02	BƠM HÓA CHẤT SODA
CT03	BƠM HÓA CHẤT METANOL
CT05	BƠM HÓA CHẤT PAC
CT06	BƠM HÓA CHẤT JAVEN
DP02-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG SODA
DP03-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG METANOL
DP05-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG PAC
DP06-A/B	BƠM ĐINH LƯỢNG JAVEN
CP	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



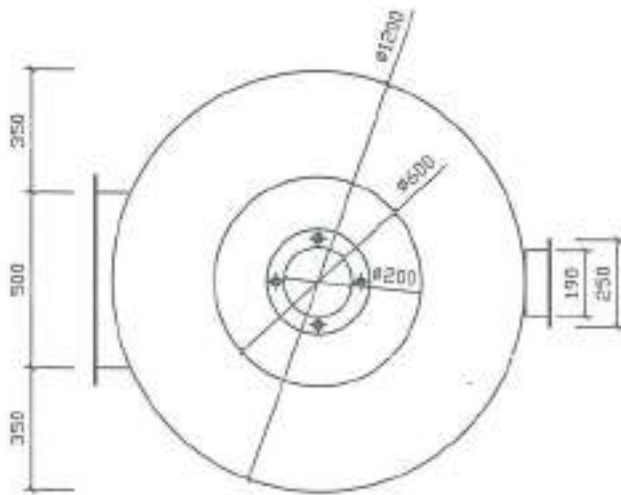
SỬA ĐỔI								
Lần	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN						
1								
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MITAC VIỆT NAM Địa chỉ: 10/10 Đường 10, Khu 10, Phường 10, Quận 10, TP. HCM NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM) Địa điểm lắp đặt: MẶT PHẪM LÓNG GIẾM (Mặt hồ trữ nước) và MẶT PHẪM PHỒN (Mặt hồ trữ nước) Hạng mục: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ SƠ VỊ THIẾT KẾ: ETC CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM Địa chỉ: 10/10 Đường 10, Khu 10, Phường 10, Quận 10, TP. HCM Điện thoại: 0903 111 111 Email: moinvongroup@gmail.com Chức vụ: TRẦN NGỌC HOÀNG Chủ trì thiết kế: NGUYỄN VĂN VINH Thiết kế: THẠCH ĐĂNG TOÀN Kiểm tra: NGUYỄN VĂN VINH Quản lý: PHẠM CÔNG TÙNG Tên bản vẽ: CHI TIẾT LẮP ĐẶT CỤM XỬ LÝ MÙI Thiết kế thi công <table border="1"> <tr> <th>Tỉ lệ</th> <th>Hoàn thành</th> <th>Số hiệu</th> </tr> <tr> <td>1:50</td> <td>2025</td> <td>MITAC-TXL-32</td> </tr> </table>			Tỉ lệ	Hoàn thành	Số hiệu	1:50	2025	MITAC-TXL-32
Tỉ lệ	Hoàn thành	Số hiệu						
1:50	2025	MITAC-TXL-32						

CHI TIẾT GIA CÔNG THÁP XỬ LÝ MÙI

3D PHỐI CẢNH



MẶT BẰNG



MẶT ĐÚNG



GHI CHÚ:

- VẬT LIỆU: THÉP SS400 DÀY 2MM
- SS400, 厚度 2mm
- PHỤ KIỆN: THANH HOẠT TÍNH - 150 KG
- 重量 - 150 KG
- SỐN 2 LỚP: 1 LỚP CHỐNG RỈ, 1 LỚP SƠN MÀU XANH LAM



SƠ ĐỒ		
LƯU	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
(VIỆT NAM)
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ETC
ĐỊA ĐIỂM: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 250 M3/NGÀY

ĐỊA ĐIỂM: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 250 M3/NGÀY

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 250 M3/NGÀY



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
(VIỆT NAM)
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: ETC
ĐỊA ĐIỂM: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT: 250 M3/NGÀY

TRẦN NGỌC HOÀNG

NGUYỄN VĂN VINH

THẠCH ĐĂNG TOÀN

NGUYỄN VĂN VINH

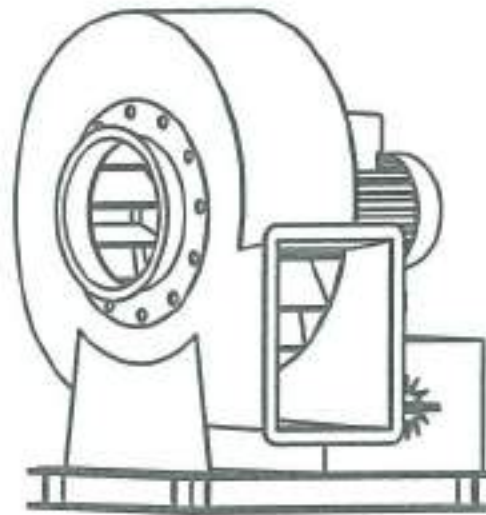
PHẠM CÔNG TÙNG

TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT GIA CÔNG THÁP XỬ LÝ MÙI

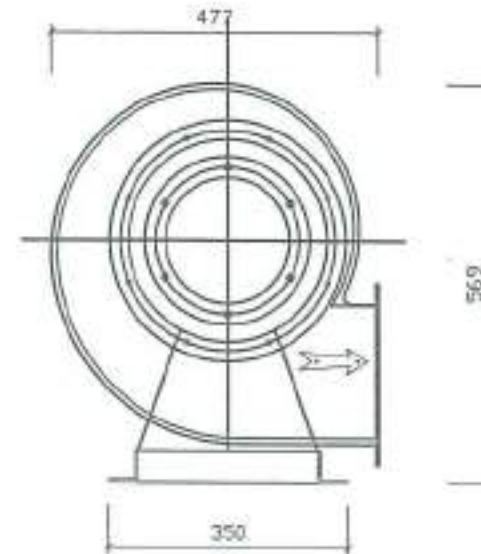
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:20	2025	MITAC-TXL-33

CHI TIẾT QUẠT HÚT MÙI

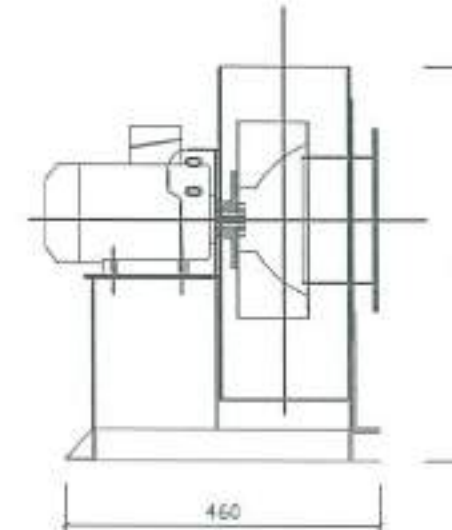
3D PHỐI CẢNH



MẶT ĐỨNG



MẶT CẠNH



KÍCH THƯỚC CỬA HÚT



KÍCH THƯỚC CỬA THỜI

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 15. tháng 11. năm 2025.		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Thạch Đăng Toàn	Nguyễn Văn Vinh	



NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

Địa điểm lắp đặt:
Mặt phía Lò đốt chất thải rắn tại Khu vực xử lý chất thải rắn, Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội.

Hạng mục lắp đặt:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NGÀY



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM

Địa chỉ: 10/10 Đường số 1, Khu vực xử lý chất thải rắn, Huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
Hotline: 0914.111.111
Email: info@etcvn.com.vn

Chức vụ: Giám đốc
TRẦN NGỌC HOÀNG

Chủ trì thiết kế
NGUYỄN VĂN VINH

Thiết kế
THẠCH ĐĂNG TOÀN

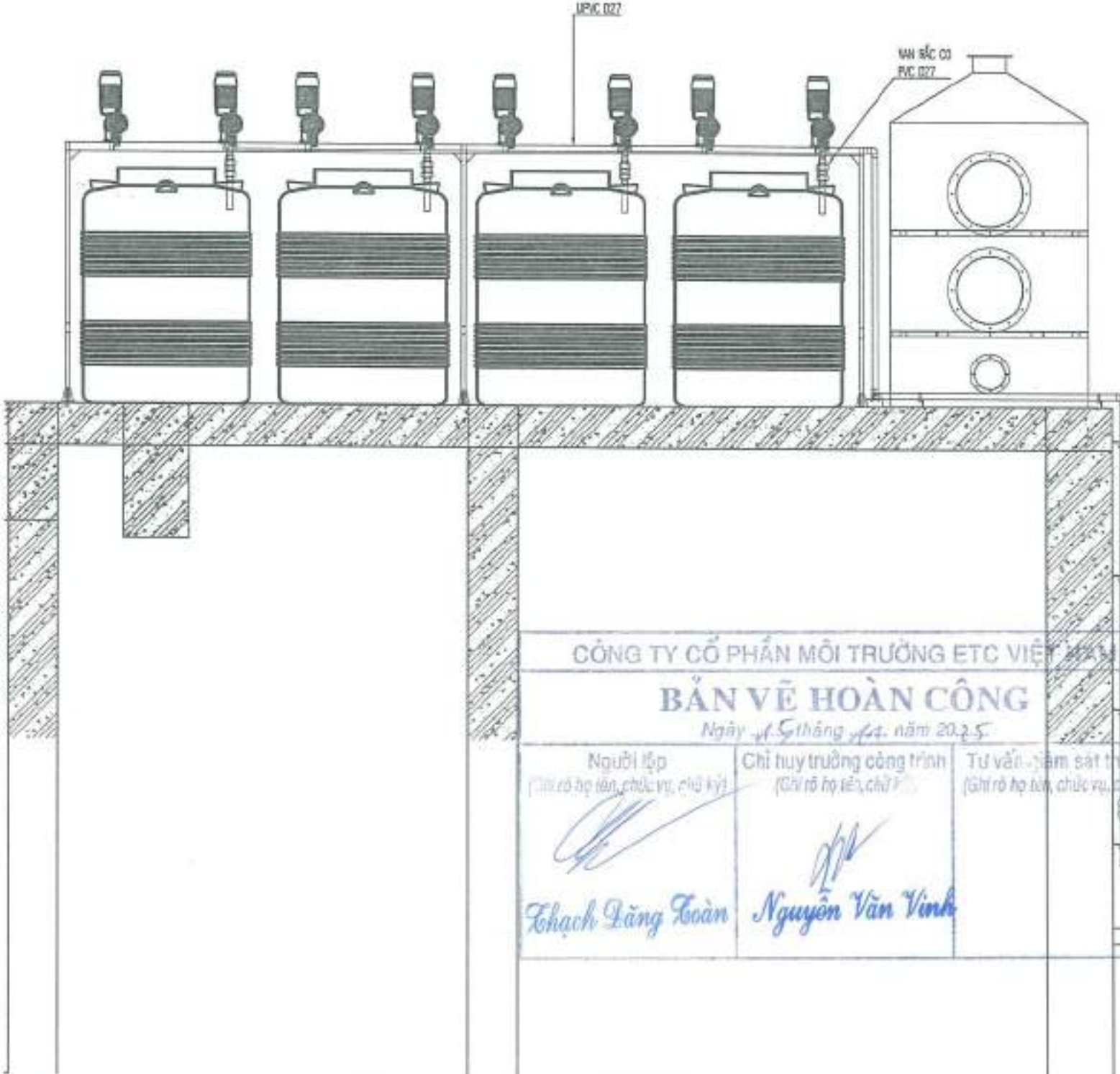
Kiểm tra
NGUYỄN VĂN VINH

Quản lý
PHẠM CÔNG TÙNG

Tên bản vẽ
CHI TIẾT QUẠT HÚT MÙI

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:10	2025	MITAC-TXL-34

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC SẠCH



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
(VIỆT NAM)
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)

ĐỊA ĐIỂM: ...
MỘT PHẦN LÀ QUÁT CHỌN, KINH HOẠ TRỊ NƯỚC HÀ NỘI
HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI

HẠNG MỤC: ...
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 250 M³/NG.Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
ĐỊA ĐIỂM: ...
HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP. HÀ NỘI
Điện thoại: 094 360 111 233
Email: mtr@etcgroup.vn

TRẦN NGỌC HOÀNG
CHỦ TRÍ THIẾT KẾ

NGUYỄN VĂN VINH
THIẾT KẾ

THẠCH LĂNG TOÀN
KIỂM TRA

NGUYỄN VĂN VINH
QUẢN LÝ

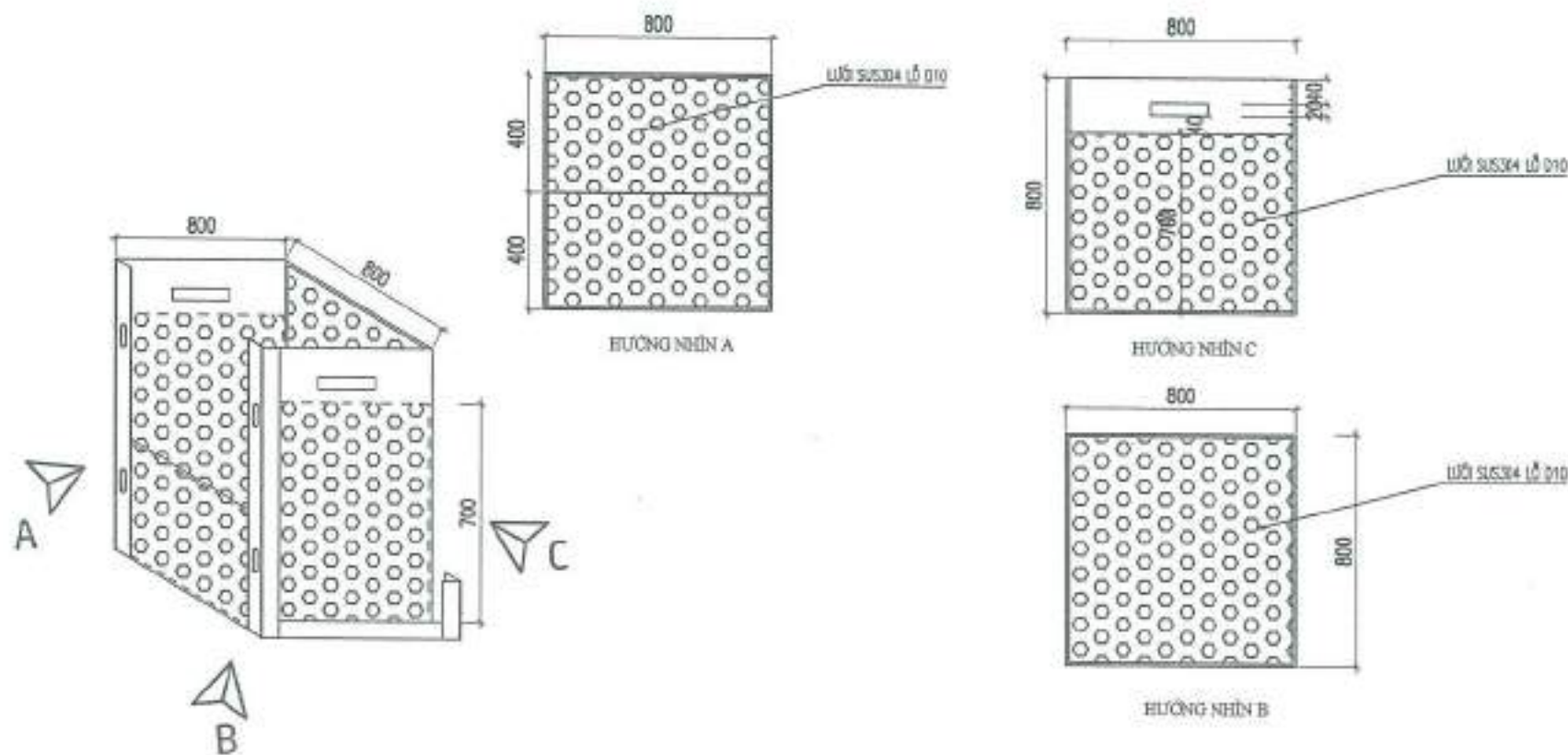
PHẠM CÔNG TÙNG
TÊN SẴN VẼ: ...

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC SẠCH

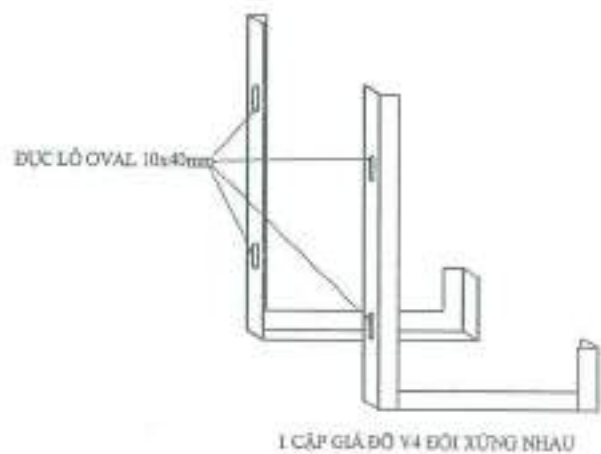
THIẾT KẾ THI CÔNG

TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
1:30	2025	MITAC-TXL-35

CHI TIẾT RỌ RÁC



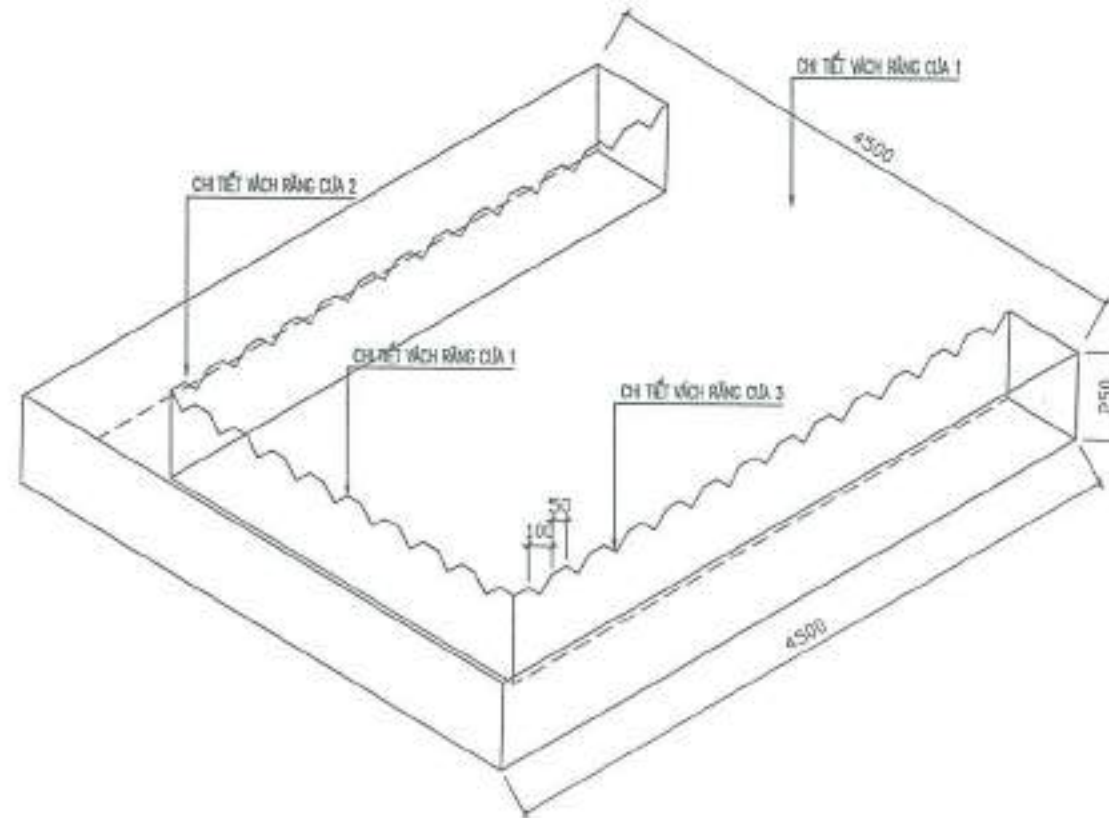
CHI TIẾT GIÁ ĐỖ SONG CHÂN RÁC VẬT LIỆU INOX SUS 304 V4



SỬA ĐỔI		
LẦN	SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN
1		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM (VIỆT NAM) ĐỊA ĐIỂM: 10/10/2025, KINH DOANH TẠI: 10/10/2025, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM		
DỰ ÁN: NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M3/NG.Đ		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
CHỮ THẬT THIẾT KẾ		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ		
NGUYỄN VĂN VINH		
THIẾT KẾ		
THẠCH ĐĂNG TOÀN		
KIỂM TRA		
NGUYỄN VĂN VINH		
QUẢN LÝ		
PHẠM CÔNG TÙNG		
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT RỌ CHÂN RÁC		
THIẾT KẾ THỰC CÔNG		
TỶ LỆ	HOẠ THẠCH	SỐ HIỆU
1:10	2025	MITAC-TXL-36

CHI TIẾT GIA CÔNG MÁNG RĂNG CỬA

3D PHỐI CẢNH



MẶT BẰNG



GHICHÚ

SỐ LƯỢNG: 04 BỘ
VẬT LIỆU: SUS304 DÀY 2MM
GIÁ CÔNG LẮP GHÉP 4 BỘ

SỬ DỤNG		
UBND	SỬ DỤNG	XÁC NHẬN



NGHĨA MÁY CÔNG NGHỆ MITAC
(VIỆT NAM)

DIA ĐIỂM 4000

HỘI PHẠM LỘ GIẤY (MÔT), KINH HỒ TRƯ MẠCH HÀ NỘI
HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP. HÀ NỘI

HANG MỤC 1000

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 250 M³/NGĐ

ĐOÀN THIẾT KẾ 101402



ETC
ELECTRICITY TECHNOLOGY CENTER

CÔNG TY CỔ PHẦN HỒI TRƯỜNG
ETC VIỆT NAM

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
KHOA MATH

GIẤY ĐỐC 2020

TRẦN NGỌC HOÀNG

Chủ tịch Hội đồng

NGUYỄN VĂN VINH

THIẾT KẾ

THẠCH ĐĂNG TOÀN

Kiểm tra

NGUYỄN VĂN VINH

quinta 1.9

PHẠM CÔNG TÔNG

TÊN SẢN PHẨM:

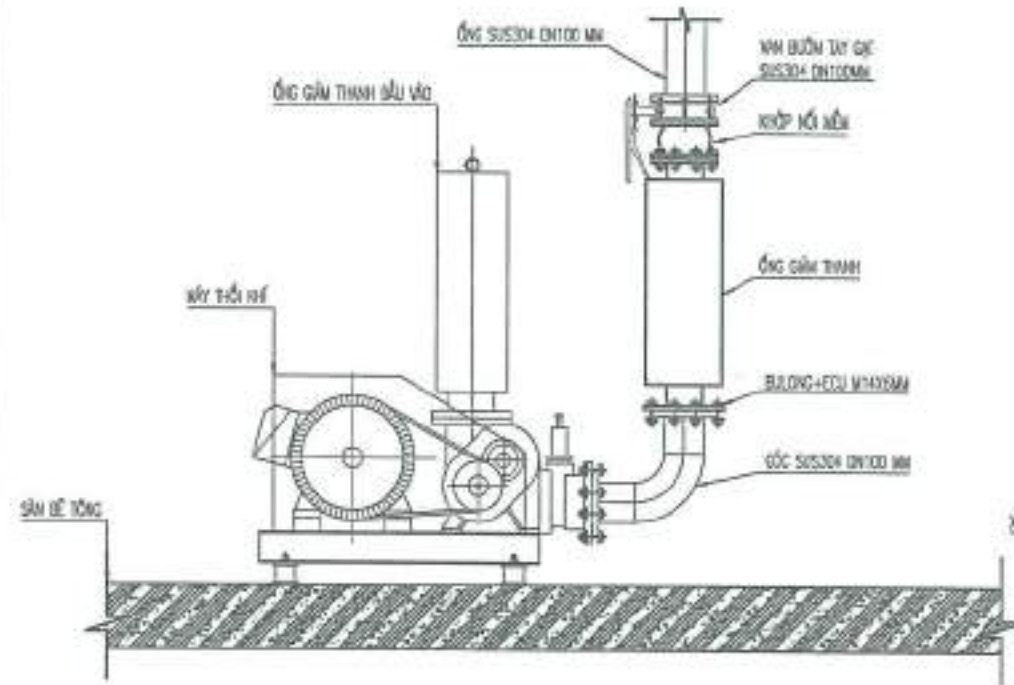
CHI TIẾT GIA CÔNG MĂNG RĂNG CỬA

THIẾT KẾ THI CÔNG

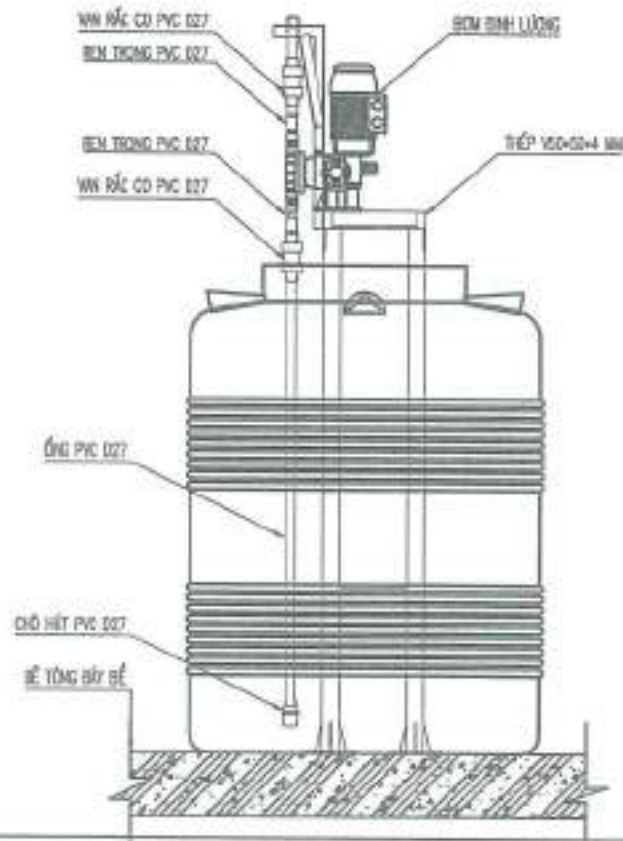
TỶ LỆ SCALE	HOÀN THÀNH ISSUED	SỐ HIỆU NO.
1:20	2025	MITAC-TXL-38

CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ ĐIỆN HÌNH

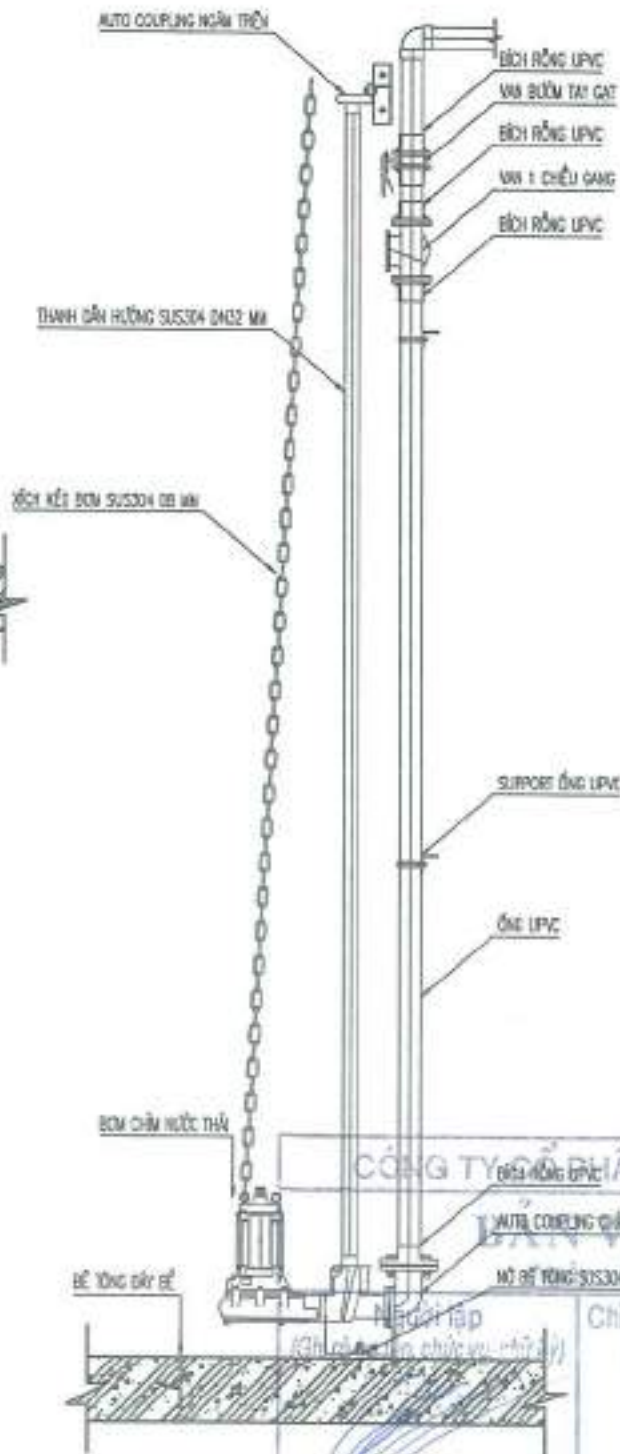
LẬP ĐẶT MÁY THỜI KHÍ



LẮP ĐẶT BƠM ĐỊNH LƯỢNG

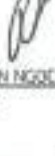


LẮP ĐẶT BƠM CHÌM



LẮP ĐẶT MÁY KHUẤY CHÌM



SỬ DỤNG		
Lần	SỬ DỤNG	XÁC NHẬN
1		
		
CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM (VIỆT NAM)		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH MITAC VIỆT NAM HUYỆN PHÚ THƯỜNG, TP. HÀ NỘI		
NHÀ MÁY CÔNG NGHỆ MITAC (VIỆT NAM)		
ĐỊA ĐIỂM:		
MẶT PHẪU LỘ QUẠT CHẠM, KINH HOẠCH NHÀ MÁY HÀ NỘI HUYỆN PHÚ THƯỜNG, TP. HÀ NỘI		
HẠNG MỤC:		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 250 M³/ NGÀY 2500000000/2500000000		
CÔNG TY THIẾT KẾ:		
		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM HUYỆN PHÚ THƯỜNG, TP. HÀ NỘI Hotline: 094.098.111.250 Email: nhatrangongty@gmail.com		
GẤM DỐC:		
		
TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ:		
NGUYỄN VĂN VINH 		
THIẾT KẾ:		
THẠCH ĐĂNG TOÀN 		
KIỂM TRA:		
NGUYỄN VĂN VINH 		
QUẢN LÝ:		
PHẠM CÔNG TÙNG 		
TÊN BẢN VẼ:		
CHI TIẾT LẬP DẠT THIẾT BỊ ĐIỆN HÌNH		
THIẾT KẾ THI CÔNG		
TỶ LỆ 1:20	HOÀN THÀNH 2025	SỐ HIỆU 250
1:20	2025	MITAC-TXL-40